

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HOÁ, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM**

Ngô Thị Kim Tuyền

**BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN
XÃ NINH VÂN, THÀNH PHỐ HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HOÁ, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM**

**BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN
XÃ NINH VÂN, THÀNH PHỐ HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

Ngành: Văn hóa học

Mã ngành: 9229040

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

NGHIÊN CỨU SINH



TS. Trần Thị Kim Quế TS. Vũ Diệu Trung Ngô Thị Kim Tuyền

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Mai Thị Thùy Hương

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung luận án.

Tác giả luận án



Ngô Thị Kim Tuyền

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG KHẢO SÁT.....	v
DANH MỤC BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH	vi
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN.....	10
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	10
1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu văn hóa làng nghề.....	10
1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng nghề	15
1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân....	18
1.1.4. Đánh giá tình hình nghiên cứu.....	24
1.1.5. Những vấn đề đặt ra cho đề tài luận án	26
1.2. Cơ sở lý luận.....	27
1.2.1. Các khái niệm cơ bản của luận án.....	27
1.2.2. Lý thuyết nghiên cứu.....	35
1.3. Các thành tố của văn hóa làng nghề.....	41
1.4. Khái quát về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	44
1.4.1. Điều kiện tự nhiên.....	44
1.4.2. Điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm dân cư	47
1.4.3. Lịch sử hình thành làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân	47
1.4.4. Những làng nghiên cứu trọng điểm của luận án: Thượng, Hệ, Phú Lăng và Xuân Vũ.....	50
Tiểu kết.....	51
Chương 2. VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN....	54
2.1. Văn hóa vật thể.....	54
2.1.1. Cảnh quan không gian làng nghề	54
2.1.2. Di tích lịch sử văn hóa.....	55
2.1.3. Công cụ sản xuất.....	66
2.1.4. Sản phẩm làng nghề.....	69
2.2. Văn hóa phi vật thể	76
2.2.1. Tín ngưỡng trong truyền thống	76
2.2.2. Lễ hội trong truyền thống.....	81
2.2.3. Bí quyết nghề và truyền nghề	87
2.2.4. Mối quan hệ xã hội.....	90
2.2.5. Phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	95
Tiểu kết.....	97
Chương 3. BIẾN ĐỔI VĂN HÓA LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN.....	99

3.1. Biến đổi văn hóa vật thể	99
3.1.1. Biến đổi về cảnh quan không gian làng nghề	99
3.1.2. Biến đổi di tích lịch sử văn hóa.....	101
3.1.3. Biến đổi công cụ sản xuất.....	111
3.1.4. Biến đổi sản phẩm làng nghề	113
3.2. Biến đổi văn hóa phi vật thể.....	120
3.2.1. Biến đổi tín ngưỡng.....	120
3.2.2. Biến đổi lễ hội.....	124
3.2.3. Biến đổi tri thức nghề và truyền nghề	128
3.2.4. Biến đổi mối quan hệ xã hội.....	131
3.2.5. Biến đổi phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	144
Tiểu kết.....	147
Chương 4. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VÀ VẤN ĐỀ BÀN LUẬN.....	149
4.1. Yếu tố tác động đến sự biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	149
4.1.1. Bối cảnh xã hội hiện nay.....	149
4.1.2. Cộng đồng làng nghề chủ thể sáng tạo ra sản phẩm văn hóa	157
* Đội ngũ nghệ nhân làng nghề - đi đầu trong việc thay đổi phương thức sản xuất và sản phẩm làng nghề.....	160
4.1.3. Quá trình hội nhập và giao lưu văn hóa	164
4.1.4. Yếu tố khoa học kỹ thuật, công nghệ.....	165
4.2. Dự báo xu hướng biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong bối cảnh xã hội hiện nay	168
4.2.1. Văn hóa vật thể.....	168
4.2.2. Văn hóa phi vật thể.....	175
4.3. Những bàn luận qua nghiên cứu biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.....	177
4.3.1. Những vấn đề rút ra qua áp dụng lý thuyết biến đổi xã hội	177
4.3.2. Sự biến đổi không đồng đều giữa các làng nghề	181
4.3.3. Sự biến đổi không đồng đều giữa các thành tố văn hóa	182
4.3.4. Biến đổi văn hóa làng nghề và những tác động đa chiều đến đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân làng nghề.....	188
4.3.5. Quá trình biến đổi văn hóa tác động đến bảo tồn bản sắc văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.....	191
Tiểu kết.....	193
KẾT LUẬN.....	195
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ.....	199
TÀI LIỆU THAM KHẢO	200
PHỤ LỤC.....	216

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt		Chữ viết đầy đủ
CNH-HĐH	:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
GS.TS	:	Giáo sư, Tiến sĩ
NCS	:	Nghiên cứu sinh
Nxb	:	Nhà xuất bản
PGS.TS	:	Phó Giáo sư, Tiến sĩ
PL	:	Phụ lục
PV	:	Phòng vấn
QĐ	:	Quyết định
TL	:	Tư liệu
TLPV	:	Trả lời phỏng vấn
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TP	:	Thành phố
Tr	:	Trang
TW	:	Trung ương
UBND	:	Ủy ban nhân dân
WTO	:	Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH MỤC BẢNG KHẢO SÁT

Stt	Nội dung	Trang
Bảng 1	Kết quả khảo sát cộng đồng cư dân xã Ninh Vân về các di tích trong truyền thống tại làng nghề	65
Bảng 2	Kết quả khảo sát cộng đồng cư dân xã Ninh Vân về sản phẩm chính trong truyền thống	75
Bảng 3	Kết quả khảo sát cộng đồng cư dân xã Ninh Vân về tín ngưỡng thờ tổ nghề trong truyền thống	78
Bảng 4	Thống kê các di tích có sự biến đổi/thay đổi tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	109
Bảng 5	Kết quả khảo sát về công cụ dùng chế tác đá tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống	112
Bảng 6	Bảng so sánh sự thay đổi sản phẩm của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	118
Bảng 7	Bảng tổng hợp quá trình thích ứng và sáng tạo văn hóa làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Ninh Vân	162
Bảng 8	Bảng so sánh sự biến đổi di tích hiện nay tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống	168
Bảng 9	Thống kê thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân xưa và nay	174

DANH MỤC BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH

Stt	Nội dung	Trang
Biểu đồ 1	Nhận định về tín ngưỡng thờ tổ nghề trước đây của cộng đồng cư dân làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	79
Biểu đồ 2	Thống kê các hoạt động văn hóa đặc sắc trong lễ hội Tam Thôn tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	83
Biểu đồ 3	Mối quan hệ trong truyền thống tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân	91
Biểu đồ 4	So sánh sự biến đổi nguồn nguyên liệu tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống	170
Biểu đồ 5	So sánh sự biến đổi công cụ chế tác tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống	171
Biểu đồ 6	So sánh sự biến đổi về sản phẩm tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống	172

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1. Nghề thủ công truyền thống có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống kinh tế và văn hóa của người Việt Nam, đặc biệt là trong các cộng đồng cư dân nông nghiệp. Những làng nghề này không chỉ đáp ứng nhu cầu vật chất của cộng đồng cư dân mà còn đóng góp vào việc tạo dựng bản sắc văn hóa đặc trưng của từng địa phương, vùng miền. Trong suốt lịch sử, các nghề thủ công như dệt, mộc, gốm và đặc biệt là nghề khai thác, chế tác đá, đã thể hiện sự sáng tạo, khả năng thích ứng của cư dân Việt Nam trong việc khai thác tài nguyên thiên nhiên. Do đó, các làng nghề thủ công truyền thống trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học, đặc biệt là ngành Văn hóa học với mục đích làm rõ sự biến đổi văn hóa trong quá trình phát triển nhằm hướng tới việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của từng làng nghề.

2. Từ khi Việt Nam bước vào quá trình chuyển đổi kinh tế theo cơ chế thị trường, các làng nghề truyền thống đã trải qua nhiều biến đổi sâu sắc. Các yếu tố như sự thay đổi công nghệ, nguyên vật liệu, quy trình sản xuất và nhu cầu tiêu dùng đã tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa - xã hội của cộng đồng làng nghề. Bên cạnh những lợi ích như gia tăng thu nhập, nâng cao tay nghề và mở rộng thị trường, các làng nghề truyền thống cũng phải đối mặt với nguy cơ mai một các giá trị văn hóa, thay đổi cấu trúc xã hội, dẫn đến việc phai mờ bản sắc văn hóa làng nghề. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về biến đổi văn hóa làng nghề là cần thiết, nhằm nhận diện rõ bản chất, nguyên nhân và xu hướng của quá trình biến đổi. Nghiên cứu sự biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân cũng là trường hợp nằm trong xu hướng nghiên cứu đó.

3. Nghề khai thác và chế tác đá là một nghề thủ công truyền thống của người Việt ở Bắc Bộ, phổ biến tại các vùng có tài nguyên đá như Kinh Chủ

(Hải Dương), làng Nhồi (Thanh Hóa), Bạch Lưu Hạ (Vĩnh Phúc). Tại Ninh Bình, xã Ninh Vân (thành phố Hoa Lư) nổi tiếng với nghề đá truyền thống từ lâu đời. Ban đầu chỉ làm ra các sản phẩm dân dụng đơn giản, người thợ Ninh Vân đã tiến tới chế tác các công trình nghệ thuật lớn như tượng, bàn thờ, kiến trúc đình chùa với kỹ thuật tinh xảo. Trải qua nhiều thăng trầm, nghề đá từng bị thu hẹp. Tuy nhiên, từ năm 2000, nghề đá phục hồi mạnh mẽ nhờ chuyển hướng sản phẩm phù hợp với nhu cầu mới, như tượng đài, lăng mộ, công trình tâm linh... Sự phát triển nghề kéo theo biến đổi sâu sắc về kinh tế, văn hóa, xã hội và hình thành đội ngũ doanh nhân làng nghề. Những biến đổi này đặt ra vấn đề cần nghiên cứu để lý giải xu hướng phát triển, làm cơ sở đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy nghề theo hướng bền vững.

4. Hiện nay, đã có một số nghiên cứu về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, song chủ yếu mang tính khảo tả, chỉ đề cập đến một vài khía cạnh riêng lẻ. Tuy nhiên, nghiên cứu sự biến đổi văn hóa của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân dưới góc độ văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống. Đặc biệt, sau khi làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo Quyết định số 4607/QĐ-BVHTTDL ngày 20/12/2019 thì vấn đề nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản càng trở nên cấp thiết hơn.

5. Nghiên cứu biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân được vận dụng theo lý thuyết Biến đổi xã hội để phân tích văn hóa làng nghề trong quá trình hình thành, phát triển và vận động. Cụ thể, nghiên cứu sẽ tập trung vào việc tìm hiểu sự biến đổi/thay đổi của các hình thái văn hóa trong làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân qua các thời kỳ phát triển. Đồng thời luận án sẽ phân tích nguyên nhân của sự biến đổi và dự báo xu hướng biến đổi văn hóa trong thời gian tiếp theo nhằm bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của nghề đá Ninh Vân trong tương lai.

Vì những lý do trên, NCS chọn đề tài ***Biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, xã Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*** làm luận án tiến sĩ, ngành Văn hóa học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu sẽ tập làm rõ quá trình biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trên hai phương diện văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể dưới tác động của kinh tế thị trường, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó, luận án xác lập căn cứ khoa học nhằm đề xuất các định hướng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa làng nghề truyền thống gắn với phát triển bền vững trong xã hội đương đại.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Hệ thống hóa và xây dựng cơ sở lý luận về biến đổi văn hóa làng nghề thủ công truyền thống phù hợp với đặc điểm của làng nghề đá.

Phác họa lại diện mạo văn hóa truyền thống (trước năm 1945) của làng nghề đá Ninh Vân làm hệ quy chiếu cho việc nghiên cứu văn hóa làng nghề truyền thống (giai đoạn 1945-2000).

Khảo sát, phân tích thực trạng biến đổi văn hóa vật thể và phi vật thể của làng nghề từ năm 2000 đến nay (giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa).

Lý giải các nhân tố tác động và dự báo xu hướng biến đổi văn hóa làng nghề trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu quá trình biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân qua các thành tố văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong tiến trình chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang xã hội đương đại.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Văn hóa làng nghề là một chỉnh thể đa dạng, trong

khuôn khổ luận án này, NCS tập trung nghiên cứu sự biến đổi của các thành tố tiêu biểu nhất: 1/Văn hóa vật thể: Cảnh quan không gian làng nghề; di tích lịch sử - văn hóa; sản phẩm làng nghề; 2/Văn hóa phi vật thể: Tín ngưỡng; lễ hội; bí quyết nghề và truyền nghề; mối quan hệ xã hội; công cụ; phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Phạm vi không gian: Luận án nghiên cứu tại 04 làng nghề ở xã Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình là: làng Thượng, làng Hệ, làng Phú Lãng và làng Xuân Vũ. Đây là các làng có lịch sử nghề lâu đời, hiện còn bảo lưu nhiều giá trị văn hóa truyền thống trên phương diện văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Đồng thời đây cũng là 04 làng hiện có quy mô sản xuất các loại hình sản phẩm lớn và có số lượng các hộ gia đình, nhân công làm nghề đá nhiều nhất trong xã.

Phạm vi thời gian: Luận án tập trung vào các giai đoạn sau để làm nổi bật sự biến đổi:

- Mốc trước năm 1945 (Xác lập hệ quy chiếu): Được lựa chọn để định hình diện mạo văn hóa làng nghề trong trạng thái tĩnh và thuần túy nhất. Đây là căn cứ khoa học quan trọng, đóng vai trò làm "hệ quy chiếu" chuẩn mực để đo lường biên độ và tính chất của các biến đổi văn hóa trong các giai đoạn kế tiếp.

- Giai đoạn 1945 - 2000 (Tích lũy và bảo lưu): Được nhận diện là giai đoạn vận động tiệm tiến. Trong thời kỳ này, dù có những biến động về lịch sử, nhưng phương thức sản xuất và cấu trúc văn hóa làng nghề vẫn cơ bản bảo lưu theo mô hình truyền thống, chưa có sự đứt gãy hay thay đổi về chất. Đây đồng thời là giai đoạn lưu giữ những minh chứng và tư liệu sống động nhất về giá trị văn hóa bản địa trước khi bước vào làn sóng hiện đại hóa.

- Giai đoạn 2000 – 30/06/2025 (Biến đổi đột biến và Tái cấu trúc): Đây là tiêu điểm nghiên cứu với những chuyển đổi mạnh mẽ về diện mạo văn hóa. Sự cộng hưởng giữa kinh tế thị trường và việc ứng dụng công nghệ hiện đại (máy CNC, internet, chuyển đổi số...) đã tái cấu trúc toàn diện hệ giá trị và lối sống của

làng nghề. Mốc kết thúc 30/06/2025 được xác định nhằm xác lập toàn bộ dữ liệu thực địa và lịch sử văn hóa dưới địa danh hành chính "xã Ninh Vân", trước khi địa danh này có sự thay đổi về địa giới theo lộ trình quy hoạch của tỉnh Ninh Bình.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Nhận diện văn hóa truyền thống làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân như thế nào?

Văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay đã và đang biến đổi ra sao?

Những nhân tố nào đã và đang tác động làm biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân?

Sự biến đổi của văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đang đặt ra những vấn đề gì cần giải quyết để làng nghề này phát triển?

5. Giả thuyết nghiên cứu

- Văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân truyền thống gắn liền với sản phẩm đá, quy trình chế tác và tín ngưỡng, tạo nên bản sắc văn hóa đặc trưng qua nhiều thế hệ.

- Văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay biến đổi qua việc chuyển từ sản phẩm truyền thống sang công trình nghệ thuật lớn, với sự thay đổi trong phương thức sản xuất và mối quan hệ cộng đồng.

- Các yếu tố như: nhu cầu khách hàng, khoa học - công nghệ và hội nhập kinh tế toàn cầu tác động mạnh mẽ đến sự biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

- Sự biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đặt ra các vấn đề như mất bản sắc truyền thống và sự phụ thuộc vào công nghệ, cần giải quyết để phát triển bền vững.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận liên ngành văn hóa học: Luận án tiếp cận đối tượng nghiên cứu từ

góc độ của sử học, dân tộc học, nhân học, để có cái nhìn toàn diện về sự biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu thứ cấp: luận án sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, thu thập các nguồn tài liệu (tài liệu thứ cấp, tài liệu khảo sát thực địa), các công trình nghiên cứu đã được công bố dưới nhiều thể loại khác nhau, giúp nghiên cứu sinh có một cái nhìn tổng thể về biến đổi văn hóa ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

- Phương pháp khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu: luận án sử dụng tư liệu điền dã làm nguồn tư liệu chính, thu thập thông qua phương pháp dân tộc học và văn hóa học với các kỹ thuật: quan sát tham dự và phỏng vấn sâu. NCS khảo sát hoạt động sản xuất tại các cơ sở chế tác đá, tham dự các hoạt động văn hóa, xã hội của làng nghề. Thông qua phỏng vấn, NCS trao đổi với chủ cơ sở, giám đốc doanh nghiệp, thợ chính, thợ phụ và người dân để thu thập thông tin. NCS sử dụng phương pháp này nhằm thu thập ý kiến từ các chuyên gia uy tín trong các lĩnh vực văn hóa, làng nghề và biến đổi văn hóa. Những quan điểm này giúp NCS xác định hướng tiếp cận lý thuyết nghiên cứu và xây dựng khung phân tích và giải mã các hiện tượng biến đổi văn hóa từ dữ liệu điền dã.

- Phương pháp thống kê, so sánh: được áp dụng để phân tích sự biến đổi văn hóa làng nghề, đặc biệt là sự giao thoa giữa yếu tố truyền thống và hiện đại. Luận án sử dụng mốc năm 2000, khi kỹ thuật và tổ chức sản xuất nghề nghiệp có sự thay đổi rõ rệt, làm cơ sở so sánh và nhận diện các biến đổi trong các thành tố văn hóa.

- Phương pháp điều tra xã hội học: thiết kế phiếu điều tra xã hội học nhằm xác minh tính chính xác của tư liệu nghiên cứu liên quan đến cộng đồng làng nghề. Tổng cộng 650 phiếu điều tra được phát tại bốn làng: Thượng, Hệ, Phú Lãng và Xuân Vũ. Số phiếu thu về 623 phiếu khảo sát.

** Đối tượng khảo sát, bao gồm:*

+ Thợ thủ công: 397 người, chiếm 63.7% tổng số phiếu, là nhóm chính trực tiếp tham gia vào quá trình chế tác sản phẩm đá;

+ Nghệ nhân: 18 người (2.9%), nhóm người làm các công việc phụ trợ liên quan; Doanh nghiệp: 38 người (6.1%), bao gồm các chủ xưởng, doanh nhân quản lý sản xuất và kinh doanh;

+ Cán bộ, viên chức công chức: 41 người (6.6%), là những người giữ vai trò quản lý, hỗ trợ phát triển làng nghề từ phía chính quyền;

+ Nông dân: 56 người (9.0%), đại diện cho nhóm người làm nông nghiệp song cũng có thể tham gia các hoạt động nghề phụ;

+ Nghề khác: 73 người (11.7%), các đối tượng khác có liên quan đến làng nghề như thương lái, người làm dịch vụ, người lao động tự do...

** Nội dung khảo sát:* Tập trung vào sự biến đổi văn hóa vật thể và phi vật thể của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, bao gồm: thay đổi không gian làng nghề, di tích, sản phẩm thủ công; sự xuất hiện tín ngưỡng thờ Tổ nghề, biến đổi trong phong tục, lễ hội, truyền nghề; thay đổi trong quan hệ cộng đồng và mô hình tổ chức sản xuất (từ hộ gia đình sang doanh nghiệp); cùng với tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến đời sống văn hóa cư dân làng nghề.

7. Đóng góp của luận án

7.1. Đóng góp về mặt lý luận

Về hệ thống lý thuyết: Luận án góp phần kiểm chứng và làm phong phú thêm hệ thống lý thuyết về biến đổi văn hóa, biến đổi xã hội và hiện đại hóa thông qua việc phân tích thực chứng tại làng nghề thủ công đặc thù (nghề đá). Kết quả nghiên cứu làm rõ cách thức mà văn hóa làng nghề không chỉ biến đổi thụ động dưới tác động ngoại lực mà còn chủ động tự điều chỉnh và tái cấu trúc để thích nghi với điều kiện mới.

Về mô hình chuyển dịch văn hóa: Luận án chỉ ra quy luật chuyển dịch

cấu trúc của làng nghề Ninh Vân: từ mô hình "văn hóa nông nghiệp - cộng đồng" sang mô hình "văn hóa công nghiệp - doanh nghiệp.

Về nhận diện biến đổi: Luận án xác lập cách tiếp cận hệ thống việc nhận diện sự biến đổi văn hóa thông qua phân tích mối quan hệ biện chứng giữa các thành tố vật thể (không gian, di tích, sản phẩm) và phi vật thể (tín ngưỡng, lễ hội, bí quyết nghề, quan hệ xã hội,...). Điều này cung cấp một mô hình lý thuyết tham khảo cho các nghiên cứu về làng nghề thủ công truyền thống trong xã hội đương đại.

7.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Đối với công tác quản lý di sản văn hóa: Cung cấp hệ thống dữ liệu thực địa cập nhật về làng nghề Ninh Vân tính đến thời điểm 30/06/2025. Đây là nguồn tài liệu quan trọng phục vụ công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể quốc gia sau khi xã Ninh Vân có sự thay đổi về địa giới và danh xưng hành chính để thành lập Thành phố Hoa Lư.

Đối với cộng đồng làng nghề: Giúp cộng đồng cư dân và đội ngũ doanh nghiệp làng nghề nhận diện rõ các nguy cơ đứt gãy mạch nguồn di sản và sự biến đổi trong tâm tính người thợ. Từ đó, đưa ra các gợi mở về giải pháp phát triển bền vững, giữ gìn bản sắc nghề đá truyền thống trong bối cảnh ứng dụng công nghệ hiện đại.

Đối với đào tạo và nghiên cứu: Kết quả của luận án là nguồn tư liệu tham khảo hữu ích cho các nghiên cứu về văn hóa làng nghề, biến đổi xã hội tại khu vực đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời hỗ trợ công tác giảng dạy các chuyên đề về Văn hóa học.

8. Bố cục luận án

Ngoài phần Mở đầu (9 trang), Kết luận (4 trang), Tài liệu tham khảo (16 trang) và Phụ lục (54 trang), nội dung luận án gồm 04 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát

về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân (44 trang)

Chương 2: Văn hóa truyền thống làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân (45 trang)

Chương 3: Biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong quá trình phát triển (50 trang)

Chương 4: Các yếu tố tác động, xu hướng biến đổi và vấn đề bàn luận (46 trang)

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Nhóm công trình nghiên cứu văn hóa làng nghề

Cho đến nay, đã có một lượng lớn các công trình viết về nghề thủ công và văn hóa làng nghề dưới các góc độ khác nhau:

Dưới thời Pháp thuộc, người nghiên cứu về nghề thủ công và làng nghề bài bản và sâu nhất là Nhà Địa lý học Pierre Gourou. Trong sách *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, ông đã dành hẳn chương II với 82 trang, để viết về các nghề thủ công được ông gọi là “Công nghiệp làng xã”, sự phân bố các nghề, đặc điểm của nghề thủ công và xu hướng biến đổi của một số nghề ở một số làng. Tuy nhiên, sách chỉ viết về nghề là chính, không đề cập đến các thành tố khác của làng nghề, như tổ chức xã hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hóa, không chỉ ra được ảnh hưởng của nghề với các mặt này [84, tr.406-487].

Khi đất nước hòa bình, một trong những công trình nghiên cứu đầu tiên về nghề thủ công Việt Nam được ghi nhận là cuốn sách “*Sơ thảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam*” do học giả Phan Gia Bền biên soạn. Tác phẩm này mở đầu cho các nghiên cứu có hệ thống về lịch sử và quá trình phát triển của ngành thủ công của Việt Nam [14]. Sách chỉ ra được sự xuất hiện và phát triển của tiểu thủ công nghiệp của Việt Nam, trong đó, các nghề thủ công được coi là “xương sống” của nền tiểu thủ công nghiệp. Tuy nhiên, cho đến cuối thập niên 1980, do nhiều nguyên nhân, nghề thủ công và làng nghề chưa được nghiên cứu sâu, số lượng các công trình nghiên cứu còn rất khiêm tốn, không tương xứng với vị thế của nghề thủ công và làng nghề, cũng như với các vấn đề khoa học và thực tiễn mà nghề, làng nghề đặt ra.

Tác giả Nguyễn Hồng Phong, với tác phẩm *Xã thôn Việt Nam*, đã đề lại

công trình có giá trị lớn về mặt tư liệu và lịch sử. Cuốn sách là nguồn cảm hứng quan trọng cho các nghiên cứu văn hóa làng sau ngày đất nước thống nhất. Trong tác phẩm, tác giả tập trung khảo cứu các vấn đề cụ thể như: chế độ sở hữu ruộng đất, công điền, công thổ dưới thời phong kiến và thời Pháp thuộc; phương thức tổ chức xã hội chịu ảnh hưởng của chế độ gia tộc phụ quyền, hệ thống đẳng cấp xã hội, cùng với bộ máy quản lý thôn xã. Ngoài ra, tác phẩm còn đi sâu vào đời sống tinh thần của cư dân làng xã, thể hiện qua tinh thần cộng đồng - được biểu hiện qua tín ngưỡng thờ thành hoàng, sự công nhận mang tính tập thể, các lễ nghi củng cố tinh thần đoàn kết, hiện tượng “huơng ẩm” ở nông thôn, cũng như các hình thức sinh hoạt cộng đồng. Tác giả cũng phân tích vai trò thiết yếu của xã thôn trong đời sống xã hội truyền thống Việt Nam [85].

Sách *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Hồng* của Vũ Tự Lập tiếp cận vùng đồng bằng sông Hồng từ góc độ địa lý văn hóa, tập trung phân tích các yếu tố như điều kiện tự nhiên, đặc điểm cư dân và các đặc trưng văn hóa (phong tục sinh hoạt, tín ngưỡng, văn hóa dân gian, tính cộng đồng, tự trị, khép kín...). Công trình có giá trị ở chỗ xác định đồng bằng sông Hồng như một vùng văn hóa đặc thù, đồng thời chỉ ra sự phân hóa nội vùng thông qua nghiên cứu các tiểu vùng văn hóa. Cách tiếp cận này giúp làm rõ quá trình phân vùng và lan tỏa không gian văn hóa trong khu vực [62].

Dưới góc độ tâm lý học, tác giả Đỗ Long - Trần Hiệp với sách *Tâm lý cộng đồng làng và di sản*, nghiên cứu về văn hóa làng trên các khía cạnh: hoạt động kinh tế xã hội, quan hệ huyết thống, hệ thống hương ước, tinh thần bảo vệ làng, tín ngưỡng tôn giáo và các nghề thủ công truyền thống... đến tâm lý cộng đồng của tập thể sinh sống trong làng. Đặc biệt, trong mục “tính cách nông dân và yếu tố cộng đồng” các tác giả đã nêu bật được những đặc trưng trong tính cách của những người nông dân Việt Nam, có đối chiếu, so sánh với nông dân ở các nước Âu Mỹ [69].

Các tác giả Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang với công trình nghiên cứu *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay* đi sâu tìm hiểu về những nếp sống, phong tục tập quán và những giá trị đạo đức truyền thống của người Việt, đồng thời nhóm tác giả cũng nêu lên sự tác động, ảnh hưởng, vai trò của những yếu tố đó trong xã hội hiện đại. Mặt khác, tác giả cũng đề cập đến hoạt động “bảo tồn tự nhiên” hay việc duy trì những giá trị truyền thống, những thách thức và điều kiện dẫn đến sự biến đổi những giá trị và những giá trị mới đang hình thành, bổ sung hoặc phủ định những hệ giá trị truyền thống đó [65].

Văn hóa làng được nghiên cứu qua công trình *Xây dựng làng văn hóa ở đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, của tác giả Đinh Xuân Dũng. Sách đề cập đến đặc điểm của văn hóa vùng đồng bằng Bắc Bộ và những biến đổi của nông thôn và văn hóa làng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa [27].

Tác giả Vũ Duy Mên, với nghiên cứu *Tìm lại làng Việt xưa*, đã tổng hợp và khái quát về nền kinh tế cổ truyền của người Việt, quá trình khai phá biển, chế độ điền trang và thái ấp dưới triều Trần, cùng với thương nghiệp Việt Nam vào thế kỷ XVII – XVIII. Nghiên cứu cũng làm rõ vai trò của làng xã trong lịch sử dựng nước và giữ nước, sự hình thành và phát triển tổ chức xã hội làng xã, các loại khoán ước, hương ước của từng làng xã, cũng như vai trò của dòng họ, gia phả cổ và sự kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống trong cộng đồng [75].

Tác giả Vũ Ngọc Khánh với công trình nghiên cứu *Văn hóa làng ở Việt Nam*. Nội dung sách đề cập đến các vấn đề cơ bản: cơ cấu làng Việt cổ truyền (sự hình thành và phát triển làng, chính quyền và các tầng lớp xã hội ở làng, kinh tế làng); các vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo ở làng; dòng họ, lệ làng; văn hóa dân gian ở làng (văn học, nghệ thuật, trò chơi dân gian, tri thức phương thuật, lễ tiết và lễ hội). Ngoài ra, tác giả còn dành một số trang viết để giới thiệu về hương ước làng và điếm qua một số làng cổ. Không chỉ dừng lại ở việc giới

thiệu, mô tả mà tác giả còn có những luận bàn, lý giải, so sánh, phân tích về những quan điểm, cách tiếp cận khác nhau về những vấn đề xoay quanh văn hóa làng: thuật ngữ, phân loại, các bình diện nghiên cứu... Có thể nói, công trình của tác giả Vũ Ngọc Khánh là nghiên cứu khá toàn diện, nhiều chiều về văn hóa làng ở Việt Nam. Công trình này đã mở ra nhiều hướng tiếp cận mới và các khía cạnh nghiên cứu đa chiều về văn hóa làng, góp phần định hướng cho học viên và các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực này [70].

Sách *Văn hóa làng và nhân cách người Việt* của tác giả Nguyễn Đắc Hưng có hướng tiếp cận văn hóa làng, văn hóa gia đình như là một nền tảng cơ sở để hình thành nên nhân cách người Việt. Trong công trình này, tác giả đi sâu nghiên cứu về nhân cách gồm cấu trúc của nhân cách, các hệ giá trị và định hướng giá trị người Việt từ đó đưa ra một số gợi ý nhằm phát huy vai trò của gia đình cũng như văn hóa làng trong việc xây dựng, giáo dục nhân cách trong thời kỳ hiện đại. Tác giả đã phân loại làng Việt thành các vùng Bắc Trung Nam với những đặc trưng văn hóa riêng có của chúng đồng thời lý giải sự khác biệt dựa trên quá trình di cư, mở đất của người Việt. Tác giả cho rằng, càng về phía Nam của đất nước, cấu trúc làng Việt “càng trở lên lỏng lẻo hơn, tạo điều kiện và môi trường cho cư dân ở đây có sự năng động và giảm bớt tính khép kín, cũng như giảm bớt sự khắt khe của lệ làng”. Trong phần kiến giải về văn hóa làng, tác giả cho rằng: “văn hóa làng... trở thành nét đặc trưng của văn hóa dân tộc, cộng đồng làng là một thực thể, đơn vị hoàn chỉnh về tôn giáo (đình, chùa), về kinh tế (chợ làng, ruộng, nghề nghiệp)” và “cộng đồng” mà trước hết là dòng họ, “làng hoàn toàn không chỉ là một khu vực cư trú đơn thuần của gia đình tiểu nông mà chính bản thân nó còn là một tổ chức sản xuất, một tổ chức xã hội” [54, tr16].

Ngoài những công trình có tính chất lý luận và nghiên cứu cụ thể về một số làng xã tiêu biểu ở Việt Nam còn có những công trình tập trung vào việc mô tả, khảo cứu có tính chất tư liệu về văn hóa làng như bộ *Nếp cũ* của tác giả Toan Ánh,

“Văn hóa làng Việt Nam” của tác giả Bùi Xuân Mỹ... với những biểu hiện của văn hóa làng quê Việt Nam trong truyền thống. Có thể nói, từ thập niên 1990 trở đi, nghề và làng nghề được đẩy mạnh nghiên cứu, trong đó, có nhiều đề tài luận án và luận văn thuộc các chuyên ngành Văn hóa dân gian, Văn hóa học và Dân tộc học. Ngoài miêu tả kỹ các nội dung liên quan đến nghề, các bài viết còn chỉ ra được những đặc điểm của làng nghề, thể hiện qua cấu trúc làng xóm, hệ thống các di tích danh thắng (đình, chùa, đền, miếu), các phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, quan hệ giữa nghề với các yếu tố trên... Từ đó đến nay, đã có thêm một số luận án tiến sĩ một số sách có phần mang tính tổng kết về nghề thủ công và làng nghề, sự chuyển biến của làng nghề truyền thống trong điều kiện của công cuộc đổi mới như tác phẩm *Làng Việt ở Bắc Bộ - truyền thống và biến đổi*, *Bách khoa thư làng Việt cổ truyền* cùng của tác giả Bùi Xuân Đính [35, 30].

Một số công trình nghiên cứu đã sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study) để thử nghiệm và phân tích, tiêu biểu như cuốn *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay* của Nguyễn Thị Phương Châm [17], *Sự phát triển của làng nghề La Phù* do Tạ Long chủ biên [71], *Làng nghề thủ công huyện Thanh Oai (Hà Nội) - truyền thống và biến đổi*, *Bát Tràng - làng nghề làng văn* cùng do Bùi Xuân Đính chủ biên [33]... Các tác giả đã phản ánh những biến đổi kinh tế, xã hội và văn hóa ở các làng nghề, đồng thời chỉ ra nguồn gốc, bản chất và cơ chế trong việc biến đổi đó.

Nhìn chung, hệ thống tư liệu về văn hóa làng nghề rất phong phú và đa dạng, bao gồm cả những nghiên cứu có tính khái quát rộng và những công trình đi sâu, chuyên sâu vào từng lĩnh vực cụ thể. Văn hóa làng nghề cũng được tìm hiểu từ nhiều hướng nghiên cứu khác nhau như lịch sử, văn hóa học, quản lý văn hóa, xã hội học, nhân học, quản lý xã hội,... Mặc dù có sự khác nhau ở các tác phẩm của các tác giả nhưng qua đó đã thể hiện tiếp cận văn hóa làng một cách đa chiều. Biến đổi nông thôn và văn hóa làng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện

đại hóa được nhìn nhận như là một vận động tất yếu khách quan. Với sự đa dạng, phong phú về nguồn tư liệu giúp đỡ cho tác giả luận án có được nguồn tư liệu quý giá, làm cơ sở lý luận cho việc làm rõ mục tiêu của đề tài luận án.

1.1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng nghề

Tác giả Nguyễn Thị Phương Châm với cuốn *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, đã phân tích một số vấn đề liên quan đến biến đổi văn hóa. Công trình này tham khảo và tổng hợp quan điểm từ nhiều học giả nổi tiếng nhằm làm rõ các khía cạnh khác nhau của hiện tượng này. Vận dụng những luận điểm của một số tác giả nổi tiếng như: Samuel P.Huntington, Louise S.Spindler, Ronald Inglehart, Wayne E.Baker, Lương Văn Hy, John Kleinen, Phan Đại Doãn, Tô Duy Hợp... tác giả phân tích biến đổi văn hóa tại làng Đồng Kỵ, Trang Liệt và Đình Bảng (huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) và đưa ra luận điểm: sự biến đổi quan trọng nhất là biến đổi văn hoá mưu sinh [17].

Tác giả Bùi Xuân Đính với sách *Làng nghề thủ công huyện Thanh Oai, truyền thống và biến đổi*, nghiên cứu khá chi tiết về biến đổi văn hóa làng nghề tại huyện Thanh Oai, chỉ ra các yếu tố tác động đến sự biến đổi, đồng thời có những dự báo về chiều hướng biến đổi của các làng nghề. Bên cạnh đó, một số đề xuất của tác giả có giá trị tham khảo cho đề tài luận án [31].

Tác giả Vũ Diệu Trung với luận án *Sự biến đổi văn hoá làng nghề ở châu thổ sông Hồng từ năm 1986 đến nay*, đã nghiên cứu những chuyển biến sâu rộng về văn hóa tại ba làng nghề: Sơn Đồng, Bát Tràng và Đồng Xâm trên nhiều khía cạnh văn hóa tiêu biểu: văn hóa vật thể (không gian làng nghề, sản phẩm, phương thức làm nghề, phương thức tiêu thụ, di tích văn hóa,...) và văn hóa phi vật thể (lễ hội, tín ngưỡng, phong tục tập quán,...). Tác giả đưa ra những số liệu khảo sát về sự biến đổi văn hóa làng nghề trên nhiều lĩnh vực, phản ánh sự biến chuyển mạnh mẽ của văn hóa làng nghề qua các giai đoạn phát triển, thể hiện sự thích ứng của cộng đồng cư dân làng nghề với sự phát triển của thời đại [131].

Tác giả Đinh Công Tuấn trong luận án tiến sĩ Văn hóa học *Biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*, nghiên cứu tập trung nghiên cứu biến đổi văn hóa làng nghề qua các thành tố văn hóa như: không gian, di tích, sản phẩm, tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán,... . Những thành tố văn hóa này đã có sự biến đổi/thay đổi trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Mặc dù sản phẩm làng nghề có sự đổi mới về kỹ thuật và mẫu mã để phù hợp với yêu cầu thị trường, những giá trị truyền thống vẫn đứng trước nguy cơ bị mai một. Đáng chú ý, luận án đã đi sâu phân tích vai trò trung tâm của các yếu tố tinh thần trong việc giữ gìn sự gắn kết cộng đồng và bảo vệ bản sắc văn hóa. Qua đó, tác giả làm rõ các xu hướng biến đổi tích cực như đổi mới sáng tạo trong bảo tồn văn hóa, đồng thời nhận diện những thách thức lớn như nguy cơ mai một giá trị truyền thống trước sự phát triển nhanh chóng. Từ những phân tích này, luận án đã cung cấp một bức tranh đa chiều về quá trình chuyển hóa văn hóa làng nghề ở Bắc Ninh, đồng thời đề xuất những giải pháp nhằm cân bằng giữa bảo tồn và phát triển bền vững [107].

Tác giả Nguyễn Đình Phúc với *Luận án Làng nghề cơ khí, mộc dân dụng Đại Tự*, nghiên cứu về làng Đại Tự - một làng có nghề trước đây chủ yếu phát triển nghề mộc truyền thống, với các sản phẩm đồ gỗ dân dụng phục vụ đời sống hàng ngày của người dân địa phương. Qua thời gian, làng nghề đã mở rộng và chuyển đổi sang sản xuất kết sắt, tủ sắt đựng hồ sơ nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường hiện đại... Thông qua nghiên cứu cho thấy, văn hóa kinh tế của người nông dân, bản chất hành vi kinh tế của họ vốn “tĩnh tại”, nhưng khi có điều kiện vẫn nhanh chóng tiếp cận thị trường, đáp ứng được với nền sản xuất thị trường [86].

Tác giả Nguyễn Thị Bích Thủy với đề tài luận án *Sự biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống ở Hà Nội hiện nay qua trường hợp làng Triều Khúc và Thiết Úng*, chỉ ra những biến đổi văn hóa của làng Triều Khúc trên ba phương diện: văn

hóa vật chất (cảnh quan môi trường, quy trình, kỹ thuật sản xuất...); văn hóa tổ chức cộng đồng (mối quan hệ trong gia đình, dòng họ, làng xóm,...) và văn hóa tinh thần (lễ hội, thờ tổ nghề, khao vọng, tang ma...). Qua nghiên cứu thực tiễn, tác giả cũng đưa ra một số nội dung đề xuất mới nhằm phát huy giá trị văn hóa làng nghề Triều Khúc [125].

Tác giả Đỗ Ngọc Yên với đề tài luận án *Biến đổi của làng nghề truyền thống Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội*, nghiên cứu khá hệ thống quá trình biến đổi của làng nghề thủ công Triều Khúc, đặc biệt là dưới ảnh hưởng sâu rộng của sự phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh chuyển sang kinh tế thị trường, đẩy mạnh hiện đại hóa và tham gia ngày càng sâu vào nền kinh tế toàn cầu, cùng với sự thay đổi trong điều kiện sống của cư dân. Luận án cũng chỉ ra thực trạng, đặc điểm, quy luật của quá trình biến đổi của làng nghề này dưới tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan từ hòa bình lập lại đến nay [148].

Tác giả Bùi Thị Dung với đề tài luận án *Biến đổi văn hóa làng dệt Phương La*, đã nêu bật sự phát triển kinh tế cùng với sự chuyển đổi mạnh mẽ từ “làng lên phố” đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa - xã hội của cộng đồng, đồng thời đặt ra nhiều thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững của văn hóa địa phương. Tuy nhiên, luận án cũng làm rõ rằng, mặc có những biến đổi sâu rộng văn hóa vật chất nhưng các giá trị về văn hóa tinh thần truyền thống nơi đây vẫn được gìn giữ và phát huy với các mối quan hệ đậm tình làng, nghĩa xóm và có tính kỷ luật cao trong cộng đồng cư dân [26].

Tác giả Trần Thị Kim Quế với đề tài luận án *Văn hoá làng nghề ở Nam Định, truyền thống và biến đổi*, đã phân tích sâu sắc sự thay đổi của các làng nghề truyền thống thông qua việc khảo sát kỹ lưỡng hai làng nghề tiêu biểu: làng La Xuyên với nghề chạm khắc gỗ và làng Tống Xá nổi tiếng với nghề đúc đồng. Nghiên cứu tập trung làm rõ hiện trạng và quá trình biến đổi văn hóa của

làng nghề dựa trên yếu tố văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Tác giả cũng đưa ra những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi/biến đổi văn hóa làng nghề chủ yếu là những thay đổi về thể chế xã hội, biến động kinh tế, sự chuyển mình trong lĩnh vực xã hội và văn hóa, cùng với những tiến bộ vượt bậc trong công nghệ khoa học. Những nhân tố này không chỉ ảnh hưởng riêng lẻ mà còn tương tác phức tạp, góp phần định hình lại diện mạo và bản sắc văn hóa truyền thống của các làng nghề [90].

1.1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

Các làng thuộc xã Ninh Vân ngày nay và nghề chế tác đá mỹ nghệ ở đây có từ lâu đời, song không được ghi chép trong các sách địa chí, như *Đại Nam nhất thống chí*, *Đồng Khánh địa dư chí*...; cũng chưa được các nhà nghiên cứu quan tâm. Chỉ đến gần đây, khi nghề chế tác đá của xã đã trở nên nổi tiếng, mới xuất hiện các công trình nghiên cứu về nghề và làng này.

Bên cạnh đó nghề chế tác đá mỹ nghệ ở Ninh Vân được đưa vào diện bảo tồn thông qua một dự án “*Chương trình bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể của Bộ Văn hóa - Thông tin*” do Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Ninh Bình triển khai. Trong bài viết “Di sản bảo tồn: Mỹ nghệ đá Ninh Vân thành phố Hoa Lư - Ninh Bình”, tác giả Nguyễn Quang Hải nêu khái quát về vị trí địa lý, phong tục tập quán và nguồn gốc, giới thiệu các quy trình khai thác nguyên liệu và phương thức chế tác sản phẩm của làng nghề đá Ninh Vân xưa và nay. Về nguồn gốc của nghề, tác giả dẫn ra 2 quan điểm về vị tổ nghề chế tác đá ở đây là Hoàng Sùng, người gốc Thanh Hóa và một người Chăm, đã từng sinh sống và làm nghề chế tác đá ở Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam - Đà Nẵng), sau đó di cư ra vùng Ninh Vân để lập nghiệp [40].

Tác giả Trương Đình Tường trong *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình*, phần 8, chương 14 viết về “Nghề và làng nghề thủ công” có nhắc tới làng nghề

đá ở Xuân Vũ (Ninh Vân) với các sản phẩm: đồ mỹ nghệ, tượng nghệ thuật, đồ thờ (tại các di tích, lăng mộ), đá lát, cả nhà bằng đá [112].

Tác giả Lã Đăng Bất trong sách *Đất và người Ninh Bình*, có bài Chạm khắc đá: một nghề độc đáo của xã Ninh Vân - Ninh Bình, đưa ra những nét phác thảo về nghề chế tác đá [9]. Ở sách *Ninh Bình một vùng sơn thủy hữu tình* cũng của tác giả, trong phần 4 có các bài viết giới thiệu chi tiết về lịch sử hình thành và phát triển của làng nghề truyền thống chế tác đá xã Ninh Vân với các loại hình sản phẩm, dấu ấn của các nghệ nhân làng nghề đá Ninh Vân tại một số di tích có tiếng, như lăng Khải Định (Huế), nhà thờ đá Phát Diệm, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh [13, tr.423].

Tác giả Nguyễn Hữu Trí trong tham luận “Xây dựng và phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch trên địa bàn thành phố Hoa Lư”, Kỷ yếu Hội thảo *Ninh Bình - 20 năm đổi mới và phát triển* (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Ninh Bình xuất bản), giới thiệu về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân và lịch sử hình thành và phát triển của nghề đá ở đây [10].

Trong *Tổng tập nghệ và làng nghề truyền thống Việt Nam*, tập 6 có bài viết của tác giả Vũ Thị Ngọc Hà “Làng nghề điêu khắc đá Ninh Vân (Hoa Lư, Ninh Bình)”. Bài viết trình bày khá chi tiết các khía cạnh: lịch sử làng nghề, tổ nghề, quy trình sản xuất, đặc trưng về kỹ thuật điêu khắc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể ở làng nghề cùng những vấn đề đặt ra đối với làng nghề trong bối cảnh hiện nay [141].

Trong sách *Địa chí Ninh Bình*, tại chương 4 (Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng), đã khẳng định làng nghề đá Ninh Vân có từ hàng nghìn năm trước đây, với các sản phẩm đá chạm khắc, đá mỹ nghệ rất độc đáo, tinh xảo, nổi tiếng trong và ngoài nước [105, tr.618]. Hiện nay, trong 13 làng của xã Ninh Vân, thì cả 13 làng đều tham gia hoạt động làm nghề chế tác đá. Nhiều làng có số lượng trên 60% dân số (trong độ tuổi lao động) tham gia vào

các hoạt động làm nghề chế tác đá như: làng Xuân Vũ, làng Hệt, làng Thượng, làng Đồng Quan,... Có thể thấy, quan điểm này khác với quan điểm của các tác giả Nguyễn Hữu Trí, Vũ Thị Ngọc Hà khi viết về bề dày lịch sử nghề đá ở Ninh Vân.

Trong luận án tiến sĩ kinh tế *Phát triển kinh tế làng nghề ở Ninh Bình* của tác giả Bùi Văn Tiến, nghề chế tác đá Ninh Vân là một trong 15 làng nghề được lựa chọn nghiên cứu dưới khía cạnh kinh tế, nhưng tác giả cũng nêu những đặc trưng cơ bản của làng chế tác đá Ninh Vân. Theo tác giả, nghề chế tác đá ở Ninh Vân “có truyền thống lịch sử trên 500 năm; Ninh Vân được thiên nhiên ưu đãi, có nhiều núi đá là nguồn nguyên liệu dồi dào cho nghề chạm khắc đá; sản phẩm của làng nghề rất đa dạng và phong phú về hình dạng, kích thước và giá trị kinh tế, văn hóa và nghệ thuật” [104, tr.82-83]. Tác giả cho rằng, sự thay đổi về nguồn nguyên liệu trong chế tác đá mỹ nghệ làm cho nghề chạm khắc đá ở Ninh Bình đã và đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Bên cạnh đó là các mặt thị trường tiêu thụ còn hẹp, việc quảng bá xúc tiến thương mại còn nhiều hạn chế; vấn đề ô nhiễm môi trường do khói bụi, tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng; chưa có chương trình gắn kết việc giới thiệu các sản phẩm của làng nghề với du khách du lịch [104, tr.83-85].

Trong luận án tiến sĩ *Nghề chạm khắc đá ở An Hoạch (huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa) thời trung đại*, tác giả Lê Thị Thảo đã so sánh với các làng nghề làm đá khác, trong đó có làng đá Ninh Vân. Tác giả cho rằng: về vấn đề tổ nghề của làng nghề đá Ninh Vân còn nhiều tranh cãi, nhưng đa số những người thợ đá ở đây đều cho rằng tổ nghề đá của Ninh Vân là Hoàng Sùng - một thợ đá An Hoạch ở vào thế kỷ XVI [113, tr.68]. Đây cũng là một trong hai quan điểm về ông tổ nghề đá Ninh Vân mà tác giả Vũ Thị Ngọc Hà đã trình bày trong bài Làng nghề điêu khắc đá Ninh Vân (Hoa Lư, Ninh Bình). Bên cạnh việc tập trung nghiên cứu nghề chạm khắc đá An Hoạch, có sự so sánh với các

làng nghề làm đá khắc, như ở Ninh Vân, tác giả đã khẳng định:

Tay nghề điêu luyện của người thợ Ninh Vân đã tạo nên các tác phẩm tượng rồng bằng đá, hay những phù điêu, hoa văn bằng đá sinh động, công phu ở đền thờ vua Đinh vua Lê, đền Thái Vi, ngôi đền đá làng Hệ (Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình), chùa Hương (xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội), Phủ Dầy (xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định), Nghinh Phong Các trên đỉnh núi Non Nước (Ninh Bình), nhà thờ đá Phát Diệm,... và nhiều công trình khác ở các địa phương trong toàn quốc. Về vấn đề tổ nghề của làng nghề đá Ninh Vân còn nhiều tranh cãi, nhưng đa số những người thợ đá ở đây đều cho rằng tổ nghề đá của Ninh Vân là Hoàng Sùng - một thợ đá An Hoạch ở vào thế kỷ XVI [113, tr.68].

Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Việt Nam học *Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, xã Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình* của tác giả Phạm Thị Bích Ngọc trình bày tổng quát đặc điểm về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, nguồn gốc nghề đá và các giai đoạn phát triển của nghề đá ở xã Ninh Vân, lễ tế Khai sơn (thờ thần núi) và giỗ Tổ nghề đá ở Ninh Vân cùng các lễ hội khác, như: hội Tam thôn (làng Hệ, làng Thượng và làng Phú Lãng) và hội làng Xuân Vũ; phân tích những chuyển biến tích cực về cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động đang chuyển dần từ nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp dưới tác động phát triển của nghề chế tác đá; trên cơ sở đó, luận văn đưa ra một số thuận lợi, cơ hội và những khó khăn, thách thức của làng đá Ninh Vân trước bối cảnh kinh tế mới [77]. Dưới góc độ quản lý văn hóa, luận văn thạc sĩ *Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình* của Phạm Thị Duyên tập trung giới thiệu những tư liệu về những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của nghề đá ở Ninh Vân; đề cập đến những giá trị văn hóa phi vật thể của làng nghề đá Ninh Vân như văn hóa cư dân và nghệ nhân làng

nghề; tri thức, kinh nghiệm chế tạo sản phẩm; giá trị thẩm mỹ làm nên bản sắc nghề; lễ hội, Tam thôn, hội làng Xuân Vũ, lễ tế Khai sơn và lễ giỗ Tổ nghề vào rằm tháng Tám hằng năm [77, tr.29]. Tác giả đưa ra các giả thiết về thời điểm xuất hiện của làng và hai giả thiết về tổ nghề đá, tác giả có đề cập đến 2 nhân vật: Một là cụ Hoàng Sùng, quê gốc làng Nhồi, xứ Thanh; hai là một người dân tộc Chăm tên là Hê ở vùng Non Nước, Đà Nẵng [77, tr.31].

Bên cạnh giới thiệu nghề chế tác đá, các công trình nghiên cứu về xã Ninh Vân cũng có những nội dung viết về văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể, sự thay đổi diện mạo làng nghề đá mỹ nghệ của địa phương trong thời gian vừa qua.

Trong sách *Ninh Bình theo dòng lịch sử, văn hóa*, tác giả Nguyễn Văn Trò có các trang viết về đền Kê Thượng, Kê Hạ và Miếu Sơn ở xã Ninh Vân, những di tích bằng đá lộ thiên. “Cụm kiến trúc này gắn liền với nghề chạm khắc đá ở thôn Côn Lãng và đây là tác phẩm của những ông tổ nghề đá đến đây lập làng”. Thực tế, các đền thờ lộ thiên trước đây được xây dựng với quy mô nhỏ, chạm khắc đá không nhiều. Tín ngưỡng thờ tổ nghề ở Ninh Vân không rõ ràng, chỉ có các đền thờ lộ thiên sát vách núi thờ thần Cao Sơn đại vương [130, tr.22]. Quan điểm cho rằng, cụm kiến trúc đền thờ đá này là tác phẩm của những ông tổ nghề đá đến đây lập làng cần có căn cứ khoa học hơn.

Tác giả Lê Đăng Bật trong các sách *Di tích danh thắng Hoa Lư - Ninh Bình* [13], *Ninh Bình - Một vùng sơn thủy hữu tình* [11], khi giới thiệu về các di tích lớn trong tỉnh đều gắn với làng nghề đá mỹ nghệ xã Ninh Vân; giới thiệu đền Kê Hạ thuộc làng Hê, ngôi đền xây dựng khoảng thế kỷ XVII, chất liệu hoàn toàn bằng đá. Trong sách *Tuyển tập đất và người Ninh Bình* [13], cũng của tác giả có phần 2 giới thiệu những di tích và danh thắng ở Ninh Bình, trong đó có đền Rậm, đền Ba Xã, đình làng Hê, đình làng Thượng, gắn với nghề chế tác đá.

Tác giả Đỗ Danh Gia với sách *Một số lễ hội điển hình ở Ninh Bình* do

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam xuất bản giới thiệu về các lễ hội tiêu biểu ở Ninh Bình có nhắc đến lễ hội đền Kê Thượng, Kê Hạ, Miếu Sơn và các di tích liên quan đến lễ hội làng ở Ninh Vân. Tác giả tập trung khái quát về lịch sử, nội dung lễ hội và lịch sử xây dựng các ngôi đền ở Ninh Vân [37, tr.94].

Trong bài “Làng nghề điêu khắc đá Ninh Vân (Hoa Lư, Ninh Bình)” in trong *Tổng tập nghệ và làng nghề truyền thống Việt Nam*, tập 6, Vũ Thị Ngọc Hà nghiên cứu văn hóa làng nghề đá ở Ninh Vân trên các khía cạnh: các di tích lịch sử văn hóa được xây dựng bằng nguyên liệu đá; phong tục tập quán, lễ hội làng Xuân Vũ với tư cách là cái nôi của nghề đá Ninh Vân; giá trị nghệ thuật của các sản phẩm đá ở Ninh Vân thể hiện qua đề tài và họa tiết trang trí, nghệ thuật diễn tả, mô típ chủ đạo...; giá trị văn hóa của nghề đá trong đời sống xã Ninh Vân [141, tr.85]. Bên cạnh đó tác giả cũng trình bày những giai đoạn phát triển nghề đá Ninh Vân, qua đó cho thấy những biến đổi của nghề chế tác đá nơi đây gắn với những biến động của xã hội từ thời phong kiến, qua thời bao cấp, đến thời kỳ đổi mới [141, tr.42-44]. Sự biến đổi của nghề đá Ninh Vân thể hiện ở công cụ chế tác đá, quy trình sản xuất, cách thức tổ chức sản xuất, cách thức tiêu thụ sản phẩm... Sự phát triển của nghề đá đi đôi với sự phát triển kinh tế đã góp phần làm biến đổi đời sống văn hóa tinh thần của làng nghề: nhiều ngôi đình, đền được trùng tu hoặc xây dựng mới như đình Xuân Vũ; một số phong tục tập quán đã ít nhiều biến đổi như lễ cúng giao thừa, “những phong tục như: cưới xin, tang ma, giỗ chạp... đã được đơn giản đi nhiều” [141, tr.30-31].

Trong sách *Địa chí Ninh Bình*, tại Chương 4, (Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng), đề cập đến các sản phẩm làng nghề đá Ninh Vân độc đáo như “sập đá, tượng, tranh đá, phù điêu, câu đối, đồ thờ, các linh vật...), nhiều công trình đá có giá trị cao như tượng đài Lê Lợi (ở thành phố Thanh Hoá), tượng đài Trần Hưng Đạo ở Hải Dương, tượng đài Hồ Chí Minh (ở Nghệ An)..., nhiều sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân được xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Nhật Bản,

Đài Loan, Lào và một số nước Đông Âu” [105, tr.618].

Luận văn thạc sĩ *Phát triển làng nghề thành phố Hoa Lư, Ninh Bình: Trường hợp làng nghề đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân*, Đỗ Thị Yên cung cấp một số tài liệu về làng nghề đá Ninh Vân, từ các điều kiện hình thành, quá trình phát triển và một số biến đổi, như biến đổi trong không gian cảnh quan, đời sống văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần trên những khía cạnh cụ thể. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm phát triển làng nghề [147].

1.1.4. Đánh giá tình hình nghiên cứu

Đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về nghề thủ công và làng nghề của người Việt ở Bắc Bộ, bao gồm sách, đề tài khoa học các cấp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và các bài tạp chí. Theo nghiên cứu của NCS, số lượng tài liệu viết về nghề thủ công và làng nghề truyền thống của người Việt ở Bắc Bộ đã tăng lên đáng kể, với nhiều bài viết trên các tạp chí, luận văn thạc sĩ, sách và luận án tiến sĩ được công bố.

Từ việc nghiên cứu các tài liệu, có thể đưa ra một số nhận xét về các hướng nghiên cứu trong những công trình về nghề thủ công của làng xã người Việt từ trước đến nay như sau:

Hướng nghiên cứu thứ nhất là các công trình bàn về lịch sử, nguồn gốc các ngành nghề: Các tài liệu về chủ đề này không chỉ đơn thuần là những dữ liệu lịch sử, mà còn là những câu chuyện về sự sáng tạo, bền vững và sự thích ứng của con người với môi trường xã hội và tự nhiên xung quanh. Đồng thời cho thấy sự đa dạng và sự phong phú trong các nghề nghiệp truyền thống trên khắp thế giới, từ những nghề chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày đến những nghề thuần túy nghệ thuật.

Hướng nghiên cứu thứ hai là khảo tả về các nghề gắn với các làng nghề ở các vùng khác nhau: Nhiều nghiên cứu đã khai thác toàn diện các khía cạnh cốt lõi liên quan đến nghề truyền thống, bao gồm: Văn hóa vật thể (di tích, cảnh

quan, không gian, sản phẩm, công cụ sản xuất,...) và văn hóa phi vật thể của làng nghề (tín ngưỡng, lễ hội, mối quan hệ xã hội, bí quyết nghề,...).

Hướng nghiên cứu thứ ba là xem xét nghề thủ công như là một yếu tố của làng xã, trước hết là trên phương diện kinh tế: Các tài liệu nghiên cứu thường tập trung vào đánh giá sâu sắc sự đóng góp của các nghề thủ công vào nền kinh tế địa phương, bao gồm cả ngành công nghiệp thủ công như nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ, chế biến thực phẩm và dệt may. Nghiên cứu cho thấy rằng nghề thủ công không chỉ cung cấp nguồn thu nhập ổn định cho các hộ gia đình và cộng đồng nhỏ mà còn tạo ra nhiều việc làm, đặc biệt là cho phụ nữ và thanh thiếu niên.

Hướng nghiên cứu thứ tư là những công trình nghiên cứu về biến đổi văn hóa của làng nghề trong điều kiện mới: Các nghiên cứu thường tập trung vào việc đánh giá những thay đổi sâu sắc trong văn hóa của các cộng đồng làng nghề do ảnh hưởng của các yếu tố như công nghệ, kinh tế và xã hội thay đổi nhanh chóng. Nghiên cứu thường phân tích sự ảnh hưởng của công nghệ mới và quá trình phát triển khoa học kỹ thuật đến các nghề thủ công truyền thống và các nét văn hóa địa phương. Các công nghệ tiên tiến có thể thay đổi cách sản xuất truyền thống và dẫn đến thay đổi trong các giá trị và lối sống của cư dân làng nghề.

Tóm lại, đến nay, nghề thủ công và làng nghề đã được nghiên cứu rất nhiều, dưới các góc độ: Sử học, Dân tộc học, Văn hóa học, Kinh tế học, Nhân học, Quản lý văn hóa, Khoa học môi trường, Tâm lý học... với nhiều nội dung khác nhau và có sự đan xen giữa các hướng tiếp cận. Tuy nhiên, cho đến nay các công trình nghiên cứu về văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân mới chỉ dừng lại ở một vài khía cạnh khác nhau, chưa có nghiên cứu nào bàn đến Biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân một cách sâu sắc và đầy đủ trên cả hai phương diện văn hóa vật thể và phi vật thể.

Tư liệu viết về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân được các học giả quan tâm và nghiên cứu, tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chủ yếu đề cập đến văn hóa làng nghề dưới dạng khảo tả về một vài thành tố văn hóa như: di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, sản phẩm làng nghề, quá trình sản xuất,... Nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân chưa được khai thác một cách kỹ lưỡng và sâu sắc. Chỉ một số công trình có đề cập đến những thay đổi sản phẩm/biến đổi của làng nghề đá Ninh Vân và những thay đổi này có thể được xem là nét tiêu biểu nhất mà các công trình nghiên cứu trước đã chỉ ra.

1.1.5. Những vấn đề đặt ra cho đề tài luận án

Nghiên cứu lịch sử và quá trình phát triển của làng nghề đá Ninh Vân: Nghiên cứu về nguồn gốc và lịch sử hình thành của làng nghề đá, bao gồm các giai đoạn phát triển và những thay đổi chính trong văn hóa, kỹ thuật sản xuất đá qua các thời kỳ.

Nghiên cứu biến đổi văn hóa truyền thống dưới sự thay đổi/biến đổi xã hội trong quá trình phát triển kinh tế làng nghề hiện nay trên các phương diện văn hóa vật thể (các di tích văn hóa, cảnh quan không gian, sản phẩm làng nghề,..) và phi vật thể (Tín ngưỡng, lễ hội, mối quan hệ xã hội...). Nghiên cứu những yếu tố tác động đến biến đổi văn hóa làng nghề, đồng thời luận bàn về xu hướng biến đổi văn hóa làng nghề trong quá trình vận động và phát triển làng nghề trong thời gian tiếp theo.

Xác định lý thuyết nghiên cứu làm công cụ phân tích và xây dựng khung phân tích cho đề tài. Hầu hết các đề tài nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng nghề của các học giả đi trước không sử dụng *Bối cảnh xã hội hiện nay* làm cơ sở lý luận cho việc xây dựng khung phân tích cho đề tài. Vì vậy, để triển khai đề tài luận án, NCS sử dụng lý thuyết “Biến đổi xã hội” làm lý thuyết nghiên cứu cho đề tài luận án của mình.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Các khái niệm cơ bản của luận án

1.2.1.1. Khái niệm làng nghề

Theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 của Chính phủ về *Phát triển ngành nghề nông thôn*, tại Điều 3 và Điều 4 có định nghĩa về làng nghề như sau: Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn, gồm: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn; Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh; Sản xuất muối, Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn [21].

Theo tác giả Trần Quốc Vượng thì “làng nghề” có thể hiểu như sau:

Làng nghề (như làng gốm Bát Tràng, Thổ Hà, Phù Lãng, Hương Canh..., làng đồng Bưởi, Vó, Hè Nôm, Thiệu Diễm, Phù Dực, Đa Hội...), là làng ấy tuy vẫn còn trồng trọt theo lối tiểu nông và chăn nuôi nhỏ (lợn, gà...), cũng có một số nghề phụ khác (đan lát, làm tương, làm đậu phụ...), song đã nổi lên một số nghề cổ truyền, tinh xảo với một tầng lớp thủ công chuyên nghiệp hay bán chuyên nghiệp, có phường (cơ cấu tổ chức), có ông trùm, ông phó cả... cùng một số thợ và phó nhỏ, đã chuyên tâm, có quy trình công nghệ nhất định “sinh ư nghệ, tử ư nghệ”, “nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” sống chủ yếu được bằng nghề đó và sản xuất ra những hàng thủ công. Những mặt hàng đã có tính mỹ nghệ, đã trở thành sản phẩm hàng hóa và có quan hệ tiếp thị với một thị trường là vùng xung quanh với thị trường đô thị, thủ đô (Kẻ Chợ, Huế, Sài Gòn) và tiến tới mở rộng ra cả nước rồi có thể xuất khẩu ra cả nước ngoài. Những làng nghề ấy ít nhiều đã

nổi danh từ lâu (có một quá khứ trăm ngàn năm). Dân biết mặt, nước biết tên, tên làng đã đi vào lịch sử, vào ca dao, tục ngữ... trở thành di sản văn hóa dân gian [144, tr.372].

Tác giả Bùi Xuân Đính cũng khẳng định:

Làng nghề là các làng mà phần đông cư dân sống bằng một nghề hoặc nhiều nghề thủ công có khi chỉ là một công đoạn của nghề, tạo ra các sản phẩm mang tính cách riêng, thời gian làm nghề và thu nhập của nghề chiếm tỷ lệ lớn nhất so với các hoạt động kinh tế khác; hoạt động làm nghề có ảnh hưởng lớn đến các mặt khác của làng (kiến trúc làng xóm, nhà cửa, nhịp sống, thiết chế tổ chức và các quan hệ xã hội, tâm lý tính cách, phong tục tập quán...). Làng nghề có thể có hoặc không có truyền thuyết về tổ nghề [36, tr.27-28].

Cũng đề cập đến khái niệm này, tác giả Bùi Văn Vượng cho rằng: Làng nghề truyền thống là làng cổ truyền làm nghề thủ công. Ở đây không nhất thiết tất cả dân làng đều sản xuất hàng thủ công. Người thợ thủ công nhiều trường hợp cũng đồng thời làm nghề nông (nông dân). Nhưng yêu cầu chuyên môn hóa cao đã tạo thành những thợ chuyên sản xuất hàng truyền thống ngay tại làng của mình [146, tr.13]. Theo tác giả, làng nghề truyền thống phải là một làng có lịch sử lâu đời (có thể từ trước năm 1945), có nhiều thợ giỏi và chính họ vừa làm nghề, lại vừa tham gia sản xuất nông nghiệp. Những sản phẩm của những người thợ giỏi đã tạo nên bản sắc của làng nghề nổi tiếng trong và ngoài nước.

Tiếp cận từ góc nhìn lịch sử, tác giả Dương Bá Phụng cho rằng:

Làng nghề là một thiết chế gồm hai bộ phận cấu thành là “làng” và “nghề”... Là làng ở nông thôn có một (hoặc một số) nghề thủ công nghiệp tách hẳn ra khỏi nông nghiệp và kinh doanh độc lập. Làng nghề truyền thống là những làng nghề xuất hiện lâu đời trong lịch sử và còn tồn tại cho đến ngày nay, là những làng nghề tồn tại hàng

trăm năm, hàng nghìn năm [88, tr.12].

Trong khái niệm này, tác giả đã phân biệt rõ sự khác nhau giữa làng nghề và làng nghề truyền thống. Tác giả cũng đã khẳng định hai bộ phận cấu thành thiết chế làng nghề, đó là làng và nghề. Vì vậy, khi xem xét về văn hóa làng nghề cũng có thể áp dụng cấu trúc này để nghiên cứu, nghĩa là phải tiếp cận đến hai bộ phận là văn hóa làng và văn hóa nghề. Mặc dù hai bộ phận này trên thực tế luôn là một tổng thể thống nhất, không thể tách rời, luôn bổ sung và hỗ trợ, đồng thuận cho nhau trong quá trình phát triển. Có thể nhận thấy rằng, văn hóa làng là nền tảng cho sự phát triển và ngược lại văn hóa làng nghề phát triển sẽ là điều kiện tốt để bảo tồn và phát triển những nét tiêu biểu của văn hóa làng.

Nhìn từ vai trò của “làng nghề”, tác giả Trương Minh Hằng đã phân tích:

Làng nghề gắn liền với các vùng nông nghiệp và người nông dân làm nghề thủ công để giải quyết hợp lý sức lao động dư thừa được cơ cấu theo đặc trưng nông nghiệp là mùa vụ... Một làng có nghề, đời sống của người dân ổn định và được nâng cao so với các làng thuần nông. Nghề thủ công từ vị trí chỉ là nghề phụ được tổ chức và thực thi vào những khi nông nhàn, rồi về sau nhiều nghề trở thành nguồn thu nhập chính của làng... Ở một góc độ nào đó, làng nghề còn mang tính chất của một làng buôn [43, tr.9-10].

Như vậy, làng nghề có thể hiểu là một cộng đồng làng chuyên sản xuất các sản phẩm thủ công, trong đó người dân tham gia vào nhiều hoạt động sản xuất khác nhau như nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ, thương mại, v.v. Làng nghề truyền thống thường có những nghề nhân tay nghề cao, tạo ra các sản phẩm tinh xảo, mang giá trị thẩm mỹ cao.

Trên cơ sở tổng hợp các quan điểm, khái niệm trên, luận án lựa chọn cách tiếp cận của tác giả Dương Bá Phụng: *"Làng nghề là một thiết chế gồm*

hai bộ phận cấu thành là làng và nghề, trong đó nghề thủ công nghiệp tách hẳn ra khỏi nông nghiệp và kinh doanh độc lập". Quan niệm này là tiền đề để luận án xem xét văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân từ sự giao thoa giữa văn hóa làng (tính cộng đồng) và văn hóa nghề (tính kỹ nghệ).

1.2.1.2. Khái niệm làng nghề truyền thống

Theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn, tại *Điều 3* có định nghĩa về làng nghề truyền thống như sau: Làng nghề truyền thống là làng nghề có nghề truyền thống được hình thành từ lâu đời [21].

Tác giả Trần Quốc Vượng có đưa ra định nghĩa khá đầy đủ về làng nghề truyền thống là một yếu tố quan trọng trong xã hội tiểu nông, có những làng gắn với nông nghiệp và có những làng được chuyên môn hóa (những làng được chuyên môn hóa thường gắn liền với đô thị hay kinh đô hoặc khu vực trung tâm và có tầng lớp thợ thủ công chuyên nghiệp và có cơ cấu tổ chức phường hội,...) [144, tr. 327].

Tác giả Bùi Xuân Đính quan niệm, làng nghề thủ công truyền thống là làng có các nghề thủ công hình thành từ xa xưa. Khái niệm “truyền thống” ở đây với tư cách là một tính từ, định rõ nội dung, bản chất, hoặc thời điểm diễn ra của một hiện tượng. Xét trên phương diện kinh tế, Làng nghề truyền thống là làng có nghề thủ công, gắn với cơ cấu tổ chức xã hội và các giá trị văn hóa của làng Việt được hình thành và tồn tại đến Cách mạng Tháng Tám 1945. Làng nghề thủ công truyền thống vẫn tồn tại đến ngày nay, song nghề đã có những thay đổi sâu sắc về nguyên liệu, kỹ thuật, tổ chức sản xuất, loại hình sản phẩm và phương thức tiêu thụ. Sự thay đổi này đã tác động đến nhiều mặt đời sống của làng [36, tr. 60].

Tác giả Dương Bá Phụng dựa vào tính chất và số lượng nghề để phân loại làng nghề như sau: Làng nghề truyền thống là những làng nghề xuất hiện

từ lâu đời trong lịch sử và còn tồn tại cho đến ngày nay, là những làng nghề đã tồn tại hàng trăm năm, thậm chí hàng nghìn năm. Mặt khác khi nêu đặc điểm của làng nghề, tác giả phân tích đặc điểm nổi trội của làng nghề là “gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp [88, tr.10].

Trên cơ sở tổng hợp các quan điểm, khái niệm trên, luận án đồng ý và lựa chọn quan niệm của tác giả Bùi Xuân Đính: “*Làng nghề truyền thống là làng có nghề thủ công gắn với cơ cấu tổ chức xã hội và các giá trị văn hóa của làng Việt được hình thành và tồn tại đến Cách mạng Tháng Tám 1945*”. Khái niệm này giúp luận án khu trú phạm vi nghiên cứu để phục dựng diện mạo văn hóa gốc của Ninh Vân tại Chương 2.

1.2.1.3. Khái niệm văn hóa làng nghề

Khi định nghĩa về văn hóa làng nghề truyền thống các tác giả trong và ngoài nước đều đưa ra các khái niệm dựa trên những nét cơ bản sau: văn hóa làng nghề truyền thống là văn hóa của những làng có nghề truyền thống được quy định bởi nghề đó và được truyền lại cho đến hôm nay.

Tác giả Lê Hồng Lý đã nêu khái quát những nét cơ bản về văn hóa làng nghề trong tác phẩm *Làng nghề thủ công mỹ nghệ đồng bằng sông Hồng tiềm năng, thực trạng và một số kiến nghị* như sau:

Làng nghề vốn dĩ là làng nông nghiệp, nên làng nghề đã có đặc tính của làng xã nông thôn Việt Nam. Cho nên, khi trở thành làng nghề do nhu cầu bảo vệ nghề, do việc phải cố kết làm ăn trước các cộng đồng nghề khác, nên tính cộng đồng của họ ở mặt nào đó còn cao hơn ở làng nông nghiệp. Văn hóa làng nghề ngoài lễ hội, khoán ước và lễ giỗ tổ nghề còn nhiều loại hình khác rất phong phú như ca dao, ngôn ngữ nói về nghề những truyền thuyết về những vị tổ nghề, ca dao của làng nghề. Có thể nói làng nghề nào cũng có những câu ca dao hay ca ngợi về làng, về nghề và những con người tài năng của nghề đó. Có một nét đặc sắc

khác trong văn hóa làng nghề đó là sự năng động linh hoạt, chuyển đổi rất nhanh nhạy trước những biến động của thời cuộc, của thị trường. Thực tế lịch sử đã chứng minh điều đó chỉ cần xem xét cụ thể một làng nghề trong các giai đoạn lịch sử sẽ thấy được tình trạng chung của các làng nghề khác [72, tr.135-145].

Tác giả Nguyễn Thị Bích Thủy có đưa ra quan niệm về văn hóa làng nghề truyền thống: Văn hóa làng nghề truyền thống là một kiểu văn hóa làng nghề được quy định bởi việc sản xuất, buôn bán và sinh sống bằng một hay một số nghề thủ công truyền thống của làng [125, tr.34].

Luận án lựa chọn hướng tiếp cận của tác giả Lê Hồng Lý làm quan điểm chủ đạo: *“Văn hóa làng nghề là một kiểu văn hóa làng có đặc tính của làng xã nông thôn nhưng có tính cộng đồng cao hơn, bao hàm hệ thống lễ hội, khoán ước, tín ngưỡng tổ nghề và sự năng động, linh hoạt trước những biến động của thị trường”*. Đây là quan niệm giúp luận án phân tích sự "thích ứng văn hóa" của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong bối cảnh hiện đại.

1.2.1.4. Khái niệm biến đổi văn hóa

Biến đổi văn hóa có thể được coi là một hằng số của bất kì nền văn hóa nào bởi sự vận động thường xuyên của nó cũng như sự vận động không ngừng của xã hội mà trong đó văn hóa là một thành tố.

Tác giả Nguyễn Thị Phương Châm khi nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng cũng đưa ra nhận xét:

Để nghiên cứu các chiều cạnh của biến đổi văn hóa, các nhà nhân học cũng như xã hội học, văn hóa học... thường gắn nó với phát triển, với toàn cầu hóa, hiện đại hóa, công nghiệp hóa và đương nhiên cả với sự chuyển đổi xã hội. Dù còn rất nhiều những quan điểm, những sự phân tích khác nhau về toàn cầu hóa và văn hóa nhưng có thể nói các nhà nghiên cứu nhân học nói riêng và khoa học xã hội nói chung tương đối

thống nhất ở luận điểm cho rằng sự biến đổi văn hóa là xu hướng tất yếu trong quá trình toàn cầu hóa và sự biến đổi ấy đang diễn ra rất đa dạng ở nhiều cấp độ và nhiều chiều hướng khác nhau [17].

Tác giả Nguyễn Thị Phương Châm và Đỗ Lan Phương có đưa ra khái niệm biến đổi văn hóa:

Là quá trình thay đổi các dạng thức văn hóa, các thành tố văn hóa tạo nên màu sắc mới cho một tổng thể văn hóa và trong quá trình đó có sự tác động, can thiệp ở các mức độ khác nhau của các động thái kinh tế, chính trị, xã hội, đặc biệt là quá trình hội nhập, hiện đại hóa và toàn cầu hóa [18, tr.57].

Như vậy, có thể hiểu biến đổi văn hóa là sự thay đổi của một sự vật, hiện tượng văn hóa dưới tác động của nhiều nguyên nhân khác nhau, theo các chiều hướng khác nhau và dẫn đến các hệ quả khác nhau. Đây là một quá trình vận động mang tính đa chiều, có thể diễn ra ở cả cấp độ vật chất, tinh thần và xã hội, phản ánh sự thích ứng hoặc mâu thuẫn giữa truyền thống và bối cảnh kinh tế – xã hội đương thời.

Luận án vận dụng quan điểm của tác giả Nguyễn Thị Phương Châm để xác lập quan điểm nghiên cứu: *“Biến đổi văn hóa là quá trình thay đổi các dạng thức văn hóa, các thành tố văn hóa tạo nên màu sắc mới cho một tổng thể văn hóa dưới tác động của các động thái kinh tế, chính trị, xã hội, đặc biệt là quá trình hội nhập và hiện đại hóa”*.

1.2.1.5. Khái niệm biến đổi văn hóa làng nghề

Văn hóa làng nói chung, văn hóa làng nghề nói riêng đặt trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa không thể tránh khỏi sự tiếp xúc và biến đổi, thậm chí quá trình này còn diễn ra mạnh mẽ trước sự “va chạm” giữa các yếu tố có sức hấp dẫn của tính hiện đại và sự trì trệ của một số yếu tố mang tính truyền thống. Với tính mở của làng nghề, dễ dàng hấp thụ các yếu tố văn hóa mới. Bên

cạnh đó, xu hướng tái lập và khẳng định các giá trị văn hóa truyền thống tại làng nghề lại diễn ra rõ nét hơn làng thuần nông.

Những biểu hiện của sự tái phục hồi các giá trị truyền thống mạnh mẽ ở các làng có nền kinh tế phát triển như các làng nghề, làng buôn bán cho thấy, yếu tố kinh tế từ kết quả mà nghề phi nông nghiệp mang lại lại tạo ra cơ hội để bảo lưu và phát triển văn hóa truyền thống.

Đối với làng nghề, biến đổi văn hóa có thể hiểu là quá trình biến đổi các thành tố văn hóa của nó trên các phương diện văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần trước tác động của ngoại lực như quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và nỗ lực tự thân của chính cộng đồng cư dân làng nghề, đặc biệt là cách thức cộng đồng làng thích ứng và có chiến lược phát triển trong bối cảnh mới.

Tác giả Đinh Công Tuấn cũng đưa ra quan niệm về biến đổi văn hóa làng nghề như sau:

Đó là quá trình biến đổi các thành tố văn hóa làng và văn hóa nghề trên cả hai phương diện văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa nông thôn. Sự biến đổi này có thể dẫn đến một hệ quả tất yếu: có những làng nghề tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường, cũng có những làng nghề do không thích ứng được với những điều kiện mới, nghề của làng sẽ bị mai một, thậm chí không tồn tại hoặc chuyển sang một nghề khác thích.

Luận án vận dụng quan điểm của tác giả Đinh Công Tuấn để xác lập quan điểm nghiên cứu: *“Biến đổi văn hóa làng nghề là quá trình biến đổi các thành tố văn hóa làng và văn hóa nghề trên cả hai phương diện văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể dưới tác động của kinh tế thị trường, hiện đại hóa và đô thị hóa”*. Khái niệm này đóng vai trò là "kim chỉ nam" để luận án cấu trúc nội dung phân tích thực trạng biến đổi tại Ninh Vân ở Chương 3.

1.2.2. Lý thuyết nghiên cứu

Để giải quyết các vấn đề khoa học mà đề tài đặt ra, luận án vận dụng một hệ thống lý thuyết liên ngành, kết hợp các tiếp cận của nhân học văn hóa, xã hội học, nghiên cứu phát triển và lý thuyết văn hóa đương đại. Việc phối hợp các học thuyết này cho phép NCS tiếp cận đối tượng nghiên cứu một cách toàn diện và đa chiều: từ cấu trúc nội tại của văn hóa làng nghề đến các tác lực ngoại sinh; từ vai trò của các thiết chế xã hội đến hành động của các chủ thể văn hóa; từ các quy luật vận động dài hạn đến những thích ứng linh hoạt trong bối cảnh kinh tế – xã hội đương đại. Cách tiếp cận này giúp luận án tránh được cả hai khuynh hướng cực đoan: coi biến đổi văn hóa như sự suy thoái thuần túy, hoặc ngược lại, nhìn nhận hiện đại hóa như một tiến trình tuyến tính tất yếu.

** Lý thuyết Biến đổi văn hóa (Cultural Change Theory)*

Lý thuyết biến đổi văn hóa có tiền thân từ các học thuyết tiến hóa luận của Edward Bernett Tylor và Lewis Henry Morgan vào thế kỷ XIX, vốn nhấn mạnh sự phát triển của văn hóa theo các nấc thang tiến hóa phổ quát [152]. Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XX, dưới sự ảnh hưởng của trường phái nhân học lịch sử và thuyết tương đối văn hóa, cách tiếp cận này đã có sự điều chỉnh quan trọng: từ việc truy tìm quy luật tiến hóa tuyến tính sang nghiên cứu các cơ chế tự điều chỉnh, thích nghi và tái cấu trúc của văn hóa trước những biến động xã hội cụ thể. Tại Việt Nam, lý thuyết biến đổi văn hóa được vận dụng rộng rãi để lý giải sự chuyển mình của các cộng đồng nông nghiệp, làng nghề truyền thống trong bối cảnh Đổi mới, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế.

Tâm điểm lý thuyết mà luận án kế thừa là quan điểm của Nguyễn Thị Phương Châm trong công trình “Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay” (2009). Tác giả xác lập: “Biến đổi văn hóa là một quá trình thay đổi các dạng thức văn hóa, các thành tố văn hóa tạo nên màu sắc mới cho một tổng thể văn hóa và trong quá trình đó có sự tác động, can thiệp ở các mức độ khác nhau của

các động thái kinh tế, chính trị, xã hội, đặc biệt là quá trình hội nhập, hiện đại hóa và toàn cầu hóa” [17, tr.57]. Định nghĩa này nhấn mạnh tính quá trình, tính đa chiều và sự tương tác phức hợp giữa nội sinh và ngoại sinh trong vận động văn hóa.

Luận án sử dụng lý thuyết biến đổi văn hóa như một khung phân tích tổng quát để nhận diện diện mạo mới của làng nghề đá Ninh Vân tại Chương 3. Nghiên cứu sinh không tiếp cận sự biến đổi như một sự đứt gãy hay mất mát bản sắc đơn thuần, mà coi đó là quá trình “tái cấu trúc” (restructuring) các thành tố văn hóa. Trên cơ sở này, luận án phân tích sự dịch chuyển từ “màu sắc” truyền thống sang “màu sắc” hiện đại thông qua các biến số cụ thể như cảnh quan làng nghề, mẫu mã sản phẩm và tư duy thẩm mỹ của cộng đồng thợ đá trong bối cảnh đương đại.

** Lý thuyết Cấu trúc – Chức năng (Structural-Functionalism)*

Lý thuyết Cấu trúc – Chức năng được khởi xướng bởi Bronisław Malinowski và được A.R. Radcliffe-Brown hoàn thiện thành một hệ thống phương pháp luận chặt chẽ vào giữa thế kỷ XX. Radcliffe-Brown đã đặt nền móng lý luận bằng việc xem xã hội như một thực thể hữu cơ, trong đó các thiết chế văn hóa vận hành tương tự như các cơ quan, có chức năng duy trì sự ổn định và liên tục của toàn bộ cấu trúc xã hội.

Trong tác phẩm “Structure and Function in Primitive Society” (1952), Radcliffe-Brown khẳng định: “Chức năng của một thiết chế xã hội chính là sự đóng góp của nó vào việc duy trì sự tồn tại của cấu trúc xã hội như một chỉnh thể” [166, tr.180]. Theo cách hiểu này, văn hóa là một hệ thống cân bằng động; khi một yếu tố trong hệ thống (chẳng hạn kỹ thuật hoặc kinh tế) biến đổi, các yếu tố khác (tư tưởng, tín ngưỡng, nghi lễ) sẽ điều chỉnh chức năng của mình nhằm duy trì tính ổn định tương đối của toàn hệ thống.

Lý thuyết Cấu trúc - Chức năng giúp luận án giải mã sự tồn tại bền vững

của các thiết chế văn hóa phi vật thể tại Ninh Vân trong bối cảnh công nghiệp hóa. Nghiên cứu sinh đặt ra câu hỏi trọng tâm: Khi máy móc và công nghệ (cấu trúc vật chất) thay thế sức lao động thủ công, thì lễ hội và tín ngưỡng thờ Tổ nghề (cấu trúc tinh thần) đã thay đổi “chức năng” như thế nào? Liệu sự chuyển dịch này có phải từ chức năng tâm linh thuần túy sang chức năng bảo chứng thương hiệu và gắn kết kinh tế cộng đồng? Các vấn đề này sẽ được phân tích cụ thể tại Chương 3 và Chương 4.

** Lý thuyết Hiện đại hóa (Modernization Theory)*

Lý thuyết Hiện đại hóa phát triển mạnh mẽ sau chiến tranh thế giới thứ hai, tập trung nghiên cứu con đường phát triển của các xã hội truyền thống sang xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. Những đại diện tiêu biểu của hướng tiếp cận này có tác giả Rostow với mô hình tăng trưởng kinh tế và Alex Inkeles với các nghiên cứu về sự hình thành “con người hiện đại”. Rostow (1960) trong “The Stages of Economic Growth” đã xác lập mô hình các giai đoạn phát triển kinh tế, trong đó giai đoạn “cắt cánh” (Take-off) được xem là thời điểm xã hội áp dụng mạnh mẽ khoa học – công nghệ vào sản xuất [167].

Luận án sử dụng lý thuyết hiện đại hóa để lý giải sự “lột xác” của làng nghề Ninh Vân từ sau năm 2000. Nghiên cứu sinh coi việc áp dụng máy CNC, công nghệ số và phần mềm thiết kế là biểu hiện cụ thể của giai đoạn “cắt cánh”. Đồng thời, tại Chương 4, luận án phân tích sự hình thành tầng lớp “doanh nhân làng nghề” – những “con người hiện đại” theo tiêu chí của Inkeles – như một động lực then chốt thúc đẩy quá trình biến đổi văn hóa cả ở phương diện vật thể và phi vật thể.

** Lý thuyết Thích ứng văn hóa (Cultural Adaptation Theory)*

Lý thuyết Thích ứng văn hóa có nền tảng từ thuyết Sinh thái học văn hóa của Julian Steward (1955), theo đó văn hóa biến đổi thông qua quá trình thích nghi với môi trường tự nhiên và kinh tế – xã hội. Steward định nghĩa: “Thích

ứng văn hóa là sự điều chỉnh các phương thức hành vi để tương tác hiệu quả với môi trường địa lý và kinh tế xã hội” [168]. Sau này, John W. Berry (1997) đã phát triển thêm khái niệm “Hội nhập” (Integration), nhấn mạnh khả năng vừa bảo tồn bản sắc vừa tiếp nhận cái mới một cách chủ động của cộng đồng [151]. Theo cách tiếp cận này, thích ứng không phải là sự phục tùng thụ động trước môi trường, mà là một quá trình lựa chọn có ý thức của chủ thể văn hóa. Một cộng đồng chỉ tiếp nhận các yếu tố ngoại sinh – như công nghệ, mô hình tổ chức hay lối sống đô thị – khi những yếu tố đó góp phần củng cố sinh kế và nâng cao vị thế xã hội của cộng đồng.

Đây được xem là “chìa khóa” lý luận để giải thích sự phát triển bền vững của Ninh Vân tại Chương 4. Luận án tập trung làm rõ cách thợ đá Ninh Vân sử dụng công nghệ phương Tây để tái hiện và làm mới các biểu tượng di sản phương Đông. Quá trình này thể hiện một hình thức hội nhập văn hóa có chọn lọc, giúp làng nghề không bị “tan biến” hay “đô thị hóa trắng”, mà ngược lại, còn định vị được thương hiệu di sản ở tầm quốc gia.

** Lý thuyết Biến đổi xã hội (Social Change Theory)*

Lý thuyết biến đổi xã hội là một hệ thống các quan điểm đa chiều nhằm giải thích cơ chế, động lực và hệ quả của quá trình thay đổi trong cấu trúc xã hội, hệ giá trị, chuẩn mực và các thiết chế xã hội theo dòng thời gian. Trong lịch sử tư tưởng xã hội học, từ các quan điểm tiến hóa luận sơ khai cho đến các lý thuyết hiện đại mang tính phản biện và phản tư, biến đổi xã hội luôn được xem là một quá trình vận động tất yếu, tác động trực tiếp đến sự tồn tại, thích ứng và phát triển của các cộng đồng người trong những bối cảnh lịch sử – xã hội cụ thể.

Học giả Montero [164] đề xuất cách tiếp cận văn hóa trong đó sự thay đổi được nhìn nhận như kết quả của sự xung đột giữa các cách tự diễn giải của những nhóm xã hội khác nhau. Theo quan điểm này, biến đổi xã hội không chỉ

bắt nguồn từ các tác động bên ngoài, mà còn từ sự va chạm giữa các hệ giá trị, nhận thức và diễn ngôn nội tại trong cộng đồng. Cách tiếp cận này đặc biệt hữu ích trong việc phân tích các phong trào xã hội cũng như cách thức các nhóm cộng đồng địa phương – như thợ đá Ninh Vân – phản ứng, thương lượng và điều chỉnh thực hành văn hóa trước những áp lực từ môi trường bên ngoài. Kế thừa tư tưởng của Pierre Bourdieu, Akgün [150] đưa yếu tố “tác nhân” (agency) vào phân tích biến đổi xã hội và văn hóa. Cách tiếp cận này cho phép lý giải sự thay đổi không chỉ như hệ quả tất yếu của các cấu trúc khách quan, mà còn là kết quả từ hành động có mục đích của cá nhân và nhóm xã hội trong một cấu trúc văn hóa nhất định. Tuy nhiên, lý thuyết cũng thừa nhận rằng khả năng hành động của các tác nhân luôn bị giới hạn bởi những rào cản và điều kiện lịch sử – xã hội cụ thể. Khi bàn về tính đa dạng văn hóa và quản trị sự thay đổi, học giả Leto [162] nhấn mạnh sự cần thiết phải điều chỉnh các mô hình quản lý sự thay đổi cho phù hợp với các bối cảnh văn hóa đặc thù. Ông phê phán các mô hình tiếp cận lấy phương Tây làm trung tâm (Eurocentric), cho rằng chúng thường bỏ qua logic văn hóa bản địa và các giá trị truyền thống của cộng đồng. Theo Leto, hiệu quả của quá trình biến đổi chỉ đạt được khi nó tương thích với các giá trị đa văn hóa của tổ chức và cộng đồng địa phương. Trong khi đó, Greenfield [156] trình bày mối liên kết giữa các yếu tố nhân khẩu học – xã hội với hệ giá trị văn hóa thông qua một lý thuyết hệ thống, cho thấy các xu hướng toàn cầu như đô thị hóa và giáo dục chính quy tất yếu dẫn đến sự chuyển dịch từ các giá trị cộng đồng sang các giá trị cá nhân hóa và nhận thức trừu tượng, từng bước thay thế tư duy cộng đồng truyền thống.

Nhìn chung, biến đổi xã hội không diễn ra đơn lẻ hay tuyến tính, mà vận động đồng thời ở nhiều cấp độ khác nhau: từ sự thay đổi trong tư duy cá nhân, hành vi của các nhóm nhỏ cho đến những chuyển dịch quy mô lớn ở cấp độ quốc gia và toàn cầu. Xét dưới góc độ văn hóa, quá trình biến đổi xã hội chính

là động lực nền tảng kéo theo sự thay đổi sâu sắc của các thành tố văn hóa trên cả hai phương diện vật thể và phi vật thể.

Nghiên cứu sinh sử dụng lý thuyết biến đổi xã hội như một khung bối cảnh (contextual framework) để đặt sự biến đổi của nghề đá Ninh Vân trong tổng thể các chuyển dịch xã hội nông thôn đương đại. Theo đó, sự thay đổi của nghề đá không chỉ là vấn đề kỹ thuật đục đẽo hay cải tiến công nghệ, mà chủ yếu là hệ quả của những biến đổi trong cấu trúc xã hội nông thôn, bao gồm sự hình thành tầng lớp doanh nhân làng nghề, sự thu hẹp quỹ đất nông nghiệp và sự gia tăng trình độ học vấn của thế hệ thợ trẻ. Chính những biến đổi mang tính cấu trúc này đã tạo ra bối cảnh xã hội mới, chi phối và định hình lại các thực hành văn hóa, qua đó trở thành cơ sở để luận án giải mã sự biến đổi văn hóa ở các chương tiếp theo.

Trên nền tảng phương pháp luận của mã ngành Văn hóa học, luận án tập trung vận dụng hệ thống lý thuyết về biến đổi văn hóa, biến đổi xã hội và các thuyết liên quan như cấu trúc - chức năng, hiện đại hóa để giải mã quá trình vận động của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân.

Dưới lăng kính của thuyết biến đổi xã hội, sự thay đổi là một hiện tượng tất yếu và phổ biến. Quá trình vận động liên tục này khiến các thành tố cấu trúc xã hội, hệ giá trị, chuẩn mực và hệ thống phân tầng đều trải qua sự chuyển dịch theo thời gian. Tại Ninh Vân, sự vận động không ngừng của sản xuất thủ công mỹ nghệ không chỉ là hoạt động kinh tế thuần túy mà còn là tác nhân cốt lõi thúc đẩy sự tái cấu trúc đời sống văn hóa cộng đồng.

Luận án thiết lập một hướng tiếp cận hệ thống nhằm nhận diện sự biến đổi thông qua mối quan hệ biện chứng giữa các cấu trúc văn hóa vật thể (không gian, di tích, sản phẩm) và phi vật thể (tín ngưỡng, lễ hội, bí quyết nghề, quan hệ xã hội). Chính chủ thể làng nghề, với năng lực thích ứng văn hóa, đã không ngừng sáng tạo và tái cấu trúc các giá trị truyền thống để phù hợp với bối cảnh

xã hội hiện đại. Tuy nhiên, quá trình này không diễn ra tuyến tính mà chứa đựng những trạng thái phức hợp: từ sự đồng thuận trong tiếp nhận cái mới đến những xung đột giữa khuynh hướng bảo tồn giá trị di sản và khuynh hướng hiện đại hóa hoàn toàn theo mô hình thị trường.

Việc vận dụng các lý thuyết này cho phép luận án nhấn mạnh vào bối cảnh xã hội – một quá trình tương tác liên tục giữa các yếu tố nội sinh (chủ thể làng nghề) và các tác động ngoại sinh (chính sách, thị trường, công nghệ). Sự biến đổi toàn diện của xã hội tại đây có đặc điểm không đồng nhất: trong khi kinh tế có thể thay thế nhanh chóng về hình thái sản xuất, thì văn hóa lại đòi hỏi một sự chuyển dịch tinh tế hơn. Tại đây, mối quan hệ giữa "bản sắc truyền thống" và "biến đổi" cần một cơ chế điều tiết hợp lý từ phía nhà nước và cộng đồng nhằm đảm bảo nguyên tắc: biến đổi để phát triển nhưng không làm đứt gãy mạch nguồn truyền thống.

1.3. Các thành tố của văn hóa làng nghề

Trong nghiên cứu văn hóa làng nghề, việc xác định rõ các thành tố cấu thành văn hóa có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện lý luận lẫn phương pháp luận. Đây không chỉ là cơ sở để khoanh vùng đối tượng nghiên cứu, mà còn là tiền đề để nhận diện, phân tích và lý giải quá trình biến đổi văn hóa một cách có hệ thống. Trên cơ sở kế thừa các quan điểm nghiên cứu văn hóa đương đại và phù hợp với đặc thù của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, luận án tiếp cận văn hóa làng nghề như một chỉnh thể thống nhất, bao gồm hai nhóm thành tố cơ bản: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, tồn tại trong mối quan hệ tương tác, bổ trợ và chi phối lẫn nhau.

1/Các thành tố văn hóa vật thể

Văn hóa vật thể là những biểu hiện hữu hình, có thể quan sát, đo đếm và nhận diện trực tiếp trong không gian làng nghề. Đây là lớp văn hóa phản ánh rõ nét sự gắn kết giữa môi trường tự nhiên, lịch sử hình thành làng nghề

và các hoạt động sản xuất – sinh kế của cộng đồng. Trong phạm vi luận án, văn hóa vật thể của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân được cụ thể hóa qua các thành tố sau:

Thứ nhất, cảnh quan không gian làng nghề, bao gồm cấu trúc không gian cư trú, không gian sản xuất, hệ thống giao thông nội làng và mối quan hệ giữa làng nghề với môi trường tự nhiên xung quanh. Cảnh quan làng nghề không chỉ phản ánh sự thích ứng của cộng đồng với điều kiện địa lý – sinh thái, mà còn cho thấy những biến đổi trong tổ chức không gian dưới tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Thứ hai, di tích lịch sử – văn hóa, bao gồm đình, đền, miếu, nhà thờ Tổ nghề và các công trình mang dấu ấn lịch sử của làng nghề. Các di tích này vừa là vật chứng của lịch sử hình thành và phát triển làng nghề, vừa là không gian gắn kết các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng.

Thứ ba, sản phẩm làng nghề, được xem là thành tố trung tâm của văn hóa vật thể. Sản phẩm đá mỹ nghệ không chỉ mang giá trị kinh tế mà còn hàm chứa các giá trị văn hóa, thể hiện qua chất liệu, kỹ thuật chế tác, kiểu dáng, hoa văn và tư duy thẩm mỹ của người thợ. Sự biến đổi của sản phẩm làng nghề phản ánh trực tiếp sự chuyển dịch trong thị hiếu, công nghệ và định hướng phát triển của cộng đồng làng nghề trong bối cảnh đương đại.

Thứ tư, công cụ sản xuất: là thành tố phản ánh năng lực chinh phục nguyên liệu và trình độ kỹ thuật của người thợ qua các thời kỳ. Hệ thống công cụ tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đã có sự chuyển dịch mang tính bước ngoặt: từ bộ công cụ thủ công truyền thống (đục, búa, con lăn...) dựa trên kỹ năng đôi bàn tay, sang hệ thống máy móc hiện đại (máy xẻ, cầu trục, máy CNC,...). Sự biến đổi này không chỉ giải phóng sức lao động, nâng cao năng suất mà còn làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất tạo ra sản phẩm, chuyển từ tư duy thủ công đơn chiếc sang quy trình sản xuất công nghiệp hóa.

2/Các thành tố văn hóa phi vật thể

Văn hóa phi vật thể là lớp văn hóa vô hình, được tái tạo và duy trì thông qua các thực hành xã hội, niềm tin, chuẩn mực và mối quan hệ cộng đồng. Đây là nền tảng tinh thần chi phối hành vi, định hướng lựa chọn và điều chỉnh cách thức thích ứng của làng nghề trước những biến đổi xã hội. Trong luận án, văn hóa phi vật thể của làng nghề Ninh Vân được tiếp cận thông qua các thành tố chủ yếu sau:

Thứ nhất, tín ngưỡng trong làng nghề, đặc biệt là tín ngưỡng thờ Tổ nghề. Đây là hình thức thể hiện mối quan hệ giữa con người với cội nguồn nghề nghiệp, đồng thời phản ánh ý thức cộng đồng và đạo lý nghề truyền thống của người thợ đá.

Thứ hai, lễ hội trong làng nghề, gắn liền với các nghi lễ thờ Tổ nghề và sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Lễ hội không chỉ mang chức năng tâm linh, mà còn là không gian biểu đạt bản sắc, củng cố sự cố kết xã hội và ngày càng thể hiện những chức năng mới trong quảng bá hình ảnh, thương hiệu làng nghề.

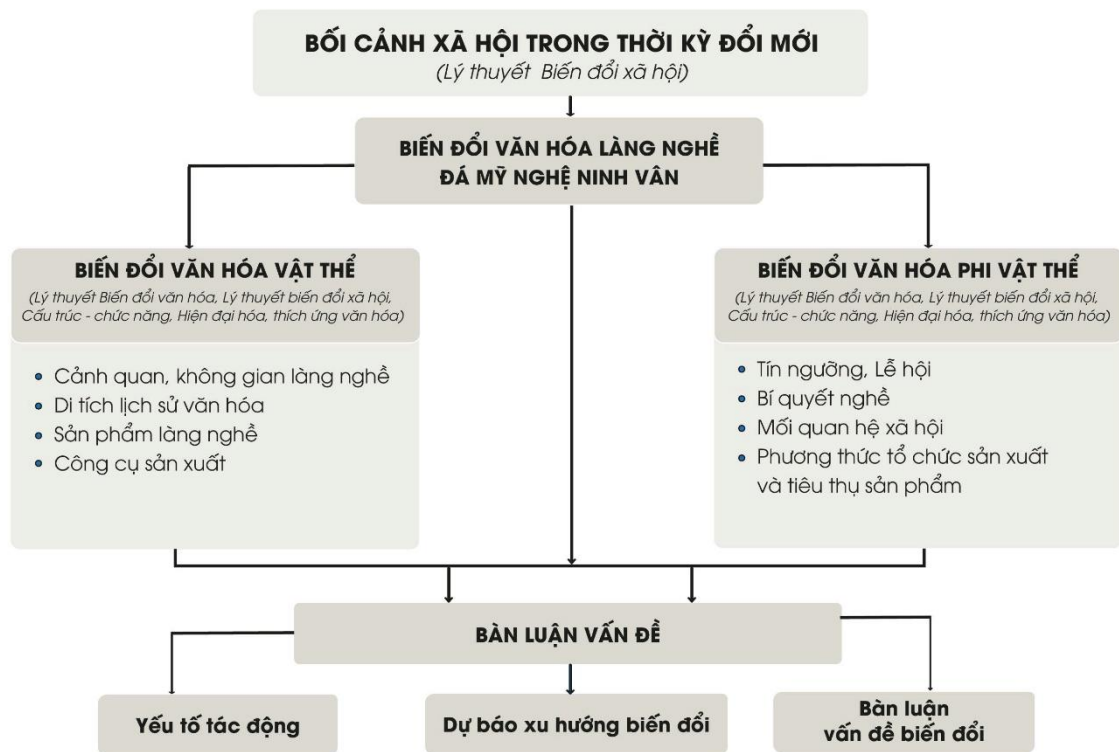
Thứ ba, các mối quan hệ xã hội trong làng nghề, bao gồm quan hệ dòng họ, quan hệ thầy – trò, quan hệ giữa nghề nhân, thợ lành nghề và chủ cơ sở sản xuất. Những mối quan hệ này quy định cách thức truyền nghề, phân công lao động và duy trì trật tự xã hội đặc thù của làng nghề.

Thứ tư, công cụ và phương thức tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, được tiếp cận như một thành tố giao thoa giữa vật thể và phi vật thể. Không chỉ là vấn đề kỹ thuật hay kinh tế, các phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ còn phản ánh tư duy quản lý, mô hình quan hệ xã hội và khả năng thích ứng của cộng đồng làng nghề trước cơ chế thị trường và hội nhập.

Việc hệ thống hóa các thành tố văn hóa vật thể và phi vật thể nêu trên giúp luận án xây dựng một khung phân tích thống nhất, làm cơ sở trực tiếp cho việc triển khai Chương 2 (thực trạng văn hóa làng nghề) và Chương 3 (biến đổi

văn hóa làng nghề). Trên nền tảng này, quá trình biến đổi văn hóa được xem xét không phải như những hiện tượng rời rạc, mà như sự vận động tổng thể của các thành tố văn hóa trong mối quan hệ tương tác, thích ứng và tái cấu trúc dưới tác động của các biến đổi xã hội đương đại.

Trên cơ sở tiếp thu hệ thống lý luận từ các học giả đi trước, kết hợp với những dữ liệu thực chứng thu thập qua phỏng vấn sâu chuyên gia và nghệ nhân, luận án tiến hành xác lập các thành tố văn hóa đặc trưng (vật thể và phi vật thể) làm đơn vị phân tích cốt lõi. Từ đó, NCS xây dựng khung nghiên cứu trong luận án thông qua sơ đồ sau:



1.4. Khái quát về làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

1.4.1. Điều kiện tự nhiên

Xã Ninh Vân nằm ở phía Nam thành phố Hoa Lư (hiện nay là TP. Hoa Lư), tỉnh Ninh Bình, cách trung tâm thành phố Ninh Bình khoảng 7km về phía Tây - Tây Nam, phía Bắc giáp các xã Ninh Hải, Ninh Thắng; phía đông giáp Ninh

An, Mai Sơn (huyện Yên Mô); phía Tây giáp dãy núi dài (tên địa phương gọi là Trường Sơn, bên kia núi là địa bàn huyện Nho Quan); phía Nam giáp với phường Yên Bình (thuộc TP. Tam Điệp). Một phần diện tích của xã nằm trong quần thể Di tích và danh thắng Tràng An, di sản văn hóa thế giới [124].

Nằm sát Quốc lộ 1A, xã Ninh Vân có ga Cầu Yên trên tuyến đường sắt Bắc - Nam. Về đường thủy, xã có nhiều sông ngòi, sông lớn nhất là sông Hệ, bắt nguồn từ hạ lưu sông Bến Đàng, đến xóm Vạn Lê chia thành hai nhánh đổ về Ghềnh (nhập vào sông Ghềnh) và đổ về cầu Yên (nhập vào sông Vạc). Với hệ thống đường giao thông này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương của làng nghề, trong đó có hoạt động chuyên chở nguyên liệu và sản phẩm ra vào làng nghề Ninh Vân.

Xã Ninh Vân có tổng diện tích tự nhiên 1.264,14 km², đứng thứ hai về quy mô trong số 11 xã, thị trấn thuộc huyện Hoa Lư (cũ) [124]. Địa hình đa dạng, gồm núi đá vôi (gắn với hệ thống hang động), ruộng chiêm trũng, rừng đặc dụng và hệ thống sông ngòi. Trước kia, cư dân các làng trong xã chủ yếu sống bằng nghề nông, với cây lúa nước là loại cây trồng chính.

Núi đá chiếm 1/3 tổng diện tự nhiên của xã. Có 4 ngọn núi được ghi trong sách *Đại Nam nhất thống chí*, xuất phát từ các địa phương khác nhau, nhưng đều có liên quan đến địa phận của xã, gồm:

- Núi Mã Yên, (cách huyện Gia Viễn 12 dặm về phía Tây, trông như hình yên ngựa, nên gọi tên là Mã Yên. Trên núi có lăng vua Đinh);
- Núi Quai Điều (cách huyện Gia Viễn 12 dặm về phía tây, tức là núi Kim Khê, một dãy liên tiếp, cũng theo hình dáng mà gọi tên. Dưới chân núi có lăng mộ vua Lê Đại Hành);
- Núi Thiện Dưỡng (xã Thiện Dưỡng, núi cao chót vót, hình thể tròn trặn đỉnh đặc, lên cao trông xa thì thấy các ngọn núi khác đều nhỏ. Núi này sắc đá xanh biếc, dùng làm nghiên mực, trơn mịn);

- Núi Hải Nham, xã Hải Nham, trong núi có dòng nước chảy xuyên qua, thuyền có thể đi được đến địa phận xã An Bạc phủ Nho Quan, động này vừa khuất khúc, âm u, đốt đuốc đi phỏng nửa trông canh, cửa động có một pho tượng đá, tục gọi “hang Phật”. An Nam chí chép núi Vũ Lâm ở địa phận huyện Yên Ninh tức là núi này [85, tr.290].

Trữ lượng đá ở các núi khá lớn, chủ yếu là đá vôi cứng có nguồn gốc từ đá trầm tích. Đây là loại đá cứng nhất, nặng nhất trong các loại đá, có độ rắn cao hơn nhiều so với loại đá trắng, đá xanh nhạt, đá vàng ở những nơi khác, tuổi thọ cao, càng sử dụng đá càng lên nước bóng láng tạo nên sự vĩnh cửu cho nhiều công trình kiến trúc, đặc biệt phù hợp với những hạng mục điêu khắc ngoài trời. Nhờ sự ưu đãi của thiên nhiên với các điều kiện thuận lợi cho khai thác đá, người dân xã Ninh Vân đã biết sử dụng nguồn tài nguyên đá để sản xuất vật liệu xây dựng và cung cấp nguyên liệu cho làng nghề đá. Đã nhiều thế kỷ, nghề làm đá mỹ nghệ ở Ninh Vân được nối tiếp qua thế hệ và được lưu giữ cho đến hiện tại. Trải qua công đoạn từ một tảng đá thô cứng có thể nặng lên đến hàng tấn được xẻ nhỏ, tạo phôi, lựa chọn đá sao cho phù hợp với ý tưởng thiết kế để tận dụng triệt để số lượng đá; đến khâu lên ý tưởng trước một hòn đá vô tri vô giác và phải thể hiện được tỉ mỉ, tinh tế và sắc sảo trong từng đường nét thực hiện.

Nguồn đá núi cùng sự cần cù, khéo léo, sáng tạo trong lao động, người Ninh Vân đã tạo lập và phát triển nghề chế tác đá thành nghề đặc trưng của vùng đất Hoa Lư, Ninh Bình. Đến nay, phần lớn diện tích đất nông nghiệp đã được xã Ninh Vân chuyển đổi thành các khu sản xuất, chế tác đá, giãn dân thành các làng mới và xây dựng hạ tầng cơ sở cho các trụ sở làm việc của Nhà nước và các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân nằm trong vùng đệm của Quần thể Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Tràng An. Điều này, trong tương lai ngoài việc phát triển kinh tế làng nghề thì nơi đây còn có thêm hướng phát triển kinh tế du lịch văn hóa làng nghề, góp

phần mang lại giá trị kinh tế cho cư dân làng nghề.

1.4.2. Điều kiện kinh tế - xã hội và đặc điểm dân cư

Trong những thập niên gần đây, cơ cấu kinh tế của Ninh Vân đã chuyển dịch rõ nét từ mô hình nông thôn thuần nông sang mô hình kinh tế làng nghề, với nghề đá mỹ nghệ giữ vai trò trụ cột. Sự suy giảm tương đối của nông nghiệp, gắn với quá trình đô thị hóa, thu hẹp đất canh tác và mở rộng thị trường hàng hóa, đã thúc đẩy sự tái cấu trúc sinh kế của cư dân địa phương. Trong bối cảnh đó, nghề đá mỹ nghệ không chỉ là một hoạt động sản xuất truyền thống mà ngày càng mang tính kinh tế hàng hóa cao, thể hiện qua xu hướng chuyên môn hóa lao động, phân công sản xuất theo công đoạn và sự hình thành các cơ sở sản xuất – kinh doanh quy mô hộ gia đình mở rộng hoặc doanh nghiệp tư nhân.

Những biến đổi về kinh tế kéo theo sự chuyển dịch trong cấu trúc xã hội và quan hệ cộng đồng. Cư dân Ninh Vân chủ yếu là người Kinh, vốn có truyền thống cố kết cộng đồng làng xã bền chặt, dựa trên các thiết chế phi chính thức như gia đình, dòng họ và làng. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của kinh tế làng nghề, các quan hệ xã hội truyền thống này đang được tái định hình. Sự phân tầng nghề nghiệp ngày càng rõ nét, vai trò kinh tế của các thế hệ trẻ gia tăng, trong khi vị thế của các chuẩn mực truyền thống trong tổ chức đời sống gia đình và dòng họ có xu hướng suy giảm hoặc biến đổi linh hoạt hơn. Những thay đổi này tạo ra các căng thẳng và điều chỉnh mới trong việc duy trì, truyền thừa và thực hành các giá trị văn hóa của làng nghề đá mỹ nghệ.

1.4.3. Lịch sử hình thành làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Ninh Vân

Theo tư liệu trong cuốn *Địa chí Ninh Bình*, các nhà nghiên cứu khảo cổ đã tìm thấy ở vùng đất Hoa Lư một số rìu đá thuộc hậu kỳ đá mới. Như vậy, có thể đưa ra nhận định từ thời đại đồ đá mới đã có dấu tích của con người sinh sống trên vùng đất Hoa Lư. Đến thời Hùng Vương, theo truyền thuyết thì cả Vua lẫn con rể là các tướng lĩnh đều đã qua lại vùng đất Ninh Bình. Một số nơi

thờ các nhân vật thời các Vua Hùng, như thờ Tản Viên Sơn Thánh ở đền Kê Thượng, đền Kê Hạ (xã Ninh Vân, thành phố Hoa Lư) [92, tr.308-309].

Theo tư liệu của tác giả Nguyễn Văn Trò, tương truyền, vào thời các Vua Hùng, một lần Tản Viên Sơn thánh và Quý Minh cầm quân đi đánh giặc, bị quân Thục vây kín. Hai ông chưa tìm được cách phá vòng vây, bèn cho người vào chùa Kim Kê nằm ở chân núi Kê Thượng, gần đền Thượng, thuộc thôn Thượng để lễ Phật... Truyền thuyết này là hạt nhân hình thành hội Tam thôn, được tổ chức vào ngày mùng mười tháng ba hằng năm, trùng với thời điểm diễn ra lễ hội Đền Hùng. Qua truyền thuyết ở địa phương, có thể khẳng định, các làng này đã có người sinh sống từ thời đại các Vua Hùng [117, tr.24]. Tuy nhiên, tư liệu này cần được minh chứng thêm bằng các nguồn tư liệu khác.

Dưới thời Lê Kính Tông, niên hiệu Hoảng Định (1601-1619), người dân Côn Lãng đã xây dựng lại cụm di tích tín ngưỡng gồm 03 đền: Đền Kê Thượng ở dưới chân núi Kim Kê, thuộc thôn Thượng, thờ vọng Hùng Vương Quốc Tổ và Đức Tản Viên Sơn Thánh; Đền Kê Hạ (còn gọi là đền Rậm) tọa lạc dưới chân núi Rậm - một quả núi rất nhỏ nằm ngoài hệ thống các dãy núi được ghi chép trong *Đồng Khánh địa dư chí* [84], thuộc thôn Hệt, thờ Nguyệt Nga công chúa, tương truyền là con gái Vua Hùng; Đền Miếu Sơn tọa lạc dưới chân Miếu, thuộc làng Phú Lãng, thờ Tam vị Đức Ông (Tản Viên Sơn Thánh, hai Lạc tướng là Cao Sơn và Quý Minh).

Cuối thế kỷ XIX, theo *Đồng Khánh địa dư chí*, tổng Dương Vũ có 10 xã, thôn, trang (phần lớn là các thôn độc lập, không phải thôn phụ thuộc xã), trong đó có 2 xã và 1 thôn thuộc xã Ninh Vân ngày nay là (xã Côn Lãng hai thôn Thượng và thôn Hệt), xã Phú Lãng và thôn Xuân Áng [84]. Đến năm 1926, theo sách *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ* của Ngô Vi Liễn, 11 xã, thôn, trang của tổng Dương Vũ được nâng thành 11 xã: Bộ Đầu, Chân Lữ, Côn Lãng, Đông Hội, Đông Thịnh, Đông Trang, Mai Xá, Phú Lãng, Vũ Xá, Xuân Sơn, Xuân

Vũ. Tổng nhập thêm hai xã Hải Nham, Thiện Dưỡng (xã Thiên Dưỡng cũ) của tổng Lạn Khê huyện Yên Mô. Ba làng gốc hợp thành xã Ninh Vân ngày nay đều có dân số ít (làng Côn Lãng có 592 người, làng Phú Lãng có 298 người, làng Xuân Vũ 426 người). Tổng dân số của ba xã chỉ là 1.316 người [60].

Bàn về lịch sử nghề chế tác đá ở Ninh Vân, nhiều tư liệu lịch sử đã chứng minh, trong số các nghề thủ công truyền thống ở Việt Nam, chế tác đá là nghề có lịch sử lâu đời nhất, hàng vạn năm và phát triển bền bỉ; là một nghề mở đầu cho lịch sử tiểu thủ công nghiệp, thể hiện qua các công cụ đá trong các di chỉ khảo cổ học từ Núi Đọ (Thanh Hóa) đến các di chỉ buổi đầu thời đại đồng thau. Tuy nhiên, nghề chế tác đá mỹ nghệ là nghề đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao thì có lịch sử ngắn hơn, được xác định từ thời Bắc thuộc và bắt đầu có các thành tựu nổi bật bắt đầu từ thời kì tự chủ (thế kỉ X). Đá được sử dụng trong các công trình kiến trúc đền, đình, lăng tẩm, chùa... Sử cũ cho biết, nước ta có 03 trung tâm chế tác đá lớn thuộc các tỉnh Hải Dương, Thanh Hóa, Quảng Nam. Vùng đồng bằng sông Hồng có địa danh như làng Kính Chủ (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương). Sau này có thêm địa danh Ninh Vân (thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), hiện là một trung tâm chế tác đá sầm uất. Tại Ninh Vân vẫn còn những ngôi đình làng Thượng, làng Hệ, làng Xuân Vũ với lịch sử hơn 400 năm, dấu tích còn lại tại các di tích cho thấy đình được dựng từ thời Lê Cảnh Hưng.

Dựa trên các công trình nghiên cứu lịch sử, văn hóa trước đó và các di vật khảo cổ còn lại trên địa bàn, có cơ sở để khẳng định rằng nghề đá Ninh Vân đã xuất hiện từ thời Đinh – Lê, hoặc có thể sớm hơn, và được duy trì liên tục trong suốt tiến trình lịch sử. Qua khảo sát thực tế, nghiên cứu sinh cho rằng: nghề đá Ninh Vân hình thành từ thời Đinh – Lê, khi triều đại này xây dựng thiết chế nhà nước Đại Cồ Việt sau hơn 10 thế kỷ Bắc thuộc. Trong bối cảnh tinh thần tự chủ dân tộc được khẳng định, nhiều ngành nghề thủ công phục vụ cho quốc kế dân sinh như dệt, đúc đồng, rèn, mộc, làm gạch ngói, đục đá... phát

triển mạnh mẽ. Những cổ vật bằng đá còn lại ở khu di tích Cổ đô Hoa Lư cho thấy khả năng chúng được tạo tác bởi chính thợ đá của làng Ninh Vân. Để đáp ứng nhu cầu xây dựng và trang trí cho trung tâm quyền lực đương thời, các làng nghề thủ công truyền thống trong đó có làng đá Ninh Vân hình thành như vệ tinh phục vụ trực tiếp cho triều đình. Cùng với Ninh Vân, nhiều làng nghề khác như làng thêu Văn Lâm, làng mộc Phúc Lộc, làng gốm Bô Bát... vẫn đang duy trì và phát triển trong thời kỳ CNH-HĐH.

1.4.4. Những làng nghiên cứu trọng điểm của luận án: Thượng, Hệ, Phú Lãng và Xuân Vũ

Trên cơ sở khảo sát tổng thể xã Ninh Vân, luận án xác định phạm vi không gian nghiên cứu trọng điểm tập trung vào bốn làng: Thượng, Hệ, Phú Lãng và Xuân Vũ. Việc lựa chọn các đơn vị cư trú này không mang tính ngẫu nhiên, mà dựa trên những căn cứ khoa học về tính kế thừa di sản, tính điển hình trong biến đổi xã hội, cũng như yêu cầu bảo đảm độ sâu phân tích của nghiên cứu định tính.

Trước hết, bốn làng trên được xác định là các “làng lõi” (core villages) của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, tức những địa bàn có lịch sử hình thành và phát triển nghề lâu đời nhất. Trong tiến trình lịch sử, đây là không gian phát tích, lưu giữ và truyền thừa các tri thức nghề nghiệp, bí quyết công nghệ truyền thống, đồng thời là nơi định hình và duy trì hệ giá trị văn hóa tinh thần cốt lõi của làng nghề. Sự hiện diện của các công trình kiến trúc đá cổ, dấu tích không gian sản xuất truyền thống cùng đội ngũ nghệ nhân cao niên tại các làng này tạo nên một hệ quy chiếu di sản tương đối hoàn chỉnh, cho phép luận án tiếp cận và phục dựng diện mạo văn hóa làng nghề trong trạng thái truyền thống một cách có cơ sở.

Thứ hai, xét dưới góc độ động thái phát triển đương đại, đây cũng là những khu vực có quy mô kinh tế làng nghề và tốc độ hiện đại hóa cao nhất

trong phạm vi toàn xã. Sự tập trung mật độ lớn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất quy mô vừa và lớn, cùng với việc ứng dụng công nghệ mới và mở rộng mạng lưới giao thương đã biến bốn làng này thành những “không gian thực nghiệm” điển hình của quá trình biến đổi văn hóa làng nghề. Tại đây, sự tương tác giữa các yếu tố nội sinh (truyền thống nghề, cấu trúc làng xã, quan hệ cộng đồng) và các yếu tố ngoại sinh (thị trường, công nghệ, chính sách) diễn ra với cường độ cao, làm bộc lộ rõ những biến đổi trong tổ chức không gian làng xã, quan hệ lao động và tư duy thẩm mỹ nghề nghiệp. Việc lựa chọn bốn làng Thượng, Hệt, Phú Lăng và Xuân Vũ bảo đảm tính đại diện có chọn lọc (representative sampling) cho toàn bộ đối tượng nghiên cứu. Những biểu hiện biến đổi văn hóa vật thể và phi vật thể quan sát được tại đây không mang tính cá biệt, mà phản ánh các xu hướng chung của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong bối cảnh kinh tế thị trường và hiện đại hóa. Do đó, việc tập trung nghiên cứu chiều sâu tại không gian “lõi” này cho phép luận án rút ra những nhận định có giá trị khái quát, đồng thời vẫn bảo đảm độ tin cậy và tính thuyết phục của dữ liệu thực địa trong phân tích khoa học.

Tiểu kết

Chương 1 của luận án NCS tập trung nghiên cứu những nội dung về cơ sở lý luận, lịch sử làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Thông qua kết quả nghiên cứu, NCS đưa ra những nội cốt lõi chính như sau:

1/ Tổng quan về tình hình nghiên cứu: Các công trình nghiên cứu về văn hóa làng nghề Việt Nam đã được triển khai từ thời Pháp thuộc đến nay, với nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau. Những nghiên cứu này đã tạo nền tảng quan trọng để nghiên cứu và phân tích sự phát triển, thay đổi văn hóa làng nghề trong bối cảnh xã hội hiện đại. Tuy nhiên, các nghiên cứu về biến đổi văn hóa làng nghề vẫn còn thiếu, đặc biệt là chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về sự biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Đây

chính là khoảng trống trong nghiên cứu, tạo cơ hội để NCS tập trung nghiên cứu sâu hơn và đề xuất những góc nhìn mới về chủ đề này trong luận án.

2/Cơ sở lý luận: Ngoài việc làm rõ cơ sở lý luận liên quan đến đề tài, NCS cũng đã phân tích các khái niệm cơ bản như văn hóa làng, làng nghề thủ công, làng nghề truyền thống và sự biến đổi của văn hóa làng nghề. Đồng thời, chọn lý thuyết “Biến đổi xã hội” làm nền tảng lý luận cho đề tài nghiên cứu. Việc áp dụng lý thuyết biến đổi xã hội giúp NCS xác định rõ ràng hướng đi của đề tài và xây dựng được nội dung cho các chương luận án, từ đó giải quyết những vấn đề trọng tâm của luận án như: phân tích sự biến đổi văn hóa của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân thông qua các thành tố văn hóa vật thể và phi vật thể. Từ đó NCS đưa ra những vấn đề luận bàn về quá trình biến đổi văn hóa làng nghề dưới tác động của biến đổi xã hội, đồng thời đưa ra dự báo xu hướng biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong thời gian tiếp theo.

3/Về lịch sử làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân: Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân có một lịch sử lâu đời, với sự hình thành và phát triển gắn liền với điều kiện tự nhiên và tài nguyên đá phong phú. Ninh Vân không chỉ nổi tiếng với các sản phẩm đá mỹ nghệ mà còn là nơi lưu giữ di sản văn hóa đặc sắc qua các công trình kiến trúc đá như đình, đền, và chùa. Nghề chế tác đá tại Ninh Vân phản ánh sự kết hợp giữa môi trường tự nhiên, kỹ thuật thủ công và tín ngưỡng tâm linh của cộng đồng, tạo nên một văn hóa làng nghề độc đáo, mang tính bản địa cao. Hiện nay, vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau về nguồn gốc nghề đá ở Ninh Vân. Mặc dù chưa xác định được rõ tổ nghề, nhưng có thể khẳng định rằng nghề đá tại Ninh Vân đã tồn tại từ rất lâu, có thể trước cả khi kinh đô Hoa Lư được xây dựng. Một số giả thuyết cho rằng, các thợ đá Ninh Vân đã được triệu tập về kinh đô Hoa Lư để thực hiện các công trình xây dựng liên quan đến đá, đóng góp vào những công trình kiến trúc lớn của đất nước. Dựa trên các tài liệu lịch sử hiện có, có hai xu hướng nghiên cứu chính về nguồn gốc nghề đá ở Ninh

Vân: Một là nghề đá có từ thời kỳ Đinh - Lê, và hai là nghề đá có từ thời kỳ Lý - Trần. Dù vậy, một điều chắc chắn là nghề đá ở Ninh Vân đã hình thành từ trước khi Cố đô Hoa Lư được xây dựng. Các thợ đá từ các làng thuộc xã Ninh Vân ngày nay đã tham gia vào quá trình xây dựng các công trình tại Cố đô. Những dấu tích liên quan đến nghề đá tại di tích Cố đô Hoa Lư hiện nay là minh chứng rõ ràng cho sự gắn bó mật thiết giữa nghề đá và sự phát triển của vùng đất này. Đây không chỉ là minh chứng cho sự lâu đời của nghề, mà còn cho thấy vai trò quan trọng của các nghệ nhân Ninh Vân trong việc xây dựng, bảo vệ và phát triển di sản văn hóa của đất nước.

Chương 2

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN

2.1. Văn hóa vật thể

2.1.1. *Cảnh quan không gian làng nghề*

Không gian sinh sống của cư dân làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trước đây mang đậm nét truyền thống của cư dân đồng bằng Bắc Bộ, cuộc sống của người dân nơi đây gắn liền với thiên nhiên và phụ thuộc vào thiên nhiên.

Nguyên thủy, các con đường chính giữa các làng là đường đất, người dân đã tận dụng các phế phẩm trong quá trình làm nghề rải lên mặt đường. Việc này chỉ thấy xuất hiện ở các làng nghề đá và gốm ở nước ta. Đường giao thông ở Ninh Vân khá chật hẹp, đường chính chỉ rộng khoảng gần 2m, đường nhánh chỉ rộng từ 1 - 1,5m. Sở dĩ đường làng có kích thước nhỏ hẹp vì phương tiện vận chuyển nhỏ, thô sơ, chủ yếu là dùng sức người và sức vật... Ở các thôn, làng này đều có các đường chính và các đường phụ (đường xóm) nối liền với các đường chính. Trường hợp tại làng Xuân Vũ, xưa chỉ có 01 con đường đất chạy dọc làng và 11 đường ngõ, xóm, rộng 1,5 m. Đường làng nhỏ hẹp, uốn lượn qua các khu vườn của các hộ gia đình, thông ra những cánh đồng lúa bát ngát, tạo nên một không gian sống yên bình.

Không gian sinh sống của cư dân làng nghề đá Ninh Vân mang đậm nét truyền thống và gắn liền với thiên nhiên. Các ngôi nhà thường được xây dựng bằng các chất liệu vốn có trong làng như: gỗ, tre, nứa, đất, đá,... với mái lá, mái tranh và được xây theo kiến trúc nhà ngang, cấp bốn: “một gian - hai trái” (ba gian) hoặc “ba gian - hai trái” (năm gian), tạo nên sự hài hòa với cảnh quan xung quanh. Nội thất trong nhà đơn giản nhưng tinh tế, với các đồ dùng bằng gỗ hoặc đá được chạm khắc tỉ mỉ do những người thợ trong làng tạo ra. Ở Ninh Vân, nhà ở là một trong những thành tố khá đặc biệt của người dân, bởi tại đây

không chỉ là nơi sinh sống mà còn là nơi để sản xuất và bày bán các sản phẩm đá. Trong làng hiếm có nhà to, vì người dân không có điều kiện kinh tế nên việc đầu tư xây dựng rất khó khăn, người dân thường dành diện tích làm vườn trồng hoa màu, cây ăn quả và khu vực cho hoạt động sản xuất. Hầu hết cư dân làng nghề sinh sống và dựng nhà ở gần khu vực phía trong làng gần các dãy núi đá để tiện cho việc khai thác và vận chuyển đá, ngoài làng được “bao bọc” bởi những đồng lúa, ruộng hoa màu và những con kênh, con rạch nhỏ cung cấp nguồn nước cho cư dân nơi đây.

Khu vực công cộng: hầu hết các làng đều xây dựng hệ thống tín ngưỡng tôn giáo với các không gian thờ tự như: đình, đền, chùa, văn chỉ,... Điều đặc biệt là hầu hết các kiến trúc này đều được dựng ngay dưới chân các ngọn núi hoặc gần núi và nhiều di tích không lợp mái; Chợ làng là nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa của người dân. Chợ được dựng đơn sơ trên mảnh đất trống cạnh đình Xuân Vũ và chỉ sinh hoạt vào các ngày tư ngày tuần trong tháng.

Như vậy, trong truyền thống, các thôn/làng ở Ninh Vân có quy mô nhỏ, từ cảnh quan, đường xá đến nhà ở, cũng như khu sản xuất. Tùy vào diện tích mà người dân có cách bố trí hợp lý giữa không gian sinh hoạt và khu vực sản xuất.

2.1.2. Di tích lịch sử văn hóa

2.1.2.1. Di tích đình làng

* *Đình làng Thượng*, được làm lại vào thời Nguyễn, thờ Thành Hoàng làng là Quý Minh Đại Vương, có bố cục mặt bằng hình chữ “*Đinh*” (丁), gồm: đại đình và hậu cung. Kiến trúc được dựng theo kiểu tường hồi thu đốc, với các loại vật liệu truyền thống, như: bộ khung và vì kèo là chất liệu gỗ; lợp ngói vảy cá; quanh thềm bó vỉa đá xanh, có đôi rồng châu trước cửa; cột nền, hệ thống tường bao dùng vật liệu gạch. Đây là một công trình khá khang trang, với diện mạo kiến trúc truyền thống. Đồ thờ trong di tích đa dạng và phong phú, đặc biệt là các đồ thờ bằng đá, như: nhang án, bát hương, lọ hoa, cây đèn, ngoài ra, trong

đình còn ngai thờ, bài vị và sắc phong có niên đại thời Nguyễn. Hàng năm, lễ hội được tổ chức tại đình vào ngày 10 tháng Ba.

* *Đình làng Hệ*, nằm tiếp giáp đường chính của làng, được dựng lại vào những năm đầu của thế kỷ XX. Đình thờ Thành Hoàng làng là Quý Minh Đại Vương, có bố cục mặt bằng chữ “Đinh” (J), gồm 05 gian tiền tế và 03 gian hậu cung. Hệ thống vì kèo chịu lực đều được làm bằng gỗ, tường gạch bao che, phần móng được kê đá xanh, phần nền được gia cố vững chắc bằng vật liệu đá kê và bó vữa, phía trước hiên có các cột đá vuông, với chức năng chịu lực đỡ hệ mái dưới. Hiện vật trong đình, gồm ngai thờ, bài vị, sắc phong có niên đại thời Nguyễn; nhang án, lọ hoa bằng chất liệu đá; các đồ thờ khác, như bát bửu, chập kích, ngựa thờ, hoành phi, câu đối... được làm bằng chất liệu gỗ. Hàng năm, lễ hội đình được tổ chức vào ngày 10 tháng Ba.

* *Đình làng Xuân Vũ*, được xây dựng từ thời Hậu Lê (TK 18), với quy mô kiến trúc lớn hơn so với kiến trúc nhà dân dụng, thờ Đức Thánh Cả, có bố cục mặt bằng chữ *Nhị*, gồm đại đình (05 gian) và hậu cung (03 gian). Giữa hai đơn nguyên kiến trúc này là khoảng không gian rộng khoảng 3,5m, được coi là thiên tỉnh, lấy ánh sáng tự nhiên cho cả hai đơn nguyên kiến trúc. Trong đình bài trí các đồ thờ bằng chất liệu đá, do chính các nghệ nhân và thợ thủ công trong làng làm ra, tiêu biểu như: nhang án đá, sập đá, bát hương đá..., đặc biệt, còn một số sắc phong (có niên đại từ thời Hậu Lê đến thời Nguyễn), ngai thờ, bài vị, bia đá thời Nguyễn. Lễ hội kỷ niệm ngày sinh Thành Hoàng làng vào ngày 10 tháng Hai hằng năm.

2.1.2.2. Di tích đền

Từ thực tế khảo cứu tại xã Ninh Vân cho thấy, trong số các di tích ở đây có 03 di tích đền (đền Kê Thượng, đền làng Hệ, đền Miếu Sơn) có giá trị văn hóa, kiến trúc độc đáo được tạo dựng dựa vào các vách và mái đá tự nhiên. Việc sử dụng các mái đá tự nhiên làm nơi thờ tự không chỉ đơn thuần là sự thuận tiện

về mặt không gian, mà còn phản ánh tư duy vũ trụ quan và tâm linh đặc trưng của cư dân bản địa - nơi con người luôn gắn bó và hài hòa với thiên nhiên. Những mái đá này, khi được lựa chọn làm đền thờ, thường mang hình thể đặc biệt, mang lại cảm giác linh thiêng và được cộng đồng gán cho những giá trị tâm linh nhất định. Chính vì vậy, các đền đá tự nhiên tại Ninh Vân không chỉ là biểu hiện của sự khéo léo trong việc tận dụng địa hình, mà còn là minh chứng sinh động cho mối liên hệ giữa môi trường tự nhiên và đời sống tín ngưỡng dân gian. Trong không gian làng nghề, những di tích này giữ vai trò như các điểm kết nối văn hóa – lịch sử, đồng thời tạo nên bản sắc địa phương độc đáo mà khó có thể tìm thấy ở nơi khác. Khi trao đổi về các di tích đền được dựng dựa vào vách đá và mái đá tự nhiên, nhà nghiên cứu Trịnh Sinh cho rằng: Vách đá và mái đá tự nhiên ở Ninh Vân được hình thành ở các dãy núi đá vôi, đó là kết quả do quá trình kiến tạo tự nhiên được diễn ra hàng triệu năm. Đây là các vách đá dựng thẳng và có một phần đua ra tạo thành mái đá có kích thước to nhỏ khác nhau. Trong quá khứ, con người đã sử dụng các vị trí này vào các mục đích khác nhau như làm nơi cư trú, xưởng chế tác công cụ của con người thời tiền sử. Trong bối cảnh cụ thể ở Ninh Vân các mái đá đã được chuyển thành các ngôi đền phục vụ hoạt động tín ngưỡng cũng là hợp lẽ tự nhiên [PV, ngày 2/10/2024].

Khi nghiên cứu về di tích lịch sử - văn hóa và nghệ thuật chạm khắc đá tại Ninh Vân, điểm đầu tiên cần quan tâm tới là cụm di tích Tam thôn với những ngôi đền không có mái. Ở Ninh Vân, bộ bốn kiến trúc di tích không mái bằng đá này bao gồm: Đền Kê Thượng, đền Kê Hạ, đền Miếu Sơn. Ba di tích này đều được cấu tạo từ mái đá tự nhiên của các dãy núi Kim Kê (Núi Gà vàng) thuộc làng Thượng, núi Rậm thuộc làng Hệ, núi Miếu (Núi Đồng Độ) nằm giữa làng Phú Lãng và làng Thượng, núi Thiện Dưỡng thuộc thôn Dưỡng Thượng. Điều cơ bản ở đây cần có một sự lựa chọn, chỉnh trang, sáng tạo của cư dân các làng để có một di tích thờ tự độc đáo. Từ tìm kiếm mái đá, lựa chọn, chỉnh trang phần

cấu trúc có thể được rồi tiếp tục sắp đặt hợp lý các đồ thờ, tạo tác các mảng chạm khắc, các tác phẩm nghệ thuật tạo hình tượng xuất phát từ sự liên tưởng đến cấu trúc đền thờ, xây dựng thêm cổng đền và các công trình phụ trợ khác phục vụ nghi thức, nghi lễ của cộng đồng, đặc biệt là vào dịp lễ hội Tam thôn. NCS cho rằng, từ việc tìm kiếm địa điểm, chỉnh trang phù hợp với nhu cầu sử dụng, sáng tạo các giá trị văn hóa (các đồ thờ...) người dân nơi đây đã biến các mái đá tự nhiên thành các ngôi đền thờ không có mái, có giá trị và đã được Nhà nước xếp hạng là di tích cấp Quốc gia từ năm 1997.

Đền Kê Thượng (làng Thượng): Thờ vọng Hùng Vương - Quốc Tổ và tam vị Đức Ông (Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh). Trong đền có 02 ban thờ khác nhau: Ban thờ Đức Thánh Cả được đặt trên vách núi, có nhiều hiện vật có giá trị lịch sử, nghệ thuật, chạm khắc tinh tế. Trên cùng là nơi thờ của Thánh với các hiện vật tuy không cùng niên đại song vẫn tạo thành một bộ phận ngai kếp lớn nhỏ lồng nhau. Bên ngoài ở trục trung tâm là một nhang án đá và sập thờ. Những mảng chạm nổi ở trên thành của các hiện vật này thể hiện sự tài khéo của người thợ đá. Phần trang trí dạng phù điêu sau ngai thờ được tạc thẳng vào vách núi có hình thức như một gian thờ chạm nổi, như một tấm bia, phía trên cùng giống như trán bia có đôi rồng uốn hình yên ngựa tạo thành 04 khúc đang châu mặt trời với các hoa văn nổi khối tỏa đao mác. Hình thức trang trí này mang cấu trúc như một gian thờ chạm nổi - tương tự một tấm bia đá - trong đó phần trán được tạo hình đôi rồng uốn cong hình yên ngựa, chia thành bốn khúc hướng về phía mặt trời, kết hợp với hoa văn nổi khối tỏa đao mác sắc nét. Phần thân phù điêu được chia làm ba dải dọc (gọi là “đố”), trong đó hai dải hai bên thể hiện hình rồng uốn lượn từ trên xuống, châu vào trung tâm. Tại vị trí trung tâm của “đố” giữa là hình ảnh rồng nằm lọt trong khung hình tròn - thường được gọi là “vành khăn” - biểu tượng cho quyền lực và phẩm vị thiêng liêng. Chia sẻ về sự độc đáo này, ông Nguyễn Đức Chiến (nghệ nhân, làng Hệt) trong

cuộc phỏng vấn hồi cố cho biết: Các cụ đời trước chọn vách núi Kim Kê để dựng đền không chỉ vì gần nguồn đá, mà vì quan niệm thần núi thì phải ngự ở trong núi. Những mảng chạm rồng trên vách đá này không phải tạc từ ngoài rồi gắn vào, mà là anh em thợ xưa treo mình trên dây, đục trực tiếp vào núi đá nguyên khối. Đó là sự cung kính cao nhất của thợ đá Ninh Vân dành cho các vị Thánh Cao Sơn, Quý Minh [PV, ngày 12/08/2025]. Theo cách giải mã biểu tượng, hình ảnh này gợi liên tưởng đến tư cách “Thiên tử” của đức thánh được thờ. Theo nhà nghiên cứu văn hóa - mỹ thuật Trần Lâm Biên cho biết, hình tượng này như muốn nói nên phẩm vị của đức thánh, ngài mang tư cách như con trời (Thiên tử). Tính điêu khắc của hệ thống chạm đá này còn được nhân lên bởi các đường gờ chia các bộ phận trang trí ra thành những mảng chạm khác nhau. Cũng theo nhà nghiên cứu văn hóa - mỹ thuật Trần Lâm Biên cho rằng, những đường gờ nổi đó đã tạo nên khung nghệ thuật và đẩy mảng chạm sâu vào phía bên trong, đó là một tài năng gắn với tư duy nghệ thuật của những nghệ nhân tạc đá Ninh Vân [PV, ngày 6/10/2024].

Đền Kê Hạ (làng Hẹ): Đây là ngôi đền được tạo dựng không có mái, lộ thiên dưới chân ngọn núi. Phía trên vách đá có phần mái đá đưa ra với chiều dài khoảng 2m, xung quanh có nhiều cây xanh. Tương truyền di tích này thờ Nguyệt Nga Công chúa, là con gái của Vua Hùng. Về cơ bản kiến trúc của đền giống với kiến trúc đền Kê Thượng. Đáng chú ý là có bộ tượng đá tam hổ được đặt ở phía trước cổng đền. Và theo nhà nghiên cứu văn hóa - mỹ thuật Trần Lâm Biên cho biết, người xưa đã lấy con hổ làm biểu tượng cho thần trị thủy, bởi trong ba con hổ có một con to nhất đang dùng chân và móng vuốt quặp chặt lấy một con rắn (một loài tượng trưng cho thủy quái gây lụt lội...). Ở cụm di tích này vị thế của thần Tản Viên Sơn thánh luôn được đề cao và phụng thờ. Trong phần viết về Tổ nghề đá, ở Ninh Vân không có đền thờ Tổ nghề. Điều nổi lên ở đây là thờ thần núi Cao Sơn Đại Vương, đây không chỉ là thần núi cai quản vùng nguyên liệu

mà ngài còn được phong là Bách nghệ tổ sư - Vị thần trăm nghề. Tuy nhiên thông qua câu chuyện Sơn Tinh - Thủy Tinh đã biểu hiện Sơn Tinh còn là vị thần chống lụt, một anh hùng văn hóa khi người Việt bắt đầu khai phá vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Vì vậy, trong trường hợp ở đây thần Sơn Tinh và hình tượng hổ đều thể hiện một ước vọng lớn của cư dân nông nghiệp lúa nước, một mặt muốn có nguồn nước để cấy cày, mặt khác muốn thành quả cấy trồng không bị lụt lội hủy hoại. Tiếp dẫn vào trong ban thờ chính là cổng đền bằng đá, cổng có kích thước vừa đủ cho người ra vào. Trên phần kiến trúc cổng, các chi tiết chạm khắc thể hiện hình tượng đôi rồng nổi châu mặt trời phía trên, và đôi lân ở phần chân cổng. Tuy chỉ là phù điêu, nhưng kỹ thuật thể hiện rất tinh xảo, mang đậm đặc trưng mỹ thuật thế kỷ XVII. Với bố cục cân đối và phong cách điêu khắc cổ điển, đây có thể xem là một nghi môn tiêu biểu, có giá trị tham khảo trong công tác bảo tồn và trùng tu các công trình kiến trúc tín ngưỡng truyền thống. Trao đổi về di tích này, ông Đỗ Khắc Thái (nghệ nhân, làng Hệ) chia sẻ hồi tưởng: Hồi tôi còn nhỏ, các cụ thợ già thường dẫn chúng tôi ra đây xem tượng hổ để dạy về cách tạo hình khối. Tượng hổ quắp chặt loài thủy quái không chỉ để trấn giữ cửa đền, mà còn là lời nhắc nhở về sự chế ngự thiên nhiên. Người thợ làng Hệ nhìn đá núi mà ra hình tượng, lấy vách đá làm mái đền, đó là cái đạo 'sống nhờ đá, chết gửi xác vào đá' của vùng đất này [PV, ngày 14/08/2025].

Đền Miếu Sơn (làng Phú Lãng): Thờ Tam vị Đức Ông - Là những vị tướng huyền thoại của Vua Hùng. Ngôi đền này có diện tích không gian nhỏ nhất trong cụm di tích đền thờ bằng chất liệu đá. Phía trên vách đá có phần mái đua ra khoảng 1,5m, người dân đã lấy đó làm mái cho ngôi đền và đặt hai ban thờ phía dưới với các đồ thờ như ngai, bát hương, lọ hoa đài nước... đều được làm từ chất liệu đá do chính người thợ ở Ninh Vân tạo tác. Hiện vật có giá trị lịch sử, nghệ thuật nhất là đôi ngai thờ không có họa tiết trang trí nhưng đã được tạo tác các đường gờ nổi khá đẹp. Một sập thờ bằng đá nhỏ có chạm khắc

đôi rồng châu mặt trời. Những đồ thờ ở đây cũng có cùng niên đại với các đồ thờ ở đền Kê Thượng và Kê Hạ, chúng mang nét đẹp về bố cục hình khối nhưng nhẹ nhàng, mềm mại về trang trí phù điêu, tiêu biểu cho loại hình kiến trúc đá.

Từ những lời chia sẻ đầy tâm huyết của nghệ nhân lão thành, có thể nhận thấy quan niệm về các “Đền không mái” tại Ninh Vân không thuần túy là sự giản lược về mặt kiến trúc, mà là một minh chứng sắc sảo cho triết lý ứng xử với thiên nhiên của cộng đồng thợ đá cổ truyền. Dưới góc nhìn Văn hóa học, hiện tượng này phản ánh sự giao thoa giữa tín ngưỡng bản địa và điều kiện sinh thái nhân văn đặc thù của vùng núi đá vôi Hoa Lư.

Việc tận dụng vách núi làm hậu cung và vòm đá làm mái che không chỉ thể hiện khả năng thích ứng linh hoạt, "thuận thiên" của cư dân, mà còn xác lập một kiểu thức thẩm mỹ độc bản: kiến trúc hòa tan vào đại ngàn. Theo quan niệm của chủ thể văn hóa, việc tạc rồng, phượng trực tiếp lên vách đá nguyên khối (thạch tạo) chính là cách thức để linh hóa không gian, biến núi đá vô tri thành những thực thể có linh hồn, bảo chứng cho sự trường tồn của dòng tộc và nghề nghiệp. Trao đổi về những di tích đền không mái này, ông Phạm Văn Hoàn (nghệ nhân làng Xuân Vũ) cho biết: Cái độc đáo của đền Kê Thượng, Kê Hạ là ở chỗ 'thiên nhân hợp nhất'. Người thợ đá Ninh Vân vốn sống dựa vào núi, nên khi thờ Thánh, các cụ muốn tận dụng chính cái 'mái che' của trời đất tạo ra. Mái đá tự nhiên ấy nó bền vững ngàn năm, không lo mục nát như gỗ tre. Vả lại, đền không mái để đón linh khí của trời đất thông suốt xuống ban thờ. Thợ mình tạc rồng, tạc hổ trực tiếp vào vách núi là để thần linh hòa làm một với hồn núi rừng nơi đây [PV, ngày 14/08/2025].

Cụm di tích đền làng Xuân Vũ: 1/đền Thượng, hướng Tây Nam, khởi dựng từ thời Mạc, được dựng lại vào thời Nguyễn, thờ Đức Thánh Ông. Kiến trúc hiện nay gồm 2 gian với mái đao cong, cửa vào từ phía đầu hồi. Đây là một dạng kiến trúc phổ biến ở phương Nam và ở miền Bắc xưa. Các bộ vì được làm

bằng chất liệu gỗ lim và táu, hệ tường bao xây gạch, mái lợp ngói; 2/*Đền Trung*, hướng Tây Nam, cách văn chỉ và chùa Xuân Vũ khoảng 300m, được dựng lại vào thời Nguyễn, thờ Đức Thánh mẫu Nguyệt Nga công chúa. Diện mạo khá khang trang và bề thế, mặt bằng kiến trúc hình chữ “Nhị”, gồm tiền tế và hậu cung, phía ngoài có nghi môn trụ bằng đá. Các bộ vì được làm bằng chất liệu gỗ lim và táu, hệ tường bao xây gạch, mái lợp ngói, tường bao di tích bằng đá khối lớn, có trang trí hoa văn; 3/*Đền Tú Sơn*, nằm ở cuối làng (lối đi sang thôn Hệ) trên gò đất cao, thờ Đức Ngọc Thanh, xung quanh là không gian đất trống. Đền chỉ là một đơn nguyên kiến trúc gồm 03 gian, với 03 lối cửa vòm nhỏ đi vào. Kết cấu tường xây bằng vôi và gạch, mái lợp ngói ống. Phía ngoài, hai bên tường đắp tượng quan võ đứng hầu, mặt hướng nhìn ra khoảng sân nhỏ. Trong đền có ban thờ thần linh, với ngai, bài vị và các đồ thờ khác, như bát hương, lọ hoa, cây đèn..., được làm bằng đá, do thợ làng nghề làm ra.

2.1.2.3. Di tích chùa

Chùa Xuân Vũ (làng Xuân Vũ): Chùa Xuân Vũ là một quần thể gồm ba ngôi chùa (chùa Thượng, chùa Trung và chùa Hạ) được xây dựng tựa lưng vào triền núi đá, chùa Thượng và chùa Trung được xếp dọc theo sườn núi từ thế núi cao tới thấp với diện tích nhỏ, hẹp, được bố trí đồ thờ tự đơn giản với tượng phật, bát hương đá mâm bông, chân nến... bằng đá nhỏ, không gian thờ tự đủ cho 2-3 người vào lễ phật. Chùa Hạ có bố cục kiến trúc kiểu chữ “Công” (工), gồm: tiền đường, thiêu hương và thượng điện, ngoài ra, còn có nhà thập điện, lầu chuông, gác trống... Quang cảnh chùa thoáng đãng, không khí thanh u. Theo các bậc cao niên cho biết, chùa Xuân Vũ làm một trong những ngôi chùa cổ của tổng Ninh Vân xưa. Trong chùa có 25 pho tượng gỗ, được tạo tác khá tinh xảo, mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn.

Chùa Thiên động Tháp (làng Dưỡng Thượng): Trong truyền thống đây là một di tích đá có quy mô nhỏ dựa vào mái đá thiên tạo giắt 3 cấp với độ sâu

khoảng 3,5m được hình thành do quá trình kiến tạo của tự nhiên. Mái đá này không ở chân núi mà ở trên cao giống như động Hình Bồng trong tổng thể di tích chùa Hương (Hà Nội). Từ mái đá tự nhiên này, người dân đã tạo dựng ngôi chùa thờ Phật với ban thờ bằng đá có kích thước nhỏ, trên đó có bài trí 02 pho tượng Phật bằng chất liệu đá với kích thước nhỏ, được tạo tác khá công phu, tỉ mỉ. Phía trên mái đá có chạm 03 chữ Hán lớn “Thiên Cung động” (Động Thiên Cung). Phía trước cửa chùa có dựng tháp Tu di tạc chất liệu đá. Theo khảo sát cho thấy, trong không gian di tích này có một tháp đá cổ do người thợ chạm đá Ninh Vân dựng lên vào thời Lê Trung Hưng (1654 - 1671). Tháp mộ này có tên gọi là tháp Minh Đức với đặc điểm như: Tháp gồm 03 tầng, đỉnh tháp thu nhỏ và có đặt một hồ lô chất liệu đá, mỗi tầng tháp được tạo nên bởi ba hàng đá chồng khít lên nhau, ở mỗi tầng đều tạo mái với 04 mũi lượn uốn cong. Trên cửa tháp có đề 03 chữ Hán lớn “Minh Đức tháp”, phần đề tháp giạt 03 cấp, loe rộng xuống phía mặt đất, trong đó đề trên tạo bộ sen với hai lớp cánh với đường nét chạm khá tỉ mỉ. Theo người trông nom tại chùa này cho biết: “Đây là một ngôi tháp đá cổ của chùa, được cộng đồng dựng lên để thờ một vị Công chúa họ Trịnh (vì không có con nên đã về đây tu và lập chùa dưới thời Lê Trung Hưng). Ngôi tháp này là một phần kiến trúc gắn liền với ngôi chùa, để từ đó tạo lên cái tên đặc trưng hiếm có “chùa Thiên động Tháp” ở vùng đất Ninh Vân từ xưa.

Như vậy, những ngôi chùa ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân mang đậm bản sắc riêng có của làng nghề mà người xưa đã dồn nhiều tâm sức để tạo dựng nên. Từ vị trí dựng chùa cho đến các sản phẩm đồ thờ tự trong chùa đều liên quan ít nhiều đến đá, được tạo tác bởi bàn tay khéo léo của các nghệ nhân xưa và thể hiện những giá trị văn hóa truyền thống của làng nghề.

2.1.2.4. Di tích văn chỉ

Ninh Vân có 04 di tích văn tại làng Hệ, làng Phú Lăng, làng Xuân Vũ và

làng Chấn Lữ được dựng lộ thiên (không có mái, không có tường bao) tại mô đất cao nằm trong khu vực trồng cây của làng (rìa làng, cuối làng), dưới những tán cây cổ thụ xanh mát. Cụm di tích văn chỉ được thiết kế giống nhau về bố cục, chất liệu, hoa văn, họa tiết chạm khắc. Văn chỉ có kiến trúc đơn giản gồm: ban thờ và đồ thờ tự (bát hương, lọ hoa, chân đèn, mâm bông,...) với chất liệu đá được chạm khắc đơn giản (cánh sen, dây cúc, sóng nước,...). Có lẽ cả bốn di tích văn chỉ này đều do một tập thợ đá tạo tác và lắp đặt. Căn cứ vào các họa tiết trang trí trên các bệ đá thì những văn chỉ nơi đây có niên đại vào thời Nguyễn (cuối thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20). Người dân các thôn ở Ninh Vân coi những văn chỉ là một cơ sở tín ngưỡng để hành lễ mỗi khi có sự kiện gắn liền với học hành, thi cử hoặc các gia đình gửi con đi học nghề đục đá. Các gia đình ở Ninh Vân đều đưa con em đến văn chỉ để làm lễ với mong ước con em của họ sẽ học hành tốt và đạt được kết quả như mong muốn. Trong truyền thống làng xã Việt, văn chỉ thường được xây dựng để thờ Khổng Tử và các bậc Tiên hiền, thể hiện tinh thần trọng đạo học và tôn sư trọng đạo của cộng đồng cư dân. Loại hình kiến trúc này bắt đầu xuất hiện từ thời Lê Trung Hưng, phổ biến ở nhiều làng Việt, với kết cấu thường thấy là ba gian theo kiểu chữ Nhất, chữ Nhị hoặc chữ Đinh. Văn chỉ được xem như một dạng đền nhỏ ở cấp làng xã, trong khi văn miếu là kiến trúc tương đương ở cấp quốc gia. Trước thời Nguyễn, văn miếu chỉ được xây dựng tại kinh đô, còn các địa phương chủ yếu dựng văn chỉ. Tùy theo mức độ khoa bảng của làng, văn chỉ có thể được xây dựng với quy mô khác nhau. Mặc dù Ninh Vân không phải là vùng đất có truyền thống khoa cử rục rờ hay nhiều người đỗ đạt cao trong hệ thống học vị Nho học xưa, song do đặc thù của nghề đá gắn với việc chế tác các sản phẩm như hoành phi, câu đối, văn bia... nên nhu cầu sử dụng chữ Hán tại đây rất phổ biến. Chính điều đó đã thúc đẩy phong trào Hán học ở Ninh Vân phát triển mạnh hơn so với nhiều làng quê khác. Khả năng đọc hiểu và khắc chữ Hán không chỉ là yêu cầu nghề nghiệp, mà còn

trở thành một yếu tố văn hóa quan trọng, góp phần hình thành lớp người thợ am hiểu Nho lý và văn hóa truyền thống. Có lẽ cũng từ nền tảng đó mà tại Ninh Vân xuất hiện khá nhiều văn chỉ – thiết chế văn hóa mang tính Nho giáo – để thờ Khổng Tử và tôn vinh đạo học, cho thấy sự giao thoa độc đáo giữa nghề thủ công và tinh thần tôn sư trọng đạo trong đời sống văn hóa làng nghề.

Qua nghiên cứu thực địa tại làng nghề Ninh Vân, có thể nhận thấy vật liệu đá giữ vai trò trung tâm trong việc kiến tạo không gian di tích tín ngưỡng. Khoảng 30-40% các di tích ở đây sử dụng hoàn toàn chất liệu đá – từ cấu trúc kiến trúc đến hệ thống đồ thờ, trong đó nhiều công trình được sắp đặt dựa theo địa hình vách núi, mái đá tự nhiên, kết hợp với việc khai thác và chế tác đá tại chỗ. Việc sử dụng đá không chỉ là kết quả của điều kiện địa lý thuận lợi, mà còn là biểu hiện sâu sắc của văn hóa nghề, nơi kỹ thuật chế tác đá và tín ngưỡng dân gian hòa quyện thành một chỉnh thể biểu tượng. So với nhiều làng truyền thống khác sử dụng chủ yếu gỗ, gạch hoặc đất nung, hệ thống di tích đá tại Ninh Vân tạo nên một hình thức bản địa hóa tín ngưỡng đặc sắc, phản ánh sự gắn kết giữa môi trường tự nhiên, kỹ thuật thủ công và đời sống tinh thần của cộng đồng. Các đền, miếu, văn chỉ bằng đá ở đây không chỉ là những công trình tôn giáo, mà còn là những “bảo tàng sống,” lưu giữ ký ức nghề, kỹ thuật điêu khắc và bản sắc văn hóa độc đáo của làng nghề đá nổi tiếng này. Để làm rõ về các di tích truyền thống được xây dựng tại làng nghề, NCS đã tiến hành khảo sát ý kiến của cộng đồng cư dân địa phương. Kết quả khảo sát thu được như sau:

Bảng 1: Kết quả khảo sát cộng đồng cư dân xã Ninh Vân về các di tích trong truyền thống tại làng nghề

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đình	622	100%
2	Chùa	621	100%

3	Đền	621	100%
4	Văn chỉ	489	78%
5	Đền thờ tổ nghề	67	11%
6	Không rõ	0	0%
Tổng		2420	388%

[Nguồn: NCS tập hợp và thống kê, năm 2025]

Kết quả khảo sát cho thấy cộng đồng Ninh Vân nhận thức rõ về các di tích truyền thống như đình, chùa, đền và văn chỉ, với 100% người tham gia khảo sát biết về đình, chùa, đền và 78% biết về văn chỉ. Tuy nhiên, chỉ có 11% cho biết có di tích thờ tổ nghề, điều này phản ánh sự tồn tại của tín ngưỡng thờ tổ nghề trong cộng đồng khá mờ nhạt và thiếu di tích riêng biệt để thờ phụng tổ nghề.

2.1.3. Công cụ sản xuất

Công cụ của nghề chạm khắc có nhiều loại, mỗi loại có nhiều kiểu sử dụng trong các công đoạn kỹ thuật, nhất là kỹ thuật chế tác, chạm khắc sản phẩm, công trình kiến trúc, nghệ thuật. Về cơ bản, trước đây người thợ đá ở làng nghề Ninh Vân dùng các loại công cụ cho chạm khắc đá như:

- Búa: có nhiều loại búa khác nhau dùng cho từng công đoạn khác nhau trong quá trình chế tác: 1/Búa tạ: Có trọng lượng từ 3-5kg, được làm bằng thép dùng đóng, đập (nện) lên nê (chét) nhằm tạo lực tác động lớn nhằm tách đá từ phiến to thành những phiến nhỏ theo kích thước mong muốn của người thợ. Búa thường được sử dụng ở công đoạn khai thác nguyên liệu, chia tách nguyên liệu, tạo phom sản phẩm; 2/Búa phác: làm bằng thép với trọng lượng từ 2-2,5kg, mặt cắt hình vuông sắc, cán gỗ ở giữa, dùng để vạt (cắt) khối đá thừa so với mẫu sản phẩm và sử dụng cho công đoạn đục phá định hình phôi; 3/Búa tay: làm bằng thép nặng 1-1,2kg, mặt cắt hình vuông, dùng trong việc chém cạnh thừa có cỡ nhỏ trong khâu tạo tác ban đầu trước khi vào công đoạn đục chi tiết sản phẩm.

- Nê (chét): là dụng cụ dùng để tách đá. Mặt cắt của chét là hình thang

cân hai chiều có kích thước khá đa dạng, tùy thuộc vào kích thước của phiến đá cần tách. Khi đóng chết, người ta thường có sự hợp lực đều nhịp của 2-3 người thợ tùy thuộc vào khối lượng viên đá, khi hốc chết đã hoàn thành người thợ dùng búa tạ tách đá. Đóng nêm là một công việc vừa nặng nhọc vừa cần độ chính xác, khéo léo. Người thợ có thể đóng nêm theo nhiều tư thế tùy thuộc vào chiều của thợ đá. Đây là công việc nguy hiểm và khó khăn, vì vậy người thợ phải có nhiều kinh nghiệm và khả năng làm việc tốt.

- Xà beng: được làm bằng thép có đường kính 20-25cm, dài từ 1,5-2m sử dụng để bẩy đá khi đã đánh nêm (chết) đá.

- Vồ: Trong quá trình sản xuất, vồ chiếm vị trí khá quan trọng trong chế tác từ khâu đầu đến khâu cuối hoàn thành sản phẩm, có hai loại vồ: 1/Vồ mỗi có đường kính 14-18cm với cán vồ được làm bằng gỗ kiêng, có trọng lượng từ 1,5-2kg dùng tác động lên đục và ve mỗi với đường kính lớn; 2/ Vồ sôm có đường kính, trọng lượng nhỏ hơn vồ mỗi, được dùng song song với vồ mỗi. Vồ mỗi và vồ sôm thường dùng trong công đoạn bóc phôi; 3/Vồ chạm làm bằng gỗ đường kính 10-12cm thường dùng trong công đoạn chế tác nhằm tác động lên đục để tạo độ nông, sâu, độ chênh của sản phẩm trong quá trình chạm khắc. Có thể nói, vồ là loại công cụ độc đáo trong bộ đồ nghề của người thợ đá Ninh Vân. Người thợ đã sáng tạo từ chiếc vồ đập đất (dùng trình tường nhà đất) thành công cụ trong nghề chế tác đá, thông thường người thợ tự làm hoặc mua trong phạm vi làng và chỉ có ở trong chợ làng hay các gia đình thợ đá Ninh Vân mới có loại công cụ này. Người ta thường làm thân vồ có mặt vát vào trong thu nhỏ về phía tay cầm khoảng 25 độ. Với hình dáng như vậy, khi đóng lực đập sẽ tập trung vào mặt giữa của vồ. Trọng lực đóng mạnh mà cui không bị quay ngang, tay cầm ít chịu tác động của lực phản nên đỡ bị chối tay.

- Đục: Được làm từ thép hợp kim rất tốt đảm bảo yêu cầu rèn sắc, nhọn, "bén đá". Có nhiều loại đục, tùy thuộc vào công việc chuyên sâu để người thợ lựa chọn mũi đục: 1/Đục tù cho công đoạn đục phá các hốc (lỗ), chết (nêm); 2/Đục

nhọn cho công đoạn tạo tác, tĩa họa tiết, hoa văn; 3/Đục bẹt (bạt trơn) dùng cho công đoạn hoàn thiện sản phẩm.

- Ve: Có ba loại dụng cụ được làm bằng thép, mỗi công đoạn người thợ lựa chọn từng loại ve khác nhau: 1/Ve mũi có mũi bẹt hình thang cân 2 chiều mặt cắt hình chữ nhật, dùng trong công đoạn hoàn thành hốc chét sau khi hốc chét đã được đục mũi; 2/Ve trơn có mũi bẹt rộng dùng để lên khối, đi nét, tĩa các chi tiết hoa văn trên bề mặt đá; 3/Ve răng hình dáng như ve trơn nhưng đầu mũi có nhiều răng nhỏ tầm một li dùng để bạt phần nẹp chỉ (là phần nền xung quanh các họa tiết hoa văn, người thợ phải làm phẳng bề mặt khoảng không thấp xuống so với họa tiết chạm khắc chính, để họa tiết hoa văn nổi lên trên nền đá).

- Khoan: dùng để là dụng cụ dùng để lắp mũi bằm có răng và cũng tác dụng như ve rang. Người thợ thường dùng khoan cho những loại đá chất liệu cứng, kích thước lớn, nhằm tiết kiệm thời gian và công sức đục, chạm sản phẩm.

- Thước: có ba loại thước chính: 1/Thước vuông (thước nách) là loại thước làm bằng sắt, hình tam giác vuông cân, chiều dài cạnh vuông 0,5cm. Trên mặt thước có phân chia rõ các tỷ lệ. Thước vuông thường dùng để lấy tâm vật khối hay lấy tâm vật phẳng tròn. Khi đo người thợ ép thước vào góc cạnh của khối đá xác định hình thù vật định làm, xác định điểm tâm, lấy kích thước chuẩn với mặt tròn và hình khối phải xác định tâm thật chính xác. Việc làm này đòi hỏi phải có một trình độ kỹ thuật cao; 2/Thước dài: Được sử dụng nhiều trong việc khai thác đánh phác và chế tác các loại sản phẩm ; 3/Thước tầm: bản rộng 3-4cm dài tùy thuộc vào yêu cầu công việc thông thường trong quá trình làm nghề.

Ngoài ra trong mỗi gia đình thợ đá còn có các công cụ như đe sắt, đá mài, dao rựa, keo gắn, dũa, sơn đen, mực vẽ, bút vẽ,... thường dùng cho khâu hoàn thiện sản phẩm nhằm tạo nên độ tinh tế, độ “mượt” với giá trị nghệ thuật.

Một bộ công cụ đồ nghề làm đá có rất nhiều loại với nhiều chi tiết khác nhau thường được sử dụng từ 3 - 4 năm. Hầu hết những công cụ làm nghề đều được người thợ Ninh Vân sáng tạo, chế tạo trong quá trình hoạt động nghề hàng

trăm năm như : vồ, ve, đục,... Hàng ngày, người thợ đá có thói quen kiểm tra sửa chữa dụng cụ trước khi đi làm. Người thợ đá rất có ý thức trong việc giữ gìn, bảo quản bộ công cụ cẩn thận, bởi vì đây là tài sản đáng giá nhất của mỗi người thợ, là phương tiện sản xuất quan trọng không thể thiếu được trong công việc, gắn bó với người thợ. Trong số các công cụ của nghề đá thì các công cụ đục là quan trọng nhất, đòi hỏi kỹ thuật và chất lượng cao hơn rất nhiều, mỗi loại đục lại có yêu cầu riêng. Đục phải được làm bằng các loại thép tốt, khi "tôi" phải đạt mức yêu cầu, nếu "tôi" non hoặc già đều không sử dụng được vì khi chạm vào đá sẽ dễ bị sút mẻ hoặc quăn. Việc mài sắc công cụ cũng đòi hỏi đáp ứng những yêu cầu hết sức nghiêm ngặt, không dễ gì ai cũng làm được mà đòi hỏi phải có kinh nghiệm thực tế, nếu mài sắc quá thì lưỡi đục chạm vào đá dễ bị hỏng, nếu mài cùn thì khó chế tác. Đối với loại đục nhọn, khi mài sao cho đầu mũi vuông đều không được chéo vỏ đậu, với loại đục lưỡi bằng, nếu mài lệch hoặc bị vạt thì không đạt yêu cầu. Vì vậy, hầu hết những người thợ đá ở Ninh Vân đều biết rèn một số công cụ đơn giản, thậm chí tự rèn, tự sáng tạo ra dụng cụ cho riêng mình. Kinh nghiệm rèn của thợ đá Ninh Vân khi tôi sản phẩm rèn vào cho vào nước lạnh. Khi "tôi" đục, người thợ dựa vào kinh nghiệm rèn để nhận biết độ cứng của mũi đục thông qua màu sắc của thép trong quá trình "tôi" (VD: thép muốn có cường độ cứng cao thì "tôi" đến màu tím, cường độ thấp hơn lấy màu tía, ngả tím, thấp nữa thì khi chuyển sang màu tía sẽ nhúng vào nước lạnh luôn).

2.1.4. Sản phẩm làng nghề

Từ xa xưa, Ninh Vân đã nổi tiếng khắp vùng với các sản phẩm đá phục vụ đời sống dân sinh và tín ngưỡng. Nhờ đôi bàn tay khéo léo và kỹ thuật tinh xảo, người thợ Ninh Vân đã tạo nên nhiều loại hình sản phẩm phong phú, đa dạng về chủng loại và hình dáng. Nhóm sản phẩm chính của làng nghề truyền thống gồm: đồ gia dụng (cối giã, cối xay, bàn mài, chậu cảnh, trục lăn lúa, con giống...), đồ thờ cúng (tượng thờ, bát hương, nhang án, vạc hương, bia ký, lọ hoa...), và các sản phẩm phục vụ kiến trúc (cột đá, chân tảng, lan can, bậc tam cấp...) dành cho

công trình tôn giáo, tín ngưỡng và nhà ở. Trong giai đoạn trước đổi mới, sản phẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu của người dân trong làng và vùng phụ cận, do đặc thù khối lượng nặng và hình dáng công kênh nên việc vận chuyển gặp nhiều khó khăn. Phương tiện phổ biến là xe thô, xe trâu kéo, chủ yếu vận chuyển các mặt hàng cỡ nhỏ và trung bình. Vì vậy, hình thức tiêu thụ thường mang tính nhỏ lẻ, với một số ít gia đình trực tiếp buôn bán, còn phần lớn sản phẩm được bày bán ngay tại nhà. Điều này phản ánh rõ nét tính chất địa phương, thủ công và quy mô hộ gia đình của làng nghề trong giai đoạn truyền thống. Bên cạnh đó, trong làng cũng hình thành một nhóm thợ có tay nghề cao chuyên nhận thi công các công trình kiến trúc và nhà ở bằng đá theo đơn đặt hàng từ các địa phương lân cận.

** Đồ gia dụng*

Các sản phẩm thuộc nhóm đồ gia dụng thường được người thợ làm ra lúc đầu chỉ đơn giản là phục vụ cho nhu cầu công việc chế biến các sản phẩm nông nghiệp được thu hoạch về sau các vụ mùa của cư dân trong làng. Bên cạnh đó các làng phụ cận cũng là làng nông nghiệp thuần túy nên nhu cầu sử dụng sản phẩm này cũng khá cao, dần dần nhiều nhà đưa vào sản xuất các sản phẩm đồ gia dụng để bán với quy mô lớn hơn, tuy nhiên các sản phẩm này được người dân làm ra vào thời gian nông nhàn, bởi trước đây nghề nông vẫn là nghề chính của cư dân nơi đây với chăn nuôi (lợn, gà, cá, trâu, bò,...) và trồng trọt các loại lương thực, thực phẩm (lúa, khoai, lạc, đỗ,...). Sản phẩm đồ gia dụng phổ biến được người dân làng Ninh Vân sản xuất trước đây chủ yếu gồm các loại sản phẩm sau:

Cối đá: có nhiều loại to nhỏ khác nhau. Cối to dùng để làm cối giã gạo, kỹ thuật đơn giản chỉ cần một khối đá lớn, liền khối, lòng cối đục theo hình thê to từ miệng và thon nhỏ dần xuống đáy cối. Cối nhỏ dùng để giã (thịt, cua, vừng, lạc, đỗ,...). Cối đá của Ninh Vân có đặc điểm khá đặc biệt với các sản phẩm vùng khác là được làm từ 1 khối đá liền (không chắp vá),

được đục theo chiều giọt nước với kỹ thuật đục điêu luyện, tạo nên sản phẩm cối khá hoàn hảo với thiết kế bề mặt cối không nhẵn, không trơn mà có độ sần rất mỏng, nhẹ rất khó nhìn mà chỉ cảm nhận được đồ sần khi dùng tay miết nhẹ trên bề mặt cối. Nhờ kỹ thuật đục, mài đặc biệt này mà cối đá Ninh Vân dùng rất bền và hiệu quả trong quá trình sử dụng bởi nhờ có độ sần mỏng trên bề mặt cối mà sản phẩm đưa vào đã không bị bật ra ngoài và đạt hiệu quả cao cho các sản phẩm.

Con lăn lúa: được thiết kế và tạo tác cũng khá đơn giản, nhưng đòi hỏi kỹ thuật chế tác cao. Kết cấu của con lăn lúa có 2 phần chính: Phần trục lăn và phần con lăn (là khối đá hình trụ tròn với kích thước thông thường dài 1,5-2m, đường kính 50cm-1m). Con lăn trục kéo lúa phải đạt được độ tròn gần như tỷ lệ chuẩn; các mảng chạm trên bề mặt con lăn cũng không được quá to (tạo độ lỳ) hoặc quá nhỏ (tạo độ trơn trượt, không bám). Con lăn dùng để tách thóc từ bông lúa với phương thức khá đơn sơ, người nông dân gặt lúa về trải lúa ra sân rồi dùng con lăn kéo đi kéo lại trên bề mặt để thóc tách ra khỏi bông lúa.

Bàn mài: được người nông dân dùng để mài các loại công cụ lao động sản xuất nông nghiệp bằng kim loại và các dụng cụ sinh hoạt hằng ngày (dao, kéo, cưa, đục,...), có lẽ đây là một mặt hàng phong phú về chủng loại và kích thước nhất trong bộ sản phẩm đồ gia dụng truyền thống của làng nghề Ninh Vân. Trong hệ thống sản phẩm đá mỹ nghệ truyền thống của làng Ninh Vân, bàn mài từng là một mặt hàng được quan tâm đặc biệt. Theo tư liệu thực địa tại thôn Xuân Vũ, bàn mài thường được phân thành ba loại chính gồm cỡ đại, cỡ trung và cỡ tiêu, mỗi loại được thiết kế tối ưu theo mục đích sử dụng. Trước đây, sản phẩm này không chỉ phục vụ cho nhu cầu tại chỗ mà còn được các nghệ nhân sáng tạo nhiều mẫu mã với tỷ lệ thẩm mỹ cao nhằm đáp ứng thị hiếu của thợ làng bạn trong khu vực như: làng mộc Phúc Lộc, làng gốm Bồ Bát, làng cối Kim Sơn, làng mây tre đan Vân Long, và làng gỗ Ý Yên (Nam Định). Sự giao lưu sản phẩm này cho thấy tính

linh hoạt và khả năng thích ứng của người thợ đá Ninh Vân trong mối quan hệ tương hỗ với các làng nghề thủ công truyền thống vùng châu thổ sông Hồng.

Có thể nhận thấy, việc sản xuất hàng gia dụng bằng chất liệu đá để phục vụ nhu cầu hằng ngày của cộng đồng cư dân trong xã hội truyền thống là điều rất hợp lý. Bởi đây là loại nguyên liệu thiên tạo, có đặc tính cứng, bền, nặng, có khả năng chịu được tác động từ phía các yếu tố tự nhiên (nắng, gió, nhiệt độ, độ ẩm, nước...), giá thành sản phẩm phù hợp với điều kiện của người dân. Có thể thấy, cối đã thực phẩm và con lăn lúa là hai sản phẩm xuất phát từ văn hóa của cư dân trồng lúa, đây một nét văn hóa riêng có của cơ tầng nông nghiệp lúa nước, tạo ra nét văn hóa truyền thống đặc trưng ở vùng nông thôn Bắc Bộ nước ta. Do vậy, các sản phẩm đồ gia dụng này đã trở thành loại hàng hóa đặc trưng của làng nghề Ninh Vân nhằm cung cấp cho các vùng nông thôn Bắc Bộ nước ta trong bối cảnh xã hội truyền thống.

** Đồ thờ cúng*

Tượng thờ: Tượng thờ bằng đá là một trong những dòng sản phẩm đặc sắc, thể hiện rõ nét kỹ thuật điêu khắc và tư duy tạo hình của nghệ nhân làng nghề Ninh Vân. Chất liệu đá sử dụng phổ biến là đá xanh và đá phấn trắng, được tuyển chọn tại chỗ để đảm bảo độ bền và khả năng chạm khắc tinh xảo. Qua khảo sát thực địa, tại chùa Thiên Động Tháp (làng Dương Thượng) hiện còn lưu giữ hai pho tượng Phật bằng đá có niên đại thời Nguyễn. Pho tượng Phật A Di Đà có kích thước nhỏ, được tạo hình mềm mại với các đặc điểm truyền thống như tóc xoắn ốc nổi khối, mặt bầu bĩnh, mắt và miệng khép hờ, tay kết ấn thiền định, toàn thân khoác áo phủ kín. Pho tượng Quan Âm có kích thước lớn hơn, đầu búi tóc cao, đội mũ tỳ lưu, ngồi kiết già trên đài sen hai lớp, kết ấn liên hoa hợp trướng – thể hiện phong cách tạo hình Phật giáo đặc trưng giai đoạn cuối thế kỷ XIX – đầu XX. Tại chùa Thượng (làng Xuân Vũ), pho tượng Phật Thích Ca Thuyết pháp bằng đá cũng được xác định là tác phẩm thời Nguyễn. Tượng có quy mô nhỏ, song vẫn

giữ được đặc điểm thẩm mỹ tinh tế: tư thế kiết già toàn phần trên bệ sen, tay phải giơ cao, tay trái đặt ngửa, thân thái tĩnh tại, áo chùng kín người nhưng để lộ lớp áo trong trước ngực – cho thấy sự am hiểu về tạo hình và kỹ thuật chạm khắc cao của nghệ nhân. Bên cạnh đó, nhiều pho tượng Phật cổ còn được lưu giữ tại các chùa trong vùng cũng phản ánh trình độ kỹ nghệ truyền thống của địa phương. Theo các nghệ nhân cao niên tại thôn Hệ, các thế hệ thợ đá sau này thường tham khảo các pho tượng cổ để học hỏi thần thái và phong cách đặc trưng, coi đó là những “mẫu hình chuẩn mực” trong sáng tác. Như vậy, tượng thờ bằng đá không chỉ mang giá trị tâm linh mà còn là di sản điêu khắc tiêu biểu, góp phần định hình bản sắc nghệ thuật truyền thống của làng nghề Ninh Vân.

Hương án (nhang án): sản phẩm nhang án được làm với đặc điểm như: nét chạm mềm mại, có độ nhấn nông, sâu rõ ràng, độ nghiêng vừa phải. Kỹ thuật chạm bong, chạm lõng tinh xảo, sắc nét và có chiều sâu. Trên sản phẩm nhang án có quy định khoảng nghỉ (khoảng buông) rõ ràng, người thợ Ninh Vân không quá “tham” nhiều các chi tiết chạm khắc trên bề mặt sản phẩm, thường chạm thoáng đãng, các chi tiết chạm dày đặc, rườm rà. Người thợ nơi đây quy định trên các sản phẩm chạm khắc có diện tích lớn thì phải có hai loại khoảng nghỉ: 1/Khoảng nghỉ chính là khoảng trống (phải thấp hơn so với vị trí chạm, nhìn rõ được độ sâu) thường được để bên cạnh một khối chạm lớn như tứ linh, khóm hoa, lá... và có độ rộng gần bằng khoảng $\frac{1}{3}$ - $\frac{1}{5}$ diện tích của phần chạm; 2/Khoảng nghỉ phụ là khoảng trống (phải thấp hơn so với sản phẩm chạm, nhìn rõ được độ sâu), thường là khoảng trống giữa các chi tiết vật linh, hoa, lá, cảnh trên cùng 1 khối, 1 cụm. Ngoài khoảng nghỉ ra thì có thêm quy ước về “khoảng buông” (khoảng trống), để nhìn thấy rõ đường nét, hoa văn của các chi tiết chạm các con vật, hoa lá, cây cối, không gian... với chiều sâu tự nhiên. Trường hợp nhang án ở đình làng Thượng là một sản phẩm điển hình, có niên đại thế kỷ XIX được chạm trổ

tinh xảo ở cả 3 mặt nhang án với đề tài chạm khắc tứ linh (long, ly, quy, phượng); tứ quý (tùng, cúc, trúc, mai)... các trang trí được bố cục cân xứng, đăng đối, toát lên thần thái riêng, khi nhìn vào sẽ nhận ra đây là sản phẩm của làng nghề chạm đá Ninh Vân với kỹ thuật chạm vô cùng điêu luyện, thể hiện trình độ tay nghề cao của nghệ nhân nơi đây. Hiện nay, còn khá nhiều nhang án cổ còn bảo lưu được tại nhiều số di tích trong làng nghề Ninh Vân, như: đình Làng Thượng, đình làng Xuân Vũ, đình làng Hệ, cụm di tích đền Tam Thôn,...

Đồ thờ khác: người dân Ninh Vân chủ yếu sản xuất các đồ thờ như: bát hương, lọ hoa, mâm bồng, chân nến, vạc hương, ngai thờ..., thường có kích thước vừa và nhỏ, được chạm khắc tinh xảo với nhiều đề tài trang trí, trong đó tứ linh, tứ quý chiếm vị trí chủ đạo. Theo khảo sát cho thấy, một số hiện vật như bát hương, lọ hoa, vạc hương có niên đại hàng trăm năm đang được lưu giữ tại một số di tích ở Ninh Vân, cụ thể như: 03 bát hương đá ở Văn chỉ làng Xuân Vũ; bát hương đá ở Văn chỉ làng Phú Lăng; bát hương và mâm bồng ở đình làng làng Thượng; ngai thờ, đài nước và bát hương đền làng Hệ; ngai thờ, đài nước và bát hương đền Thượng... Căn cứ vào kiểu dáng, họa tiết, hoa văn trang trí cho thấy, các hiện vật này được người dân Ninh Vân tạo tác vào thời Lê - Nguyễn là chính.

** Kiến trúc xây dựng*

Qua khảo sát tại các di tích văn hóa có niên đại lâu năm tại làng Ninh Vân và các khu vực phụ cận, đồng thời trao đổi với người dân Ninh Vân cho biết, thợ đá Ninh Vân đã từng tham gia vào quá trình xây dựng Cố đô Hoa Lư ở các hạng mục cột trụ, bậc thềm, sân vườn, tường bao,... Tại chương 1 luận án, khi đề cập đến lịch sử nghề đá ở Ninh Vân, NCS đã thông qua các nguồn tài liệu và bối cảnh lịch sử xây dựng Cố đô Hoa Lư để đi đến ý kiến thống nhất rằng, nghề đá ở Ninh Vân ra đời vào thời điểm xây dựng Cố đô Hoa Lư (vào thế kỷ X). Bởi lẽ, khi xây dựng kinh thành sẽ phải tập hợp rất nhiều các tập thợ

lành nghề thuộc nhiều nghề thủ công ở các vùng phụ cận tập trung về kinh đô để xây dựng kinh thành. Cho nên thợ làm đá ở Ninh Vân cũng không nằm ngoài danh sách các tộc thợ đó. Trên thực tế, hiện nay tại đền vua Đinh và đền vua Lê vẫn còn long sàng đặt tại sân châu cùng nhiều sản phẩm bằng đá khác (chân tảng, bậc thềm, cột trụ...). Bên cạnh đó, kiến trúc nghệ thuật Nhà thờ đá Phát Diệm là một trong những kiến trúc tôn giáo tiêu biểu do những nghệ nhân làng Ninh Vân tạo tác và xây dựng... Ngoài ra, còn có nhiều kiến trúc tín ngưỡng, tôn giáo khác được người thợ Ninh Vân tạo tác trong quá trình làm nghề, theo khảo sát, các di tích lộ thiên ở trên địa bàn xã Ninh Vân đều được xây dựng bằng chất liệu đá, điển hình như đền làng Thượng, đền Kê Hạ, văn chỉ làng Hẹ, đền Miếu Sơn... Đó là những sản phẩm minh chứng cho tính sáng tạo của thợ đá Ninh Vân trong từng công đoạn, chọn nguyên liệu, địa điểm dựng đền, thiết kế không gian và các chủ đề chạm khắc với những đường nét tinh xảo.

**Bảng 2: Kết quả khảo sát cộng đồng cư dân xã Ninh Vân
về sản phẩm chính trong truyền thống**

Stt	Phương án lựa chọn	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đồ thờ	623	529	85%
2	Đồ gia dụng	623	586	94%
3	Lăng mộ	623	181	29%
4	Điều khắc trang trí	623	126	20%
5	Phù điêu, tượng đài, ...	623	0	0%
6	Tượng thờ	623	194	31%
7	Khác	623	294	47%

[Nguồn: NCS tập hợp và thống kê, năm 2025]

Kết quả khảo sát cho thấy, các sản phẩm trong truyền thống của làng nghề Ninh Vân bao gồm đồ gia dụng (94%) và đồ thờ (85%), phản ánh sự gắn bó mật thiết với nhu cầu sinh hoạt và tín ngưỡng của cộng đồng. Các sản phẩm khác như lăng mộ (29%) và tượng thờ (31%) cũng được ghi nhận, trong khi điều khắc trang

trí và phù điêu, tượng đài hầu như không được cộng đồng đề cập đến (chiếm tỷ lệ 0-20%). Ngoài ra, 47% người tham gia khảo sát cho biết làng nghề còn sản xuất các sản phẩm khác, cho thấy sự đa dạng trong hoạt động sản xuất. Điều này cũng có thể chỉ ra sự cần thiết trong việc làm mới, mở rộng thị trường và phát triển đa dạng hóa sản phẩm nghề truyền thống để phù hợp với nhu cầu và thị hiếu hiện nay.

2.2. Văn hóa phi vật thể

Văn hóa phi vật thể là những giá trị tinh thần gắn liền với cộng đồng hoặc cá nhân, phản ánh đặc trưng và bản sắc riêng của cộng đồng đó. Những giá trị này không ngừng được duy trì và tiếp nối qua các thế hệ và được lưu truyền trong cộng đồng cư dân làng nghề bằng nhiều hình thức khác nhau (truyền miệng, cầm tay chỉ việc, cha truyền con nối,...). Trong mục này, NCS tập trung nghiên cứu một số thành tố văn hóa phi vật thể tiêu biểu, gắn với đời sống tinh thần của cộng đồng Ninh Vân như sau:

2.2.1. Tín ngưỡng trong truyền thống

Tín ngưỡng thờ thần núi: Trong truyền thống làng nghề đá Ninh Vân, tín ngưỡng không chỉ là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên mà còn vận hành như một hệ thống điều tiết tâm lý – xã hội, giúp con người thiết lập sự cân bằng với môi trường sinh tồn nhiều rủi ro. Đối với một cộng đồng gắn bó mật thiết với núi đá, lao động nặng nhọc và hiểm nguy thường trực, tín ngưỡng vừa đóng vai trò giải thích thế giới, vừa định hướng hành vi đạo đức và nghề nghiệp của người thợ trong đời sống thường nhật.

Theo các tư liệu lịch sử, ngay từ thời vua Lê Kính Tông (niên hiệu Hoảng Định, 1601–1619), cư dân Ninh Vân đã xác lập một hệ thống không gian thiêng tập trung tại các đền Kê Thượng, Kê Hạ và Miếu Sơn dưới chân núi. Đặc trưng nổi bật của hệ thống này là kiến trúc “lộ thiên”, sử dụng đá nguyên khối làm vật liệu chủ đạo. Việc lựa chọn đá – vật liệu gắn trực tiếp với sinh kế – để kiến tạo không gian thiêng cho thấy mối liên hệ hữu cơ giữa tín ngưỡng, môi trường

tự nhiên và nghề nghiệp truyền thống của cộng đồng.

Trong hệ thống tín ngưỡng đó, thờ Tản Viên Sơn Thánh và Tam vị Đức Ông giữ vị trí trung tâm. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng tại Ninh Vân mang sắc thái riêng khi gắn với huyền thoại về Tản Viên Sơn Thánh và Quý Minh Đại Vương. Theo truyền thuyết địa phương, vào thời Hùng Vương thứ XVIII, các vị Thánh đã dừng chân tại vùng Tam Thôn, lễ Phật tại chùa Kim Kê trước khi xuất quân đánh giặc và giành thắng lợi. Sự hiển linh này được vật chất hóa qua dấu tích “dấu chân khổng lồ” in trên đá tại đền Kê Hạ, một biểu tượng thiêng khẳng định sự hiện diện thường trực của thần linh trong không gian làng nghề. Về ý nghĩa của biểu tượng này, ông Phạm Văn Hoàn (nghệ nhân làng Xuân Vũ) chia sẻ: Dấu chân Thánh trên đá không phải tự nhiên mà có, đó là ‘ấn thiêng’ khẳng định thần núi luôn ở đây bảo vệ làng. Với dân đi rừng xẻ đá như chúng tôi, dấu chân ấy là sự dẫn đường, nhắc nhở mình phải làm nghề ngay ngắn, kính sợ núi rừng [PV, ngày 12/08/2025].

Trong phỏng vấn hồi cố của cư dân địa phương, biểu tượng “dấu chân Thánh” không chỉ mang ý nghĩa huyền thoại mà còn gắn trực tiếp với đạo đức nghề nghiệp và quan niệm ứng xử với tự nhiên. Như lời ông Phạm Văn Hoàn chia sẻ, thì dấu chân ấy được hiểu như “ấn thiêng” của Thần núi, vừa bảo hộ cộng đồng, vừa nhắc nhở người thợ phải làm nghề ngay thẳng, kính sợ núi rừng. Trong hệ tư duy văn hóa Việt cổ, Tam vị Đức Ông (Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh) thường được nhìn nhận như một chỉnh thể thống nhất, mang chức năng của các anh hùng văn hóa gắn với trị thủy, bảo hộ mùa màng và cư dân. Đối với làng nghề đá Ninh Vân, việc thờ Thần núi (Cao Sơn) còn mang ý nghĩa tri ân nguồn nguyên liệu và môi trường sinh kế. Người thợ tin rằng Thần núi là đấng bảo hộ tối cao của nghề, vừa ban phát đá, vừa che chở cho thân thể con người trước những rủi ro thường trực của lao động thủ công nặng nhọc. Trong

ý thức dân gian, Thần núi vì thế được xem như “Bách nghệ tổ sư” theo nghĩa biểu tượng, thay cho một nhân vật Tổ nghề mang tính lịch sử cụ thể.

Tín ngưỡng thờ tổ nghề: Tín ngưỡng thờ tổ nghề tại Ninh Vân không được thể hiện rõ nét trong truyền thống của làng nghề đá mỹ nghệ, điều này có thể thấy rõ qua việc không có bất kỳ làng nào lập ban thờ hay đền thờ tổ nghề. Trái lại, người dân Ninh Vân chủ yếu duy trì tục thờ Đức Thánh Tản (Tản Viên Sơn Thánh) – một tín ngưỡng đặc trưng và mang đậm bản sắc văn hóa của cộng đồng nơi đây. Việc không có tín ngưỡng thờ tổ nghề trong làng nghề Ninh Vân cho thấy sự khác biệt trong cách thức tổ chức tôn thờ so với các làng nghề khác, nơi mà tín ngưỡng thờ tổ nghề thường đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần và sự phát triển của nghề truyền thống. Chính từ đặc điểm này, một hiện tượng đáng chú ý trong cấu trúc tín ngưỡng truyền thống của Ninh Vân là sự vắng bóng các thiết chế thờ Tổ nghề chuyên biệt, vốn phổ biến ở nhiều làng nghề thủ công khác. Trao đổi về vấn đề tín ngưỡng thờ tổ nghề, ông Đỗ Khắc Thái (làng Xuân Vũ) lý giải: Xưa kia nghề đá chỉ là nghề phụ lúc nông nhàn, dân làng chủ yếu lo cày cấy nên mọi mong cầu đều gửi cả vào các đền thờ thần núi. Chúng tôi không có ‘ông tổ’ cụ thể theo nghĩa con người, mà coi Thần núi là người ban nghề. Nghề đá cực nhọc, người ta chỉ mong bình an chứ chưa nghĩ đến việc lập tôn ti Tổ nghề như các nghề thợ mộc hay thợ rèn [PV, ngày 16/08/2025].

Bảng 3: Kết quả khảo sát cộng đồng cư dân xã Ninh Vân về tín ngưỡng thờ tổ nghề trong truyền thống

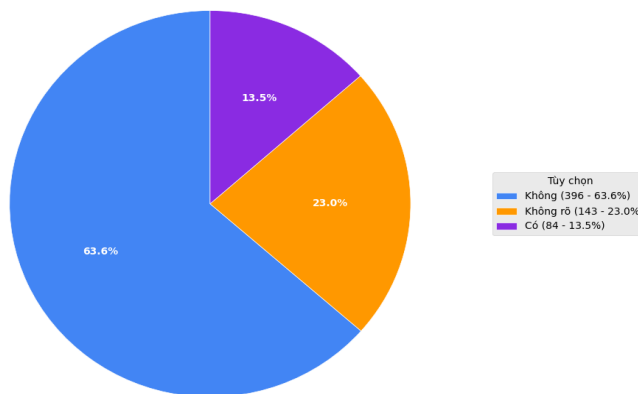
Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Có	84	13%
2	Không	396	64%
3	Không rõ	143	23%
Tổng		623	100%

[Nguồn: NCS tập hợp và thống kê, năm 2025]

Kết quả khảo sát cộng đồng cư dân xã Ninh Vân vào tháng 8/2025 cho thấy 64% số người được hỏi khẳng định trong quá khứ không tồn tại tín ngưỡng thờ Tổ nghề riêng biệt, 23% không rõ và chỉ 13% cho rằng có. Những số liệu này phản ánh trạng thái nhận thức tập thể về nghề trong truyền thống. Theo hồi cố của các nghệ nhân cao niên, nghề đá trước đây chủ yếu là nghề phụ trong thời gian nông nhàn, chưa đạt đến mức độ chuyên môn hóa cao để hình thành một cộng đồng nghề nghiệp tách biệt và một biểu tượng Tổ nghề độc lập. Trong bối cảnh đó, mọi mong cầu về an toàn và sinh kế đều được gửi gắm vào hệ thống thờ Thần núi, thay vì hướng tới một “ông Tổ” cụ thể theo nghĩa nhân gian.

Biểu đồ 1: Nhận định về tín ngưỡng thờ tổ nghề trước đây của cộng đồng cư dân làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

4. Làng nghề Ông/Bà trước đây có tín ngưỡng thờ tổ nghề không?
Tổng số phản hồi: 623



[Nguồn: NCS tập hợp và phân tích, năm 2025]

Thờ cúng tổ tiên: Người dân Ninh Vân rất coi trọng việc thờ cúng tổ tiên trong gia đình (gia tiên), gồm cụ, kỵ, ông, bà, cha mẹ... Đó là biểu hiện của đạo hiếu, của tinh thần “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây”, nhắc nhở các thế hệ sau phải biết kính trọng, phụng dưỡng ông bà, cha mẹ lúc sinh thời và thờ phụng khi mất. Tín ngưỡng thờ gia tiên nói lên mong ước của con người luôn được những người đã khuất bảo vệ, phù hộ, độ trì cho gia đình, gia tộc ngày càng ấm no, hạnh phúc. Cũng như tâm thức chung của người Việt

truyền thống, người dân Ninh Vân tin rằng, giữa người sống và người chết có mối liên hệ mật thiết với nhau. Mặc dù tổ tiên qua đời nhưng linh hồn vẫn sống và có thể che chở, phù hộ, độ trì cho con cháu. Các vị cao niên trong làng cho biết, bất kể gia đình nào ở Tam Thôn trước đây đều có ban thờ gia tiên, được đặt cao ở vị trí trang trọng nhất, gian chính giữa trong nhà. Hầu hết khu vực thờ cúng gia tiên được các gia đình lựa chọn nơi thoáng mát, sạch sẽ nhất trong nhà, thông thường ban thờ gia tiên được đặt ở gian giữa của ngôi nhà, có những gia đình khá giả, giàu có thì họ xây dựng riêng một gian nhà để làm khu thờ tự cho tổ tiên. Ở Ninh Vân đồ thờ tự trên ban thờ gia tiên mang đặc trưng văn hóa làng nghề, các sản phẩm thờ tự như bát hương, lọ hoa, chân nến, mâm bồng... được làm từ chất liệu đá, thậm chí nhiều gia đình làm nhang án, sập thờ cũng bằng chất liệu đá. Việc thờ cúng tổ tiên trong gia đình được duy trì quanh năm, không chỉ là nơi để thực hiện các nghi lễ, nghi thức cúng bái trong các dịp lễ tết (tết cổ truyền, tết thượng nguyên, tết trung nguyên, tết hạ nguyên,) và các ngày tư tuần (mùng một đầu tháng và rằm tháng riêng) mà còn là nơi để gia đình tổ chức nghi thức, nghi lễ báo cáo với bề trên về mọi công việc có tính chất hoan hỉ của gia đình như: lập nghề, dựng nhà, cưới xin, sinh con đẻ cháu.... hay những công việc không vui cũng được báo cáo với gia tiên để cầu an, cầu yên cho gia tộc. Ngoài việc thờ cúng tổ tiên của gia đình, dòng học ở góc độ huyết thống thì người dân nơi đây còn thờ tổ tiên của quốc gia, dân tộc, được biểu hiện qua việc thờ Quốc Tổ Hùng Vương. Người dân nơi đây thờ vọng Quốc Tổ Hùng Vương tại các ngôi đền có thể được xuất phát từ một quy luật, nguyên tắc trong thờ cúng, đó là “thờ con thì phải thờ cha”. Vì Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh hay Nguyệt Nga công chúa đều là con của Hùng Vương thứ XVIII, nên khi thờ phụng các vị thánh/thần thì nhất thiết phải thờ vua Hùng. Đó là đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của cộng đồng cư dân Việt, đồng thời thể hiện ý nghĩa trọn vẹn trong việc thờ cúng.

2.2.2. Lễ hội trong truyền thống

Lễ hội là một trong những sinh hoạt văn hóa truyền thống đặc sắc của người dân làng nghề truyền thống Ninh Vân. Hiện nay, không có nhiều tư liệu nói về lễ hội ở làng nghề truyền thống Ninh Vân. Bên cạnh việc tham khảo các nghiên cứu của các tác giả Nguyễn Văn Trò, Đỗ Danh Gia, những thông tin thu thập được chủ yếu là những thông tin “hồi cổ”, do những người cao tuổi trong làng cung cấp. Theo ông Nguyễn Văn Bình, làng Hệ cho biết: Đã từ lâu, người dân nơi đây đã tổ chức lễ hội rất lớn để tưởng nhớ tới công lao dựng nước và giữ nước của các vua Hùng và các vị anh hùng, tướng lĩnh thời Hùng Vương, đồng thời tạ ơn Đức Phật đã giúp các tướng lĩnh đánh tan quân giặc. Vì lễ hội tượng niệm Vua Hùng nên ngay từ khi hình thành, lễ hội tam thôn được xếp vào hàng “Quốc tế, quốc lễ” [PV, ngày 18/8/2024]. Hiện nay, người dân nơi đây vẫn truyền miện những câu ca dao xưa:

“Nhà Lê nổi nghiệp mấy đời,
 Gia ban quốc tế đời đời sắc phong.
 Vua Hoảng Định, vua Đức Long,
 Tế xuân lễ hội tiền đồng phụng ban.
 Mỗi kỳ tế cấp năm quan,
 Khâm sai, báo mệnh bá quan về đền.
 Chuẩn trừ sưu dịch mười tên,
 Chua trong sắc chỉ một bên chữ vàng...”.

Lễ hội Tam Thôn diễn ra từ ngày mùng 8 đến hết ngày mùng 10 tháng Ba hằng năm, trùng với dịp giỗ Tổ Hùng Vương. Theo những người cao tuổi ở làng Hệ, lễ hội Tam Thôn có nhiều nghi thức tế lễ và hoạt động diễn xướng, vui chơi, với những nét văn hóa riêng, mang đậm bản sắc của vùng đất Cố Đô.

Như những lễ hội cổ truyền khác của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ, lễ hội tam thôn có rất nhiều nghi thức như: Lễ mộc dục (tức lễ tắm tượng), lễ rước

thần và lễ tế thần. Trước đây, quy trình tiến hành lễ rước và lễ tế rất phức tạp: Sáng sớm ngày mùng 10 rước kiệu từ đình của ba làng về đền Kê Thượng để làm lễ tế, sau đó người dân tổ chức rước về đền Kê Hạ để tế lễ, tiếp đến là việc rước và tế lễ ở đền Miếu Sơn. Sau khi tế lễ ở 02 đền trên xong, đoàn rước lại quay về đền Kê Thượng để làm lễ tế rã hội. Trước khi tiến hành nghi thức lễ tế, tại đền Kê Thượng nổi 03 hồi trống và cùng thời điểm này tại chùa Kim Kê cũng nổi 03 hồi trống thể hiện sự đồng nhất về việc tế Thánh, Thần, Phật. Tuy lễ hội không tổ chức tại chùa Kim Kê, song dân làng vẫn sắm sửa lễ vật, hương hoa, trà, tửu và cỗ chay dâng lên cúng Phật. Những nghi thức trong lễ hội Tam Thôn xưa diễn ra rất trang trọng, với nhiều nghi lễ rất phức tạp, tỷ mỉ. Điều đó thể hiện sự coi trọng và cung kính của người dân đối với các bậc thánh thần.

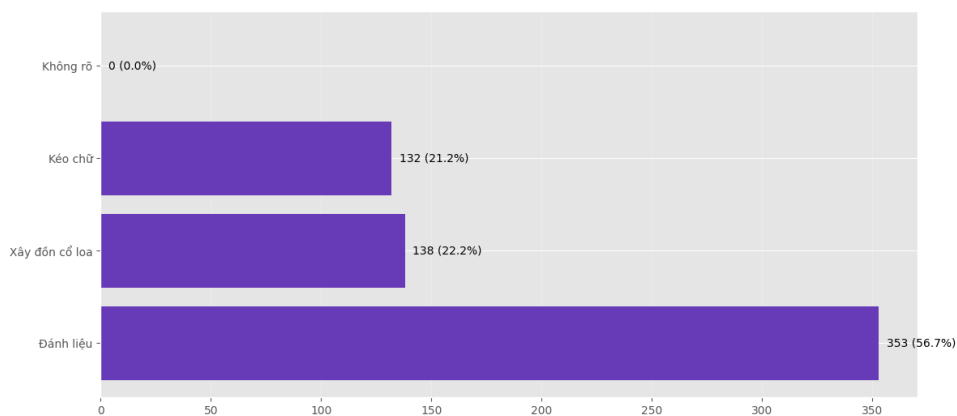
Dưới thời quân chủ, nghi thức tế lễ trong lễ hội Tam Thôn được xếp vào hàng “quốc tế” trên cơ sở sắc phong của triều đình, do quan Khâm sai thay mặt vua về tế lễ. Sau một thời gian thực hiện, thấy việc đón tiếp đoàn Khâm sai quá phức tạp và tốn kém, dân đã xin triều đình cho được tự tế. Trong hệ thống nghi thức tế lễ truyền thống tại lễ hội Tam thôn, ngoài ban hành lễ gồm chủ tế và các bồi tế, nghi lễ còn có sự tham gia của hai đội tế: đội nam tế quan và đội nữ tế quan. Thành viên của hai đội này đều được tuyển chọn kỹ lưỡng, dựa trên những tiêu chí khắt khe về sức khỏe, phẩm hạnh đạo đức và nền nếp gia đình. Đây được xem là những người đại diện cho sự trang nghiêm và thanh tịnh trong nghi lễ, được cộng đồng tín nhiệm và kính trọng. Đáng chú ý, đội tế nữ thường được lựa chọn từ những cô gái còn đồng trinh, nhằm thể hiện sự thanh khiết và thành tâm trong việc dâng lễ vật lên các bậc tiền nhân và thần linh. Những quy định khắt khe trong tuyển chọn đội tế cho thấy dấu ấn đậm nét của tư duy lễ nghi truyền thống, đồng thời phản ánh cách cộng đồng Ninh Vân giữ gìn sự trang trọng, linh thiêng trong đời sống tín ngưỡng tập thể.

Khảo sát thực địa cho thấy trước đây lễ hội tại làng nghề chạm khắc đá

Ninh Vân là không gian văn hóa đặc sắc, có nhiều hoạt động mang đậm giá trị truyền thống như tế lễ, rước kiệu, trò chơi dân gian và trình diễn nghệ thuật gắn với hoạt động nghề. Những hoạt động này không chỉ góp phần duy trì sinh hoạt văn hóa cổ truyền mà còn tạo nên bản sắc riêng cho cộng đồng, khẳng định vai trò của lễ hội trong việc gắn kết cộng đồng và truyền giữ di sản văn hóa địa phương. Đây cũng chính là yếu tố tạo nên bản sắc riêng biệt cho mỗi vùng miền, phản ánh sự phong phú và đa dạng trong đời sống văn hóa Việt Nam.

Biểu đồ 2: Thống kê các hoạt động văn hóa đặc sắc trong lễ hội Tam Thôn tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

7. Các hoạt động nào trước đây được tổ chức trong lễ hội Tam Thôn ?
Tổng số phản hồi: 623



[Nguồn: NCS tập hợp và phân tích, năm 2025]

Trong lễ hội Tam thôn, nhiều trò gắn với ý niệm thiêng hoặc sự tích của thần. Các vị cao niên trong làng Thượng cho biết, vì lễ hội Tam Thôn tưởng nhớ các vị anh hùng, tướng lĩnh, nên trước đây có nhiều trò mang tính quân sự, trận mạc, tiêu biểu như:

- *Thi kéo chữ*: Theo các cụ cao niên, trò này không chỉ tái hiện hình ảnh các tướng lĩnh của vua Hùng kéo quân, bày binh bố trận, mà còn mang tính cộng đồng cao, thể hiện sự đoàn kết, gắn bó của người dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Trò này do ba làng tổ chức, tùy theo sự lựa chọn các chữ kéo của mỗi làng. Có làng chọn hai chữ “Thái Bình”; có làng chọn bốn chữ “Thiên hạ Thái Bình”

và có làng chọn bốn chữ “Thánh Thọ vô Vương” hoặc chọn bốn chữ “Nhân dân cộng lạc” hay hai chữ “Bái tạ”. Đội quân kéo chữ của các làng thường có từ 6 đến 70 người. Những người tham gia kéo chữ phải là những người khoẻ mạnh nhanh nhẹn, hình dáng người cân đối, đều nhau. Những người tham gia kéo chữ trang phục đồng nhất, đầu chít khăn đỏ, mặc quần dài đỏ, áo tay lửng màu đỏ, ngang lưng thắt khăn màu xanh chân đi dày vải, vai mang vũ khí, chia thành 2 phe (hai bên), có một vị chủ tướng (Tổng Cờ Tiên) hai vị phó tướng (Tổng Cờ Hậu) để điều hành quân sĩ thực hành kéo chữ. Sau khi sắp thành hàng chào khán giả, quân sĩ tiến vào bãi để kéo chữ. Chủ tướng cầm cờ hiệu mà vẽ các nét chữ. Theo nhịp trống, quân sĩ đi theo chủ tướng, lúc thì đi thanh thảo, lúc thì chạy đều theo nét chữ... đến vị trí của mình theo quy định thì dừng lại. Hai phó tướng ở sau mỗi hàng quân có nhiệm vụ múa cờ hiệu để điều khiển quân kéo chữ đúng nét, đúng chữ. Khi đã thành hình chữ kéo mọi người theo nhịp trống lệnh mà thực hiện các động tác như: ngã vũ khí ngồi xuống, đứng lên nhấp nhô hoặc nâng vũ khí lên, chữ sẽ nổi rõ.

- *Xây đồn Cổ Loa*: Theo các cụ cao niên trong làng cho biết, sau khi kéo sắp các chữ xong là tiến hành việc xây “Xây đồn” mà người dân địa phương gọi là “Xây đồn Cổ Loa”. Mỗi bên điều quân xây một đồn gọi là “Ốc con” (Ốc tức là loa), ốc con tức là Đồn Cổ Loa con. Theo sự chỉ huy của vị tổng cờ tiên, các quân kéo chữ lần lượt chạy đều tạo thành hình nhiều vòng tròn. Quân đứng ở hàng đầu chạy trước; Tiếp theo là các quân sau chạy xếp thành nhiều vòng tròn, vòng trong nhỏ hơn vòng ngoài. Vị phó tướng (Tổng cờ hậu) luôn luôn múa cờ điều khiển quân sĩ chạy sao cho đều, đúng hàng đúng chỗ. Khi quân chạy cuộn đủ một vòng trong trước, đến vòng ngoài và vòng ngoài tiếp sau đó. Quân sĩ chạy cuộn vòng khi nào đến quân kéo chữ cuối cùng là dừng lại sẽ tạo thành một đồn ốc gồm nhiều vòng tròn từ trong ra ngoài do nhiều quân kéo chữ đứng xếp cuộn mà thành. Sau khi các hàng quân xây đồn “Ốc nhỏ” xong thì nhập hai

đồn lại theo sự điều khiển của các vị chủ và phó tướng (Tổng cờ tiền và tổng cờ hậu) để xây một đồn ốc lớn. Việc điều khiển quân xây thành ốc lớn phải làm thật nhanh, đều và phối hợp thật chặt chẽ giữa các quân của các bên sao cho hoà nhịp, không bị sai nhỡ. Các quân chạy thành từng vòng tròn. Ở thành ốc lớn vòng tròn trong cũng đều phải nhỏ hơn vòng tròn ngoài như khi xây dựng thành ốc nhỏ. Quá trình xây thành ốc lớn và thành ốc nhỏ của mỗi bên trước đó đều để các cửa thành. Cửa thành là khoảng cách giữa hai quân nhưng đứng cách xa nhau hơn khoảng cách bình thường của các quân tham gia xây thành mà khoảng cách, vị trí cửa thành đã được định trước. Việc điều khiển để cửa thành do tổng cờ hậu đảm trách. Hai quân đứng ở hai vị trí cửa thành cũng đã được chỉ định từ trước và có sự chuẩn bị khá kĩ về cách thức để cửa cũng như trang phục mặc làm sao cho rõ vị trí của cửa thành. Sau khi thực hành xây thành ốc lớn xong, tất cả các quân nghe nhịp trống chỉ huy cùng ngồi xuống cho thật đều. Lúc này mỗi quân đã có sẵn trong túi hai thanh tre khô nhỏ đã được chuẩn bị sẵn từ trước cầm ra cùng gõ phách tượng trưng cho việc canh phòng ban đêm. Xưa kia theo cách chia một đêm ra làm 5 canh (từ canh 1 đến canh 5). Các quân tham gia xây thành phải chú ý lắng nghe hiệu lệnh của trống chỉ huy. Khi trống điểm 1 tiếng “Tùng” thì tất cả các quân dùng hai thanh tre gõ vào nhau một tiếng. Khi tiếng trống điểm 2 tiếng “Tùng” thì tất cả các quân cũng dùng 2 thanh tre gõ vào nhau hai tiếng. Và cứ theo nhịp trống điểm mà các quân gõ phách theo cho đến khi hết 5 canh. Sau khi xong 5 canh, các đội tham gia xây thành ốc lớn cùng đứng lên chuyển động đi vòng rồi từ từ tách quân ra và đi đều dàn thành hàng ngang cúi chào khán giả đến tham dự là kết thúc buổi kéo chữ xây đồn ốc. Hình thức kéo chữ tượng trưng cho việc luyện tập quân sự, tổ chức xây thành canh phòng bảo vệ. Thông qua các chữ được kéo và xây thành canh phòng người dân địa phương mong muốn cho cuộc sống luôn được yên ổn thanh bình hạnh phúc.

- *Đánh lệu*: Là trò chơi khá độc đáo diễn ra trong hội đền Kê Thượng,

Kê Hạ và Miếu Sơn và chỉ ở đây mới có trò chơi này. Theo các cụ cao niên cho biết, những người tham gia trò chơi Đánh Lậu được chia thành 2 phe, mỗi phe có 6 đến 10 người, mỗi người cầm một cây gậy tre dài chừng 1,2m, đầu phía dưới cây gậy uốn hơi cong như hình con tôm để dễ kều bóng. Quả bóng trong trò chơi đánh Lậu được làm bằng gốc cây tre già gọt tròn đường kính 6 đến 8cm. Bãi đánh Lậu là một sân khá bằng phẳng hình chữ nhật một chiều từ 30 đến 40m, một chiều từ 15 đến 18m, ở chính giữa bãi người ta khoét một vòng tròn sâu chừng 6 đến 10cm, đường kính 20 đến 30cm để bỏ quả bóng tre lọt vào trong đó được. Quân của hai phe dàn ở hai bên và cử một người cầm gậy đánh bóng về phía bên kia. Những người khác của phía bên kia cũng cầm gậy đánh tiếp hoặc đánh trở lại. Nếu bóng vượt qua vạch bên của phe bên kia thì được tính một quả. Trong quá trình đánh nếu bóng lăn ra khỏi đường biên đạo thì được dùng gậy đánh vào phía trong bãi, sau đó mới được đánh về phía bên kia. Nếu bên nào được từ 3 đến 5 quả (tùy theo quy định của trò chơi hàng năm) thì được “trụ” một lần. “Trụ” tức là đặt quả bóng ở đường biên ngay bên phía mình để đánh sang bên kia. Phía bên kia phải đứng cách bóng chừng 5m để đánh bóng trở lại. Bên nào đánh thắng từ 3 đến 5 trụ thì được coi như là thắng 1 hiệp. Trường hợp bóng lăn ra ngoài đường biên ngang thì mang bóng bỏ vào sau đó dùng gậy kều lên để chơi tiếp. Bên nào đạt được nhiều trụ tức nhiều hiệp thì bên đó thắng cuộc. Đây là trò chơi tương đối nguy hiểm. Người chơi đánh Lậu phải là những nam thanh niên có sức khỏe, đôi mắt tinh nhanh, nhưng phải có đạo đức của người chơi trò chơi dân gian trong ngày hội của làng. Người điều khiển cuộc chơi phải trung thực, thật thà. Trò này dễ đánh vào người khác đôi khi gây chân tay hoặc quả bóng va đập mạnh vào người dễ gây thương tích. Trò chơi đánh Lậu tức là dùng những cây gậy tre đầu hơi uốn cong như hình con tôm. Đây là trò chơi dân gian khá đặc sắc, thể hiện sức bền bỉ dẻo dai và lòng dũng cảm, trí thông minh tinh thần sáng suốt nhanh nhẹn của người dân địa phương

trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong lao động sản xuất, bảo vệ xây dựng quê hương xóm làng. Trong phần hội của lễ hội Tam thôn, trò chơi “đánh lệu” là một hoạt động nổi bật, mang đậm tính biểu tượng và gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng. Theo ghi nhận thực địa, trò chơi này có lịch sử hàng trăm năm, không chỉ là hình thức vận động mang tính giải trí, mà còn chứa đựng những lớp nghĩa sâu xa về triết lý âm - dương, sự hài hòa giữa các yếu tố nam - nữ, cứng - mềm, tĩnh - động. Người tham gia trò đánh lệu cần có sức bền, sự dẻo dai, nhanh nhẹn và lòng dũng cảm, qua đó phản ánh những phẩm chất cần thiết của người dân trong bảo vệ xóm làng, rèn luyện thể chất và ý chí. Trò chơi không chỉ là nét đẹp truyền thống trong lễ hội, mà còn mang giá trị giáo dục sâu sắc, như một hình thức nhắc nhở thế hệ trẻ về tinh thần đoàn kết, bền bỉ và sẵn sàng cống hiến vì cộng đồng. Bên cạnh các trò chơi tiêu biểu như đánh lệu, lễ hội Tam thôn xưa còn gắn liền với nhiều hình thức diễn xướng và trò chơi dân gian phong phú khác, góp phần tạo nên không khí lễ hội vừa trang nghiêm vừa rộn ràng. Các hoạt động như múa sư tử, chọi gà, cờ người, tổ tôm, đánh đu và hát chèo từng là những phần không thể thiếu, phản ánh đời sống tinh thần phong phú, cũng như khả năng tổ chức và hưởng thụ văn hóa của cộng đồng cư dân Ninh Vân. Những hình thức này không chỉ phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, mà còn thể hiện sự giao lưu văn hóa giữa các thế hệ, góp phần duy trì các giá trị truyền thống gắn bó lâu dài với cộng đồng làng xã.

2.2.3. Bí quyết nghề và truyền nghề

Bí quyết nghề được hiểu là những tri thức, kinh nghiệm đặc biệt trong quá trình làm nghề mà ít người biết được. Khi có được bí quyết nghề, người ta thường có xu hướng giữ bí quyết đó và rất cẩn trọng trong việc truyền nghề. Cũng như nhiều làng nghề truyền thống khác, người làm nghề đá ở Ninh Vân cũng có bí quyết riêng, là truyền thống của cha ông, được đúc kết qua nhiều thế hệ, thể hiện trong việc chọn đá, khai thác đá và tạo tác sản phẩm trên đá. Về bí

quyết chọn đá, trước đây, khi khoa học kỹ thuật chưa phát triển, công việc khai thác đá rất vất vả, đòi hỏi họ phải có sức khỏe, kinh nghiệm để chọn được loại đá thích hợp. Người chuyên lấy đá thường là những cụ già, có nhiều kinh nghiệm và bí quyết nghề, sẽ dẫn thanh niên khỏe mạnh vào núi lấy đá. Bằng những kinh nghiệm lâu năm trong nghề, người thợ giỏi còn có thể biết được đá mềm hay cứng, có thể tạo ra loại sản phẩm gì qua âm thanh của đá. Một cụ cao niên cho biết, những tảng đá cứng thì âm thanh sẽ thanh, vang, còn đá mềm hơn thì sẽ phát ra âm thanh trầm, đục.

Theo lời kể của một số bậc cao niên tại thôn Hệ, trước đây ở Ninh Vân từng tồn tại một loại đá quý hiếm được dân gian gọi bằng cái tên truyền miệng là “đầu mắt tép, đít tai sừng”. Loại đá này có những đặc điểm nhận diện rất riêng, mà chỉ những người làm nghề lâu năm mới có khả năng phân biệt và khai thác hiệu quả. Với độ bền cao, khả năng chống nứt vỡ khi chạm khắc, không bị rêu mốc theo thời gian và có bề mặt đen bóng khi đánh nhẵn, loại đá này từng được xem là nguyên liệu lý tưởng trong chế tác mỹ nghệ. Tuy nhiên, theo tư liệu địa phương, nguồn đá quý này hiện nay đã cạn kiệt do bị khai thác triệt để trong quá trình phục vụ sản xuất xi măng ở Ninh Vân trước đây. Sự biến mất của nguồn nguyên liệu đặc biệt này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng chế tác đá mỹ nghệ truyền thống, mà còn là một mất mát lớn đối với ký ức nghề và bản sắc vật liệu của địa phương. Trước sự cạn kiệt của nguồn đá tự nhiên tại chỗ, các cơ sở sản xuất ở Ninh Vân hiện nay chủ yếu phải nhập đá từ các vùng khác như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Nam... Tuy đảm bảo được nguồn cung ổn định, nhưng chất lượng đá từ nơi khác thường không đạt độ mịn, độ cứng hoặc sắc màu như đá truyền thống của Ninh Vân trước đây. Việc vận chuyển đá từ xa cũng làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Đặc biệt, khi sử dụng đá không phù hợp, quá trình chạm khắc dễ gặp tình trạng nứt vỡ, giảm độ tinh xảo của hoa

văn, hoặc sau một thời gian sử dụng sẽ xuất hiện rêu mốc, làm giảm giá trị thẩm mỹ và tuổi thọ công trình. Ngoài ra, sự phụ thuộc vào đá nhập từ các vùng khác khiến nhiều cơ sở nhỏ lẻ gặp khó khăn trong việc duy trì sản xuất đều đặn, đồng thời làm mai một dần kinh nghiệm chọn và xử lý đá nguyên liệu - một kỹ năng từng được xem là tinh hoa nghề truyền thống.

Để tạo ra một sản phẩm đá thường có những quy trình cơ bản, như ra phôi, xác định điểm chuẩn tạo hình, chạm hình nét, trang trí hoa văn, đánh bóng sản phẩm... Tuy nhiên, ở mỗi công đoạn lại có rất nhiều chi tiết khác nhau, cách làm khác nhau. Việc một sản phẩm đá được hoàn thiện ở mức độ nào, tính thẩm mỹ cao hay thấp phụ thuộc nhiều vào những công việc mang tính tiêu tiết mà không phải người thợ nào cũng có thể làm tốt. Với những sản phẩm đá mỹ nghệ, quan trọng nhất là chạm hình nét và trang trí. Công đoạn này đòi hỏi kỹ thuật và đôi tay khéo léo của người thợ. Trong công đoạn này, kỹ thuật chạm rất quan trọng: chạm chên như thế nào, chên ở mức độ nào, lực búa ra sao,... đều là những kỹ thuật mang tính bí quyết mà không phải ai cũng nắm được. Hay đơn giản như việc đánh bóng sản phẩm. Ngày nay, có nhiều công cụ hỗ trợ việc đánh bóng sản phẩm, như giấy ráp, đá mài, máy mài,... nhưng trước đây, khi chưa có những công cụ này, người thợ đá Ninh Vân đánh bóng sản phẩm bằng một loại “công cụ” rất đặc biệt, đó là lá chuối khô. Theo các “lão nghệ nhân”, đánh bóng bằng lá chuối khô tuy mất thời gian nhưng giúp cho sản phẩm vừa bóng, đẹp, vừa có màu đen tự nhiên.

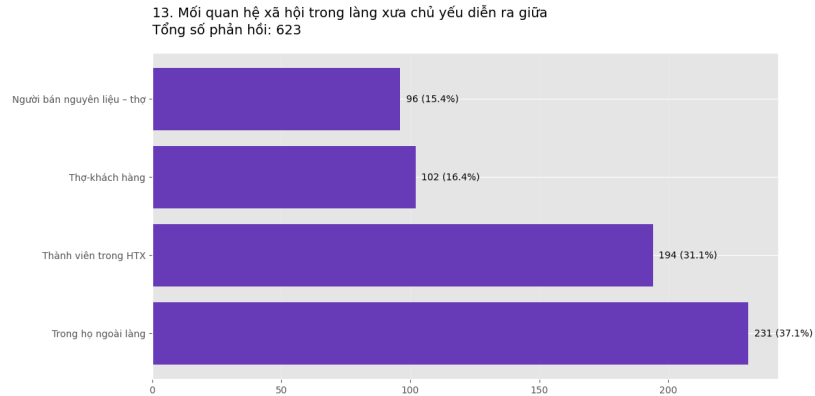
Những bí quyết cũng như kinh nghiệm nghề nghiệp đã hình thành nên nghề đá truyền thống nổi tiếng ở Ninh Vân. Để nghề đá mỹ nghệ được lưu truyền đời này sang đời khác, người Ninh Vân trước đây rất coi trọng việc truyền nghề. Sống trong môi trường làng nghề, ngay từ sớm, người Ninh Vân đã được tiếp xúc với nghề, ít nhiều có được sự hình dung về công việc mà cha, anh mình làm. Ngay từ khi còn nhỏ, những người con trai đã được

cha mình hướng dẫn các kỹ thuật chạm khắc, từ đơn giản đến phức tạp. Việc truyền nghề được thực hiện chủ yếu dưới hình thức “cầm tay chỉ việc”. Có những kỹ thuật quan trọng (như kỹ thuật chạm môi và mắt cho các pho tượng), người ta chỉ truyền cho con cái trong gia đình chứ không truyền cho người ngoài. Những người được truyền nghề chủ yếu là người trong làng, xã chứ ít có người bên ngoài. Hơn nữa, việc truyền nghề chủ yếu mang tính tự phát ở các gia đình chứ chưa hình thành một phong trào rộng lớn được định hướng trong cả cộng đồng.

2.2.4. *Mối quan hệ xã hội*

Trong truyền thống, Ninh Vân là một làng thuần nông như bao làng quê cổ truyền khác ở đồng bằng Bắc Bộ, lối sống và tác phong làm việc của người dân làng Ninh Vân thường thư thái, ung dung, tự tại trong những khoảng thời gian rảnh rỗi, bận rộn, khẩn trương mỗi khi vào dịp mùa hay thời vụ. Do đó, thời gian thường không ổn định, thiếu chuẩn xác, dẫn đến tâm lý đủng đỉnh, thong dong, an nhàn, chậm chạp và ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả và chất lượng sản xuất. Một số người làng đã đi làm thêm các nghề phụ, như thêu ren và một số nghề phụ. Kinh tế làng Ninh Vân không phát triển, đơn thuần là làng quê truyền thống mang 2 đặc tính cơ bản của làng xã Việt Nam: tính cộng đồng và tính tự trị. Người dân làng Ninh Vân sống bao bọc, quây quần sau lũy tre làng, an phận với cuộc sống đơn giản, nền sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, mang tính chất tiểu thủ công nghiệp, lối tư duy tổ hợp, quan tâm đến tính cộng đồng và lợi ích chung của tập thể. Chính vì vậy, mối quan hệ chủ yếu của người dân trong làng về cơ bản vẫn là mối quan hệ làng xóm láng giềng “tối lửa tắt đèn có nhau”. Mối quan hệ ngày xưa diễn ra tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân thể hiện qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 3: Mối quan hệ trong truyền thống tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

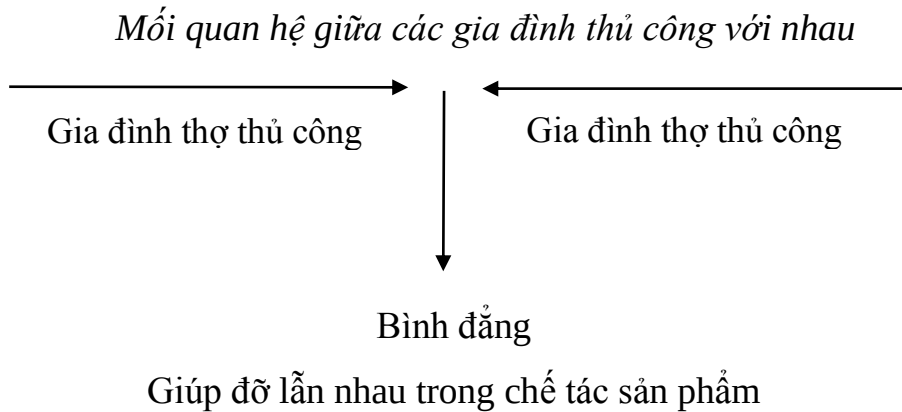


[Nguồn: NCS tập hợp và phân tích, năm 2025]

2.2.4.1. Mối quan hệ giữa các gia đình thủ công với nhau

Mối quan hệ này thể hiện sự bình đẳng giúp đỡ lẫn nhau trong chế tác sản phẩm đá diễn ra ở làng nghề. Với tâm lý trọng cộng đồng, trọng tình của người Việt, các gia đình thợ thủ công ở Ninh Vân luôn sống chan hòa trong mối quan hệ tình làng nghĩa xóm. Đặc biệt, ngoài mối quan hệ chung vốn có (sống cùng lãnh thổ), người dân Ninh Vân còn có chung ngành nghề chế tác đá. Chính vì vậy, họ luôn cùng đồng hành, giúp đỡ nhau trong quá trình chế tác sản phẩm, làm ăn buôn bán. Theo ông Nguyễn Quang Diệu, làng Xuân Vũ cho biết: Ngày đây chúng tôi sống trong mối quan hệ xóm làng bền chặt, giúp nhau cùng tiến trong làm ăn kinh tế và hỗ trợ nhau khi khó khăn. Thật hiếm có chuyện cạnh tranh sản phẩm, tranh giành khách hàng. Các gia đình luôn coi nhau như anh em cùng một nhà. Có bất cứ chuyện gì chúng tôi đều sẵn sàng hỗ trợ nhau [PV, ngày 18/8/2024]. Tính bình đẳng trong quan hệ giữa các gia đình thợ thủ công thể hiện khá rõ trong truyền thống, mặc dù trong sản xuất, gia đình thợ đều muốn bán được nhiều sản phẩm, người mua cũng biết được đến chất lượng hàng của từng gia đình. Tuy nhiên, trong thời kỳ lịch sử cụ thể, tính cạnh tranh trong việc mua bán sản phẩm chưa được thể hiện rõ ràng. Về mặt kinh tế, nhìn

chung, các gia đình thợ thủ công có mặt bằng đời sống kinh tế ngang nhau, không có sự chênh lệch như hiện nay. Họ sống tôn trọng lẫn nhau, không có sự phân biệt giữa giàu - nghèo như hiện nay. Vì vậy, tính bình đẳng là điểm vượt trội trong mối quan hệ xã hội truyền thống.

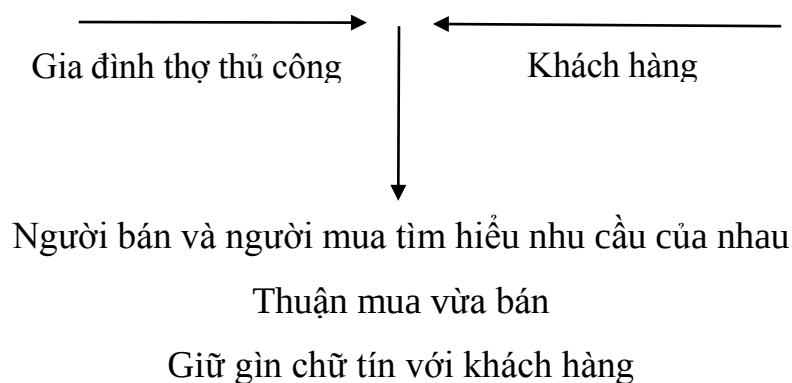


2.2.4.2. Mối quan hệ giữa gia đình thợ thủ công và khách hàng

Là một làng nghề thủ công, sản xuất các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, nên ở Ninh Vân, ngoài các mối quan hệ giữa các gia đình thợ thủ công, còn có mối quan hệ giữa người bán (gia đình thợ thủ công) và người mua (khách hàng). Mối quan hệ này giúp cho người bán và người mua tìm hiểu nhu cầu của nhau trên cơ sở thuận mua vừa bán và giữ gìn chữ tín với khách hàng. Trong thực tiễn mua bán và trao đổi sản phẩm tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, có thể nhận diện hai hình thức giao dịch phổ biến. Thứ nhất, khách hàng có nhu cầu thường trực tiếp tìm đến các hộ sản xuất để lựa chọn sản phẩm thủ công đã hoàn thiện. Đây là hình thức trao đổi truyền thống, thuận tiện cho các đơn hàng nhỏ, chủ yếu phục vụ mục đích dân dụng hoặc thờ cúng đơn lẻ. Thứ hai, với những sản phẩm có kích thước lớn, yêu cầu thi công tại chỗ và phát sinh chi phí vận chuyển cao - như tượng đá, linh vật, cổng đá hoặc công trình kiến trúc - người đặt hàng thường thuê hẳn một tổ thợ về thi công tại địa phương. Mô hình này không chỉ linh hoạt về mặt kỹ thuật mà còn cho thấy khả năng thích ứng của người thợ Ninh Vân với những đơn hàng mang

tính công trình, vượt khỏi phạm vi làng nghề truyền thống. Sự kết hợp giữa sản xuất tại chỗ và thi công lưu động là một trong những đặc điểm nổi bật của phương thức sản xuất đá mỹ nghệ tại địa phương này.

Như vậy, giữa gia đình thợ thủ công và khách hàng hoàn toàn là sự thỏa thuận trên cơ sở thực tế tính chất và quy mô công việc. Ở đây, có sự linh hoạt miễn sao đôi bên cảm thấy hài lòng. Mọi quan hệ này được nảy sinh theo quy luật cung cầu - giá cả. Khách hàng cần sản phẩm thì gia đình thợ thủ công sẽ sẵn sàng cung cấp. Tuy nhiên, giữa họ luôn cần có sự trao đổi, thỏa thuận hợp lý để cả bên bán và bên mua đều có lợi. Người dân làng nghề cho biết, trước đây, quan hệ giữa người mua và người bán được diễn ra ở hai nơi, những sản phẩm đá nhẹ được người dân chuyển ra chợ phiên các thôn làng lân cận để bán, công việc buôn bán diễn ra chính là tại các chợ quê. Những sản phẩm có trọng lượng lớn thì chủ yếu được đặt tại nhà và mọi công việc giao thương buôn bán diễn ra trên phương diện thuận mua - vừa bán. Điều quan trọng là cảm đảm bảo chữ tín với khách hàng, khách hàng sẽ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm trong quá trình sử dụng và nếu sản phẩm tốt người mua sẽ truyền nhau, giới thiệu cho những người thân trong gia đình và bạn bè đến địa chỉ cũ để mua.

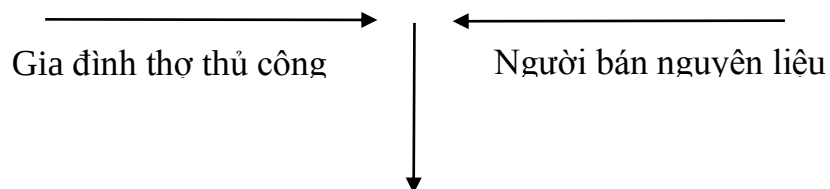


2.2.4.3. *Mối quan hệ giữa gia đình thợ thủ công và người bán nguyên liệu*

Để làm ra các sản phẩm chất lượng trên thị trường, các gia đình thợ thủ công luôn luôn phải có nguồn nguyên liệu đảm bảo. Hơn nữa, Ninh Vân là làng

chế tác đã có từ lâu đời, được giữ gìn qua nhiều thế hệ, với những ưu điểm của sản phẩm là không bị rêu phong trước mưa nắng, bền vững trước gió sương, càng để lâu càng bóng. Chính vì vậy, việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu chuẩn, chất lượng, đúng với ưu thế sản phẩm của làng luôn được các gia đình sản xuất chú trọng. Có nguồn bán nguyên liệu thì sẽ không lo việc không có nguyên liệu để sản xuất. Đó thường là mối quan hệ lâu dài giữa người cần mua nguyên liệu (gia đình thợ thủ công) và người cần bán nguyên liệu (chủ nguyên liệu). Ở đây, sẽ có sự thỏa thuận cụ thể, rõ ràng giữa đôi bên, để sao bên mua không lo lắng về việc “đứt gãy” nguồn nguyên liệu thuận tiện cho việc sản xuất, đồng thời, bên bán luôn có sẵn nguồn hàng để cung cấp. Có thể thấy rõ mối quan hệ này diễn ra trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên cần mua và cần bán nguyên liệu để từ đó tạo ra thuận lợi trong giao dịch và xây dựng niềm tin, chữ tín với nhau. Sở dĩ có mối quan hệ này vì trong những thời kỳ đầu, người dân làng nghề khai thác đá tại chỗ là chính, tuy nhiên, nguồn nguyên liệu dần bị cạn kiệt, vì vậy, người dân làng nghề phải mua nguyên liệu từ nơi khác. Nếu so sánh thì ngày nay nguồn nguyên liệu không chỉ mua trong nước mà còn phải nhập đá nhân tạo theo công nghệ nước ngoài.

Mối quan hệ xã hội giữa gia đình thợ thủ công và người bán nguyên liệu là sự cần thiết của cả hai bên. Họ có mối quan hệ khá lâu dài, bên bán luôn có sự cố gắng để đáp ứng nhu cầu của người mua một cách tốt nhất. Điều cơ bản, là người bán nguyên liệu luôn phấn đấu đảm bảo chữ tín với người mua là khách hàng thường xuyên của mình.



Bên cần mua nguyên liệu - cần bán nguyên liệu có sự thỏa thuận
Có sự thuận lợi và đảm bảo chữ tín

2.2.5. Phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Trong truyền thống, hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân chủ yếu mang tính thủ công, nhỏ lẻ và phụ thuộc vào kinh nghiệm truyền đời trong gia đình. Công cụ lao động đơn giản như búa, đục, mũi ve... đòi hỏi người thợ phải có tay nghề cao, sự kiên trì và kỹ thuật tinh xảo qua từng công đoạn chế tác. Phương thức tổ chức sản xuất chủ yếu theo hình thức hộ gia đình, với sự hỗ trợ của người thân và các mối quan hệ trong làng. Việc tiêu thụ sản phẩm dựa vào mạng lưới khách hàng thân thiết, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trong làng và các làng phụ cận. Mặc dù còn nhiều hạn chế về quy mô, năng suất và thị trường, song phương thức sản xuất xưa đã đặt nền móng quan trọng cho sự hình thành, duy trì và phát triển bản sắc văn hóa nghề đá của Ninh Vân, tạo tiền đề cho sự chuyển mình trong các giai đoạn tiếp theo.

* *Tổ chức sản xuất*: Nghề đá mỹ nghệ ở Ninh Vân tồn tại theo kiểu cha truyền con nối, qua các đời trong phạm vi gia đình, họ tộc là chủ yếu, có những bí quyết riêng. Trong gia đình, dòng tộc lại lựa chọn những người có năng khiếu, óc thẩm mỹ, bàn tay khéo léo. Qua tư liệu điều tra, có thể phác thảo cách thức tổ chức sản xuất xưa của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân thường là những kíp thợ đảm nhận, thông thường kíp thợ do một người có năng lực về chuyên môn và tổ chức đứng lên đảm nhận (gọi là thợ cả) đứng lên nhận công trình hay sản phẩm lớn, sau đó thợ cả sẽ tuyển dụng thêm vào nhóm những thợ đá có tay nghề cao, thạo việc để cùng thực hiện các công đoạn tạo tác sản phẩm. Thợ cả phân công cụ thể theo công việc phù hợp. Số lượng thợ không cố định, thường theo công việc mà người thợ cả tính toán cho đủ số lượng cần thiết. Trong quá trình sản xuất lực lượng thợ có thể chia làm hai phần: 1/Nhóm khai thác đá nguyên liệu gồm những người có sức khỏe, có kinh nghiệm khai thác đá; 2/Nhóm chuyên chế tác sản phẩm theo sự hướng dẫn của thợ cả. Người thợ cả chủ yếu trực tiếp làm khâu đục tinh chế sản phẩm, giám sát, chỉ đạo tất cả các khâu. Thông thường

một hiệp thợ thường biên chế ổn định khoảng 15 người, 1 thợ cả, 2-3 thợ chính còn lại thợ phụ, khi có công trình đặc biệt thì thuê thêm người. Tỷ lệ này ổn định đến nay, bởi nghề chế tác đá chủ yếu vẫn phải tiến hành thủ công. Những thợ đá tham gia vào kíp thợ chủ yếu là người thân thiết trong họ ngoài làng hoặc thợ đá có tay nghề cao của các làng phụ cận. Bên cạnh việc nhận sản phẩm làm tại nhà thì có nhiều thợ tự vận động đến các khu di tích, cơ quan nhà nước hay tư gia ở các tỉnh phụ cận vùng Ninh Bình để nhận công trình làm tại đó theo yêu cầu của khách hàng. Quy trình sản xuất xưa phù hợp với điều kiện văn hóa, kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng lúa nước, lấy nông nghiệp làm trọng, nghề đá là phụ và thường sản xuất vào ngoài mùa lúa.

**Tiêu thụ sản phẩm:* Ngoài việc cung cấp các sản phẩm cho cư dân trong làng ra thì người thợ đá Ninh Vân khá linh hoạt trong việc buôn bán cho các vùng phụ cận, thậm chí còn lan tỏa ra nhiều tỉnh thành khác trong nước ta. Nhờ địa thế thuận lợi của giao thông đường thủy và đường bộ nên các sản phẩm của làng nghề dễ dàng được vận chuyển đến các tỉnh thành khu vực miền bắc cũng như khu vực miền trung. Ngoài các sản phẩm gia dụng thì một số sản phẩm đá có trọng lượng nặng như: tượng, cột đá, bậc thềm, tranh đá,... nên hầu hết khách hàng sẽ phải đến tận khu vực sản xuất để xem mẫu mã sản phẩm, sau đó mới đặt đơn hàng. Sách *Đại Nam nhất thống chí* nhắc đến nhiều chợ trong vùng, như "chợ Vân Sàng ở phía tây bắc tỉnh thành, thuộc huyện Yên Khánh, chợ ở sát bờ sông, nhà cửa nối liền nhau, thuyền buôn tụ tập đông đúc", "chợ Dương Vũ ở phía nam huyện Yên Khánh, liền đường quan", "chợ Sinh ở xã Phú Hậu, tổng Bồng Hải, phía đông huyện Yên Khánh", "chợ Trạo ở xã Thiện Trạo, bờ sông bán nhiều chiếu", "chợ Yên Ninh, chợ Yên Nha đều thuộc huyện Yên Khánh". Hệ thống chợ này cùng với mạng lưới sông ngòi ở Ninh Bình đã giúp cho việc vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm khá thuận lợi. Các sản phẩm lớn, nặng được chế tác ngay tại

chân núi rồi đưa xuống chân núi, theo các dòng kênh, mương, sông ngòi chuyển đi các nơi. Những sản phẩm có kích cỡ nhỏ thì thông thường được làm tại xưởng và thường được làm sẵn trong thời gian nhàn rỗi.

Tiểu kết

Ninh Vân có lịch sử lâu đời, có bề dày truyền thống văn hóa. Nghề chế tác đá ở Ninh Vân cũng hình thành từ sớm và tồn tại liên tục, bền bỉ qua nhiều thế kỷ, tạo nên những tinh hoa nghề nghiệp, được các thế hệ sau gìn giữ và phát triển. Thông qua kết quả nghiên cứu văn hoá truyền thống của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, NCS đưa ra một số đánh giá, như sau:

1/ Văn hoá vật thể: trong truyền thống thì Ninh Vân là một xã nghèo, cư dân sinh sống trong những ngôi “nhà tranh, vách đất” được bao bọc bởi các dãy núi đá, với cảnh “chạy ăn từng bữa”, nhưng đời sống văn hóa của cư dân làng nghề lại khá phong phú, do vậy người dân xưa đã xây dựng, tạo tác ra nhiều di tích có giá trị lớn về mặt văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc, mỹ thuật như cụm di tích đền Tam Thôn, đình làng Thượng, đình làng Hệ, chùa Xuân Vũ, chùa Thiên Động Tháp... Những di tích này mang đậm nét văn hóa làng nghề đá. Sản phẩm làng nghề được coi như một loại hàng gia dụng thiết yếu phục vụ cho đời sống cư dân trong làng và các làng phụ cận với các sản phẩm giản đơn như: cối đá, con lăn lúa, cối giã thực phẩm, bàn mài, tượng phật (loại nhỏ),.... việc buôn bán các sản phẩm này góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế cho người dân làng nghề, kinh tế nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo trong đời sống của cộng đồng cư dân vùng Ninh Vân xưa kia.

2/ Văn hoá phi vật thể: Ninh Vân trước đây là làng nông nghiệp và nghề đá coi như nghề phụ được làm trong thời gian nông nhàn với ít hộ gia đình tham gia sản xuất. Tuy nhiên, văn hóa làng nghề được các thế hệ làm nghề lưu giữ bằng cách đưa vào trong các loại hình văn hóa của làng nghề thông qua các hoạt động của lễ hội trong lễ hội Tam Thôn. Đời sống tín ngưỡng nơi đây mang

đậm chất nghề đá với tín ngưỡng thờ Tản Viên Sơn Thánh với vai trò là vị thần bảo trợ cho người dân làng nghề và cộng đồng cư dân làng Ninh Vân. Về mối quan hệ xã hội của người dân Ninh Vân trước đây cơ bản là mối quan hệ theo lối “tình làng nghĩa xóm” sống chan hòa, tương trợ cho nhau; với thợ thủ công thì lúc này nghề đá chưa phát triển nên các mối quan hệ giữa thợ làm nghề cũng theo kiểu quan hệ “xóm – giềng”.

Tóm lại, Ninh Vân là một xã có bề dày lịch sử với nghề chế tác đá mỹ nghệ lâu đời đã để lại nhiều giá trị văn hóa cho cộng đồng cư dân làng nghề qua nhiều thế hệ. Các di tích văn hóa vật thể như đền Tam Thôn, chùa Thiên Động Tháp, đình làng,... cùng với các lễ hội và tín ngưỡng thờ Tản Viên Sơn Thánh được người dân xưa kiến tạo đã góp phần duy trì và phát triển văn hóa làng nghề với những nét văn hóa độc đáo, mang đặc trưng văn hóa nghề đá qua nhiều thế kỷ.

Chương 3

BIẾN ĐỔI VĂN HÓA LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

3.1. Biến đổi văn hóa vật thể

3.1.1. *Biến đổi về cảnh quan không gian làng nghề*

Không gian cảnh quan của các làng quê hiện nay có sự thay đổi khá nhiều, đặc biệt là với các làng nghề thủ công truyền thống đang phát triển. Do nhu cầu phát triển kinh tế hàng hóa, nhu cầu mở rộng khu vực sản xuất, nên hệ thống giao thông ngày càng được nâng cấp và mở rộng nhằm phục vụ cho công việc giao thương hàng hóa trong nước và ngoài nước.

Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân là một trong những làng nghề có quy mô phát triển bậc nhất tại Ninh Bình hiện nay, do đó không gian cảnh quan đường làng, ngõ xóm cũng có sự thay đổi/biến đổi rõ rệt. Trước năm 1986, con đường chính giữa các làng, chủ yếu là đường cấp phối rải sỏi, đá (tận dụng từ phế liệu làm nghề). Đến năm 2003, một số đường chính được đổ bê tông, với kích thước rộng. Đến năm 2013, 100% các con đường đều được rải nhựa và bê tông. Hiện nay, Ninh Vân 13 thôn. Mỗi thôn đều có các đường chính và đường phụ (đường xóm) nối liền với các đường chính. Trường hợp tại làng Xuân Vũ có 01 con đường chính chạy dọc làng và 11 đường ngõ, xóm, với kích thước rộng 2,7m, được đổ bê tông dày 30cm. Đến năm 2015, chính quyền thôn và người dân sở tại cùng nhau đóng góp và thuê mướn thợ làm hệ thống máng chìm chạy dọc các con đường xóm và các đường nhỏ dẫn vào từng hộ gia đình. Các con đường làng chính và phụ nối liền với nhau tạo thành hình ô bàn cờ thông suốt các phía. Trong những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của nghề đá mỹ nghệ tại Ninh Vân đã kéo theo những chuyển biến rõ nét trong không gian kiến trúc và hạ tầng của các thôn làng. Điển hình như tại thôn Xuân Phúc, với 11 ngõ xóm, người dân đã chủ động đầu tư nâng cấp hệ thống giao

thông nội thôn bằng bê tông hóa, bố trí đường theo dạng ô bàn cờ, kết nối đồng bộ với trục đường chính rộng trên 5 mét chạy dọc toàn thôn. Đường làng, ngõ xóm không chỉ được đổ bê tông vững chắc mà còn được vệ sinh thường xuyên, phản ánh rõ nét sự thay đổi trong nhận thức cộng đồng về vệ sinh môi trường và cảnh quan làng nghề. Song song với quá trình cải thiện hạ tầng, nhu cầu mở rộng không gian sản xuất cũng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Do đặc thù của nghề đá cần mặt bằng rộng, thuận tiện cho việc vận chuyển và thao tác các sản phẩm có khối lượng lớn, từ năm 2019, chính quyền địa phương đã chủ động đề xuất với cấp trên về việc quy hoạch và mở rộng thêm diện tích đất dành riêng cho xây dựng xưởng sản xuất. Việc quy hoạch lại không gian nghề này vừa góp phần giải quyết tình trạng manh mún, tự phát trong bố trí nhà xưởng trước đây, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất phát triển theo hướng quy mô, tập trung và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Nếu như trước năm 2015, việc sản xuất, giới thiệu và bán sản phẩm tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân được các hộ gia đình thực hiện tại không gian sinh sống của mình thì sau những năm 2015, do có nhiều đơn đặt hàng, trong đó có nhiều sản phẩm có quy mô lớn, phải cần đến các thiết bị máy móc hiện đại có kích thước lớn, như máy cầu, máy cắt, máy chạm CNC,... đã dẫn đến việc mở rộng sản xuất của các hộ gia đình. Việc sản xuất tại không gian sinh sống không đáp ứng được nhu cầu phát triển nghề nên chính quyền địa phương đã quy hoạch khu đất rộng 20ha thành cụm công nghiệp ở phía ngoài làng nghề để các hộ gia đình có thể tập trung sản xuất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Do đó, diện mạo của làng nghề đã thay đổi rõ rệt, với các khu vực chính, gồm: làng (nơi dân sinh sống), cụm công nghiệp và khu trưng bày sản phẩm.

Trong bối cảnh hiện đại, biến đổi xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc tái định hình cảnh quan và không gian của các làng nghề truyền thống. Sự phát triển kinh tế mang lại cơ hội đầu tư và nâng cấp hạ tầng, thay đổi diện mạo

và chất lượng cuộc sống của làng nghề. Đồng thời, công nghệ hiện đại không chỉ cải tiến quy trình sản xuất mà còn ảnh hưởng đến không gian làm việc và cảnh quan làng nghề rõ nét. Dưới tác động của biến đổi xã hội cảnh quan và không gian của làng nghề truyền thống bị tác động đa chiều, điều này giúp thúc đẩy sự phát triển làng nghề, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức đòi hỏi sự thích ứng và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

3.1.2. Biến đổi di tích lịch sử văn hóa

3.1.2.1. Di tích đình làng

Đình làng Thượng: tu bổ năm 2020 với kinh phí lên đến hơn 3 tỷ đồng, đây được coi là chương trình “Đại trùng tu” ngôi đình của người dân làng Thượng. Đình làng Hệ tu bổ giai đoạn 1993-1994 với kinh phí khoảng 30-40 triệu đồng (nếu tính giá trị hiện nay thì số tiền tương đương 300-400 triệu). Hầu hết kinh phí cho công tác xây dựng, tôn tạo, tu bổ đình làng đều do cộng đồng cư dân tự nguyện đóng góp với nhiều hình thức khác nhau: đóng bằng tiền, bằng sản phẩm, nguyên liệu thô, công thợ, thiết bị vận chuyển,... thể hiện tinh thần đoàn kết, đồng lòng, chung sức của cộng đồng cư dân làng nghề.

Phần kinh phí cho công tác tu bổ có thể chia làm hai hạng mục: 1/*Đóng góp bằng tiền mặt:* hầu hết các hộ gia đình trong làng đều tham gia đóng góp theo mức quy định từ 200 nghìn đồng trở lên đối với một nhân khẩu, phần kinh phí này chủ yếu dùng cho việc tu bổ những hạng mục sử dụng các chất liệu không phải là đá; 2/*Đóng góp bằng hiện vật:* trong hạng mục tu bổ có những sản phẩm sử dụng chất liệu đá sẽ được các doanh nghiệp làm và cung tiến cho đình. Thường là những doanh nghiệp có uy tín trong hiệp hội làng nghề mới được lựa chọn làm những sản phẩm cho công tác tu bổ. Qua phỏng vấn ông Phạm Văn Thành (làng Phú Lăng) cho biết: “Đợt sửa đình làng Thượng (2020) có doanh nghiệp Việt Trung cung tiến sản phẩm tường thành khu vực hồ trước đình, nếu tính ra tiền thì giá trị những sản phẩm vào thời điểm đó có trị giá 150-170 triệu

đồng” [PV, ngày 16/8/2024]. Việc đóng góp kinh phí, hiến vật để tôn tạo, tu bổ di tích thể hiện lòng tôn kính, biết ơn vị thành hoàng làng luôn che chở và phù hộ cho dân làng bình an, làm ăn phát đạt.

Đình làng Xuân Vũ: có sự thay đổi hoàn toàn về không gian và kiến trúc xây dựng. Trước đây, ngôi đình được xây dựng ở phía đầu làng từ thời Hậu Lê (TK XVIII), với quy mô kiến trúc vừa phải, thờ Tản Viên Sơn Thánh. Trong thời gian “cải cách ruộng đất” chính quyền xã đã phá bỏ đình và lấy gỗ để dựng kho chứa thóc với lý do công trình kiến trúc này bị xuống cấp trầm trọng và cần phải mở rộng đường vào làng để phục vụ cho sản xuất. Đến năm 2011, chính quyền xã và dân làng xây dựng lại ngôi đình này với quy mô lớn hơn tại một không gian cảnh quan mới gần khu đất dựng đình cũ. Bên cạnh sự biến đổi về không gian cảnh quan, kiến trúc là sự biến đổi của bố cục tổng thể kiến trúc hiện trong việc sắp đặt lại vị trí của các đơn nguyên kiến trúc. Trước đây đình có bố cục hình chữ “Đình” thì hiện nay đình có bố cục hình chữ “Công” gồm: Hậu cung, Ống muống và Đại đình. Qua khảo sát cho thấy, công trình này đã sử dụng các loại vật liệu khác nhau, tuy nhiên vật liệu đá được sử dụng khá nhiều trong tổng thể kiến trúc và các chi tiết trong kiến trúc, gồm có: lát nền gian giữa đại đình, chân tảng kê, bó vỉa móng, hiên, bậc tam, hệ thống cột đình, sập thờ, bệ thờ, ngai thờ, lư hương, đỉnh, đồ thờ (bát hương, chân nến, mâm bồng, lọ hoa,..), chân tường bao. Sự hiện diện ngày càng phổ biến của các sản phẩm đá mỹ nghệ trong không gian thờ tự tại các đình, đền, chùa ở Ninh Vân cho thấy quá trình chuyển dịch rõ rệt về mặt chất liệu và quan niệm thẩm mỹ trong cộng đồng. Từ chỗ sử dụng các vật phẩm bằng gỗ, đồng – vốn mang tính truyền thống lâu đời – nhiều không gian tín ngưỡng nay đã được thay thế hoặc bổ sung bằng các tác phẩm đá có độ bền cao, kiểu dáng trang trọng, hoa văn tinh xảo do chính các nghệ nhân trong làng chế tác. Sự thay đổi này không chỉ xuất phát từ điều kiện phát triển của nghề đá, mà còn phản ánh nhu cầu làm

mới, tôn tạo không gian linh thiêng theo hướng bền vững, lâu dài và phù hợp với thể mạnh sẵn có của địa phương. Qua đó, có thể thấy rằng người thợ không chỉ là chủ thể sản xuất đơn thuần, mà còn tham gia trực tiếp vào quá trình tái cấu trúc thẩm mỹ – vật chất của không gian văn hóa tâm linh trong cộng đồng làng xã đương đại.

3.1.2.2. Di tích đền thờ

Cụm di tích đền làng Xuân Vũ: 1/Đền Thượng: được dựng lại vào năm 2006, với tổng kinh phí khoảng 600 triệu đồng, quy mô tương đối nhỏ. Đền có bố cục mặt bằng hình chữ “*Nhất*”, gồm một gian, hai chái. Toàn bộ cấu kiện kiến trúc được thay mới bằng chất liệu gỗ, riêng phần chân cột được kê trên chân tảng đá xanh và được chạm khắc tinh xảo với các đề tài truyền thống (hoa sen, dây cúc,...). Riêng phần mái được làm cẩn thận, từ các hoành, ván dong cho đến ngói lót và ngói lợp đều được người dân lựa chọn cẩn thận bằng các nguyên liệu tốt. Đồ thờ trong đền đều được làm mới với các sản phẩm từ đá như: nhang án, cuốn thư, lư hương, bát hương, tượng linh vật,... được chạm khắc tinh xảo do những người thợ tay nghề cao trong làng cung tiến ...; *2/Đền Trung:* đầu năm 2009, dân làng huy động cộng đồng đóng góp được 2,7 tỷ đồng để xây dựng lại. Hiện nay, đền có diện mạo khang trang và bề thế, mặt bằng kiến trúc tổng thể hình chữ “*Nhị*”, gồm tiền tế và hậu cung, phía ngoài có cổng làm bằng đá, dạng tứ trụ. Các bộ vì được làm bằng gỗ lim và gỗ táu, hệ tường bao xây bằng gạch, hệ mái lợp ngói, tường bao quanh di tích được xây bằng đá tảng khổ lớn có trang trí hoa văn. Nhìn tổng thể, tuy mới được xây lại nhưng đền vẫn mang dáng vẻ kiến trúc truyền thống, phù hợp với văn hóa tín ngưỡng của địa phương; *3/Đền Tú Sơn:* do bị tàn phá trong kháng chiến chống Pháp, đến năm 2009, dân làng đã hưng công được số tiền là 313 triệu đồng để xây dựng lại. Hiện nay, đền có quy mô rất nhỏ, chỉ là một đơn nguyên kiến trúc gạch, bê tông, gồm 03 gian, với 03 lối cửa vòm nhỏ đi vào. Phía ngoài hai bên

tường màn đắp tượng quan võ đứng hầu, nhìn ra khoảng sân nhỏ. Phía trong gian giữa có ban thờ thần linh, với ngai, bài vị và các đồ thờ khác, như bát hương, lọ hoa, cây đèn..., được làm bằng đá, do thợ làng nghề làm ra.

Đền Miếu Sơn (làng Phú Lăng): đền Miếu Sơn, năm 2008, dân làng đã huy động được gần 200 triệu đồng để tu sửa lại các hạng mục như: gia cố và nâng nền, bó vỉa bậc thêm, bậc lên xuống bằng đá; thay thế các tảng kê chân cột; lát lại sân bằng vật liệu đá; gia cố lại ban thờ đá và bổ sung thêm đồ thờ như mâm bồng, cây đèn bằng đá. Có những đồ thờ mới bằng đá (sản xuất theo kiểu công nghiệp như cuốn thư, lư hương, bia đá... Bên trái ban thờ có dựng hai tấm bia đá ghi họ tên người công đức tiền cho việc tu bổ ngôi đền này.

Đền Kê Hạ (làng Hệt): đền Kê Hạ, năm 2014, được sửa chữa lại các hạng mục như sân, đường vào, tường bao và cổng đền đều được làm bằng chất liệu đá. Nhìn một cách tổng thể, tuy mới được tu bổ lại, song kiến trúc của đền vẫn mang phong cách kiến trúc cổ truyền của vùng bán sơn địa này.

Đền Kê Thượng (làng Thượng): là một di tích quan trọng của cộng đồng dân cư nơi đây. Qua trao đổi với ông Nguyễn Quang Diệu về việc tu bổ di tích, ông cho biết: “năm 2015, người dân đã đóng góp hơn 200 triệu đồng để tiến hành gia cố, tu bổ và tôn tạo trên tổng diện tích khoảng 3.500m², các thợ làm đá trong làng đã thực hiện việc loại bỏ rêu mốc và cây cối mọc trên bề mặt đá, đồng thời hàn gắn các vết nứt gãy trên vật liệu đá” [PV, ngày 28/8/2024]. Công trình còn bao gồm việc nâng nền tại vị trí ban thờ, lát đá, xây dựng tứ trụ và tường rào bao quanh bằng đá. Ngoài ra, các đồ thờ làm từ đá như mâm bồng, cây đèn, lọ hương cũng được bài trí thêm, góp phần tôn vinh giá trị văn hóa truyền thống của đền. Tiến hành mở rộng và làm lại lối đi lên ban thờ thứ hai ở phía trên vách núi bằng cách ghép các phiến đá tự nhiên cùng với chất kết dính để tạo thành các bậc lên xuống. Phía ngoài xây dựng cổng tứ trụ nhưng không lắp cánh cửa. Có thể nhận thấy, việc sử dụng vật liệu đá để gia cố và tu bổ, tôn

tạo tại không gian của đền đã tạo ra sự bền vững theo thời gian, đó cũng là đặc trưng trong việc sử dụng vật liệu của làng nghề trong xu thế biến đổi hiện nay .

Điện thờ mẫu làng Thượng: Tuy nhiên, hiện nay ban quản lý điện thờ đã rước thêm tượng Phật vào phối thờ và đổi tên điện thành Kim Tô Tự (chùa Kim Tô). Việc đưa tượng phật vào phối thờ tại điện thờ mẫu phản ánh nhận thức về tín ngưỡng, tôn giáo chưa rõ ràng và thiếu chuẩn mực của người dân. Hiện tượng này diễn ra chưa phổ biến, nhưng cũng đã có ở một vài nơi như đền Hỏa Thần (TP.Hà Nội), đình Nam Hương (TP.Hà Nội), đền Bạch Mã (TP.Hà Nội)... Khi thờ chung thì lòng tin của người dân vào vị thần linh nào nhiều thì tín ngưỡng đó được đề cao và đối với người dân làng Hệ, làng Thượng, làng Phú Lãng thì họ gửi gắm lòng tin vào đức Phật lớn hơn, nên ngoài việc đặt tượng Phật trong tam bảo thì người dân nơi đây còn bổ sung thêm tượng Quan thế âm Bồ Tát bằng đá trắng với kích thước khá lớn được đặt phía trước cửa chùa.

Các di tích đền đá được xây dựng dựa vào vách và mái đá tự nhiên về cơ bản không có sự thay đổi về quy mô, diện mạo cũng như kiến trúc mà ở các di tích này chủ yếu xuất hiện các hiện tượng phong hóa, cây cối mọc tự nhiên... đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất liệu đá tạo thành các di tích này. Qua khảo sát các di tích này cho thấy, cộng đồng cư dân đã chủ động thực hiện các giải pháp ngăn ngừa tác nhân gây hại tác động đến sự tồn tại của từng di tích và đồng thời tiến hành gia cố, tôn tạo thêm các chi tiết để tạo sự bền vững cho di tích. Cụ thể:

Những hoạt động tôn tạo, tu bổ di tích tạo ra sự bền vững cho di tích và thể hiện lòng thành kính của người dân làng nghề với các vị thần linh. Tuy nhiên, những hiện vật mới đưa vào không gian thờ đã phá vỡ không gian cổ truyền, thanh tịnh, thoáng đãng của chốn linh thiêng, tạo cảm giác nặng nề, chật chội cho người đến đây làm lễ... Tuy nhiên, việc xây dựng, tôn tạo này hầu như không ăn nhập với tổng thể của kiến trúc xưa. Thực tiễn trong bối cảnh của không gian

rộng lớn như vùng núi rừng này, các ngôi đền đá đã hòa với không gian rừng núi tự nhiên, những chi tiết xây dựng mới như: cổng tứ trụ, bậc đá mài trơn, cuốn thư, cột đèn,... đã làm giảm đi vẻ đẹp đầy chất tự nhiên có phần hoang sơ.

3.1.2.3. Di tích chùa

Chùa Xuân Vũ: Chùa có mặt bằng kiến trúc dạng chữ *Công*, có nhà thập điện, lầu chuông, gác trống... Tuy nhiên, theo khảo sát cho thấy, không gian chùa nay đã bị thu hẹp, xung quanh là đất của những hộ dân sinh sống; kiến trúc mới được xây dựng lại với mặt bằng kiến trúc tổng thể kiểu chữ “Đinh”, gồm: Tiền đường, Thượng điện. Hiện nay, người dân xây dựng thêm khu nhà tổ bên cạnh khu chính điện với chất liệu đá cho các phần kiến trúc như: tường, ô gió phía trước, cột trụ, vì kèo, bậc thềm, ngưỡng cửa,... Ngoài ra, cổng chùa được xây dựng mới bằng vật liệu gạch, vữa; khu vực vườn cây, ao chùa đã được kè, bó vỉa bằng đá xanh. Cũng theo khảo sát cho thấy, các tượng thờ trong chùa này hầu hết được tạc lại trong những năm gần đây. Theo ông Lã Văn Toàn, làng Xuân Vũ, cho biết: “Khung cảnh và quy mô kiến trúc cũng như tượng Phật của chùa đã thay đổi nhanh chóng, các công trình được xây mới hoàn toàn bằng nguồn kinh phí của địa phương và công đức” [PV ngày 16/12/2024]. Về kinh phí xây dựng, tôn tạo được dân làng cung tiến, nhưng phần lớn là do một nhóm doanh nghiệp có tiếng nói (có tiềm lực kinh tế) đóng góp 70-80% kinh phí. Điều đáng nói ở đây là khâu tổ chức, triển khai đều do nhóm doanh nghiệp này đứng ra chủ trì xây dựng và gần như quyết định mọi công việc xây dựng, tôn tạo từ khâu thiết kế, lựa chọn kiến trúc, sản phẩm thờ, thợ thi công,... đến khi hoàn thành. Hình thức đóng góp chủ yếu bằng nguyên liệu đá, công thợ hoặc sản phẩm do chính các doanh nghiệp làm tại xưởng chỗ đến.

Chùa Thiên động tháp: Hiện nay, ngôi chùa bị cách biệt với người dân bởi nằm trong khuôn viên trại giam Yên Khánh với sự quản lý của lực lượng công an canh gác rất nghiêm ngặt. Vì vậy, người dân và du khách đã không có

điều kiện để đến đây lễ tạ, vẫn cảnh như trước kia và nhiều người dân trong làng dần lãng quên ngôi chùa cổ kính này. Điều này đồng nghĩa với việc tu bổ, tôn tạo ngôi chùa cũng không được quan tâm như những ngôi chùa khác ở Ninh Vân.

3.1.2.4. Di tích văn chỉ

Qua thời gian nhiều khu Văn chỉ xuống cấp, thậm chí có khu Văn chỉ bị phá bỏ để lấy đá làm công trình nông nghiệp. Hiện nay, khi đời sống người dân làng nghề được nâng cao, kinh tế phát triển thì nhiều làng đã góp kinh phí để tu bổ và dựng lại Văn chỉ để tưởng nhớ đến các vị tiên hiền. Điều này làm thay đổi, biến đổi đến di tích văn chỉ sau:

1/ *Văn chỉ làng Phú Lãng và làng Xuân Vũ*: Văn chỉ của hai làng còn giữ nguyên kiến trúc, đồ thờ cổ từ xưa. Tuy nhiên, người dân nơi đây đã chỉnh trang và quy hoạch lại toàn bộ khuôn viên di tích bằng việc tôn tạo, xây dựng lại một số hạng mục như: 1/Văn chỉ làng Phú Lãng mở rộng không gian, xây cổng đá tứ trụ kích thước lớn, trang trí khá công phu với búp sen, nghệ châu, chữ thọ dạng chữ triện; xây bậc đá lên xuống trước cửa giạt ba cấp, thành bậc trang trí rồng châu cách điệu. Tường đá cao được trang trí con tiện trụ tường trang trí hoa sen, tường để thùng cách quãng, trên bề mặt trang trí ô vuông được soi gờ kẻ chỉ. Phía tường rào bên trái có làm cửa phụ bằng đá với 02 trụ cùng mái dạng cổ điển hai tầng tám mái; 2/Văn chỉ làng Xuân Vũ vẫn giữ nguyên không gian thờ cũ, chỉ chỉnh trang việc lát nền, gia cố các bộ thờ và trồng thêm cây xanh. Việc tu bổ văn chỉ do doanh nghiệp đá Hoàn Hảo đứng ra thi công và chi trả toàn bộ kinh phí. Bên cạnh các giá trị về kỹ năng tạo tác hình khối, ý thức về tri thức văn tự và đạo đức nghề nghiệp cũng được xem là một 'trực giá trị' cốt lõi để phân định đẳng cấp của người nghệ nhân đá Ninh Vân, như tâm sự của bà Nguyễn Thị Nhẹ (làng Xuân Vũ): Ở đây có câu 'Nhất tự vi sư', nhưng với thợ đá còn là 'Nhất tự vi nghiệp'. Ra Văn chỉ lễ Không Tử không phải để mong làm quan to, mà để xin cái 'chữ' cho sáng. Anh đục một

tấm bia hay một bức hoành phi mà khắc sai một nét chữ Nho là hỏng cả đời thợ, mang tiếng với cả vùng. Các cụ xưa nghiêm lắm, thợ đá mà không biết mặt chữ thì chỉ mãi là thợ xẻ vôi thôi. Văn chỉ là nơi nhắc nhở chúng tôi rằng bàn tay phải đi đôi với khối óc [PV, ngày 16/08/2025].

2/ *Văn chỉ làng Chấn Lữ*: Trước đây, khu Văn chỉ này có 04 ban thờ bằng đá, song những hiện vật này đã bị phá bỏ để lấy vật liệu làm các công trình công cộng. Hiện nay, văn chỉ đã được người dân làng đóng góp kinh phí xây dựng mới vào năm 2019 trên nền đất văn chỉ xưa. Văn chỉ mới có thiết kế theo kiểu dáng bành kiệu, phía sau là bức tường đá cao, rộng có trang trí đề tài “Luống long châu nhật”, hai trụ biểu lớn, trên đỉnh trụ trang trí hoa sen, lồng đèn. Trong không gian văn chỉ có đặt 06 ban thờ đá (02 ban thờ chính giữa, 04 ban thờ đặt ở hai bên), trong đó có 04 ban thờ được làm theo dạng ngai thờ. Các ban thờ đều được trang trí đề tài linh vật, hoa lá, nền găm chữ Vạn được làm khá tỷ mỉ công phu. Trên các ban thờ đều đặt bát hương, lọ hoa chất liệu đá, phía trước hai ban thờ chính có đặt 02 cây đèn đá lớn được làm theo dạng chân đèn gốm thời Mạc, trên đỉnh làm dạng hình tháp với 11 tầng. Phía ngoài có đặt hai ngựa đá đứng chầu hai bên, được tạo tác khá tinh xảo.

3/ *Văn chỉ làng Hệ*: Thời “bao cấp” do đời sống kinh tế người dân gặp nhiều khó khăn, di tích xuống cấp nên người dân đã phá bỏ văn chỉ để lấy các phiến đá trong di tích (ban thờ, sập thờ, cột trụ, bậc thềm, ngưỡng cửa, ..) dùng làm vật liệu cho công trình thủy lợi: chặn cống nước, làm cầu bắc qua các con rạch dẫn nước vào đồng, ruộng. Hiện nay, do đời sống kinh tế làng nghề phát triển nên người dân trong làng đã đóng góp sản phẩm hoặc nguyên liệu, nhân công để xây dựng lại khu đền thờ “đa chức năng” trên nền móng văn chỉ cũ với kinh phí gần 10 tỷ đồng. Khu đền thờ này là nơi thờ Khổng Tử, các vị tiên hiền, tổ nghề và các dòng họ trong làng. Đền thờ được xây dựng không có mái, khá bề thế với kiến trúc hoàn toàn bằng đá: cột đá tứ trụ phía ngoài, bậc

tam cấp, cuốn thư, tường bao, ban thờ, nhan án, ngai thờ, bát hương, chân nến,... Các sản phẩm thờ tự trong khu vực này được chạm khắc tinh xảo, tỉ mỉ với chủ đề trang trí Long ẩn vân, Tứ quý (Tùng, Cúc, Trúc, Mai), Tứ linh (Long, Ly, Quy, Phượng),... với phong cách nghệ thuật thời Lê Trung Hưng. Ban thờ Khổng Tử được đặt trong cùng, tiếp đến là ban thờ Tổ nghề, phía ngoài là ban thờ công đồng cùng 02 ban thờ thổ thần và các dòng họ ở làng.

**Bảng 4: Thống kê các di tích có sự biến đổi/thay đổi
tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân**

TT	Tên di tích	Tình trạng trước đây	Hiện nay
1	Đình làng Xuân Vũ	Bị tháo dỡ, phá bỏ từ năm 1956.	Được xây mới hoàn toàn trên khu vực trung tâm từ năm 2011 với vật liệu đá chiếm tỷ lệ lớn do các hộ gia đình cung tiến và đóng góp.
2	Đình làng Thượng	Xuống cấp, chật hẹp	Được xây dựng mới với kiến trúc và đồ thờ bằng đá do các hộ gia đình cung tiến. Không gian đình được mở rộng có thêm hồ nhân tạo phía trước.
3	Văn chỉ làng Hệ	Phá bỏ, hoang hóa	Được xây dựng mới khang trang, bề thế và trở thành khu vực thờ tự với tín ngưỡng thờ: tổ nghề, Khổng Tử, các bậc Tiên hiền, dòng họ,...
4	Văn chỉ làng Chấn Lữ	Phá bỏ, hoang hóa	Được xây dựng mới khang trang, bề thế, trở thành khu vực thờ tự với tín ngưỡng thờ Khổng Tử, tuy nhiên kiến trúc và đồ thờ không ăn nhập kiến trúc của một văn chỉ truyền thống của người Việt.
5	Chùa Thiên Động Tháp	Là nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của người dân hàng ngày.	Bị quy hoạch trong khuôn viên trại giam và nghiêm cấm người dân ra vào. Người dân không được đến sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo như trước đây nữa. Ngôi

TT	Tên di tích	Tình trạng trước đây	Hiện nay
			chùa vắng vẻ, hoang sơ và dần bị lãng quên đối với người dân nơi đây.
6	Điện thờ mẫu làng Thượng	Là nơi thờ mẫu tam phủ của người dân làng: Thượng, Hệ và Phú Lăng	Đổi tên thành Chùa Kim Tô với ban thờ Phật được đặt ở chính điện và ban thờ Quan Thế Âm Bồ Tát trước sân chùa. Cảnh quan, không gian chùa được chỉnh trang, tu bổ lại.

[Nguồn: NCS tập hợp và thống kê, năm 2025]

Qua khảo sát về các di tích có liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân cho thấy, trong nhiều năm trở lại đây, hầu hết di tích trong các làng nghề đều được tu bổ, tôn tạo hoặc xây dựng mới. Ở phương diện nào đó, đã cho thấy sự biến đổi các di tích khá rõ nét. Thông qua sự biến đổi/thay đổi của các di tích thể hiện rõ tâm thức của người dân làng nghề đối với cách nhìn nhận cũng như thể hiện tư duy mới về sự tạo dựng và sáng tạo văn hóa đối với các giá trị văn hóa truyền thống trong xã hội đương đại. Có thể nhận thấy, tại Ninh Vân các di tích được xây dựng, tạo dựng từ nhiều loại vật liệu khác nhau tương đối phổ biến, phù hợp với đặc điểm, truyền thống kiến trúc của người Việt ở vùng châu thổ Bắc Bộ. Tuy nhiên, vật liệu đá là lựa chọn chính cho các hạng mục, sản phẩm tu bổ, tôn tạo và thay mới cho nhiều di tích. Điều này phản ánh niềm tự hào và ước vọng lưu giữ, trao truyền cho các thế hệ sau về sản phẩm của làng nghề. Một điểm đáng quan tâm của sự thay đổi, biến đổi các di tích có sự góp mặt rất lớn của các doanh nghiệp trong làng. Nhóm doanh nghiệp hoặc cá nhân doanh nghiệp có uy tín, tiềm lực kinh tế tuy không nằm trong ban quản lý tín ngưỡng hay cán bộ làng, xã nhưng lại có tiếng nói quan trọng, quyết định việc lựa chọn kiến trúc, sản phẩm cho di tích trong quá trình xây dựng, tôn tạo. Thậm chí, ở một số di tích họ còn là người chủ động lên kế hoạch, trực tiếp triển khai, thi công mà không cần sự phê duyệt bản thiết kế tu bổ, xây dựng của các cấp chính quyền,

công tác báo cáo chính quyền chỉ ở dạng hình thức báo cáo “miệng” mà thôi.

Quá trình biến đổi xã hội đã và đang tác động mạnh mẽ đến các di tích văn hóa tại làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Ninh Vân. Sự phát triển kinh tế và hạ tầng đã mang lại những lợi ích nhất định, như cải thiện điều kiện sống văn hóa, nhiều công trình kiến trúc được tôn tạo, tu bổ, dựng mới... làm cho các di tích văn hóa như khoác thêm “màu áo mới”. Tuy nhiên, việc làm này hiện đang diễn ra chủ yếu dưới hình thức tự phát của người dân trong làng hoặc một nhóm doanh nghiệp lớn đã góp tiền, góp của vào xây dựng, tôn tạo lại di tích. Chính vì vậy mà sau khi tôn tạo, tu bổ thì quần thể không gian một số di tích không còn “ăn nhập” trong kiến trúc tổng thể, tạo cảm giác xa lạ và làm phá vỡ không gian cảnh quan nơi linh thiêng.

3.1.3. Biến đổi công cụ sản xuất

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hòa bình lập lại ở Miền Bắc, năm 1960 những người thợ đá được tập hợp vào hợp tác xã thủ công Thạch Sơn. Năm 1985 lớp lãnh đạo trẻ của Hợp tác xã Thạch Sơn nghiên cứu và nhập dây truyền xẻ đá đầu tiên của nhà máy đá An Dương nhằm nâng cao năng suất và đa dạng hóa sản phẩm. Việc đưa hệ thống máy xẻ đá vào làm nghề có thể nói là bước ngoặt lớn, là bước đệm đưa khoa học, kỹ thuật hiện đại vào trong quy trình sản xuất và làm nghề chế tác đá ở Ninh Vân.

Cùng với sự phát triển ngày càng đông đảo đội ngũ thợ, nhiều trang thiết bị, kỹ thuật mới được du nhập vào làng nghề, giúp cho quá trình làm nghề ngày càng thuận lợi, trong đó có 3 công nghệ mang tính đột phá như: Năm 1995, du nhập công nghệ nê-m của Nhật trong khai thác nguyên liệu, thay thế cho đánh nê-m thủ công truyền thống, giúp cho việc khai thác các khối đá lớn được thuận tiện. Từ năm 2003, quá trình khai thác và chế tác đá ở làng nghề Ninh Vân đã có những chuyển biến mạnh mẽ nhờ ứng dụng các công nghệ mới. Việc đưa vào sử dụng máy khai thác và máy xẻ đá sử dụng dây cắt đã giúp nâng cao hiệu

quả khai thác: tăng tốc độ, tiết kiệm vật tư và tạo ra các phôi đá lớn, đồng đều. Đến năm 2016, làng nghề tiếp tục ứng dụng thêm nhiều công nghệ tiên tiến như công nghệ cắt gọt phôi, in 3D và đặc biệt là công nghệ chạm khắc CNC. Hiện nay, thợ đá Ninh Vân chủ yếu sử dụng các kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong các công đoạn chế tác, từ khâu tạo phôi đến hoàn thiện sản phẩm. Dù các công cụ truyền thống như búa, đục hay mũi ve vẫn còn được sử dụng, song vai trò của chúng đã phần nào thu hẹp, chủ yếu phục vụ những khâu đòi hỏi độ tinh xảo hoặc mang tính thủ công cao. Việc ứng dụng công nghệ đã đem lại hiệu quả rõ rệt về năng suất lao động. Một ví dụ điển hình là quá trình chế tác một bức cuốn thư có kích thước 2,4m x 1,8m: nếu như trước đây người thợ phải thực hiện hoàn toàn bằng tay, mất khoảng 30 công lao động, thì nay, nhờ máy đục CNC, thời gian và nhân lực cần thiết giảm xuống chỉ còn khoảng 12 công. Như vậy, công nghệ hiện đại không chỉ rút ngắn thời gian sản xuất mà còn giảm đáng kể sức lao động thủ công, đồng thời đảm bảo chất lượng và độ chính xác theo yêu cầu của thị trường.

Bảng 5: Kết quả khảo sát về công cụ dùng chế tác đá tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống

Stt	Loại công cụ	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Bộ công cụ chế tác thủ công (búa, mũi ve, đục, xà beng,...)	623	85	14%
2	Bút vẽ, thước đo, đá mài, giấy ráp,..	623	165	26%
3	Máy cắt, xẻ, đục, khoan máy,..	623	615	99%
4	Máy chạm, khắc CNC	623	597	96%
5	Máy tính (thiết kế đồ họa), máy mài,...	623	559	90%

[Nguồn: NCS tập hợp và thống kê, năm 2025]

Kết quả khảo sát phản ánh rõ xu hướng hiện đại hóa trong sản xuất đá

mỹ nghệ tại Ninh Vân. Phần lớn người dân đã chuyển sang sử dụng máy móc hiện đại như máy cắt, máy khắc CNC và máy tính hỗ trợ thiết kế, với tỷ lệ từ 90% trở lên để làm nghề. Điều này cho thấy công nghệ đang giữ vai trò chủ đạo trong quá trình chế tác, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và độ chính xác của sản phẩm. Tuy vậy, người thợ đá Ninh Vân vẫn duy trì việc sử dụng công cụ thủ công truyền thống và các dụng cụ phụ trợ, điều này thể hiện sự kết hợp giữa yếu tố hiện đại và kỹ năng thủ công để tạo ra các sản phẩm tinh xảo. Đồng thời góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa nghề, đồng thời đáp ứng được yêu cầu thị trường trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao.

Việc thay thế công cụ truyền thống bằng công nghệ hiện đại là xu thế tất yếu, phản ánh sự thích nghi linh hoạt với bối cảnh phát triển của nhiều làng nghề hiện nay. Làng đá mỹ nghệ Ninh Vân đã thể hiện sự nhạy bén trong việc ứng dụng khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, từ đó nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm thời gian và mở rộng khả năng tiếp cận thị trường tiêu thụ. Sự xuất hiện và phổ biến của máy móc hiện đại, đặc biệt là máy đục CNC, đã tạo ra bước chuyển biến đáng kể trong kỹ thuật và phương thức sản xuất ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Không chỉ giúp giảm đáng kể sức lao động thủ công, các thiết bị này còn nâng cao độ chính xác, đồng đều trong từng chi tiết, từ đó cải thiện chất lượng sản phẩm và tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

3.1.4. Biến đổi sản phẩm làng nghề

Các mặt hàng thuộc dòng sản phẩm đồ gia dụng truyền thống như con lăn, cối xay, cối giã thực phẩm, bàn mài... ngày nay không còn sản xuất do nhu cầu xã hội bởi không cao. Các dòng sản phẩm chính được sản xuất hiện nay của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân như sau:

- *Đồ thờ cúng*: Nếu như trước đây người dân phải làm hàng tháng mới xong một pho tượng với kích thước vừa và nhỏ thì ngày nay thợ đá Ninh Vân trên cơ

sở kế thừa các yếu tố truyền thống kết hợp với sự vận dụng, áp dụng của khoa học công nghệ tiên tiến đã tạo tác ra nhiều sản phẩm có kích thước từ nhỏ đến rất lớn (gấp cả trăm lần so với truyền thống) trong thời gian ngắn như: 1/ *Tượng Phật*: thường tạc bằng đá xanh và đá phấn trắng, trong thế ngồi hoặc đứng. Hiện nay, sản phẩm tượng thờ đều được các hộ gia đình và doanh nghiệp trong làng sản xuất khi có đơn đặt hàng. Theo khảo sát cho thấy, người thợ làng nghề Ninh Vân đã chế tác khá nhiều tượng ở các địa phương khác nhau có sự kết hợp các phong cách nghệ thuật khác nhau, điển hình như các sản phẩm: 500 pho tượng La Hán ở chùa Bái Đính (tỉnh Ninh Bình), 28 pho tượng La Hán ở chùa Phan xi băng (tỉnh Lào Cai), 100 cột kinh đá ở chùa Tam Chúc - Ba Sao (tỉnh Hà Nam),...; 2/ *Hương án, sập thờ, bát hương, lọ hoa*: dòng sản phẩm này vẫn được sản xuất theo đơn đặt hàng của khách, tuy nhiên, đơn hàng cho dòng sản phẩm này không nhiều như đơn hàng thuộc dòng sản phẩm tượng thờ. Sản phẩm được làm với kích thước vừa và nhỏ, được chạm khắc khá tinh xảo với các đề tài trang trí là tứ linh, tứ quý.

- *Đồ mỹ nghệ*: đây là dòng sản phẩm mới được các hộ gia đình đưa vào sản xuất do nhu cầu của xã hội trong thời kỳ đại mới. Trên thực tế khảo sát cho thấy, tượng nghệ thuật là mặt hàng đòi hỏi trình độ tay nghề cao. Bên các dòng sản phẩm mỹ nghệ truyền thống như Tam đa (Phúc, Lộc, Thọ), Bát tiên (Lý Thiết Quài, Hà Tiên Cô, Lã Đồng Tân...) thì xuất hiện thêm dòng sản phẩm tượng thờ nhân vật lịch sử (Lý Thái Tổ, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp,...). Tượng các nhân vật lịch sử đòi hỏi tính chân dung cao, nhằm lột tả được thần thái của nhân vật cụ thể. Gần đây, nhiều khách hàng đặt tạc tượng chân dung người thân (còn sống và khi đã mất). Nhiều sản phẩm mới được thị trường đặt hàng như đồ mỹ nghệ trang trí, tác phẩm điêu khắc, lăng mộ có quy mô lớn do đơn vị nhà nước ở các tỉnh, thành và một số đối tác ở Lào, Campuchia đặt làm trong thời gian qua. Ngoài những đề tài quen thuộc như Tứ linh, Tứ quý, Ngũ phúc lâm môn..., còn có những đề tài khác: Bát mã truy phong,

Tùng hạc, Lý ngư vọng nguyệt (cá chép trông trăng), Vinh quy bái tổ, Sơn thủy hữu tình, Lã Vọng câu cá, Cá chép vượt vũ môn, đặc biệt, một số đề tài mang nhịp sống của thời đại như phù điêu phong cảnh, điêu khắc Gothic, cảnh sinh hoạt nông thôn, được sử dụng trong các khu nghỉ dưỡng, tư gia, nhà hàng, khách sạn; biểu tượng, logo thương hiệu của các doanh nghiệp;... Những sản phẩm này đều được những người thợ của làng Ninh Vân tạo ra và được khách hàng ưa chuộng.

- *Công trình kiến trúc và các chi tiết trong kiến trúc*: Loại hình sản phẩm này có quy mô lớn như cổng làng, cổng công trình, kiến trúc lăng mộ,... với nhiều kích cỡ khác nhau. Hầu hết các sản phẩm này đều làm theo đơn đặt hàng và được thiết kế 3D, chỉ có công trình lăng mộ kích thước nhỏ thường được làm sẵn để phục vụ cho những khách hàng có nhu cầu. Các chi tiết như chân tảng, thành bậc, đá bó vỉa hiện tại các công trình tu bổ di tích và công trình dân dụng tại tỉnh Ninh Bình, các tỉnh phụ cận cũng làm nhóm sản phẩm được sản xuất nhiều tại Ninh Vân.

- *Tượng đài, phù điêu*: là sản phẩm mới nhưng khá tiêu biểu của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay. Theo các chủ doanh nghiệp, đến thời điểm hiện nay, hơn 90% tượng đài, phù điêu chất liệu đá khối ở các tỉnh, thành phố trong cả nước và một số nước lân cận như Lào, Campuchia, Thái Lan... đều do người thợ đá Ninh Vân tạo ra. Các tượng đài, phù điêu được người thợ gia công tại xưởng, sau đó vận chuyển đến địa điểm lắp dựng, hoàn thiện sản phẩm. Các công trình nổi tiếng được người làng nghề Ninh Vân tạo ra như Tượng Bộ đội kéo pháo, cụm tượng đài chiến thắng Mường Phăng (tỉnh Điện Biên); Tượng và phù điêu Bác Hồ với nhân dân các dân tộc (tỉnh Hà Giang); tượng đài 10 cô gái ở ngã ba Đồng Lộc (tỉnh Hà Tĩnh); cụm tượng đài Bà mẹ Tổ quốc (TP. Hồ Chí Minh); cụm tượng đài Thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước (tỉnh Quảng Trị); tượng Mẹ Suốt (tỉnh Quảng Bình); tượng Trần Hưng Đạo (tỉnh Hải Dương); tượng đài Bác Hồ (tỉnh Nghệ An);

tượng đài Hữu nghị Việt Nam-Campuchia... Các tượng đài này thể hiện tay nghề của người thợ đá Ninh Vân đạt đến trình độ điêu luyện về nghệ thuật tạo hình, tạo khối, tính thẩm mỹ, kỹ thuật chạm khắc và đặc biệt là công nghệ lắp ghép các chi tiết sản phẩm, kiến trúc, nghệ thuật với kích thước lớn.

Quá trình gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa làm nghề chế tác luôn được người thợ đá Ninh Vân quan tâm, chú trọng. Việc tạo tác 500 pho tượng La Hán tại chùa Bái Đính dựa trên nguyên mẫu ký họa các nhân vật La Hán trong sách *Ngũ bách La Hán* (xuất bản tại Trung Quốc với ngôn ngữ tiếng Hán) là một minh chứng của sự tiếp biến văn hóa (giữ gìn truyền thống, tiếp thu và áp dụng giá trị văn hóa làm nghề mới) trong quá trình hành nghề, làm nghề của người thợ Ninh Vân. Sau khi nghiên cứu về tiểu sử (sự tích, tính cách, tài năng...) của từng vị La Hán, nghệ nhân Phạm Văn Hoàn đã chế tác, tạo tác ra những vị La Hán khác với nguyên mẫu, các pho tượng được thổi tình yêu nghề của những người thợ đá Ninh Vân nên nhìn các vị La Hán đều toát lên vẻ nhân từ, hiền hậu, gần gũi với người dân Việt hơn. Đây được xem là một sáng tạo của người nghệ nhân biết bộc lộ bản sắc riêng về quan niệm đối với cái đẹp của người Việt. Từ việc phác thảo mẫu tượng trên giấy, nghệ nhân Phạm Văn Hoàn đã chuyển sang tạo hình tượng tròn. Trong quá trình tạo tác, các chi tiết chạm khắc trên tượng tròn đều được Việt hóa theo phong cách nghệ thuật của người Việt như: Mắt tượng không mở to mà chỉ khép hờ, không điểm nhãn (có sự tiếp thu phong cách nghệ thuật chạm tượng truyền thống của người Việt mắt tượng khép hờ, nhìn xuống dưới như đang soi thấu nội tâm, khuôn mặt tượng thể hiện sự từ bi, đôn hậu, gần gũi với đời thường), gò má, cơ bụng, bắp tay không nổi khối lớn (khác với tượng La Hán của Trung Quốc: Mắt mở to có nhãn mắt, gò má, cơ bụng và bắp tay nổi khối, góc cạnh)... Theo nghệ nhân Phạm Văn Hoàn: “Khi làm tượng La Hán, tôi đã cố gắng thể hiện sự Việt hóa trên khuôn mặt, nếp áo như mắt dài lá dăm, chỉ khép hờ, không điểm nhãn, lông mày lá liễu, các nếp áo buông thụng mang phong cách tượng Phật

truyền thống của người Việt” [PV, ngày 18/8/2024].

Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa đã tạo ra những giá trị văn hóa đặc sắc trong quá trình phát triển nghệ thuật điêu khắc đá mỹ nghệ Ninh Vân, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển các sản phẩm nghệ thuật có sức ảnh hưởng sâu rộng. Việc tiếp nhận và kết hợp các yếu tố văn hóa bên ngoài, đặc biệt là các hình tượng tôn giáo và nghệ thuật điêu khắc từ các nền văn hóa khác, đã giúp các nghệ nhân Ninh Vân làm phong phú thêm vốn kiến thức và kỹ thuật chế tác đá mỹ nghệ. Tuy nhiên, sự đặc sắc không chỉ đến từ việc tiếp nhận các yếu tố ngoại lai mà còn từ khả năng "Việt hóa" sáng tạo những hình ảnh, biểu tượng, khiến chúng phù hợp với tâm thức và thẩm mỹ của người Việt. Ví dụ điển hình là các pho tượng La Hán tại các chùa, mà điển hình là chùa Bái Đính, nơi các nghệ nhân Ninh Vân đã tiếp nhận hình tượng La Hán từ Phật giáo Trung Hoa và những nền văn hóa khác, nhưng đã khéo léo điều chỉnh sao cho phù hợp với bản sắc dân tộc. Họ không chỉ tạo ra những tác phẩm chạm khắc tinh xảo mà còn lồng ghép những giá trị văn hóa truyền thống, phản ánh sự gắn gũi với đời sống tâm linh và tôn giáo của người Việt. Các pho tượng La Hán do họ chế tác không còn giữ nguyên hình dạng xa lạ, mà trở thành những biểu tượng thân thuộc, gần gũi, dễ tiếp cận với cộng đồng, đồng thời phản ánh những đặc trưng của văn hóa Việt như sự hiền hòa, gần gũi, và sự kết nối giữa con người với Phật giáo.

Ngoài ra, sự tiếp biến văn hóa còn thể hiện trong việc ứng dụng các kỹ thuật chế tác mới, kết hợp với các yếu tố truyền thống. Các nghệ nhân Ninh Vân đã không chỉ duy trì các phương pháp thủ công tinh xảo mà còn tiếp thu và ứng dụng công nghệ hiện đại, từ đó tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, có thể đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Quá trình này không chỉ làm phong phú thêm nền văn hóa đá mỹ nghệ Việt Nam mà còn nâng cao giá trị thương hiệu, khẳng định sự sáng tạo không ngừng của người thợ Ninh Vân trong việc giữ gìn và phát triển nghệ

truyền thống. Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa trong nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân chính là minh chứng cho sức sống mãnh liệt của các giá trị văn hóa dân tộc, khi chúng có khả năng hòa nhập, tiếp thu và phát triển theo xu hướng hiện đại mà không làm mất đi bản sắc truyền thống.

Bảng 6: Bảng so sánh sự thay đổi sản phẩm của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

Stt	Sản phẩm được sản xuất nhiều trong làng nghề	Tổng số phiếu hỏi	Trong truyền thống		Hiện nay	
			Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đồ thờ	623	529	85%	117	19%
2	Đồ gia dụng	623	586	94%	10	2%
3	Lăng mộ	623	181	29%	587	94%
4	Điêu khắc trang trí	623	126	20%	287	46%
5	Phù điêu, tượng đài	623	0	0%	345	55%
6	Tượng thờ	623	194	31%	407	65%
7	Khác	623	294	47%	126	20%

[Nguồn: NCS tập hợp và thống kê, năm 2025]

Kết quả khảo sát về sự thay đổi sản phẩm tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân cho thấy cơ cấu sản phẩm có sự biến đổi rõ rệt, điều này phản ánh quá trình chuyển dịch văn hóa nghề truyền thống sang thích ứng với nhu cầu hiện đại. Các nhóm sản phẩm gắn với đời sống sinh hoạt và tín ngưỡng truyền thống như đồ gia dụng, đồ thờ đều suy giảm mạnh. Đồ gia dụng từng chiếm tới 94% trong truyền thống nay chỉ còn 2%, đồ thờ giảm từ 85% xuống 19%, cho thấy sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng và ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa. Ngược lại, các nhóm sản phẩm mới hoặc có mức tăng trưởng rõ rệt gồm lăng mộ (tăng từ 29% lên 94%), phù điêu – tượng đài (từ 0% lên 55%), tượng thờ (từ 31% lên 65%) và điêu khắc trang trí (từ 20% lên 46%). Những sản phẩm này chủ yếu phục vụ các nhu cầu tâm linh, tưởng niệm, thẩm mỹ và không gian công cộng, thể hiện xu thế nghề

thuật hóa và thị trường hóa sản phẩm làng nghề. Từ góc độ xã hội, khi người dân có điều kiện kinh tế tốt hơn, họ không chỉ tìm kiếm những sản phẩm phục vụ sinh hoạt hàng ngày mà còn chú trọng đến các sản phẩm có giá trị văn hóa tinh thần. Việc phát triển các sản phẩm như tượng thờ, lăng mộ, phù điêu không chỉ phản ánh nhu cầu về thẩm mỹ mà còn là sự khẳng định giá trị tâm linh và lễ nghĩa trong xã hội, khi mỗi sản phẩm mang trong mình ý nghĩa sâu sắc về cội nguồn, tổ tiên và những giá trị tinh thần lâu dài. Điều này thể hiện sự kết nối văn hóa từ quá khứ đến hiện tại. Vì vậy, sự thay đổi trong sản phẩm cũng phản ánh sự phát triển của xã hội trong các giai đoạn nhất định.

Dưới tác động của quá trình biến đổi xã hội, sản phẩm của làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Ninh Vân cũng đứng trước nhiều thời cơ và thách thức trong quá trình phát triển kinh tế làng nghề. Sự phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế mở ra cơ hội mới cho các sản phẩm của làng nghề. Thị trường được mở rộng, nhu cầu tiêu thụ tăng, dẫn đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa mẫu mã. Công nghệ hiện đại cũng được áp dụng vào quá trình sản xuất, giúp tăng cường hiệu suất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Các nghệ nhân có thể tiếp cận với nguyên liệu mới, kỹ thuật mới, từ đó tạo ra những sản phẩm sáng tạo, tinh xảo hơn. Bên cạnh những lợi ích, biến đổi xã hội cũng đặt ra nhiều thách thức cho làng nghề. Nhiều dòng phẩm được sản xuất công nghiệp với chất lượng kém đã, nhưng lại có giá thành khá rẻ hiện đang cạnh tranh khá mạnh với các dòng phẩm truyền thống. Đôi khi, áp lực thị trường khiến các nghệ nhân phải sản xuất hàng loạt, giảm đi tính độc đáo và tinh hoa của từng sản phẩm. Hơn nữa, sự thay đổi văn hóa và phong cách sống có thể làm mai một các giá trị văn hóa truyền thống, dẫn đến việc các sản phẩm mất đi bản sắc vốn có. Việc cân bằng giữa giữ gìn bản sắc truyền thống và phát triển để đáp ứng nhu cầu thị trường là một thách thức lớn nhưng cũng là cơ hội để làng nghề này tiếp tục phát triển bền vững. Những nỗ lực bảo tồn và phát huy

giá trị văn hóa, cùng với việc áp dụng công nghệ mới, sẽ giúp làng nghề này duy trì được nét độc đáo và sức cạnh tranh của các sản phẩm trong thời đại mới.

3.2. Biến đổi văn hóa phi vật thể

3.2.1. Biến đổi tín ngưỡng

Tín ngưỡng thờ Đức Thánh Tản và tín ngưỡng thờ tổ tiên: Như trên đã trình bày, tục thờ Đức Thánh Tản và tín ngưỡng thờ tổ tiên cùng Quốc Tổ Hùng Vương là tín ngưỡng tiêu biểu của người dân làng nghề đá Ninh Vân trước đây. Ngày nay, tín ngưỡng này vẫn được người dân duy trì như một thành tố quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần. Đời sống kinh tế cư dân ngày nay phát triển nên tín ngưỡng này được quan tâm hơn. Hầu hết các hệ thống thờ tự đã được trùng tu, tôn tạo, tu bổ với nhiều hạng mục, giúp cho khu vực thờ thêm khang trang, sáng đẹp hơn trước đây. Bên cạnh đó người dân còn đầu tư xây dựng mới đền thờ Hùng Vương vào năm 2015 tại chân núi tại làng Hệ với quy mô khá lớn. Toàn bộ kiến trúc và đồ thờ tự được làm bằng đá do các hộ gia đình, doanh nghiệp trong làng cung tiến trị giá hàng tỷ đồng.

Tín ngưỡng thờ tổ nghề: nếu như trước đây không có làng nào lập ban thờ và đền thờ tổ nghề thì hiện nay, ở Ninh Vân có hai làng đưa tín ngưỡng thờ tổ nghề vào trong đời sống văn hóa, đó là Làng Hệ và làng Xuân Vũ. Đây là điểm biến đổi văn hóa trong tín ngưỡng ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, cụ thể như sau:

Làng Hệ: năm 2012, dân làng Hệ xây dựng đền thờ tổ nghề đồng thời tổ chức lễ giỗ tổ nghề vào ngày 15 tháng 8 (âm lịch) đầu tiên. Trước khi tổ chức lễ giỗ tổ nghề tại làng, người dân làng Hệ đã “hành hương” vào đền thờ tổ nghề đá tại làng Nhồi (Thanh Hóa) làm lễ cúng và xin rước chân hương về đền thờ làng Hệ. Vị tổ nghề của làng Hệ có tên gọi là cụ Hoàng Sùng. Hiện nay, vấn đề thờ tổ nghề ở các làng nghề tại xã Ninh Vân còn nhiều tranh cãi, nhưng đa số những người thợ đá ngày nay ở làng Hệ cho rằng, tổ nghề đá là cụ Hoàng Sùng

- một thợ đá ở làng Nhồi, Thanh Hóa vào thế kỷ XVI – XVII đến Ninh Vân lập nghiệp và truyền nghề.

Tác giả Lê Thị Thảo có đoạn nói về tổ nghề đá của làng Nhồi như sau: Tài liệu thành văn sớm nhất hiện cho biết thông tin về ông tổ nghề chạm khắc đá là Hương ước làng Nhồi cho biết: "Tổ nghề đục đá là Lê Khắc Phục (giỗ ngày 15 tháng Giêng), năm Ất Hợi (1275)... Trong quá trình phát triển của mình, với sự nổi tiếng về chất đá, sự tài hoa của người thợ và những sản phẩm danh bất hư truyền, nghề chạm khắc đá An Hoạch có sức lan tỏa ảnh hưởng khá mạnh mẽ... và người thợ đá An Hoạch đã trở thành ông tổ của nghề chạm khắc đá tại những địa phương đó [113, tr.65-66]. Như vậy, quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa làng đá Ninh Vân và làng Nhồi (Thanh Hóa) từ trước đến nay có vai trò quan trọng trong sự phát triển của nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Mặc dù chưa có tài liệu chính thức xác nhận cụ Hoàng Sùng đã đến Ninh Vân truyền nghề, nhưng qua quá trình giao lưu làm nghề đã tạo nên quá trình tiếp biến văn hóa giữa hai làng, đây là tiền đề làm cơ sở để người dân Ninh Vân cho rằng tổ nghề đá là người dân làng Nhồi.

Bên cạnh việc lập đền thờ tổ nghề thì người dân đưa ra lựa chọn vị tổ nghề là ai cũng là một vấn đề được nhiều người quan tâm lúc đầu. Tại sao người dân làng Hệ lại không lấy vị tổ nghề Lê Khắc Phục làm tổ nghề đá cho làng mình, mà chỉ vào đền thờ tổ nghề đá tại làng Nhồi làm lễ xin chân hương? Qua quá trình nghiên cứu thực địa và phỏng vấn cộng đồng cư dân làng Hệ thì hầu hết mọi người cho rằng: việc lựa chọn vị tổ nghề đá với tên gọi là Hoàng Sùng vì hiện nay ở Ninh Vân còn lưu giữ sắc phong năm 1606, năm 1680 có ghi về lễ tế khai sơn (lễ mở cửa rừng) được tổ chức vào ngày 16/8 (âm lịch) hằng năm. Trong bài văn tế của lễ tế có đoạn “Cung dung Hoàng Sùng đạo đức tôn công tổ sư”, vì vậy mà người dân làng Hệ cho rằng Hoàng Sùng là một người có công với làng, với nghề và được ông cha mình suy tôn như vị thần, vị thánh của làng. Hiện nay, người dân làng Hệ chính thức suy tôn cụ Hoàng Sùng làm tổ nghề với

đền thờ riêng và tổ chức ngày giỗ tổ nghề vào ngày 15.8 (âm lịch) hàng năm, mặc dù, việc cụ Hoàng Sùng có đến Ninh Vân truyền nghề hay không thì hiện chưa thấy có minh chứng hay tài liệu nào ghi chép. Trao đổi với một số thợ thủ công làm việc trong doanh nghiệp là người ở Ninh Vân đều cho rằng: Chúng tôi trước đây không quan tâm đến có Tổ nghề hay không có Tổ nghề, chỉ biết đi học việc và có các bác nghệ nhân dạy nghề cho để đi làm kiếm ăn. Nếu như hiện nay xây dựng đền thờ Tổ nghề thì cũng tốt cho làng nghề. Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế làng nghề và đời sống ngày càng khấm khá của người dân, nhu cầu tri ân nguồn cội và khẳng định giá trị truyền thống nghề đá ở Ninh Vân ngày càng được đề cao.

Trên cơ sở tham khảo mô hình tại một số làng nghề khác trong vùng, như đền thờ Tổ nghề làng thêu Văn Lâm (xã Ninh Hải, thành phố Hoa Lư), người dân và các doanh nghiệp tại làng Hệ đã đồng lòng đóng góp tài chính để xây dựng đền thờ Tổ nghề đá. Đối với nhiều nghệ nhân và chủ cơ sở sản xuất, việc dựng đền không chỉ mang ý nghĩa tâm linh mà còn thể hiện tinh thần biết ơn người truyền nghề - những người đặt nền móng cho sự phát triển nghề như ngày nay. Việc xác lập thêm vị trí Tổ nghề trong đời sống tín ngưỡng của cộng đồng cư dân làng Hệ góp phần củng cố bản sắc làng nghề, gia tăng sự gắn kết xã hội và tiếp thêm động lực gìn giữ nghề truyền thống trong bối cảnh hiện đại.

Việc người dân làng Hệ hiện nay suy tôn cụ Hoàng Sùng làm tổ nghề, mặc dù chưa có tư liệu lịch sử xác thực, đã phản ánh nhu cầu “xác lập nguồn gốc nghề nghiệp” rõ ràng trong bối cảnh xã hội hiện đại. Điều này đã làm thay đổi tâm thức về tín ngưỡng truyền thống vốn chỉ tôn thờ thần Cao Sơn như vị thần Hoàng Làng, hay vị thần bảo hộ trong công việc chế tác đá. Tuy nhiên, từ góc nhìn khoa học, cần phân biệt rạch ròi giữa tín ngưỡng dân gian và sự kiện lịch sử. Để lý giải thuyết phục hơn sự biến đổi văn hóa tinh thần này, cần tiếp tục khảo sát thêm các tư liệu và nghi lễ thực hành trong lễ hội làng nghề. Trường hợp của Ninh Vân cũng cho thấy xu hướng tương đồng với nhiều làng nghề

truyền thống khác ở Việt Nam trong việc kiến tạo tổ nghề nhằm phục vụ cho nhu cầu tâm linh, giáo dục truyền thống và khẳng định bản sắc địa phương trong bối cảnh hiện đại. So với các làng nghề như Kim Bồng hay Bát Tràng - nơi tổ nghề gắn với nhân vật lịch sử hoặc truyền thuyết được ghi chép rõ ràng - thì ở Ninh Vân, hình tượng tổ nghề Hoàng Sùng chủ yếu dựa trên truyền khẩu và nghi lễ dân gian. Sự chuyển đổi từ việc thờ thần Cao Sơn sang suy tôn tổ nghề cụ thể phản ánh quá trình biến đổi văn hóa tinh thần của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, trong đó tín ngưỡng được cá nhân hóa để củng cố bản sắc và hợp thức hóa nghề nghiệp. Đây là minh chứng cho việc cộng đồng chủ động tái cấu trúc hệ giá trị, nhằm thích ứng với bối cảnh hiện đại và duy trì tri thức nghề qua các thế hệ.

Làng Xuân Vũ: Năm 2006, làng Xuân Vũ được nhận Quyết định công nhận Làng nghề truyền thống của Sở Công nghiệp tỉnh Ninh Bình, năm 2007 dân làng đã chính thức tổ chức lễ giỗ tổ nghề và lấy ngày 16 tháng 8 (âm lịch) để làm ngày giỗ tổ nghề. Hiện nay, người dân làng Xuân Vũ tổ chức lễ giỗ tổ nghề trong hai ngày, chiều ngày 15 tháng 8 ban tổ chức lễ tiến hành công tác chuẩn bị, ngày 16 tiến hành các nghi thức tế, lễ. Ngày giỗ tổ nghề dân làng Xuân Vũ đến khá đông, hầu hết các doanh nghiệp đều mang đồ lễ đến cúng tiến để tưởng nhớ và biết ơn đến vị tổ nghề đã truyền nghề cho con cháu. Sau buổi lễ tế, toàn dân tổ chức ăn cỗ, thụ lộc cùng nhau tại sân đình. Tuy nhiên, ban thờ tổ nghề ở đây cũng đồng thời là ban thờ thần Thành Hoàng, và vị tổ nghề không có danh tính rõ ràng như ở làng Hệ, vì người dân làng Xuân Vũ vẫn chưa xác định được danh tính của vị tổ nghề này. Vì vậy, tính đến hiện nay thì Đức Thánh Cả là vị thần mang hai vai trò tại ngôi đình làng Xuân Vũ: Thành Hoàng làng và Tổ nghề đá.

Theo NCS từ góc độ văn hóa làng nghề đây là một biểu hiện về tâm thức nghề nghiệp trong thời kỳ đổi mới, một nhận thức khác trước về tôn vinh nghề

nghiệp. Sự biến đổi này phản ánh tư duy hiện nay của người thợ thủ công làng Hề nói riêng và các làng ở Ninh Vân nói chung, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn và tôn vinh nghề nghiệp. Có thể thấy rằng, sự biến đổi trong tín ngưỡng thờ Tổ nghề ở làng Hề và làng Xuân Vũ xuất phát từ nhu cầu khẳng định bản sắc truyền thống cũng như bề dày truyền thống trong nghề của nhân dân Ninh Vân, là biểu hiện của tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”. Sự biến đổi trong tín ngưỡng tổ nghề cũng là biểu trưng cho tiến trình tạo dựng và sáng tạo truyền thống của người thợ làm nghề. Như vậy, trước đây tại Ninh Vân tồn tại tín ngưỡng thờ thần núi (Tản Viên Sơn Thánh, Cao Sơn Đại vương, Quý Minh Đại vương) cùng với quốc tổ Hùng Vương thì hiện nay ở Ninh Vân xuất hiện thêm vị thần mới đó là tổ nghề Hoàng Sùng (tại làng Hề).

Quá trình phát triển kinh tế và đô thị hóa mang lại nhiều thay đổi trong cơ cấu xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin và các hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng. Những yếu tố như di cư, sự xâm nhập của văn hóa hiện đại và áp lực kinh tế đã làm thay đổi cách thức và mức độ tham gia của người dân vào các nghi lễ, phong tục truyền thống. Ngoài ra, sự kết hợp giữa tín ngưỡng truyền thống và các giá trị hiện đại đã tạo ra một hình thức tín ngưỡng mới, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Điều này không chỉ giúp bảo tồn các giá trị văn hóa quý báu mà còn làm phong phú thêm đời sống tín ngưỡng của cộng đồng làng nghề.

3.2.2. Biến đổi lễ hội

Lễ hội Tam Thôn là lễ hội điển hình ở Ninh Vân, được diễn ra từ ngày mùng 8 đến hết ngày mùng 10 tháng Ba hằng năm, trùng với dịp giỗ Tổ Hùng Vương. Lễ hội truyền thống này được diễn ra ở 03 di tích thuộc 03 thôn gồm: Đền Kê Thượng (làng Thượng); đền Kê Hạ (làng Hề), đền Miếu Sơn (làng Phú Lăng).

Từ xưa cho đến hiện nay, các nghi thức, nghi lễ cơ bản vẫn được bảo tồn, song có một số trò chơi, trò diễn đã có sự biến đổi, thay đổi so với xưa. Lễ hội Tam thôn tuy giữ nguyên tại địa điểm và không gian tổ chức, song các phương

diện như thời gian, kế hoạch, nghi thức, nghi lễ, trò chơi, trò diễn, kinh phí tổ chức đã có sự thay đổi so với trước đây. Sự thay đổi nêu trên của lễ hội Tam thôn là một xu thế tất yếu và mang tính thời đại.

Về kế hoạch tổ chức lễ hội Tam thôn: Đây là lễ hội cấp làng xã song nằm dưới sự quản lý của ngành văn hóa cấp tỉnh, huyện, xã. Hiện nay, việc tổ chức lễ hội này phải có sự đồng ý, cho phép của lãnh đạo chính quyền xã Ninh Vân và Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Hoa Lư, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình. Việc làm này được thực hiện theo Nghị định 110 với mục đích nhằm đảm bảo lễ hội Tam thôn được diễn ra trang trọng, ý nghĩa và thiết thực.

Về thời gian tổ chức lễ hội: Ngày nay, thời gian tổ chức lễ hội Tam thôn đã có sự điều chỉnh từ 05 ngày xuống còn 02 ngày và chính hội được xác định vào ngày giỗ Tổ Hùng Vương (ngày 10/3 âm lịch). Mọi hoạt động chuẩn bị cho lễ hội này được những người dân của 03 thôn (Làng Thượng, Làng Hệ và Phú Lăng) được cử ra để thực hiện từ ngày mùng 8 tháng Ba âm lịch. Việc điều chỉnh thời gian tổ chức lễ hội từ 05 ngày xuống 02 ngày cũng là sự phù hợp với quy định của Nhà nước về quy mô, sự phân cấp quản lý và tổ chức lễ hội truyền thống hiện nay.

Về quy mô tổ chức lễ hội: Ngày nay, tín ngưỡng thờ vua Hùng cùng các vị tướng lĩnh trong lễ hội Tam thôn mang tính bá vọng, tượng trưng và mang đặc điểm, quy mô của lễ hội cấp làng, xã. Theo đó mọi hoạt động trong lễ hội này, lãnh đạo địa phương giao cho Ban quản lý di tích cấp xã đứng ra thành lập Ban tổ chức lễ hội và trực tiếp chỉ đạo, điều hành, phân công nhân lực thực thi, trong đó chú trọng đến hoạt động rước, tế và hoạt động hội (vừa có tính truyền thống, vừa có tính hiện đại).

Về nghi thức, nghi lễ rước, tế: Hiện nay, lễ rước được thực hiện vào sáng ngày mùng 10, các kiệu được rước từ đình làng ra đền của từng làng, sau đó các kiệu của ba thôn được rước về đền Kê Thượng (tức đền Cả). Khi tổ chức rước xong, các hoạt động tế lễ, trò diễn, các hoạt động hội đều được tổ chức tại đây.

Trên không gian tại đền Kê Hạ và đền Miếu Sơn là nơi tổ chức cho dân và khách thập phương vào thắp hương lễ thánh. Riêng đối với nghi thức tế đều do đội tế nam của 03 thôn đảm nhiệm, trong đó, chủ tế là người của làng Thượng với tư cách là anh cả, còn hai vị bồi tế là người của làng Hệ và làng Phú Lãng.

Về thành phần tham dự lễ hội: Ngày nay, ngoài người dân của 03 thôn, khách thập phương về tham gia lễ hội ngày càng đông. Họ là những bạn bè, đồng nghiệp của con em địa phương được mời về dự lễ, là những khách du lịch muốn có những trải nghiệm về văn hóa vật thể, phi vật thể của làng đá Ninh Vân; bên cạnh đó là nhiều người dân ở các xã lân cận cũng đến để xem hội... Theo thống kê của Ban tổ chức lễ hội Tam thôn năm 2024, lễ hội thu hút được trên 1.000 lượt người tham dự.

Về trò chơi, trò diễn: Hiện nay, lễ hội Tam thôn không còn nhiều trò chơi trò diễn dân gian như trước (khoảng 20 năm trở lại đây, các trò chơi, trò diễn dân gian như kéo chữ, đánh lệu, xây đền Cổ Loa, chọi gà, tổ tôm... không còn được tổ chức). Thực tế ở Tam thôn cho biết, trò kéo chữ từ lâu đã không thực hiện tại tổ chức lễ hội này, nhưng trò này vẫn còn tồn tại vì khi huyện tổ chức lễ hội Hoa Lư thì làng Ninh Vân sẽ được cử đoàn đến lễ hội và diễn trò kéo chữ trong lễ hội Hoa Lư. Theo ông Phạm Văn Thành, làng Phú Lãng cho biết: “Đánh lệu là một trò chơi đặc sắc trong vùng, chỉ ở lễ hội Tam thôn mới có. Về hình thức, trò chơi này có nhiều điểm tương đồng với chơi đánh golf hiện đại. Vì thế, việc chưa khôi phục được trò chơi đánh lệu trong lễ hội này là một điều đáng tiếc” [PV, ngày 18/8/2024]. Qua khảo sát thực địa cho thấy lễ hội Tam Thôn – một thiết chế văn hóa truyền thống quan trọng trong đời sống cộng đồng làng nghề – đang trải qua quá trình biến đổi rõ nét về nội dung thực hành nghi lễ. Trước đây, lễ hội bao gồm nhiều hoạt động dân gian đặc trưng như đánh lệu, kéo chữ, xây đền Cổ Loa, trong đó đánh lệu được ghi nhận là phổ biến nhất (57% ý kiến). Tuy nhiên, hiện nay, mức độ duy trì các hoạt động này đã

suy giảm đáng kể; đặc biệt, có tới 9% số người được hỏi cho rằng cả ba hình thức sinh hoạt nghi lễ truyền thống không còn được tổ chức. Sự suy giảm này phản ánh quá trình mai một của các giá trị văn hóa phi vật thể, đồng thời cho thấy sự thay đổi trong nhận thức, nhu cầu và điều kiện tổ chức lễ hội của cộng đồng làng nghề trong bối cảnh hiện đại. Đây là một biểu hiện cụ thể của quá trình biến đổi văn hóa, đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu sâu hơn về nguyên nhân, hệ quả cũng như hướng bảo tồn các yếu tố văn hóa truyền thống đang dần bị thay thế hoặc lãng quên.

Về kinh phí tổ chức lễ hội: Ngày nay, kinh phí tổ chức lễ hội được lấy từ hai nguồn: Thứ nhất, là đóng góp của các hộ gia đình tại 03 thôn theo mức thu quy định và nguồn các doanh nghiệp trên địa bàn “công đức”; thứ hai, quỹ lễ hội thu được của năm trước. Theo thông tin từ hiệp hội làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, năm 2018 có khoảng gần 40 doanh nghiệp đóng góp, ủng hộ kinh phí cho việc tổ chức lễ hội Tam thôn, trong đó có một số doanh nghiệp lớn đóng góp từ 10 triệu đến 50 triệu đồng, tiêu biểu như Doanh nghiệp Mỹ nghệ Đức Chiến, doanh nghiệp Mỹ nghệ Kim Đô, doanh nghiệp Mỹ nghệ Minh Quyền, doanh nghiệp Mỹ nghệ Ngân Sơn... Lễ hội Tam Thôn tại xã Ninh Vân được tổ chức với quy mô lớn, phản ánh sự gắn bó sâu sắc giữa cộng đồng dân cư với truyền thống văn hóa và tín ngưỡng làng nghề. Kinh phí tổ chức lễ hội chủ yếu đến từ sự đóng góp tự nguyện của các gia đình làm nghề và các doanh nghiệp địa phương. Việc đóng góp này không chỉ mang tính chất vật chất mà còn thể hiện tinh thần công đức và lòng thành kính của người dân đối với tổ nghề, đồng thời cho thấy vai trò tích cực của cộng đồng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Nhờ đó, lễ hội không chỉ giữ được bản sắc văn hóa riêng của làng nghề mà còn thu hút sự tham gia đông đảo của người dân trong vùng, trở thành một sự kiện văn hóa tiêu biểu trong đời sống cộng đồng xã Ninh Vân.

Dưới tác động của quá trình biến đổi xã hội trên các phương diện kinh tế, văn hóa và chính trị đã tác động không nhỏ đến lễ hội Tam Thôn. Có thể nhận thấy, lễ hội Tam thôn hiện nay đã có một số thay đổi so với trước đây. Những biến đổi/thay đổi trên là thuận theo tự nhiên và phù hợp hơn với bối cảnh kinh tế, công ăn việc làm cũng như đặc điểm nghề nghiệp của dân làng trong xã hội hiện đại. Một điều dễ nhận thấy là những biến đổi/thay đổi trong lễ hội Tam thôn chủ yếu diễn ra ở hình thức biểu hiện, còn các giá trị, ý nghĩa về văn hóa, tín ngưỡng truyền thống vẫn được trao truyền qua các thế hệ cộng đồng cư và được lưu giữ trong tâm thức của người dân nơi đây. Tuy nhiên, biến đổi xã hội cũng mang lại cơ hội cho lễ hội Tam Thôn phát triển theo một hướng tích cực. Các chương trình bảo tồn văn hóa, kết hợp với du lịch cộng đồng, đã giúp nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đồng thời, sự phát triển của công nghệ và các phương tiện truyền thông cũng góp phần quảng bá lễ hội, thu hút sự quan tâm của cộng đồng trong và ngoài nước. Điều này tạo động lực để địa phương có thể gìn giữ và phát huy lễ hội Tam Thôn như một phần quan trọng trong đời sống văn hóa và du lịch.

3.2.3. Biến đổi tri thức nghề và truyền nghề

Ngày nay, với sự phát triển của khoa học và công nghệ thông tin, những tri thức nghề nghiệp cũng trở nên phổ cập hơn. Sự áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất cũng ít nhiều làm cho một số bí quyết nghề nghiệp không còn là đặc biệt và bí mật nữa. Tuy nhiên, nhiều nghề nhân văn vẫn khẳng định, nghề đá mỹ nghệ ở Ninh Vân vẫn có những bí quyết riêng, trong đó bao gồm những bí quyết đã có từ lâu và cả những bí quyết mới, tạo nên tính đặc thù và độc đáo của sản phẩm đá Ninh Vân. Theo ông Lương Văn Quảng, thôn Xuân Phúc: “Các gia đình trong làng hiện nay vẫn lưu giữ những bí quyết nghề gia truyền của họ. Chỉ cần nhìn vào một vài nét hoa văn, cách chạm, đục hay đề tài là cũng có thể biết đó là sản phẩm của gia đình nhà nào làm. Đặc biệt là tạc bia, tạc cột

hay các sản phẩm liên quan đến chữ Hán thì nhìn nét chữ là phân biệt rõ lắm” [PV, ngày 18/8/2024].

Chính bí quyết riêng của từng người, từng gia đình đã tạo nên sự “chuyên môn hóa”, nhất là trong các công đoạn khó. Ngày nay, mặc dù máy móc hiện đại được ứng dụng nhiều trong quá trình tạo tác sản phẩm, nhưng có nhiều chi tiết, công đoạn mà máy móc không thể đảm đương được. “Khoảng trống” ấy chính là “đất diễn” của những nghệ nhân lão luyện với những bí quyết riêng. Hơn nữa, có nhiều khách hàng “kỹ tính”, họ yêu cầu sản phẩm của họ phải được làm thủ công chứ không được làm bằng máy. Tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, kỹ thuật tạc tượng, đặc biệt là tạo hình đôi mắt, được xem là công đoạn khó và quan trọng bậc nhất, đòi hỏi tay nghề cao và sự tinh tế của người thợ. Theo chia sẻ từ những người thợ lành nghề, trong làng có nhiều nghệ nhân nổi bật như ông Lương Thừa Vũ, Phạm Văn Hoàn và Đỗ Đình Lễ, nổi tiếng với khả năng thể hiện đôi mắt tượng theo phong cách riêng biệt. Đôi mắt không chỉ là chi tiết tạo hồn cho tác phẩm mà còn thể hiện chiều sâu nội tâm, tính cách và tâm trạng của nhân vật được tạc. Chính vì vậy, trong các công trình tượng đài lớn, phần tạo hình đôi mắt thường được giao riêng cho những nghệ nhân có tay nghề cao thực hiện, nhằm đảm bảo tính nghệ thuật và giá trị biểu cảm của tác phẩm. Một cụ cao niên cho biết, những tảng đá cứng thì âm thanh sẽ thanh, vang, còn đá mềm hơn thì sẽ phát ra âm thanh trầm, đục. Một số người cao niên trong làng Hệ cho biết, trước đây, ở Ninh Vân có một loại đá rất quý mà các cụ gọi là “Đầu mắt tép, đít tai sừng”, với những đặc điểm nhận diện đặc biệt mà chỉ những người có kinh nghiệm làm đá lâu năm mới biết. Loại đá này có độ bền cao, khi chạm khắc hoa văn không bị nứt vỡ, dễ chế tác. Hơn nữa, loại đá này không bao giờ bị mọc rêu hay bị mốc, khi đánh (làm nhẵn) có màu đen bóng. Tuy nhiên, theo ông cho biết, hiện nay ở Ninh Vân không còn loại đá này vì đã bị khai thác hết để làm xi măng.

Về việc truyền nghề, khoảng 20 năm trở lại đây, cùng với sự phát triển của làng nghề, việc đào tạo nghề, truyền nghề rất được người dân và chính quyền quan tâm. Tại Ninh Vân có nhiều phương pháp dạy nghề cho nguồn lao động tại địa phương và các vùng phụ cận, nhưng chủ yếu là phương pháp theo lối cầm tay chỉ việc, người học việc sẽ đến những xưởng đá uy tín và có những người thợ tài giỏi có tiếng tại làng để xin học việc. Bên cạnh việc học các kỹ thuật chạm khắc bằng thủ công theo lối truyền thống thì người thợ cũng phải học thêm kỹ thuật chế tác bằng những công cụ máy móc hiện diện như: máy mài, máy đục, máy khắc... Tuy nhiên, làng nghề những năm gần đây lớp nghề nhân có tay nghề cao hiện đã cao tuổi, sức khỏe ngày một hạn chế nên thiếu nguồn nhân lực cho việc tạc tác ra các sản phẩm tinh xảo và triển khai những công đoạn khó của sản phẩm (như mở mắt tượng, tạo điểm nhấn trên khuôn mặt, ...). Do đó việc truyền nghề gặp nhiều khó khăn trong việc đào tạo ra những lớp thợ tay nghề cao trong làng nghề trong thời gian tới. Ngoài cách thức truyền nghề theo kiểu cha truyền con nối mang tính tự phát thì Ủy ban nhân dân xã Ninh Vân đã và đang tổ chức những lớp truyền dạy nghề ngay tại các xưởng, các bãi đá, các học viên vừa nghe dạy lý thuyết, vừa thực hành. Những nghệ nhân lớn tuổi rất quan tâm đến việc truyền nghề, đổi lại, lớp trẻ cũng rất coi trọng việc nối nghề của cha ông, nhất là ở những gia đình có truyền thống lâu đời, người ta “bám” nghề rất chặt. Do đó, những gia đình mà nghề làm đá được truyền 3 - 4 đời rất nhiều. Như câu dân gian thường nói: “Giỗ nhà ai quai nhà ấy”, với những gia đình có truyền thống làm nghề lâu đời thì con cháu, nếu theo nghề cha ông, thì cũng thường trở thành những người thợ giỏi. So với trước, đối tượng truyền nghề hiện nay được mở rộng hơn so với trước. Trong xu thế phát triển hiện nay, việc truyền nghề không còn bó hẹp trong phạm vi gia đình, làng xóm, mà đã truyền nghề cho những người làm công đến từ nhiều địa phương khác nhau. Với mục đích phát triển

nghề nghiệp của làng nghề, các nghệ nhân và doanh nghiệp đã chủ động dạy, truyền nghề cho người đến học. Trao đổi với ông Nguyễn Quang Diệu về vấn đề đào tạo nghề, ông cho biết: “mỗi năm tại Ninh Vân có nhận dạy nghề cho khoảng 15 người đến 20 người tham gia học nghề theo chương trình đào tạo của Hiệp hội của làng nghề. Đây là chương trình đào tạo học nghề miễn phí cho học viên không chỉ là người dân trong làng mà có thể nơi khác đến học. Họ đều rất trẻ, chịu khó và chủ yếu đến từ các làng, xã trong tỉnh Ninh Bình đến học và làm nghề” [PV, ngày 02/8/2025]. Trên thực tế, tại Ninh Vân hiện nay, bên cạnh các doanh nghiệp được thành lập, nhiều hộ gia đình còn tổ chức cơ sở sản xuất nhỏ lẻ và trực tiếp đào tạo nghề cho con em trong nhà hoặc người quen, nhằm chủ động nguồn nhân công phục vụ sản xuất. Hình thức “vừa học vừa làm” tại chỗ không chỉ giúp truyền nghề hiệu quả mà còn góp phần duy trì bí quyết nghề trong nội bộ gia đình, giảm sự phụ thuộc vào lao động bên ngoài. Theo ước tính thực tế, hiện có hàng trăm lao động từ các vùng lân cận như Gia Viễn, Yên Khánh, Kim Sơn... đã đến học nghề và làm việc tại các cơ sở này. Việc đào tạo nghề theo hình thức không chính quy nhưng gắn liền với thực hành sản xuất đã trở thành một đặc trưng trong mô hình phát triển làng nghề hiện nay, góp phần mở rộng ảnh hưởng của nghề đá Ninh Vân ra ngoài phạm vi địa phương, đồng thời duy trì sức sống bền vững cho làng nghề trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao. Như vậy, với sự biến đổi của xã hội, đặc biệt là sự phát triển của đời sống kinh tế và nhu cầu của sản xuất, việc truyền nghề ở Ninh Vân đã có nhiều thay đổi theo hướng mở rộng cả về đối tượng và cách thức truyền nghề. Đó chính là một trong những yếu tố thúc đẩy sự phát triển của làng nghề, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

3.2.4. Biến đổi mối quan hệ xã hội

Trong điều kiện mới (hình thành hộ kinh doanh cá thể, sự xuất hiện của các doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất) thì bên cạnh mối quan hệ huyết

thống, dòng họ, làng xóm, mối quan hệ liên làng, xuyên làng như bao làng xã vùng đồng bằng Bắc Bộ khác, ở Ninh Vân, một quan hệ mới được hình thành, với mạng lưới đa chiều giữa những người làm nghề, bao gồm: mối quan hệ giữa chủ và thợ, mối quan hệ chủ - chủ, mối quan hệ chủ - các doanh nghiệp, đối tác, khách hàng bên ngoài... tạo nên mối quan hệ vừa đa dạng vừa phức tạp. Từ đó tạo ra một nét mới trong văn hóa ứng xử giữa các bên mà trong truyền thống không có. So sánh với các làng thuần nông, làng nghề, làng buôn mối quan hệ xã hội biến đổi khá nhanh và đa dạng xuất phát từ phát triển kinh tế - hoạt động nghề nghiệp tạo ra những mối quan hệ mới rất khác xa so với truyền thống. Chỉ có trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội hiện nay đã tạo ra các doanh nghiệp, từ doanh nghiệp dẫn đến các mối quan hệ khác nhau như: Chủ và thợ, chủ và nhân viên của doanh nghiệp, giữa các doanh nghiệp với nhau. Mối quan hệ này không chỉ trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Chính những mối quan hệ ứng xử - văn hóa ứng xử rất mới trong xã hội đương đại.

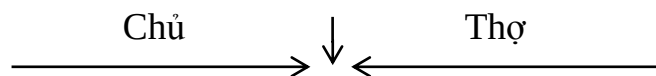
Qua nghiên cứu cho thấy, khi làng nghề phát triển, mối quan hệ xã hội thường là thành tố văn hóa biến đổi khá nhanh so với các thành tố văn hóa khác. Sự biến đổi này xuất phát từ nghề nghiệp. Từ biến đổi mô hình tổ chức sản xuất từ sự chuyên môn hóa lao động, từ nhu cầu về phát triển thị trường và khách hàng... về bản chất chính là mối quan hệ ứng xử giữa các thành viên của các làng quê trong bối cảnh mở cửa phát triển và hội nhập kinh tế.

3.2.4.1. Mối quan hệ giữa chủ đối với thợ

Ở Ninh Vân hiện nay tồn tại chủ yếu mô hình xưởng, hộ kinh doanh cá thể, các công ty, doanh nghiệp gia đình (gồm anh em họ hàng xa gần). Người đứng đầu doanh nghiệp được coi là ông chủ (xưởng, hộ sản xuất) hay giám đốc (doanh nghiệp, công ty). Khái niệm chủ lao động chỉ người đại diện cho một công ty, xí nghiệp ký hợp đồng lao động với công nhân hoặc những người có nhu cầu tham gia các loại hình lao động. Vai trò của chủ lao động có thể là

giám đốc, quản lý, hay một đặc cách được chủ doanh nghiệp giao trách nhiệm giám sát công nhân lao động trong công ty, hộ kinh doanh. Tuy nhiên, thực tế ở Ninh Vân, ông chủ kiêm nhiệm nhiều việc, vừa là thợ, vừa là nghệ nhân, vừa là người tìm kiếm nguồn khách hàng, đối tác và quản lý chung.

Ngoài ra, muốn phát triển, họ phải có tâm, có tài, biết xây dựng và duy trì các mối quan hệ. Trong các mối quan hệ đó, quan hệ với thợ là quan hệ nòng cốt, giúp doanh nghiệp duy trì và phát triển. Nghiên cứu cho thấy, một cơ sở sản xuất hay một công ty, doanh nghiệp chế tác đá thường bao gồm những bộ phận chính: giám đốc - kế toán - thủ quỹ - thợ. Doanh nghiệp vừa có thể chỉ có 10 thợ, doanh nghiệp lớn hơn có thể có từ 30 - 40 thợ làm cố định, trả lương tháng, có thưởng và ký hợp đồng, ăn phần trăm sản phẩm. Còn lại đa số theo mùa vụ (thường không cố định, biến động tùy thuộc vào số lượng công việc cần làm).



Mối quan hệ tốt đẹp, bình đẳng, linh hoạt, mềm dẻo, trân trọng.

Chủ thường giữ mối quan hệ tốt đẹp với thợ nhằm giữ chân hoặc giúp đỡ khi cần thiết: trả lương xứng đáng, tùy thuộc vào trình độ tay nghề. Thù lao được trả do khoán công việc, khoán công nhật, với phương châm “làm nhiều hưởng nhiều”. Hiện nay, ở Ninh Vân, lương thợ được chia làm các bậc: công bậc 1 là 500.000 - 550.000 đồng/ngày, công bậc 2 là 350.000 - 400.000 đồng/ngày, công bậc 3 là 250.000 - 300.000 đồng/ngày. Để duy trì được mối quan hệ này, chủ doanh nghiệp thường không so đo, tính đếm và chi li trong phần lương, thưởng, phạt mà tạo sự gắn kết với thợ của mình bằng giá trị chi trả theo định mức sản phẩm, hình thành tư duy phấn đấu, quan tâm tới thời gian sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Trong cơ cấu tổ chức và vận hành của các cơ sở sản xuất đá mỹ nghệ tại

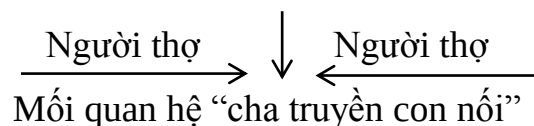
Ninh Vân, quan hệ giữa chủ doanh nghiệp và người lao động mang tính linh hoạt cao, dựa trên nguyên tắc thỏa thuận và sự tôn trọng lẫn nhau. Các doanh nghiệp thường chỉ duy trì đội ngũ thợ chính cố định, trong khi thợ phụ có thể linh hoạt tham gia hoặc rút lui tùy theo khối lượng công việc. Khi không có đơn hàng, thợ có thể quay lại làm nông nghiệp hoặc tìm kiếm công việc tại các cơ sở khác trong làng nghề mà không chịu sự ràng buộc chặt chẽ. Mỗi khi phát sinh công việc, hai bên sẽ cùng trao đổi và thỏa thuận cụ thể về thời gian, chất lượng và chi phí trước khi triển khai. Mọi quan hệ giữa chủ và thợ được thiết lập trên cơ sở tôn trọng và ứng xử có chừng mực. Người thợ tuân theo chỉ đạo chuyên môn của chủ doanh nghiệp trong quá trình chế tác, đồng thời cũng có quyền đề xuất các vấn đề liên quan đến điều kiện lao động như làm thêm giờ hay chế độ thưởng, và thường được doanh nghiệp xem xét, đáp ứng một cách hợp lý. Cách thức tổ chức lao động như vậy phản ánh sự mềm dẻo, linh hoạt trong quản lý sản xuất tại các làng nghề truyền thống, đồng thời góp phần duy trì sự ổn định và gắn kết cộng đồng nghề.

Các doanh nghiệp đều có chính sách khuyến khích, động viên, khích lệ. Khi chúng tôi đến khảo sát làng Ninh Vân vào dịp nghỉ lễ 10 tháng Ba Giỗ tổ Vua Hùng), hầu hết thợ ở các xưởng đều nghỉ. Đây là điều bình thường và các chủ doanh nghiệp luôn tạo điều kiện cho thợ khi gia đình có việc hoặc gặp những vấn đề sức khỏe, thời gian... Ở Ninh Vân, nhiều doanh nghiệp lớn, nhỏ thường là doanh nghiệp gia đình (doanh nghiệp của cha, của con). Nhiều gia đình có con trai hoặc con rể thường nối nghiệp cha trở thành người thợ với bàn tay vàng rồi thành ông chủ. Chính vì vậy, mối quan hệ giữa chủ và thợ còn là mối quan hệ thầy - trò, họ hàng, gia đình. Tuy nhiên, để tạo nên tác phong làm việc cho công nhân, mỗi cơ sở sản xuất cũng đề ra một số quy định làm việc, quy định cụ thể về thời gian làm việc - mùa đông, buổi sáng làm việc từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ; mùa hè, sáng làm việc sớm hơn nửa tiếng, buổi chiều muộn hơn nửa tiếng. Tuy nhiên, do các chủ cơ sở và

phần đông công nhân là người cùng xóm, cùng làng, thậm chí nhiều trường hợp là người cùng dòng họ, nên việc công nhân xin nghỉ sớm, đến muộn vẫn diễn ra, các chủ doanh nghiệp dù muốn hay không vẫn phải chấp nhận. Tuy nhiên, do đặc thù văn hóa làng xã nên trong công việc vẫn bị chi phối bởi lối sống “trọng tình làng, nghĩa xóm”, cả nề và ngại va chạm nó đi ngược lại với quy tắc làm việc của môi trường văn hóa công nghiệp hiện đại ngày nay. Khảo sát thực tế cho biết toàn xã Ninh Vân hiện có khoảng 3.000 thợ, chủ yếu là người dân Ninh Vân và có một số đến từ các tỉnh thành khác. Thợ được chia làm 3 hạng: hạng thử việc, hạng đã có tay nghề và hạng có tay nghề cao (còn gọi là thợ chính), với các mức lương khác nhau.

3.2.4.2. Quan hệ giữa thợ với thợ

Thợ làm nghề ở làng đá Ninh Vân đa phần là người cùng làng trong một mối quan hệ khăng khít: cha con, vợ chồng, anh chị em, họ hàng... Thế hệ nối tiếp thế hệ theo kiểu “cha truyền con nối” nhằm giữ gìn và bảo lưu nghề truyền thống của gia đình.

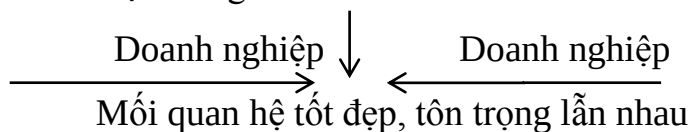


Giữa những người thợ với nhau thường có sợi dây gắn kết, thân tình, chia sẻ. Họ không giấu nghề mà luôn hỗ trợ lẫn nhau trên mọi phương diện. Người thợ lành nghề hướng dẫn, chỉ bảo người mới vào nghề hoặc đôi khi là sự giúp đỡ lẫn nhau khi một người đã trót nhận việc với chủ mà không may có biến cố gia đình không hoàn thành được. Hoặc mỗi người có thể mạnh khác nhau nên người nào mạnh điểm nào sẽ hỗ trợ người kia trong mối quan hệ tương hỗ. Trong quá trình lao động tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, mối quan hệ giữa những người thợ thể hiện rõ tinh thần đoàn kết, tương trợ và chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp. Sự gắn bó giữa các thợ đá không chỉ thể hiện ở việc lắng nghe, góp ý để hoàn thiện sản phẩm, mà còn ở tinh thần sẵn sàng hỗ trợ nhau khi gặp khó khăn

trong công việc. Khi không có việc tại cơ sở hiện tại, các thợ thường chủ động tìm kiếm cơ hội lao động khác, kết nối để cùng nhau tiếp tục duy trì công việc và thu nhập. Mặc dù trong quá trình làm nghề đôi khi cũng nảy sinh những ý kiến khác nhau hoặc mâu thuẫn nhỏ, nhưng các thợ đá thường cố gắng giải quyết một cách ôn hòa, đảm bảo môi trường làm việc thân thiện và gắn kết. Mô hình quan hệ lao động này phản ánh đặc trưng cộng đồng nghề truyền thống - nơi tình làng nghĩa xóm và sự chia sẻ vẫn đóng vai trò quan trọng trong duy trì và phát triển làng nghề. Mặt khác, nếu không phải quan hệ gia đình, họ hàng thì giữa những người thợ cùng làng đá Ninh Vân còn chung mối quan hệ làng xóm khi cùng địa bàn, môi trường sinh sống “bán anh em xa mua láng giềng gần”. Vì vậy, họ luôn sống trong tình làng nghĩa xóm mặn mà, bền chặt. Họ không chỉ là người “cùng nghề”, “cùng hội cùng thuyền” mà trên hết còn là tình làng, tình xóm. Hiện nay, do nhu cầu công việc, các xưởng sản xuất, các doanh nghiệp cũng bắt đầu tuyển người từ các làng lân cận hay trong huyện, trong tỉnh. Nhưng dù thế nào thì họ luôn tôn trọng lẫn nhau, quan hệ gắn bó, đoàn kết.

3.2.4.3. Mối quan hệ giữa các doanh nghiệp

Hiện nay, ở Ninh Vân có khoảng gần 100 cơ sở sản xuất chế tác đá lớn, nhỏ. Về cơ bản, các xưởng, hộ sản xuất hay công ty, doanh nghiệp được hình thành trên cơ sở tách ra từ các cơ sở lớn (người thợ trở thành thợ giỏi, tách ra làm riêng). Hầu hết các doanh nghiệp có mối quan hệ khá thân thiết với các chủ doanh nghiệp đều là anh em trong gia đình, hoặc là người thân trong dòng họ, làng xóm với nhau... nên về cơ bản có sự kết hợp, giúp đỡ lẫn nhau, không có sự cạnh tranh gay gắt, khốc liệt theo kiểu “mạnh ai người ấy thắng”, “cá lớn nuốt cá bé” như nhiều thị trường làm ăn khác.



Hỗ trợ, giúp đỡ, phối kết hợp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

Giữa các doanh nghiệp có sự chia sẻ về nguồn thợ, sản phẩm, có sự luân chuyển thợ từ nơi này đến nơi khác, cùng chia các sản phẩm để làm khi không đảm đương hết được, khi không làm được có thể chuyển giao cho doanh nghiệp khác. Sự trao đổi thợ giữa các cơ sở, tạo điều kiện cho thợ được làm cho các cơ sở đang cần, có thu nhập. Các chủ sản xuất, doanh nghiệp ở Ninh Vân luôn tôn trọng lẫn nhau, không “can thiệp” vào quá trình sản xuất, khách hàng của nhau. Khi có sự vụ, sự việc hoặc có những công trình lớn cần chia sẻ công việc thì mọi người sẽ cùng nhau trao đổi, bàn bạc, thống nhất công việc trên tinh thần hợp tác, hiệu quả và vì mục tiêu phát triển chung của các doanh nghiệp, nhằm hướng tới nâng cao chất lượng và uy tín của làng nghề. Tất nhiên, hiện nay có một số doanh nghiệp bắt đầu có sự cạnh tranh, “chơi xấu”, giấu thông tin nguồn hàng... nhưng không nhiều. Về cơ bản họ vẫn giữ gìn mối quan hệ tốt đẹp trên cơ sở tình làng nghĩa xóm.

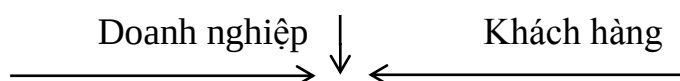
Tại Ninh Vân, năm 2006, đã thành lập Hiệp hội Ngành chế tác đá, với số thành viên ban đầu là 25 hộ và doanh nghiệp và đến nay đã có trên 100 doanh nghiệp tư nhân. Mục đích của hiệp hội làng nghề là nơi sinh hoạt chung của các tổ chức, cá nhân cùng nghề, tạo ra sự gắn kết tăng cường khả năng của ngành chế tác đá và bảo vệ quyền lợi lẫn nhau. Hiệp hội hình thành ban tổ chức, mỗi năm họp 1 lần vào ngày 13/10 hằng năm, có quỹ chung (do xã cấp kinh phí một phần và do các thành viên đóng góp). Tuy nhiên trong nhiều năm trở lại đây tổ chức này hoạt động không hiệu quả, chưa phát huy được chức năng, nhiệm vụ của nó như mong muốn đề ra. Theo ông Nguyễn Văn Vũ, đại diện doanh nghiệp Hợp Vũ cho biết: “Các doanh nghiệp làm đá trong làng nghề đều có mối quan hệ tốt với nhau, đôi khi còn là đơn vị liên kết với nhau trong khi thực thi các hợp đồng kinh tế do đối tác đặt hàng. Tôi thấy các doanh nghiệp ở làng chưa hề xảy ra mâu thuẫn nào trong công việc và nếu có bất đồng, tranh chấp xuất hiện thì Hiệp hội làng nghề sẽ giải quyết ngay”.

3.2.4.4. *Mối quan hệ giữa doanh nghiệp với đối tác, khách hàng*

Có thể nói, trong thời kỳ bao cấp, khi các sản phẩm đã làm ra chủ yếu để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hằng ngày của dân làng, hợp tác xã không quan tâm nhiều tới việc tìm kiếm khách hàng và tạo lập các mối quan hệ ra bên ngoài. Tuy nhiên, hiện nay khi mô hình công ty, doanh nghiệp được hình thành, trong bối cảnh cạnh tranh, một số doanh nghiệp đã bắt đầu chú ý đến việc thiết lập với các mối quan hệ với đối tác, khách hàng. Đối tác, khách hàng ở đây có thể là các cơ sở có đầu vốn giao thoa hay những khách hàng tiêu dùng sản phẩm.

Khi được hỏi về mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng tiêu dùng sản phẩm, đại diện doanh nghiệp đá mỹ nghệ Bảo Châu, chia sẻ: Khi hoạt động của doanh nghiệp ngày càng phát triển, chúng tôi luôn xác định rằng đối tác và khách hàng là yếu tố sống còn đối với sự tồn tại và mở rộng nghề nghiệp. Vì thế, việc duy trì sự tôn trọng, uy tín và mối quan hệ tốt đẹp với họ là nguyên tắc hàng đầu. Thực tế, nhiều khi trong giao dịch, chúng tôi chấp nhận chịu một phần thiệt thòi để giữ được lòng tin từ phía khách hàng. Tuy nhiên, chính sự tin tưởng ấy lại trở thành nền tảng giúp chúng tôi dần mở rộng thị trường và phát triển bền vững hơn trong tương lai [PV, ngày 8/9/2024].

Để sản phẩm đến được tay khách hàng, các doanh nghiệp phải tìm cách kết nối, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Do đó, trong thị trường lao động hiện nay, tồn tại mối quan hệ quan trọng: Mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng tiêu dùng sản phẩm.



Thiết lập và duy trì các mối quan hệ tốt, lâu dài

Giữ chữ tín với khách hàng, giữ gìn thương hiệu

Quảng bá sản phẩm trên thị trường

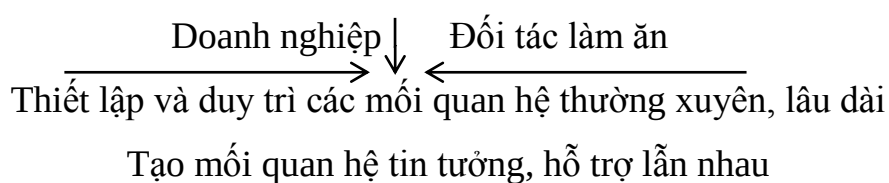
Bên cạnh công việc thiết kế, sản xuất, quản lý cơ sở của mình các ông chủ sẽ phải thiết lập và duy trì các mối quan hệ tốt với chủ các công ty, cơ quan bên ngoài nhằm tìm hiểu nhu cầu, tư vấn, đặt vấn đề để đối tác đặt mua sản phẩm. Ngoài ra, một số doanh nghiệp còn liên kết với các doanh nghiệp lớn chịu trách nhiệm tổng thể về phần thiết kế, thi công một công trình, dự án và doanh nghiệp sẽ đảm nhận phần việc liên quan đến các sản phẩm về đá.

Để tạo các mối quan hệ với khách hàng, các doanh nghiệp sẽ phải thực hiện nhiều công đoạn và đôi khi phải chịu thiệt thòi nhất định. Ví dụ, quy trình thực hiện một công trình: Sau khi có đơn vị đặt hàng, chủ doanh nghiệp làm việc, thiết kế bảng vẽ, sau khi được duyệt, làm giá cả hạch toán (dự toán kinh phí), bên đối tác sẽ đặt một số tiền, doanh nghiệp tiến hành thi công. Khi sản phẩm được hoàn thành doanh nghiệp sẽ được thanh toán phần còn lại nhưng nhiều khi phải ghi nợ từ những đơn vị đặt hàng. Nhiều khách hàng cứ lần khát, không trả nợ hoặc khi không ưng sản phẩm họ sẽ trừ đi số tiền nhất định. Có nhiều sản phẩm khi hoàn thành xong đến nơi trả hàng bị hỏng, vỡ do quá trình vận chuyển. Đó là những rủi ro mà nhiều khi doanh nghiệp không lường hết được. Bên cạnh những đối tác, cơ quan tổ chức lớn thì khách hàng bán lẻ cũng là một thị trường tiềm năng để tiêu thụ sản phẩm. Với khách hàng bán lẻ, phần nhiều là khách quen, được giới thiệu từ uy tín của sản phẩm. Hiện nay, các sản phẩm của làng Ninh Vân không chỉ đáp ứng nhu cầu của những người dân trong làng, các khu vực lân cận mà còn được biết đến trong nhiều tỉnh thành, địa phương khác. Nhiều sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài như Lào, Campuchia... Hiện nay, các cơ sở sản xuất, công ty, doanh nghiệp đã bắt đầu quan tâm nhiều đến quảng bá sản phẩm ra bên ngoài, đặc biệt trong thời đại công nghệ thông tin. Một số doanh nghiệp đã xây dựng thương hiệu, logo sản phẩm. Tuy nhiên, việc tạo lập trang web, hoạt động ma kết ting chưa được các doanh nghiệp, công ty, các cơ sở chế tác ở đây chú ý (mặc dù đã có nhưng các cơ sở không dựa vào kênh thông tin này để tìm

kiếm khách hàng). Hầu như doanh nghiệp đều là cha truyền con nối, chưa tính đến việc xây dựng thương hiệu.

3.2.4.5. *Mối quan hệ giữa doanh nghiệp với đối tác làm ăn (các dịch vụ vận chuyển, xây dựng, nguyên liệu sản xuất...)*

Hiện nay các doanh nghiệp thường xuyên liên kết với các cơ sở như các công ty vận tải chuyên vận chuyển hàng hóa, công ty thiết bị lắp dựng, nguồn nguyên liệu cung cấp cho làng nghề...



Để có thể lấy nguyên liệu từ các nơi khác về hoặc mang hàng đi lắp đặt rất cần những phương tiện vận chuyển lớn. Do đó, các xưởng sản xuất, doanh nghiệp sẽ phải thiết lập mối quan hệ với các công ty vận tải, hợp tác thường xuyên để khi cần là có thể vận chuyển ngay, tránh giao hàng chậm trễ gây mất uy tín với khách hàng. Ngoài ra, để lắp đặt các sản phẩm ở các công trình, người thợ không thể đảm nhận hết được, nhất là việc di chuyển những khối đá khổng lồ, cồng kềnh, nặng từ vài chục đến vài trăm tấn. Do đó, việc liên kết với các công ty thiết bị lắp đặt với sự hỗ trợ của máy móc là điều cực kỳ cần thiết. Hiện nay, khi nguyên liệu đá đang ngày càng khan hiếm, người dân làng đã phải đi nhập thêm nguyên liệu đá từ Thanh Hóa, Nghệ An và cả các tỉnh phía Nam như: Bình Định, Phú Yên... Chính vì vậy, các xưởng sản xuất hay doanh nghiệp đã phải liên kết với các địa phương có đá để mua nguyên liệu sản xuất tại địa phương, thậm chí phải đặt hàng trước cả năm.

Qua trao đổi với đại diện các doanh nghiệp hoạt động trong làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, có thể thấy rằng việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ liên kết sản xuất – kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của làng nghề. Các doanh nghiệp tại địa phương không chỉ chú trọng đến

quan hệ với khách hàng tiêu dùng mà còn đặc biệt coi trọng đối tác trong chuỗi cung ứng như các đơn vị vận chuyển, cung cấp nguyên liệu, đội xây dựng,... nhằm tạo ra một hệ sinh thái liên kết chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất và thương mại. Tiêu biểu như doanh nghiệp đá mỹ nghệ Kim Đô luôn chủ động trong việc tìm kiếm và mở rộng mạng lưới đối tác trên cả nước, coi đây là “cầu nối” cần thiết để duy trì hoạt động nghề nghiệp một cách ổn định và linh hoạt. Đồng thời, các đơn vị dịch vụ như doanh nghiệp vận tải liên kết với làng nghề cũng giữ vai trò rất tích cực trong việc đảm bảo đầu ra cho sản phẩm, đồng thời hỗ trợ tiếp cận thị trường mới bằng cách giới thiệu khách hàng, qua đó góp phần nâng cao uy tín và hiệu quả kinh doanh của các cơ sở sản xuất tại Ninh Vân. Những chia sẻ trên cho thấy các doanh nghiệp trong làng nghề đã và đang dần phát triển tư duy liên kết mạng lưới, tạo dựng quan hệ đôi bên cùng có lợi, không chỉ trong phạm vi nội bộ làng nghề mà còn mở rộng tới các đối tác ở nhiều địa phương khác. Đây chính là nền tảng quan trọng giúp nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân tiếp tục phát triển trong bối cảnh kinh tế thị trường ngày càng cạnh tranh.

Sự biến đổi môi quan hệ xã hội ở Ninh Vân là một quy luật tất yếu khách quan, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó, sự tác động của kinh tế là một trong những yếu tố quan trọng, mang tính cốt lõi. Trong làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, việc làm không thiếu và luôn thu hút nhiều người từ các nơi khác đến làm thuê. Người dân nơi đây chia sẻ rằng, nếu ai chăm chỉ và chịu khó thì luôn có công việc để làm, chỉ những người lười biếng mới có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm. Nghề đá không chỉ mang lại thu nhập ổn định cho các gia đình, mà còn tạo cơ hội cho những người lao động từ các khu vực khác tìm đến và gắn bó lâu dài với làng nghề. Bên cạnh việc cải thiện kinh tế cá nhân, nghề làm đá tại Ninh Vân cũng tạo ra một môi trường xã hội gắn kết, nơi các mối quan hệ giữa người dân được duy trì và phát triển theo

hướng hỗ trợ lẫn nhau. Mặc dù vẫn giữ gìn truyền thống văn hóa "trọng tình, trọng nghĩa" của người Việt, nhưng trong thời đại hiện nay, người dân Ninh Vân cũng không ngừng xây dựng và mở rộng các mối quan hệ xã hội mới. Những mối quan hệ với đối tác, khách hàng hay các đơn vị vận chuyển hàng hóa không chỉ giúp duy trì hoạt động của nghề đá mà còn là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững, từ đó tạo ra sự kết nối chặt chẽ giữa các thế hệ và thúc đẩy sự phát triển chung của làng nghề. Trong việc thiết lập các mối quan hệ, họ đã biết cách làm gia tăng chất lượng và số lượng của các mối quan hệ trong mạng lưới quan hệ xã hội của mỗi người, phân loại mối quan hệ mang tính chiến lược nhằm đạt được mục đích của mình.

Qua kết quả khảo sát thực địa, có thể thấy rằng khi làng nghề phát triển, mối quan hệ xã hội đã có sự biến đổi nhanh chóng. Sự thay đổi này chủ yếu xuất phát từ nghề nghiệp và mô hình tổ chức sản xuất, như sự chuyên môn hóa lao động và nhu cầu mở rộng thị trường cũng như khách hàng. Những biến đổi này phản ánh mối quan hệ ứng xử giữa các thành viên trong cộng đồng làng nghề trong bối cảnh mở cửa và hội nhập kinh tế. Điều quan trọng là các thành viên trong làng nghề vẫn nhận thức rõ rằng việc phát triển mối quan hệ xã hội cần phải tuân thủ tinh thần truyền thống của làng xã xưa, với sự gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau. Tuy nhiên, mặt trái của sự phát triển làng nghề là sự xuất hiện của những ông chủ doanh nghiệp, tạo ra những mối quan hệ giữa chủ và thợ, giữa các ông chủ với nhau, cũng như sự phân hóa giữa những người cũ và người mới. Điều này đã vô hình chung làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo, hình thành các giai tầng xã hội khác nhau, dẫn đến sự khác biệt trong lối sống và tiêu chuẩn hưởng thụ văn hóa. Sự phân chia này không chỉ ảnh hưởng đến những giá trị văn hóa truyền thống mà còn hình thành những giá trị và hiện tượng văn hóa mới, có sự khác biệt trong cách đánh giá và tiếp cận. Hơn nữa, điều này đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là giữa lớp trẻ - những người dám nghĩ, dám làm và muốn làm giàu nhanh

chóng. Tâm lý thực dụng này đôi khi khiến họ quên đi giá trị của "chữ tình", "qua cầu rút ván", dẫn đến việc cạnh tranh không lành mạnh và sản xuất ra những sản phẩm kém chất lượng. Sự thiếu chân thành trong công việc và thiếu tôn trọng với nghề truyền thống mà cha ông đã gìn giữ đã gây ra sự đổ vỡ trong các mối quan hệ trong làng nghề. Vì vậy, câu hỏi đặt ra là người dân Ninh Vân cần phải làm gì để đối mặt với những thử thách này? Làm thế nào để đón nhận những đổi thay tích cực và đồng thời đẩy lùi những yếu tố tiêu cực? Chỉ khi giải quyết được những vấn đề này, làng Ninh Vân mới có thể tiếp tục phát triển, xây dựng thương hiệu vững mạnh và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Quá trình thay đổi phương thức sản xuất đã dẫn đến sự thay đổi các mối quan hệ xã hội của người thợ làm nghề tại làng nghề đá mỹ nghệ Vân. Thứ nhất, sự phát triển kinh tế và đô thị hóa đã mang lại những thay đổi về cơ cấu dân số và lối sống, khiến mối quan hệ xã hội trong làng nghề trở nên phức tạp và đa dạng hơn. Người thợ không chỉ giao lưu với các thành viên trong cộng đồng mà còn kết nối với các đối tác, khách hàng từ các địa phương khác, thậm chí cả quốc tế, mở rộng mạng lưới quan hệ xã hội; Thứ hai, công nghệ và internet đã tạo ra những nền tảng mới cho việc học hỏi, trao đổi kinh nghiệm và kiến thức giữa các thợ làm nghề. Những diễn đàn, mạng xã hội và trang web chuyên ngành giúp họ dễ dàng chia sẻ và cập nhật những kỹ thuật mới, qua đó củng cố mối quan hệ đồng nghiệp và cộng đồng nghề nghiệp; Thứ ba, sự thay đổi trong nhận thức và phong cách sống của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, cũng ảnh hưởng đến cách họ tương tác và gắn kết với nhau. Những giá trị truyền thống về tình làng nghĩa xóm, sự đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau dần được kết hợp với những xu hướng hiện đại, tạo nên những mối quan hệ xã hội đa chiều và phong phú; Cuối cùng, biến đổi xã hội cũng đòi hỏi người thợ làm nghề phải thích ứng với những thay đổi về quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng và yêu cầu từ thị trường. Điều này không chỉ tạo ra những thách thức mà còn mở

ra nhiều cơ hội mới để họ khẳng định vị thế và vai trò trong cộng đồng xã hội rộng lớn hơn.

3.2.5. Biến đổi phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

* *Tổ chức làm nghề trong gia đình*: Ngày nay, mỗi gia đình hạt nhân là một cơ sở sản xuất, nhiều trường hợp có 2 hoặc 3 gia đình chung vốn hợp thành một cơ sở kinh doanh. Các gia đình nhận làm hàng (trực tiếp từ các khách hàng có nhu cầu, hoặc phải qua các công ty), sau đó tổ chức thi công. Thợ làm chỉ có một số ít là người trong nhà làm, còn đa số là người ngoài gia đình, nhưng cũng là người trong anh em họ hàng, người làng. Thợ được thuê theo các công đoạn, các phần việc theo tay nghề của họ. Trong số lao động làm thuê cho các cơ sở gia đình, có khoảng 30 - 40% từng là người được học nghề tại cơ sở làm nghề của gia đình, số còn lại là thợ từ Đà Nẵng ra; một số là người các làng khác đến trực tiếp xin việc (hoặc thông qua “cầu giới thiệu”. Mỗi lao động muốn được tuyển đều phải trải qua các bước: phỏng vấn (để biết rõ nhân thân, tính cách sở thích, quá trình đào tạo...); thử tay nghề; tuyển chọn và thải loại khi đáp ứng hoặc không đáp ứng được yêu cầu. Những người bị loại là người có tay nghề kém và qua một vài ngày đã bộc lộ sự thiếu ý thức.. Người được nhận làm việc được trả tiền công do hai bên thỏa thuận. Nhìn chung, việc thuê thợ không ổn định, vì thợ thường chạy theo giá công cao hơn của các cơ sở khác. Các gia đình thường làm nhiều loại sản phẩm, trong gần 2000 hộ gia đình đang làm nghề, số chỉ làm một sản phẩm rất ít, vì nếu vậy sẽ không có khách hàng, không có nguồn thu.

* *Tổ chức làm nghề tại các công ty*: các cơ sở sản xuất (gia đình, tổ hợp) khi có đủ điều kiện thường lập thành công ty hay doanh nghiệp. Năm 1995 Luật Doanh nghiệp ra đời, buộc các cơ sở sản xuất phải thay đổi cung cách quản lý nên đến năm 2001, Tổ hợp Đồng Tiến là đơn vị đi đầu trong xã Ninh Vân chuyển thành công ty mang tên Công ty Hoàn Hảo. Những năm

sau, hàng loạt các công ty đá mỹ nghệ lần lượt ra đời. Việc thành lập công ty hay doanh nghiệp tư nhân tạo những điều kiện thuận lợi cho việc làm ăn của các cơ sở sản xuất: Hàng hóa tiêu thụ nhanh hơn, với khối lượng lớn hơn nhiều lần, có thể mua được nguyên vật liệu tận gốc, bán sản phẩm gần như tận ngọn; thanh toán gọn hơn, không phải nhờ các cơ sở khác, không phải mất phí trung gian (tiền hoa hồng); Tiếp cận được thị trường nhanh hơn; không phải mất công đi lại nhiều, từ trao đổi, tiếp nhận mẫu mã hàng cần làm theo hợp đồng dự định sẽ ký kết; giới thiệu hàng hóa sẽ được trao đổi giữa hai bên... đều thông qua không chỉ điện thoại, mà còn qua vi tính, internet. Hầu hết các công ty, doanh nghiệp đều là “công ty gia đình”, chồng là giám đốc, vợ là phó giám kiêm thủ quỹ, riêng kế toán thì là con, cháu được đào tạo qua các trường, lớp theo quy định của Nhà nước. Việc tuyển thợ làm về cơ bản cũng giống như việc tuyển ở các cơ sở sản xuất gia đình, song tính cẩn thận cao hơn ở mọi khâu, vì liên quan đến chế độ bảo hiểm. Ngoài tuyển lao động dài hạn, còn tuyển lao động thời vụ. Ngoài việc thuê thợ làm, các công ty còn thuê các cơ sở sản xuất gia đình. Các công ty, doanh nghiệp trả lương theo các công việc hành chính (các chức danh quản lý, chuyên môn nghiệp vụ tính lương theo tháng), theo công nhật (các việc khó xác định định mức lao động hoặc thù lao) và khoán việc (số này chiếm đến 70%). Các công ty, doanh nghiệp làm ăn có lãi, tạo công ăn việc làm cho dân làng; ít công ty phá sản, vì các giám đốc công ty thường là người trưởng thành từ học nghề. Nhiều công ty, doanh nghiệp còn làm tốt công tác xã hội (đóng góp tiền ủng hộ các quỹ vì người nghèo, vì cộng đồng,...), đóng góp tiền, sản phẩm hoặc công sức để tu bổ các di tích tín ngưỡng, tôn giáo trong làng. Một hiện tượng đáng chú ý là các công ty ít có liên kết với nhau trong sản xuất. Công ty Hoàn Hảo đã đào tạo được trên 200 thợ giỏi, trong đó có từ 50 - 60 người đã lập công ty riêng. Các công ty, doanh nghiệp có thể làm thuê cho nhau, giúp

nhau tiêu thụ sản phẩm khi cần thiết và theo giá thỏa thuận, chứ hầu như không có liên kết với nhau trong một hợp đồng kinh tế.

Tuy nhiên, trong thời kỳ đại dịch Covid 19 kéo dài hơn gần 3 năm đã làm cho hầu hết các nền kinh tế trên thế giới và Việt Nam bị “tê liệt”, ngừng trệ hoạt động, thậm chí có nhiều doanh nghiệp bị phá sản, ngừng hoạt động. Các làng nghề truyền thống của nước ta cũng rơi vào tình trạng giảm sút kinh tế, tạm ngừng hoạt động sản xuất. Làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân cũng nằm trong vòng xoáy của “cơn lốc Covid 19” đó, hầu hết các xưởng sản xuất gần như “đóng băng”, các hoạt động giao thương “buôn bán” ngừng trệ. Nhiều doanh nghiệp mới thành lập bị phá sản bởi không đủ năng lực tài chính thanh toán các khoản nợ (15% tổng số doanh nghiệp), nhiều doanh nghiệp đối mặt với nguy cơ phá sản vì các khoản nợ ngày một lớn và không có khả năng thanh toán (10% tổng số doanh nghiệp), các doanh nghiệp trước đây chỉ nhận làm theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp khác trong làng thì rơi vào tình trạng thất nghiệp hoặc chỉ nhận được túc tắc vài đơn cho các hạng mục nhỏ của công trình (chiếm 30%); các doanh nghiệp có tiềm lực về tài chính (doanh nghiệp lớn) thì cầm cự và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất sau đại dịch, nhưng quy mô sản xuất chỉ bằng 50% sản lượng so với trước đây. Từ cuối năm 2023 đến nay thì nền kinh tế làng nghề bắt đầu khôi phục lại, các doanh nghiệp có các hợp đồng mua bán và bắt tay vào sản xuất các mặt hàng cho các công trình như: lăng mộ, sân vườn, tường bao, tượng phật,... tuy nhiên, quy mô các công trình ở mức độ vừa phải và không nhiều đơn hàng như trước.

* *Tiêu thụ sản phẩm*: So với trước đây, thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đã mở rộng ra khắp cả nước và vươn ra ngoài biên giới. Nhờ vào quá trình hội nhập và giao lưu kinh tế, khách hàng từ nhiều nơi đã tìm đến làng nghề để đặt hàng theo yêu cầu hoặc nhờ các thợ tại đây tư vấn và nghiên cứu sản phẩm. Theo những người thợ trong làng, từ năm 2010

đến trước thời điểm đại dịch Covid-19, thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề phát triển mạnh mẽ. Các khách hàng từ nhiều vùng miền khác nhau đến tham quan và mua sản phẩm có sẵn, hoặc đặt hàng theo yêu cầu. Một số khách hàng thậm chí còn đặt hàng qua điện thoại, sử dụng gọi điện trực tiếp để giới thiệu sản phẩm và chốt đơn. Hầu hết khách hàng đều hài lòng với chất lượng sản phẩm mà thợ làng Ninh Vân tạo ra, điều này không chỉ giúp tăng trưởng thị trường mà còn tạo điều kiện cho làng nghề đầu tư vào các hoạt động phát triển chung. Qua khảo sát thực tế tại làng nghề, có thể thấy rằng, các sản phẩm của làng chủ yếu được đặt hàng từ các địa phương trong nước, đồng thời cũng có một số đơn hàng từ các thị trường quốc tế như Lào và Campuchia.

Tiểu kết

Biến đổi văn hóa làng nghề dưới tác động của biến đổi xã hội là một hiện tượng phức tạp và đa chiều, ảnh hưởng sâu rộng đến cả khía cạnh văn hóa vật thể và phi vật thể. Sự thay đổi này không chỉ đơn thuần là việc thích ứng với những điều kiện mới mà còn là quá trình kế thừa và sáng tạo những giá trị truyền thống trong bối cảnh hiện đại.

Biến đổi văn hóa vật thể: sự phát triển kinh tế và đô thị hóa đã mang lại những thay đổi đáng kể trong cơ cấu kiến trúc và không gian làng nghề. Những ngôi nhà truyền thống, những công trình tôn giáo và các cơ sở sản xuất đã được cải tạo hoặc thay thế để phù hợp với nhu cầu mới. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến diện mạo của làng nghề mà còn tác động đến cách người dân duy trì và bảo tồn những giá trị văn hóa vật thể. Điểm nổi bật của sự biến đổi các loại hình văn hóa vật thể chính là sự biến về sản phẩm: đây có thể coi là yếu tố có sự biến đổi/thay đổi mạnh mẽ nhất của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân với sự phong phú về loại hình, đa dạng về kỹ thuật chế tác và hoàn thiện hơn về đề tài cũng như chất lượng sản phẩm. Trước đây, làng nghề chủ yếu sản xuất hai loại sản phẩm chính là đồ gia dụng và đồ thờ cúng, các công trình kiến trúc có các chi

tiết, cấu kiện bằng chất liệu đá, như chân tảng kê cột, bệ sen đá, thềm bậc đá, trong đó có thành bậc rồng. Ngày nay, làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đã sáng tạo ra nhiều loại sản mới (phẩm phù điêu, tượng đài, đồ mỹ nghệ, ..) với số lượng đề tài phong phú. Đây là các loại sản phẩm đang được khách hàng đặc biệt quan tâm và mang lại hiệu quả cao về kinh tế trong hoạt động giao dịch thương mại. Hình thức buôn bán đã có sự thay đổi lớn, ngoài hình thức gia đình, xuất hiện các công ty, doanh nghiệp, giúp cho làng nghề ký kết được các hợp đồng lớn, tạo nhiều sản phẩm có giá trị, nhất là về phương diện mỹ thuật. Gắn với sự thay đổi tổ chức làm nghề là thay đổi phương thức tiêu thụ.

Biến đổi văn hóa phi vật thể: biến đổi xã hội đã làm thay đổi nhận thức và phong cách sống của người dân làng nghề. Những giá trị truyền thống như tình làng nghĩa xóm, lòng hiếu khách và sự tôn trọng tổ tiên vẫn được giữ gìn, nhưng cũng phải đổi mới với những thay đổi trong lối sống hiện đại. Các lễ hội, tín ngưỡng và phong tục tập quán truyền thống đã được tái hiện và tổ chức lại để phù hợp với nhu cầu của cộng đồng và du khách. Có thể nói, biến đổi lớn nhất trong đời sống tâm linh của làng nghề là sự xuất hiện tín ngưỡng thờ Tổ nghề, một tín ngưỡng xưa kia chưa hề có tại Ninh Vân. Bên cạnh đó, biến đổi trong phương thức sản xuất tổ chức mới đã làm thay đổi hoàn toàn diện mạo kinh tế làng nghề, điều này đã kéo theo sự thay đổi khá lớn về văn hóa làng nghề trong các phương diện khác.

Biến đổi văn hóa làng nghề là một quá trình tất yếu và không thể tránh khỏi dưới tác động của biến đổi xã hội. Tuy nhiên, điều quan trọng là làm sao để duy trì và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống trong bối cảnh hiện đại, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững của làng nghề. Việc nghiên cứu và đánh giá những biến đổi này không chỉ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về tác động của biến đổi xã hội mà còn đưa ra những giải pháp phù hợp để bảo vệ và phát triển văn hóa làng nghề trong chương tiếp theo của luận án.

Chương 4

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VÀ VẤN ĐỀ BÀN LUẬN

4.1. Yếu tố tác động đến sự biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

4.1.1. Bối cảnh xã hội hiện nay

Trong bối cảnh kinh tế thị trường, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã và đang tạo ra một thế giới liên kết chặt chẽ hơn bao giờ hết. Các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, chính trị và văn hóa. Việc mở cửa thương mại, đầu tư nước ngoài và hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Các sản phẩm, dịch vụ và thông tin được trao đổi một cách nhanh chóng và rộng rãi, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa giữa các quốc gia. Việt Nam, một quốc gia với nền kinh tế phát triển nhanh chóng và sự kết nối quốc tế ngày càng mở rộng, không nằm ngoài tầm ảnh hưởng này. Các quốc gia ngày càng gắn kết chặt chẽ hơn với nhau qua thương mại, giao lưu văn hóa và hội nhập kinh tế. Sự kết nối này đã tạo ra nhiều cơ hội cho phát triển toàn diện, tuy nhiên cũng mang lại nhiều vấn đề đáng quan tâm, đó là: các lĩnh vực trong đời sống đang dần thay đổi, sự cạnh tranh gay gắt giữa các loại hình kinh tế, sự đối mặt với việc bất bình đẳng giàu - nghèo, vấn đề môi trường, diễn biến hòa bình, an ninh mạng... Những vấn đề nổi trội của bối cảnh xã hội hiện nay biểu hiện qua các lĩnh vực, hoạt động sau:

* *Quá trình phát triển CNH-HĐH*: hiện nay CNH-HĐH đang là xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế và xã hội trên toàn cầu trong những thập niên gần đây. Quá trình này nhằm nâng cao năng lực sản xuất, cải thiện chất lượng cuộc sống và thúc đẩy phát triển bền vững. Đó là quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, tập trung vào việc phát triển các ngành công nghiệp như chế tạo, sản xuất và xây dựng. Sự phát

triển của công nghiệp đã tạo ra nhiều việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sống của người dân. Đồng thời, CNH cũng giúp tăng cường khả năng cạnh tranh của quốc gia trên thị trường quốc tế. Một trong những tiến bộ đáng chú ý nhất trong thời đại CNH-HĐH là sự phát triển của ngành sản xuất robot công nghiệp. Những con robot hiện đại với khả năng tự động hóa cao đã trở thành một phần không thể thiếu trong các nhà máy và xưởng sản xuất. Chúng có thể thực hiện các tác vụ phức tạp với độ chính xác cao, từ lắp ráp linh kiện điện tử tinh vi cho đến các công việc làm trong môi trường khắc nghiệt, nguy hiểm. Sự xuất hiện của robot đã giúp giảm thiểu sự phụ thuộc vào lao động tay chân và tăng cường an toàn lao động, cùng với đó là sự ra đời của công nghệ in 3D đã mở ra một hướng đi mới cho ngành công nghiệp sản xuất. In 3D không chỉ giúp tiết kiệm nguyên liệu mà còn cho phép tạo ra các sản phẩm phức tạp với tốc độ nhanh chóng. Từ việc sản xuất linh kiện máy bay đến chế tạo các bộ phận y tế, in 3D đang dần thay đổi quy trình sản xuất truyền thống. Ngoài ra, trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ thống Internet phát triển cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu suất sản xuất. Các hệ thống AI có khả năng giám sát và điều chỉnh quá trình sản xuất theo thời gian thực, dự báo các sự cố tiềm ẩn và tối ưu hóa quy trình làm việc. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn giảm thiểu lãng phí và tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Sự bùng nổ của các máy móc hiện đại trong ngành công nghiệp không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn góp phần bảo vệ môi trường. Các công nghệ mới giúp giảm thiểu lượng khí thải và tiêu thụ năng lượng, đồng thời thúc đẩy việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo. Chính phủ và các doanh nghiệp đang tích cực đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ mới, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, năng lượng tái tạo và sản xuất thông minh. Quá trình này còn thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, yêu cầu một lực lượng lao động có trình độ cao

và tạo cơ hội cho các ngành nghề mới phát triển. Bên cạnh đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy công nghiệp hóa, đặc biệt trong các lĩnh vực như chế biến chế tạo, điện tử và dược phẩm. Tuy nhiên, quá trình CNH-HĐH cũng gặp phải không ít thách thức, như việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, giải quyết các vấn đề môi trường và đối phó với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các quốc gia khác.

**Kinh tế thị trường, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế và chuyển đổi số:*

Sự gia tăng mạnh mẽ của thương mại quốc tế cùng với dòng chảy thông tin không ngừng đã mở ra nhiều cơ hội mới cho việc bảo tồn và phát triển văn hóa. Các giá trị văn hóa Việt Nam được quảng bá rộng rãi trên trường quốc tế, đồng thời các ảnh hưởng văn hóa nước ngoài cũng được tiếp nhận và hòa nhập, tạo nên sự giao thoa đa chiều trong đời sống văn hóa. Song song với quá trình chuyển đổi số và sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và truyền thông đã làm thay đổi căn bản cách con người sống, làm việc và giao tiếp. Internet, mạng xã hội và các ứng dụng di động trở thành công cụ thiết yếu, không chỉ kết nối mọi người trên toàn cầu mà còn thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nhiều lĩnh vực. Các nền tảng trực tuyến không chỉ giúp chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, mà còn góp phần làm phong phú đời sống xã hội và văn hóa mỗi quốc gia. Công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và mạng 5G đang thay đổi sâu sắc cách thức làm việc, giao tiếp và sinh hoạt của con người. Việc ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, tài chính, sản xuất đã tạo ra những đột phá lớn, đồng thời đặt ra các thách thức về bảo mật thông tin, quyền riêng tư và tác động xã hội của tự động hóa. Trên phương diện văn hóa, công nghệ số đã trở thành công cụ quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống. Các nền tảng mạng xã hội, video trực tuyến và công nghệ số giúp quảng bá và duy trì bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh chuyển sang kinh tế thị trường, đẩy mạnh hiện đại hóa, đồng thời hỗ trợ làng nghề thích ứng

với xu hướng phát triển hiện đại, mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm.

* *Bùng nổ của thương mại điện tử*: sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử trong những năm gần đây đã mang lại nhiều thay đổi lớn cho thị trường toàn cầu. Thương mại điện tử cho phép các doanh nghiệp mở rộng thị trường và tiếp cận khách hàng trên toàn cầu mà không cần phải có nhiều cửa hàng vật lý, từ đó giảm chi phí và mở rộng quy mô kinh doanh nhanh chóng. Người tiêu dùng cũng được hưởng lợi từ sự tiện lợi và linh hoạt của mua sắm trực tuyến, cho phép họ mua hàng mọi lúc mọi nơi. Các phương thức thanh toán trực tuyến an toàn và tiện lợi đã hỗ trợ rất nhiều cho việc này. Bên cạnh đó, các dịch vụ Logistics và giao hàng nhanh chóng, hiệu quả đã cải thiện trải nghiệm mua sắm của người tiêu dùng. Công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, học máy và dữ liệu lớn giúp các doanh nghiệp thương mại điện tử hiểu rõ hơn về nhu cầu khách hàng và cung cấp dịch vụ cá nhân hóa. Mạng xã hội cũng đã trở thành công cụ quảng bá và bán hàng quan trọng. Sự phát triển của thương mại điện tử không chỉ thay đổi cách chúng ta mua sắm mà còn mở ra nhiều cơ hội kinh doanh mới và sáng tạo.

* *Sự thay đổi trong giáo dục và lao động*: Sự thay đổi trong bối cảnh xã hội cũng đang diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục và lao động. Công nghệ đã hoạt động với hệ thống truyền thông phương pháp học tập và làm việc. Việc chuyển sang hình thức học trực tuyến và làm việc từ xa đã thay đổi hoàn toàn cách thức giáo dục và quản lý nhân sự. Các kỹ năng công nghệ, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng nhanh trở thành yếu tố quan trọng trong việc phát triển sự nghiệp trong thời đại số.

* *Sự chuyển mình của các giá trị văn hóa truyền thống*: Trong bối cảnh xã hội hiện nay, giao thoa văn hóa ngày càng mạnh mẽ. Hệ thống truyền tải văn hóa có giá trị vẫn được bảo tồn nhưng đồng thời cũng có sự tiếp nhận và ảnh hưởng của các văn hóa có giá trị từ các nền văn bản khác. Nền văn hóa phương

Tây, đặc biệt là qua các phương tiện truyền thông, đã có ảnh hưởng đến thói quen tiêu dùng, thẩm mỹ và thậm chí cả lối sống của con người ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Sự chuyển hướng của các nền văn hóa giá trị không chỉ diễn ra trong công việc tiếp theo mà còn nhận được những ảnh hưởng từ bên ngoài mà còn là quá trình sáng tạo và tạo ra các hệ thống truyền thông giá trị mới phù hợp với thực tế xã hội hiện đại. Điều này đã tạo ra một nền văn hóa đa dạng, đầy màu sắc và đôi khi có sự xung đột giữa các yếu tố cũ và nền văn hóa mới.

** Đường lối đổi mới của Đảng và các chính sách của Nhà nước:* Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước đóng vai trò là các “tác nhân ngoại sinh” quan trọng, định hình quỹ đạo biến đổi văn hóa của làng nghề truyền thống. Việc hệ thống hóa các văn bản này cho phép luận án xác lập cơ sở pháp lý và thực tiễn để phân tích sự chuyển dịch của làng nghề đá Ninh Vân từ mô hình truyền thống sang hiện đại.

Về định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII đã xác lập tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045, tạo tiền đề cho quá trình cơ giới hóa và chuyển đổi số trong các làng nghề. Cùng với đó, Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế mở rộng không gian thị trường cho sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thúc đẩy sự chuyển biến tư duy sản xuất tại Ninh Vân từ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị toàn cầu [8, 9].

Đối với lĩnh vực làng nghề, Nhà nước tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững, kết hợp kinh tế với bảo tồn di sản. Nghị định số 52/2018/NĐ-CP về phát triển ngành nghề nông thôn và Quyết định số 801/QĐ-TTg phê duyệt [21,101], Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021–2030 đã tạo khung pháp lý cho việc công nhận, hỗ trợ và tái cấu trúc không gian làng nghề.

Đây là cơ sở để luận án phân tích sự biến đổi cảnh quan và tổ chức không gian tại các làng Thượng, Hệ, Phú Lăng, Xuân Vũ theo hướng bền vững.

Song song với đó, các chính sách nâng cao giá trị thương hiệu và gắn sản xuất với du lịch, tiêu biểu là Chương trình OCOP, đã góp phần chuẩn hóa chất lượng sản phẩm đá mỹ nghệ và mở rộng mô hình du lịch làng nghề. Việc phát triển các sản phẩm OCOP 4 sao, 5 sao tại Ninh Vân không chỉ nâng cao giá trị kinh tế mà còn tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm thủ công truyền thống trên thị trường quốc tế.

Trong lĩnh vực văn hóa, Kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (11/2021) và Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (Quyết định số 1906/QĐ-TTg) là những văn bản mang tính bản lề, khẳng định yêu cầu xây dựng hệ giá trị con người và hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới. Đối với Ninh Vân, đây là cơ sở để đánh giá việc bảo tồn các “di sản sống” và định hướng phát triển làng nghề đá như một thành tố của công nghiệp văn hóa.

Ở cấp chính sách ngành, Quyết định số 922/QĐ-TTg về phát triển du lịch nông thôn thúc đẩy mô hình “du lịch làng nghề”, tạo áp lực nhưng đồng thời mở ra động lực chuyển đổi không gian làng nghề từ sản xuất thuần túy sang không gian trải nghiệm văn hóa – du lịch [102]. Quyết định số 749/QĐ-TTg về Chương trình Chuyển đổi số quốc gia tiếp tục tạo nền tảng pháp lý cho sự thay đổi phương thức quản lý và kinh doanh tại Ninh Vân thông qua thương mại điện tử và số hóa mẫu mã, di tích bằng công nghệ 3D [99].

Ở bình diện vùng, Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị đã định vị Ninh Bình là cực tăng trưởng về du lịch và văn hóa của Đồng bằng sông Hồng. Trong định hướng này, làng nghề Ninh Vân được đặt trong mối liên kết với các di sản lớn, đặc biệt là Quần thể danh thắng Tràng An, nhằm hình thành chuỗi giá trị di sản liên hoàn, trong đó nghề đá mỹ nghệ giữ vai trò hỗ trợ cho kinh tế du lịch [15].

Những định hướng trên được cụ thể hóa mạnh mẽ trong bối cảnh địa phương triển khai lộ trình thành lập Thành phố Hoa Lư. Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 23/8/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình không chỉ làm thay đổi địa giới hành chính mà còn chuyển biến tâm thế của cư dân Ninh Vân từ “người dân nông thôn” sang “công dân đô thị di sản”, kéo theo những điều chỉnh sâu sắc về lối sống và quản lý không gian làng nghề [6].

Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục củng cố định hướng phát triển khi xác lập mục tiêu xây dựng Ninh Bình trở thành đô thị trực thuộc Trung ương với đặc trưng “Đô thị di sản thiên nhiên kỷ” và “Thành phố sáng tạo”. Trong quy hoạch này, làng nghề đá Ninh Vân được định vị là trung tâm bảo tồn và phát huy nghệ thuật chế tác đá trong hành lang kinh tế – văn hóa phía Nam của tỉnh [103].

Bên cạnh các chính sách phát triển, Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An đã đặt Ninh Vân, với tư cách là khu vực vùng đệm, vào khuôn khổ quản lý nghiêm ngặt về cảnh quan và môi trường [5]. Điều này dẫn đến sự thay đổi căn bản trong phương thức sản xuất, đặc biệt là việc chấm dứt khai thác đá tại chỗ và chuyển sang nhập khẩu nguyên liệu. Ở cấp triển khai, Kế hoạch số 142/KH-UBND năm 2023 và Đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm năm 2024 đã tạo tác động trực tiếp và sâu sắc nhất khi chuyển mô hình “nhà ở kết hợp xưởng sản xuất” sang “nhà ở tách biệt khu sản xuất”, qua đó tái cấu trúc không gian làng xã và quan hệ cộng đồng – trọng tâm phân tích của luận án [134].

Tại Ninh Vân, như đã trình bày ở các chương trên, nghề khai thác, chế tác đá đã nhanh chóng chuyển hướng từ sản xuất các đồ dùng gia dụng sang chế tác đá mỹ nghệ. Ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, hiện nay xuất hiện hình

thức tổ chức sản xuất mới theo các doanh nghiệp. Nhà nước tạo điều kiện thành lập các công ty trách nhiệm hữu hạn vừa và nhỏ. Từ đó, dẫn đến sự biến đổi về quy mô tổ chức sản xuất ở xã Ninh Vân đã có một số doanh nghiệp, như: Doanh nghiệp Hoàn Hảo, Doanh nghiệp Đức Chiến, Công ty TNHH Thành Công, Công ty đá mỹ nghệ Ngọc Anh, Công ty TNHH Hồng Quang, Công ty TNHH Hưng Phát,... Các doanh nghiệp này từ chỗ chỉ hoạt động kinh doanh dưới dạng “nhóm thợ” hoặc công ty vừa và nhỏ đã phát triển với quy mô tổ chức khá lớn, vì vậy, thường có đội ngũ thợ đá làm việc dao động từ 50 - 70 người. Đôi khi có những công trình lớn, họ phải huy động và tuyển dụng thêm thợ trong làng, số nhân công có lúc lên tới trên 100 thợ đá, chưa kể đến những người thợ làm nghề về xây dựng. Bên cạnh đội ngũ thợ làm nghề, cũng có đội ngũ nhân viên khối văn phòng làm việc tại các vị trí, như: phòng kế toán, tổ kỹ thuật, tổ thiết kế mỹ thuật, thiết kế đồ họa, tạo dáng công nghiệp... Hiện nay, ở Ninh Vân xuất hiện xu hướng các ngành nghề kinh tế thay đổi cấu trúc rất nhanh. Từ xưa cho đến thập niên 1980, nông nghiệp đóng vai trò quan trọng và chiếm tỷ trọng kinh tế chính của các làng nghề. Sau thời kỳ đổi mới đất nước, Ninh Vân đã thay đổi phương thức kinh tế, lấy nghề chạm khắc đá làm nghề mũi nhọn, đã làm cho nền kinh tế nơi đây hoàn toàn thay đổi diện mạo cả về “chất” và “lượng”. Từ xã có 13 làng thuần nông, đến nay cả 13 làng đều làm nghề chạm khắc đá và đó là nghề chính bởi nó đem nền kinh tế cao cho các hộ gia đình. Bộ phận làm nông nghiệp còn lại rất ít, chỉ chiếm khoảng 30% tỷ trọng kinh tế làng nghề, còn lại tập trung vào sản xuất công nghiệp nông thôn và thương nghiệp. Một trong những điều kiện cốt yếu để làng nghề và các ngành nghề thủ công tồn tại và phát triển chính là vấn đề đầu ra cho sản phẩm. Trong lịch sử cũng như hiện nay, ở các làng quê có nghề thủ công phát triển thì bên cạnh nghề nông còn có thêm thương nghiệp, trao đổi, buôn bán sản phẩm, đã thể hiện rõ quy luật cung cầu giá cả. Thực tế trước đây, sản phẩm chỉ bán trong

phạm vi hẹp, ở các vùng phụ cận. Tuy nhiên, sản phẩm càng nhiều thì thị trường tiêu thụ càng đòi hỏi rộng hơn, đa dạng hơn. Việt Nam ra nhập WTO tạo ra cơ hội để mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, giao lưu thương mại quốc tế khiến sản phẩm của ngành nghề thủ công đã được xuất khẩu sang các nước trong khu vực và quốc tế. Thực tế cho thấy, với hàng hóa ở thị trường các nước trên thế giới, nhà nước luôn tạo cơ hội cho các làng nghề đưa sản phẩm của làng ra trưng bày, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, qua đó mời gọi được các khách hàng trong nước và quốc tế.

Trong xu thế chung hiện nay, khi thị trường được mở rộng, nhiều sản phẩm của làng đá Ninh Vân (tượng Phật, văn bia, tứ linh...) đã được đưa ra thị trường nước ngoài, được làm theo đơn đặt hàng của các ngôi chùa Việt tại Mỹ, Pháp... và các tượng đài cho các nước trong khu vực Đông Nam Á, như Lào, Campuchia... Với tay nghề điêu luyện, tài hoa, các nghệ nhân Ninh Vân đã nhận được đơn đặt làm các tượng đài, như tượng đài lãnh tụ nước Lào Kaysone Phomvihane và hoàng thân Souphanouvong; cụm tượng đài “Liên minh chiến đấu Việt Nam Campuchia” đặt tại Thủ đô Phnom Penh, nhiều tượng đá linh vật cho các ngôi chùa bên Lào do nghệ nhân Phạm Viết Hoàn cùng đội thợ đá Ninh Vân thi công; đến năm 2016 nghệ nhân Vũ Huy Vĩnh cũng đã hoàn thành tượng đài lãnh tụ Lào Kaysone Phomvihane tại nước Lào.

4.1.2. Cộng đồng làng nghề chủ thể sáng tạo ra sản phẩm văn hóa

Bàn đến yếu tố chủ quan chính là bàn tới vai trò của cộng đồng cư dân làng nghề trên các khía cạnh cơ bản về kinh tế và văn hóa. Về kinh tế, có thể nhận thấy, hoạt động làm nghề và thu nhập từ ngành nghề thủ công cao hơn so với thu nhập từ nông nghiệp. Nhịp độ lao động diễn ra quanh năm, trong khi các làng thuần nông thì làm theo thời vụ, có đến $\frac{1}{2}$ thời gian nông nhàn. Kinh tế phát triển, các thiết chế văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, hoạt động văn hóa đa dạng, phong phú hơn trước đây rất nhiều. Khi kinh tế đi lên thì việc huy động nguồn kinh phí cho

các hoạt động văn hóa cũng được thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, do tính chất hoạt động nghề nghiệp nên cộng đồng cư dân làng nghề chủ động trong các hoạt động giao lưu ra bên ngoài làng để mở rộng mối quan hệ xã hội, giúp cho việc sản xuất, kinh doanh buôn bán được thuận lợi. Nhìn tổng thể thì sự biến đổi văn hóa không chỉ diễn ra với các làng có nghề mà còn diễn ra ở những làng quê thuần nông, làng quê đang trong tiến trình đô thị hóa và ở nhiều làng quê khác. Tuy nhiên, do đặc điểm phát triển riêng của các làng mà sự biến đổi văn hóa có thể diễn ra với tốc độ khác nhau, trên các khía cạnh khác nhau. Kinh tế phát triển cũng có những tác động nhất định đến biến đổi văn hóa và là một trong những yếu tố thúc đẩy quá trình biến đổi văn hóa.

Bàn tới yếu tố chủ quan tác động đến sự biến đổi văn hóa làng nghề là bàn tới vai trò, ý thức của cộng đồng chủ thể, thể hiện qua các nội dung cơ bản như:

Cộng đồng chủ thể, chủ động tiếp nhận các yếu tố khách quan để phát triển nghề và văn hóa nghề

Trước hết, cộng đồng phải tiếp thu tinh thần các văn bản của Nhà nước ban hành liên quan đến phát triển các ngành nghề thủ công ở nước ta trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhờ đường lối, chính sách phát triển đa ngành nghề của nước ta, cộng đồng cư dân làng nghề chủ động phát triển kinh tế, sáng tạo ra các sản phẩm có giá trị văn hóa, nghệ thuật cao. Tuy nhiên, vấn đề bản sắc, cội nguồn văn hóa dân tộc cần phải được đề cao và là nền tảng cho sự phát triển. Bên cạnh việc duy trì những giá trị văn hóa cốt lõi, cộng đồng chủ thể còn tiếp nhận và áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại trong nước và ngoài nước để vận dụng trong sản xuất hàng hóa, sản phẩm của làng nghề.

Cộng đồng chủ động lựa chọn và tác động vào các thành tố văn hóa trên cả hai khía cạnh vật thể và phi vật thể

Có thể tìm hiểu tinh thần chủ động và sự khác biệt giữa làng có nghề với làng không có nghề qua lĩnh vực văn hóa. Điều này được thể hiện rõ nét nhất

qua tín ngưỡng thờ Tổ nghề. Việc xây dựng đền thờ và tôn vinh tổ nghề ở làng chế tác đá Ninh Vân diễn ra khá muộn. Qua khảo sát thực tế, trước đây Ninh Vân không có tín ngưỡng thờ tổ nghề, không có đền thờ tổ nghề mà chỉ có tín ngưỡng thờ thần (thần núi Cao Sơn Đại Vương).

Với khát vọng tôn vinh vị Tổ nghề đã có công truyền nghề cho dân làng, năm 2010, làng Hệ đã tổ chức xây dựng đền thờ Tổ nghề đá cho làng mình trên nền của văn chỉ xưa. Đến năm 2012, làng tổ chức lễ khánh thành. Đó là câu chuyện Tổ nghề của Ninh Vân trong thực tại, trong quá khứ thì nơi đây đã có những ngôi đền thờ thần núi, như: Tản viên Sơn thánh, Quý Minh đại vương để làm vị thần phù trợ cho dân làng. Có thể người dân nơi đây cho rằng, xuất phát từ việc coi trọng nguồn nguyên liệu phục vụ cho nghề làm đá mà họ thờ thần núi. Mặt khác, quá trình khai thác, vận chuyển đá trước đây thô sơ, chủ yếu dựa vào sức người là chính, nên việc khai thác vô cùng vất vả và nguy hiểm, thậm chí còn mất mạng khi khai thác những khối đá to, trọng lượng lớn từ trên núi cao rơi xuống. Cho nên, khi người thợ mỗi lần đi lấy nguyên liệu đều làm lễ cầu xin thần núi phù hộ, độ trì cho mình gặp được may mắn trong quá trình khai thác.

Cộng đồng chủ thể đã chủ động tạo ra mối quan hệ đa chiều vì sự phát triển nghề

Ở các làng nghề nói chung, Ninh Vân nói riêng, mối quan hệ xã hội đã được xác lập trên cơ sở nghề nghiệp, như: giữa các gia đình thợ thủ công với nhau, giữa chủ với thợ, giữa thợ với thợ, giữa các doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với đối tác, khách hàng. Rõ ràng, mối quan hệ xã hội trong văn hóa ứng xử cộng đồng thúc đẩy cư dân làng nghề tự xây dựng cho mình một nét văn hóa ứng xử khá riêng và mang đậm chất “văn hóa Việt”. Nét văn hóa ứng xử này còn biểu hiện khá rõ giữa những người trong họ, ngoài làng xuất phát từ tính chất nghề nghiệp.

Cộng đồng chủ thể đã chủ động thay đổi bố cục không gian làng, từ chỗ làng là nơi tụ cư của cộng đồng các gia đình thợ thủ công, cho tới nay, khi nghề phát triển, với sự định hướng xây dựng không gian của làng bao gồm: Khu vực làm xưởng, khu vực ở và sinh hoạt, khu vực trưng bày sản phẩm hàng hóa, khu văn phòng giao dịch kinh doanh với đối tác và khách hàng... Nếp quen trong sinh hoạt và sản xuất xưa đã thay đổi rõ rệt, điều đó đã tạo ra một không gian cảnh quan làng với quy mô mới có lợi cho sự phát triển kinh tế, đảm bảo tốt môi trường sống cho người dân làng nghề.

Tinh thần chủ động lựa chọn trên đây là những ví dụ để minh chứng cho yếu tố chủ quan tác động đến sự biến đổi văn hóa làng nghề. Sự biến đổi văn hóa các làng nghề nói chung và ở Ninh Vân nói riêng đều do tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó, yếu tố khách quan xác lập như nền tảng, tiền đề cho sự biến đổi. Tuy nhiên, tinh thần chủ động của người dân làng nghề cũng đóng vai trò rất quan trọng cho xu hướng biến đổi và là một thực thể xã hội hiện hữu, chúng ta có thể nhận biết và hiểu rõ được. Cũng xuất phát từ đó mà nhà nước sẽ có những động thái tích cực thông qua việc lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành quy định phù hợp để điều tiết và hướng cho người dân làng nghề đi đúng hướng, không tách rời truyền thống và giữ gìn được bản sắc văn hóa của làng. Đây cũng chính là động lực, là nền tảng để phát triển nền kinh tế nông thôn và phát triển văn hóa trong xã hội hiện đại ngày nay.

** Đội ngũ nghệ nhân làng nghề - đi đầu trong việc thay đổi phương thức sản xuất và sản phẩm làng nghề*

Bất cứ làng nghề truyền thống nào cũng đều có đội ngũ nghệ nhân với số lượng và trình độ tay nghề đạt đến độ tinh xảo. Họ là người tinh thông kỹ thuật, nhiều khâu trở thành bí quyết nghề. Trong đó có một số người là “thợ cả”, có khả năng tập hợp thợ để đi làm cho các nơi. Chính họ là hạt nhân quan trọng để duy trì nghề thường xuyên và mở rộng nghề, khi điều kiện. Khi làng

nghề bước vào cơ chế thị trường, đội ngũ thợ cả là những người đi tiên phong trong việc đổi mới nghề, từ tiếp thu kỹ thuật, công nghệ sản xuất mới đến việc tổ chức sản xuất để đáp ứng được với yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Đây là tiền đề, là điều kiện để họ thành lập các công ty, doanh nghiệp và chính họ là giám đốc, đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi được họ tập hợp trở thành hạt nhân của công ty, doanh nghiệp, để mở rộng nghề.

Đặc điểm nổi bật của các giám đốc các công ty doanh nghiệp là không được đào tạo chính quy qua trường lớp, phần lớn xuất thân từ người thợ, *“đi lên từ mặt đất”*, *“từ hai bàn tay trắng”*. Song họ là người say mê với nghề, tự học hỏi còn bởi niềm đam mê, dám nghĩ, dám làm, nhiều khi mạo hiểm với *“máu liều”* để vượt qua khó khăn, thử thách và rủi ro để đến với thành công. Một giám đốc công ty tổng kết: *“trong các yếu tố tạo ra sự thành công hay gây nên thất bại của các cơ sở sản xuất, các chủ doanh nghiệp, có hai yếu tố quan trọng là lòng yêu nghề và sự mạo hiểm. Lòng yêu nghề tạo ra sự say mê, sáng tạo, chịu tìm và dám tìm cái mới, cái độc đáo hay những yếu tố bất ngờ trong sản xuất và kinh doanh; khi gặp khó khăn hoặc thất bại không nản chí, lúc gặp thuận lợi hay thành công có thái độ bình thản”* [PV, ngày 18/8/2024]. Chính lòng say mê, dám làm của họ đã đào tạo ra hàng nghìn thợ giỏi, làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân ngày nay có thể tạo ra những tổ hợp tượng đài hoành tráng, rất có hồn, mang tính thuật cao đặt tại các di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng, các quảng trường, các cơ quan quan trọng ở nhiều địa phương trong cả nước. Đây là những sản phẩm *“lạ”* của người thợ đá Ninh Vân trong truyền thống. Các giám đốc công ty, chủ doanh nghiệp cũng là lực lượng đi đầu tích cực ủng hộ tu bổ di tích, tổ chức lễ hội, ủng hộ phong trào khuyến học, các hoạt động văn hóa thể thao của địa phương. Họ cũng là tấm gương về tác phong làm việc, phẩm chất nghề nghiệp, góp phần làm thay đổi lối sống, tính cách của người làng. Lúc đầu, các quy định chặt chẽ đối với công nhân về lễ lối, giờ giấc

làm việc chỉ nhằm bảo đảm quy trình sản xuất, lưu thông sản phẩm trên thị trường, bảo đảm lợi nhuận cho các chủ doanh nghiệp; dần dần đã tạo ra tác phong công nghiệp, “loại dần” lối sống của nền sản xuất nông nghiệp trì trệ, hình thành tác phong công nghiệp thể hiện việc thực hiện đúng giờ giấc, kỷ luật tại xưởng sản xuất. Nhịp sống công nghiệp đã tạo ra những thay đổi đáng kể đến thời gian biểu hàng ngày của mỗi người thợ.

Nhằm làm rõ hơn quá trình chuyển biến và phát triển của văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, bảng tổng hợp các yếu tố thích ứng và sáng tạo trong quá trình bảo tồn và phát triển nghề truyền thống. Qua bảng tổng hợp, sẽ thấy rõ hơn cách thức các yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể của làng nghề này đã được duy trì, phát huy và kết hợp với các yếu tố hiện đại, tạo nên sự hòa nhập giữa truyền thống và đổi mới, đồng thời góp phần quan trọng trong việc xây dựng thương hiệu, phát triển kinh tế bền vững và bảo tồn bản sắc văn hóa.

**Bảng 7: Bảng tổng hợp quá trình thích ứng và sáng tạo
văn hóa làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Ninh Vân**

Yếu tố	Biến đổi	Thích ứng	Sáng tạo
Công cụ và quy trình kỹ thuật	Chuyển từ thủ công sang máy móc công nghệ cao, làm thay đổi quy trình chế tác.	Sử dụng công nghệ hiện đại nhưng vẫn duy trì một số kỹ thuật thủ công truyền thống.	Kết hợp công nghệ hiện đại với kỹ thuật thủ công để tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, đồng thời giữ gìn nét thủ công độc đáo.
Sản phẩm	Sự đổi mới sản phẩm từ các sản phẩm truyền thống như đồ	Điều chỉnh sản phẩm để phù hợp với nhu cầu thị trường mới	Thiết kế sản phẩm độc đáo, như tượng đài, tượng nghệ thuật,

Yếu tố	Biến đổi	Thích ứng	Sáng tạo
	thờ, bàn thờ sang các công trình nghệ thuật.	mà không làm mất đi bản sắc văn hóa.	đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ cao của thị trường và du lịch.
Tín ngưỡng	Thay đổi trong tín ngưỡng thờ tổ nghề và sự xuất hiện của thờ Thần Núi, điều này làm mờ nhạt tín ngưỡng thờ tổ nghề.	Bổ sung tín ngưỡng thờ tổ nghề như sự tôn thờ Hoàng Sùng nhưng vẫn duy trì tín ngưỡng thờ Thần Núi.	Đổi mới hình thức thờ cúng và áp dụng các nghi lễ gắn với sự phát triển nghề mà không làm mất đi giá trị truyền thống.
Cộng đồng và xã hội	Cấu trúc xã hội thay đổi: Sự phân hóa giữa các doanh nghiệp lớn và thợ thủ công truyền thống.	Điều chỉnh mối quan hệ cộng đồng giữa doanh nghiệp lớn và thợ thủ công truyền thống, tạo ra sự hòa hợp.	Khơi dậy tinh thần cộng đồng qua các hoạt động như du lịch cộng đồng và các hoạt động giáo dục văn hóa.
Kinh tế và phát triển nghề	Tăng trưởng kinh tế thông qua sự thay đổi công nghệ và mở rộng thị trường.	Thích ứng với nhu cầu thị trường mới, nâng cao khả năng sản xuất và phát triển ngành nghề.	Khám phá các thị trường mới và đổi mới phương thức kinh doanh trong ngành nghề đá mỹ nghệ.
Tổ chức và quản lý nghề	Chuyển từ quản lý thủ công (ghi chép sổ) sang quản lý qua doanh nghiệp với các	Chuyển đổi mô hình quản lý để phù hợp với xu hướng kinh tế thị trường, song vẫn	Sáng tạo trong việc xây dựng mô hình quản lý kết hợp giữa doanh nghiệp và cộng

Yếu tố	Biến đổi	Thích ứng	Sáng tạo
	quy trình quản lý hiện đại (phần mềm)	giữ lại các yếu tố cộng đồng.	đồng để duy trì tính bền vững.

[Nguồn: NCS tập hợp và thống kê, năm 2025]

4.1.3. Quá trình hội nhập và giao lưu văn hóa

Giao lưu, tiếp biến văn hóa trong lịch sử cũng như hiện nay luôn diễn ra. Tuy vậy, trong thời kỳ mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay thì giao lưu văn hóa giữa các quốc gia trong khu vực và trên phạm vi toàn cầu càng thể hiện rõ nét và mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Trong lĩnh vực làng nghề, giao lưu văn hóa trong phạm vi quốc gia sẽ có những tác động không nhỏ đến biến đổi văn hóa làng. Việc tiếp xúc với các làng nghề cùng sản xuất một loại hình sản phẩm dẫn đến sự giao lưu học hỏi và phổ biến kinh nghiệm cho nhau, việc tiếp xúc với khách hàng trong phạm vi rộng hơn ở trong nước, quốc tế cũng mang lại những kinh nghiệm rất bổ ích cho các làng nghề trong tiến trình phát triển, xây dựng cấu trúc hợp lý hơn, hiệu quả hơn.

Các hộ gia đình, hộ kinh doanh nắm bắt được nhu cầu của người tiêu dùng trong thời đại mới để chuyển hướng tới sản xuất các mặt hàng phù hợp thị hiếu, thẩm mỹ của người tiêu dùng. Thực tế cho thấy, nhiều làng làm nghề đá mỹ nghệ ở Ninh Vân sản xuất nhiều chủng loại hàng, được làm theo đơn đặt hàng của khách hàng nước ngoài, như Pháp, Mỹ,... cho những ngôi chùa của cộng đồng người Việt. Sản phẩm xuất sang các nước khối châu Âu, châu Mỹ thường là tượng Phật, văn bia, con vật trong hệ tứ linh,... có kích thước vừa và nhỏ để dễ vận chuyển. Trong bối cảnh cụ thể đó, so với sản phẩm truyền thống, sản phẩm ngày nay đã biến đổi nhiều. Phương thức kinh doanh/mua bán giữa khách hàng và người sản xuất cũng có những thay đổi rõ rệt về nguyên tắc hợp đồng, về thanh toán tiền tệ, về vận chuyển hàng hóa. Hiện nay, hầu hết doanh nghiệp đều sử dụng các hình thức kinh doanh linh

hoạt, cởi mở, như: Hợp đồng kinh tế đơn giản ít phụ lục hơn; tiền tệ thì thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng; các sản phẩm chủ yếu được chế tác tại xưởng rồi mới vận chuyển đến công trình lắp ghép giảm thiểu được chi phí,... Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đá Ninh Vân thường xuyên phải liên hệ, hợp tác với các doanh nghiệp cung cấp đá trong nước, như: Công ty TNHH Dân Nam, Công ty TNHH khai thác đá Hưng Thịnh, Công ty TNHH Xuân Trường,.. tại tỉnh Thanh Hoá; Công ty TNHH Thanh Hải, Công ty TNHH khai thác khoáng sản Thành Trung, Công ty TNHH Long Anh tỉnh Nghệ An; Công ty cổ phần đá Lục Yên, Công ty cổ phần Mông Sơn tỉnh Yên Bái, Công ty TNHH Phú Tài tỉnh Bình Định, ...

Nhìn chung, ở lĩnh vực phát triển giao lưu văn hóa hiện nay, văn hóa làng nghề cũng có những biến đổi ở mức độ cụ thể nào đó. Điều này là một quy luật tất yếu khách quan, là hệ quả của quá trình giao lưu.

4.1.4. Yếu tố khoa học kỹ thuật, công nghệ

Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất ở các làng nghề thủ công bắt đầu từ năm 1990. Đảng và Nhà nước ta đã ban hành chính sách về khoa học công nghệ, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn.

Nhìn chung, các văn bản của Nhà nước đã ban hành đều hướng tới bảo vệ, quy hoạch môi trường làng nghề. Trong một điều kiện nào đó, cần áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại mới giải quyết tốt vấn đề hiện đại hóa nông thôn và xây dựng nông thôn mới, cụ thể như xử lý rác thải, khí độc, nước thải làm ô nhiễm môi trường. Hiện nay, nhiều khâu trong quy trình sản xuất đã được thay thế bằng hệ thống dây chuyền hiện đại. Điều này đồng nghĩa với việc sản xuất ra sản phẩm nhanh hơn và giá thành rẻ hơn.

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn tồn tại các mặt hàng được chế tạo theo kỹ thuật thủ công truyền thống, đơn chiếc, điều này quyết định đến giá cả của

sản phẩm. Thực tiễn cho thấy, nhiều công đoạn trong quy trình sản xuất đã được ứng dụng kỹ thuật hiện đại, như: khâu sơ chế đá, xẻ đá, đánh bóng, máy chạm khắc các đề tài trên đá được nhập khẩu từ Trung Quốc. Đối với làng đá Ninh Vân, hiện nay, nhiều công đoạn đã được sử dụng các máy móc, như: khai thác đá, cầu đá, cắt đá kích thước lớn,... Đặc biệt, nhiều doanh nghiệp, công ty đá mỹ nghệ đã áp dụng công nghệ 4.0 vào trong quá trình sản xuất, như: thiết kế đồ họa, xử lý kỹ thuật phóng to, thu nhỏ, hình học, bảng tính tỷ trọng,... để tạo nên các sản phẩm có tính thẩm mỹ cao, chất lượng tốt. Điều này không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cao mà còn phát huy được hết khả năng tư duy, sáng tạo của những người thợ đá. Ngoài trụ sở giao dịch chính tại Ninh Vân, nhiều doanh nghiệp, công ty còn đặt cơ sở giao dịch ở các tỉnh để thuận lợi cho việc giới thiệu, tư vấn, thiết kế sản phẩm cho khách hàng trong và ngoài nước...

Như vậy, sản phẩm làm ra sẽ có chất lượng cao hơn và ít có khiếm khuyết. Hiện nay, nhiều làng nghề đã áp dụng hình thức sản xuất mới, như xưởng sản xuất, cụm công nghiệp, xí nghiệp... Trước những thành quả đạt được, có thể khẳng định, việc áp dụng khoa học công nghệ và kỹ thuật hiện đại, hướng tới hiện đại hóa công nghệ truyền thống đã và đang được thực hiện tốt tại các làng nghề. Đây là xu hướng tích cực, phù hợp với quá trình CNH, HĐH trong kinh tế ở tỉnh Ninh Bình nói riêng và cả nước nói chung.

Thông tin, quảng bá, tiếp thị sản phẩm cũng là nhân tố tác động đến văn hóa làng nghề

Hiện nay, với làng nghề, một số lĩnh vực có thể vận dụng thành tựu của công nghệ thông tin rất hiệu quả. Những thông tin, đặc biệt là thông tin về sản phẩm của làng nghề sẽ tiếp thị đến khách hàng, để khách hàng biết để tìm mua sản phẩm. Đổi lại, những thông tin mà khách hàng yêu cầu, phản hồi gắn với nhu cầu, nguyện vọng của họ rất cần cho làng nghề. Thông tin

có thể được chuyển tải qua nhiều kênh khác nhau, như internet, phương tiện truyền thanh, truyền hình, giúp làng nghề quảng bá hình ảnh và sản phẩm đến các vùng miền trong cả nước và các quốc gia trên thế giới. Theo đó, vấn đề tiếp thị với sự hỗ trợ của khoa học công nghệ, thương mại, là yếu tố sống còn của làng nghề trong giai đoạn hiện nay. Hiện nay, việc quảng bá hình ảnh công ty không chỉ đơn thuần theo cách truyền thống (tạo mối quan hệ, giới thiệu truyền khẩu...), mà hầu hết các doanh nghiệp, công ty làm đá Ninh Vân đều áp dụng khoa học công nghệ 4.0 để thiết kế và xây dựng riêng cho mình Website, Email, Catalog, physical location; bỏ tiền ra chạy các chương trình quảng cáo trên các phương tiện truyền thông (báo chí, tivi, radio, youtube, facebook,...). Việc áp dụng các ứng dụng khoa học thông qua Internet vào trong kinh doanh đã tạo nên hiệu quả cao cho việc giới thiệu, quảng bá hình ảnh, sản phẩm và tạo doanh thu lớn cho nhiều doanh nghiệp. Các doanh nghiệp đã áp dụng thành tựu khoa học hiện đại vào trong công tác quản trị, marketing sản phẩm của mình đến khách hàng trong và ngoài nước. Khác với các cách tiếp cận marketing trước đây, ngoài việc quảng cáo, giới thiệu thì các dịch vụ chăm sóc khách hàng cũng được nhiều doanh nghiệp quan tâm và chú trọng. Bởi, khi các chương trình ưu đãi, quà tặng khi các doanh nghiệp chia sẻ cho khách hàng thân quen qua hệ thống các trang mạng xã hội (facebook, zalo, ..), thì đồng nghĩa những thông tin đó cũng được chia sẻ tới nhiều người khác theo kiểu sơ đồ phát triển hình tháp. Nhờ đó, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận được nhiều khách hàng mới thông qua khách hàng cũ chỉ bằng 1 clip chuột. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng liên kết tạo ra các “chợ” giao dịch online chung với các tên gọi như: fanpage hiệp hội làng đá mỹ nghệ Ninh Vân (có gần 6.000 người tham gia); fanpage đá mỹ nghệ Ninh Vân (có gần 2.000 người tham gia), fanpage làng nghề mỹ nghệ đá Ninh Vân (có khoảng 1.800 người theo dõi), fanpage hiệp hội làng đá mỹ nghệ Ninh

Vân Ninh Bình (có khoảng 1.200 người theo dõi),...Tại đây, các doanh nghiệp được công khai đăng bài viết, đăng hình ảnh các sản phẩm của mình giúp khách hàng tham khảo, đánh giá, so sánh và lựa chọn sản phẩm ưng ý về mẫu mã, chất liệu và giá cả. Đây là hình thức kinh doanh cạnh tranh công khai, công bằng và rất văn minh. Điều này buộc các doanh nghiệp phải luôn phải sáng tạo trong việc marketing, quan tâm đến chất lượng sản phẩm, giá thành hợp lý để thu hút được khách hàng.

4.2. Dự báo xu hướng biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong bối cảnh xã hội hiện nay

4.2.1. Văn hóa vật thể

Di tích lịch sử văn hóa: Loại hình văn hóa này tồn tại trong không gian đặc thù, ở ngoài trời thường xuyên chịu sự tác động của thời tiết, khí hậu vì vậy theo thời gian cũng sẽ bị xuống cấp và chắc chắn nhà nước và cộng đồng sẽ có các dự án tu bổ, tôn tạo. Hiện nay ở làng Hết người dân đã xây dựng đền thờ tổ nghề. Theo nghệ nhân Lương Văn Chuyên (làng Thượng) cho biết: “Với xu thế phát triển kinh tế như hiện nay, với tâm thức tôn vinh nghề nghiệp của người thợ thì trong thời gian tới, có nhiều khả năng các làng nghề trong xã Ninh Vân sẽ xây dựng đền thờ tổ nghề của riêng làng mình, hiện nay chủ yếu người dân đến thực hành nghi lễ ở đền thờ làng Hết”.

**Bảng 8: Bảng so sánh sự biến đổi di tích hiện nay
tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống**

Stt	Sản phẩm được sản xuất nhiều trong làng nghề	Tổng số phiếu hỏi	Trong truyền thống		Hiện nay	
			Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đình	623	622	100%	622	100%
2	Chùa	623	621	100%	621	100%
3	Đền	623	621	100%	621	100%

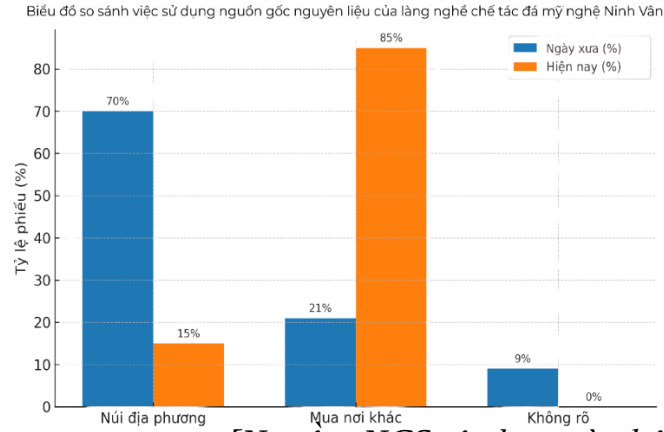
Stt	Sản phẩm được sản xuất nhiều trong làng nghề	Tổng số phiếu hỏi	Trong truyền thống		Hiện nay	
			Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
4	Văn chỉ	623	489	78%	336	54%
5	Đền thờ tổ nghề	623	67	11%	321	52%
6	Không rõ	623	0	0%	0	0%

[Nguồn: NCS tập hợp và thống kê, năm 2025]

Kết quả khảo sát cho thấy cộng đồng cư dân Ninh Vân hiện vẫn nhận thức rõ về sự tồn tại của các di tích truyền thống, trong đó đình, chùa và đền được ghi nhận với tỷ lệ tuyệt đối (100%) và 52% cho biết có di tích đền thờ tổ nghề hiện diện tại làng nghề. So với kết quả phân tích về các di tích trong truyền thống ở Bảng số 2 thì chỉ 11% người dân biết đến sự tồn tại của đền thờ Tổ nghề, nhưng ở thời điểm khảo sát hiện nay, đã có 52% người dân xác nhận sự tồn tại của đền thờ Tổ nghề, phản ánh một sự phục hồi đáng kể của thiết chế văn hóa này.

Về nguồn nguyên liệu: Thực tế ở xã Ninh Vân hiện nay không có đá nguyên liệu để cung cấp cho làm nghề, các gia đình thợ thủ công đã phải mua nguồn đá từ các khác (tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An, tỉnh Bình Định,...). Vì vậy cần phải có chiến lược về phát triển và dự trữ nguồn nguyên liệu để phát triển bền vững cho nghề đá ở xã Ninh Vân. Người dân cho rằng làng nghề sẽ phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Tuy nhiên vấn đề đá nguyên liệu khan hiếm trong tương lai. Một làng nghề muốn hoạt động nghề cần có nguyên liệu, khi không có đủ nguồn nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển nghề. Kèm theo đó là giá nhân công cao, thị trường khách hàng càng có nhu cầu cao hơn, phức tạp hơn, khó tính hơn. Điều đó sẽ quyết định đến việc làng nghề đá Ninh Vân có phát triển bền vững trong tương lai hay không. Những nét riêng của văn hóa làng nghề sẽ vận động và biến đổi như thế nào

**Biểu đồ 4: So sánh sự biến đổi nguồn nguyên liệu
tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống**



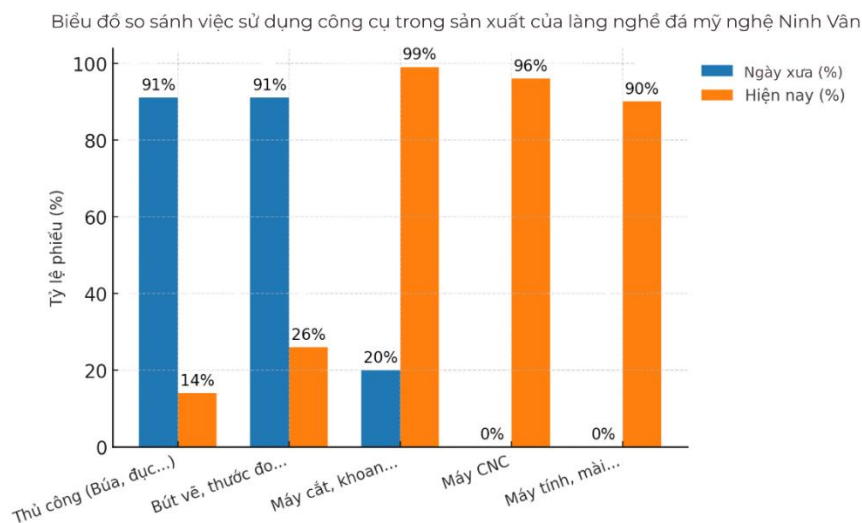
[Nguồn: NCS tập hợp và phân tích, năm 2025]

Biểu đồ so sánh cho thấy xu hướng biến đổi rõ nét trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu tại làng nghề Ninh Vân, từ khai thác tại chỗ sang phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài. Nếu như trước đây 70% nguyên liệu đá được khai thác trực tiếp từ núi địa phương thì hiện nay chỉ còn 15%, trong khi tỷ lệ sử dụng đá mua từ nơi khác đã tăng mạnh từ 21% lên 85%. Sự dịch chuyển này phản ánh quá trình suy giảm tài nguyên tại chỗ, sự siết chặt chính sách khai thác khoáng sản hoặc yêu cầu cao hơn về chất lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất. Xu hướng, này cũng đồng thời cho thấy sự thích ứng của làng nghề với điều kiện thị trường và chuỗi cung ứng hiện đại. Tuy nhiên, việc phụ thuộc vào nguồn đá bên ngoài cũng đặt ra nhiều thách thức, như biến động giá, chi phí vận chuyển và nguy cơ mất đi tính bản địa – một yếu tố góp phần tạo nên giá trị đặc trưng cho sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân. Do đó, cần có chiến lược quản lý nguồn nguyên liệu hợp lý, vừa đảm bảo tính bền vững trong sản xuất, vừa giữ gìn bản sắc địa phương trong quá trình phát triển nghề truyền thống.

Công cụ và quy trình kỹ thuật: Trong những năm qua với sự thay đổi về nhu cầu sản phẩm của khách hàng trong và ngoài nước thì bộ công cụ phục vụ cho quá trình chế tác đá không còn đáp ứng được yêu cầu về chất lượng và năng

suất. Các thiết bị mới, như máy cắt, máy mài và máy khắc tự động, không chỉ giúp tăng hiệu quả sản xuất mà còn tạo ra các sản phẩm có độ chính xác cao hơn, đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về thiết kế và thẩm mỹ của thị trường hiện đại. Sự chuyển đổi từ kỹ thuật thủ công sang kỹ thuật máy móc mang lại những biến đổi rõ rệt trong quy trình sản xuất. Trong khi kỹ thuật thủ công tập trung vào sự tỉ mỉ và sự sáng tạo cá nhân của thợ chế tác thì kỹ thuật máy móc ưu tiên năng suất và khả năng sản xuất hàng loạt. Sự kết hợp giữa công nghệ hiện đại và kỹ năng thủ công truyền thống đã tạo ra những sản phẩm không chỉ đảm bảo chất lượng cao, mà còn tiết kiệm chi phí sản xuất và thời gian chế tác, từ đó giúp mở rộng thị trường và tăng trưởng doanh thu cho làng nghề.

**Biểu đồ 5: So sánh sự biến đổi công cụ chế tác
tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống**



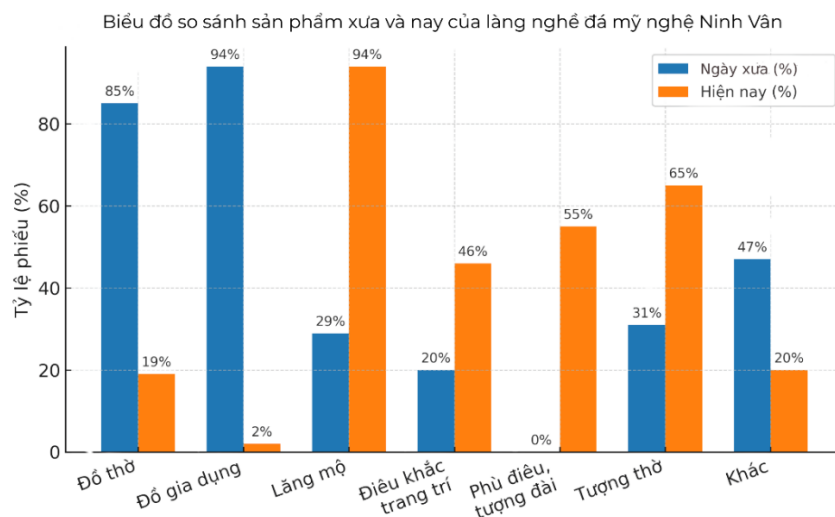
[Nguồn: NCS tập hợp và phân tích, năm 2025]

Nhìn vào biểu đồ cho thấy xu hướng biến đổi rõ nét trong việc sử dụng nguồn nguyên liệu tại làng nghề Ninh Vân, từ khai thác tại chỗ sang phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài. Nếu như trước đây 70% nguyên liệu đá được khai thác trực tiếp từ núi địa phương thì hiện nay chỉ còn 15%, trong khi tỷ lệ sử dụng đá mua từ nơi khác đã tăng mạnh từ 21% lên 85%. Sự dịch chuyển này

phản ánh quá trình suy giảm tài nguyên tại chỗ, sự siết chặt chính sách khai thác khoáng sản hoặc yêu cầu cao hơn về chất lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất. Xu hướng này cũng đồng thời cho thấy sự thích ứng của làng nghề với điều kiện thị trường và chuỗi cung ứng hiện đại. Tuy nhiên, việc phụ thuộc vào nguồn đá bên ngoài cũng đặt ra nhiều thách thức, như biến động giá, chi phí vận chuyển và nguy cơ mất đi tính bản địa – một yếu tố góp phần tạo nên giá trị đặc trưng cho sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân. Do đó, cần có chiến lược quản lý nguồn nguyên liệu hợp lý, vừa đảm bảo tính bền vững trong sản xuất, vừa giữ gìn bản sắc địa phương trong quá trình phát triển nghề truyền thống.

Sản phẩm nghệ: Đây là một thành tố rất quan trọng quyết định đến sự tồn tại của nghề. Sự biến đổi các loại hình sản phẩm từ các đồ gia dụng (cối xay, cối giã, con lăn, trục lăn lúa). Từ chế tác các đồ thờ, các chi tiết kiến trúc sẽ dẫn đến xu hướng sản xuất các tác phẩm nghệ thuật điêu khắc đá (tượng tròn, tượng đài ngoài trời...), kiến trúc lăng mộ, các mảng chạm khắc trang trí trên kiến trúc sẽ là xu hướng phát triển của sản phẩm đá ở Ninh Vân.

Biểu đồ 6: So sánh sự biến đổi về sản phẩm tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống



[Nguồn: NCS tập hợp và phân tích, năm 2025]

Kết quả biểu đồ cho thấy làng nghề Ninh Vân đang có xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ từ sản xuất thủ công sang cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ hiện đại. Nếu trước đây công cụ thủ công truyền thống như búa, đục, thước đo,... được sử dụng phổ biến (91%) thì hiện nay tỷ lệ này chỉ còn 14–26%. Trong khi đó, các loại máy móc hiện đại như máy cắt, máy khắc CNC, máy tính thiết kế đã chiếm tỷ lệ sử dụng rất cao (90–99%). Sự biến đổi này phản ánh quá trình hiện đại hóa nhằm tăng năng suất và đáp ứng yêu cầu thị trường, đồng thời cũng đặt ra thách thức trong việc bảo tồn kỹ thuật thủ công – yếu tố cấu thành bản sắc văn hóa của nghề truyền thống. Những số liệu này cho thấy quá trình chuyển đổi mạnh mẽ từ lao động thủ công sang sản xuất công nghiệp và bán công nghiệp, phản ánh xu hướng hiện đại hóa làng nghề nhằm nâng cao năng suất, độ chính xác và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Qua các cuộc phỏng vấn sâu với các thành viên trong cộng đồng làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, nhiều tiếng nói chân thực đã phản ánh rõ nét quá trình biến đổi văn hóa nghề nghiệp và xã hội trong những năm gần đây. Ông Đỗ Đức Tạo, nghệ nhân tại làng Hệ chia sẻ: “Trước đây, công việc chủ yếu là làm các sản phẩm đơn giản phục vụ đời sống hàng ngày, nhưng từ khi thị trường thay đổi, chúng tôi phải học hỏi thêm nhiều kỹ thuật mới để làm các tượng, phù điêu có giá trị nghệ thuật cao hơn.” [PV, ngày 01/8/2025]. Cùng quan điểm, bà Nguyễn Thị Nhẹ, làng Xuân Vũ, cho biết: “Việc chuyển đổi sang sản xuất các công trình tâm linh, lăng mộ lớn đã giúp nhiều gia đình và các doanh nghiệp trong làng nâng cao thu nhập và giữ được nghề truyền thống.” [PV, ngày 01/8/2025].

Tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: Qua nghiên cứu và quan sát thực tế, có thể nhận thấy rằng tổ chức sản xuất tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đang có sự chuyển biến mạnh mẽ. Mô hình sản xuất truyền thống theo kiểu hộ gia đình đang dần nhường chỗ cho các mô hình tổ chức doanh nghiệp, với quy

mô lớn hơn và cơ cấu tổ chức chuyên nghiệp hơn. Các doanh nghiệp hiện nay không chỉ đơn thuần sản xuất, mà còn phải có các bộ phận chức năng rõ ràng như thiết kế, kế toán, truyền thông quảng bá, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường ngày càng đa dạng và khắt khe. Sự chuyển mình này phản ánh sự phát triển của làng nghề trong bối cảnh hội nhập và phát triển kinh tế hiện nay. Các tổ chức sản xuất ngày càng đẩy mạnh sự chuyên môn hóa, tìm kiếm sự tối ưu trong quy trình làm việc, qua đó nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Việc chuyển từ mô hình sản xuất nhỏ lẻ sang mô hình doanh nghiệp quy mô lớn không chỉ giúp nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn mở ra cơ hội hợp tác, phát triển thị trường, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Dự báo trong tương lai, xu hướng này sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo ra sự thay đổi căn bản trong tổ chức và quản lý sản xuất, đồng thời góp phần nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm đá mỹ nghệ Ninh Vân trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bảng 9: Thống kê thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân xưa và nay

Xưa	Nay
- Thị trường tiêu thụ hẹp. - Khách hàng chủ yếu trong vùng. - Điều kiện kinh tế của khách hàng rất hạn chế nên họ chưa có điều kiện tập trung cho văn hóa để thực hiện các tác phẩm nghệ thuật phản ánh sự kiện lịch sử tôn vinh danh nhân.	- Thị trường rộng mở. - Khách hàng nhiều (Trong nước và ngoài nước). - Kinh tế phát triển, khách hàng tôn vinh danh nhân (Làm các loại tượng đài, biểu tượng lịch sử như tượng đài chiến thắng, tượng đài nhân vật...) và xây dựng các công trình kiến trúc quy mô lớn, tượng thờ Phật giáo (Tượng La Hán ở chùa Bái Đính; tượng Phật ở các di tích...).

[Nguồn: NCS tập hợp và thống kê, năm 2025]

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân đã có sự chuyển biến rõ nét từ truyền thống đến hiện đại. Trước đây, thị trường tiêu thụ còn hẹp, khách hàng chủ yếu nằm trong phạm vi địa phương và có điều kiện kinh tế hạn chế, do đó sản phẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt cơ bản, ít hướng tới các giá trị văn hóa – tinh thần như tượng đài hay công trình tưởng niệm. Tuy nhiên, hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội, thị trường đã mở rộng ra cả trong nước và quốc tế. Khách hàng ngày càng đa dạng và có tiềm lực tài chính mạnh hơn, dẫn đến nhu cầu tăng cao về các sản phẩm mang tính văn hóa – tâm linh, như tượng đài lịch sử, công trình kiến trúc quy mô lớn và tượng Phật giáo. Sự thay đổi này không chỉ mở rộng cơ hội phát triển cho làng nghề, mà còn góp phần nâng cao giá trị nghệ thuật và bản sắc văn hóa trong từng sản phẩm.

4.2.2. Văn hóa phi vật thể

Tín ngưỡng: Xu thế trong những năm tới việc tôn vinh nghề nghiệp và phát triển tín ngưỡng thờ tổ nghề, xây dựng các đền thờ tổ nghề và thực hành nghi lễ nghi thức có liên quan đến nghề nghiệp là hiện tượng văn hóa mới đã và sẽ trở thành phổ biến trong các làng nghề ở xã Ninh Vân.

Lễ hội: Chắc chắn rằng loại hình di sản văn hóa phi vật thể này sẽ luôn tồn tại đặc biệt là lễ hội Tam Thôn, một lễ hội gắn với việc tôn thờ thần núi – nơi trước đây cung cấp nguồn nguyên liệu chủ yếu cho việc chế tác các sản phẩm của làng nghề. Sự biến đổi và xu hướng biến đổi sẽ gắn liền với đời sống văn hóa của người dân làng nghề, yếu tố biến đổi chủ yếu biểu hiện trên mặt hình thức. Trong tương lai các thành phần tham dự lễ hội sẽ đa dạng hơn, không chỉ là những người dân trong làng mà còn có thêm những người dân vùng phụ cận, khách tham quan, các khách hàng, bạn hàng của người dân và các doanh nghiệp.

Mối quan hệ xã hội: Khảo sát thành tố văn hóa phi vật thể này, trong chương 3 của luận án, NCS nhận thấy đây là một thành tố văn hóa có sự biến

đổi rất nhanh so với truyền thống. Các mối quan hệ xã hội ngày càng được mở rộng không chỉ trong phạm vi quốc gia mà có thể mở rộng đến các nước lân cận. Có thể nhận thấy trong những năm tới, mối quan hệ xã hội sẽ rất đa dạng và phức tạp từ việc phát triển nghề nghiệp, sản phẩm, thị trường khách hàng, quan hệ giao dịch thương mại, mối quan hệ giữa các nghệ nhân, thợ thủ công với các nhà khoa học trên các lĩnh vực: mỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, tài chính, kinh tế, thị trường trong và ngoài nước, mở rộng mối quan hệ trong nhập khẩu nguồn nguyên liệu, các nhà khoa học giúp xử lý và giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường... Có thể đó là hàng loạt những vấn đề về xã hội của một làng nghề đang phát triển và những vấn đề cần quan tâm trong xu hướng biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Tri thức nghề và truyền thống: Từ sự biến đổi của khách hàng về nhu cầu sản phẩm dẫn tới người làm nghề phải bổ sung tri thức nghề. Để đảm bảo các tác phẩm nghệ thuật, các công trình lăng mộ quy mô và có tính truyền thống người thợ làm nghề, các nghệ nhân không chỉ có kinh nghiệm chọn nguyên liệu mà phải cần bổ sung tri thức nghề nghiệp. Trường hợp tác tượng cần rất nhiều kỹ năng và hiểu biết về giải phẫu học để đảm bảo sự cân đối khoa học của kết nối hình khối tạo nên vẻ đẹp không chỉ bên ngoài mà trước hết là hình khối, kỹ xảo nghề nghiệp thể hiện được toàn cục của một tác phẩm nghệ thuật, của một tổng thể kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng và kiến trúc lăng mộ... Từ yêu cầu thực tiễn đặt ra người thợ của làng nghề ở Ninh Vân cần có tri thức nghề nghiệp, đủ điều kiện đáp ứng được nhu cầu của khách hàng ở nhiều khía cạnh khác nhau. Trong xu thế hiện nay việc truyền nghề sẽ có những thay đổi cơ bản. Truyền nghề để đào tạo nguồn nhân lực mới sẽ được tổ chức bài bản, theo các nhóm thợ từ các nơi nếu có nguyện vọng theo học nghề và sau khi học nghề có thể mở xưởng sản xuất và có thể tiến tới thành lập doanh nghiệp.

4.3. Những bàn luận qua nghiên cứu biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

4.3.1. Những vấn đề rút ra qua áp dụng lý thuyết biến đổi xã hội

Từ thực tiễn khảo sát, việc soi chiếu qua các hệ thống lý thuyết đã xác lập cho phép rút ra những bàn luận khoa học về quy luật vận động của làng nghề Ninh Vân như sau:

Thứ nhất: Biến đổi xã hội là tiền đề và động lực cho sự tái cấu trúc làng nghề Vận dụng Lý thuyết Biến đổi xã hội, có thể thấy sự thay đổi tại Ninh Vân là một quy luật khách quan. Sự chuyển dịch từ một xã hội nông nghiệp thuần túy sang xã hội công nghiệp và đô thị hóa (biến đổi về cấu trúc xã hội) đã tạo ra một nền tảng kinh tế mới. Việc hình thành các giai tầng mới như "doanh nhân làng nghề" và sự phân công lao động chuyên môn hóa cao đã phá vỡ cấu trúc làng xã cũ. Chính sự biến đổi về mặt xã hội này đã thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức, từ đó kéo theo sự Biến đổi văn hóa tương ứng.

Thứ hai: Cơ chế Biến đổi văn hóa và sự "kiến tạo truyền thống" Theo Lý thuyết Biến đổi văn hóa, sự thay đổi tại Ninh Vân không phải là sự đứt gãy mà là quá trình tái cấu trúc các thành tố văn hóa để phù hợp với bối cảnh mới.

Một biểu hiện rõ nét là việc hình thành tín ngưỡng thờ Tổ nghề (cụ Hoàng Sùng tại làng Hết). Trong truyền thống, Ninh Vân chủ yếu thờ thần Núi, nhưng dưới tác động của sự biến đổi văn hóa nghề nghiệp, cộng đồng có nhu cầu xây dựng một biểu tượng "Tổ nghề" để củng cố bản sắc và tính chính danh.

Đây chính là sự vận dụng Lý thuyết Tiếp cận chủ thể, khi người dân không thụ động mà chủ động sáng tạo ra những giá trị tinh thần mới để bảo vệ lợi ích kinh tế và sự bền vững của nghề nghiệp trong bối cảnh hiện đại.

Thứ ba: Sự thích ứng cấu trúc và chuyển đổi chức năng của di sản (Lý thuyết Cấu trúc - Chức năng và Thích ứng văn hóa) Dưới lăng kính của Lý thuyết Cấu trúc - Chức năng, khi thành tố kỹ thuật (máy móc CNC) thay đổi,

các thành tố khác trong hệ thống văn hóa cũng phải tự điều chỉnh để duy trì trạng thái cân bằng:

Về không gian: Việc tách biệt nhà ở và khu sản xuất là một chiến lược Thích ứng văn hóa nhằm hòa hợp giữa mục tiêu phát triển kinh tế và yêu cầu bảo vệ môi trường của đô thị di sản.

Về lễ hội: Việc chuyển dịch từ các nghi lễ rước xách sang các hội thi tay nghề (Lễ hội Tam thôn) cho thấy chức năng của lễ hội đã thay đổi từ "nghi lễ tôn giáo thuần túy" sang "vinh danh kỹ nghệ và quảng bá thương hiệu". Đây là minh chứng cho việc văn hóa luôn có cơ chế tự thích ứng để không bị đào thải.

Thứ tư: Hiện đại hóa không làm mai một bản sắc mà là công cụ bảo tồn di sản (Lý thuyết Hiện đại hóa) Nghiên cứu trường hợp Ninh Vân cho thấy quá trình Hiện đại hóa (Modernization) không đối đầu với truyền thống. Ngược lại, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật đã giúp nâng tầm sản phẩm đá từ đồ dùng dân dụng thành những tác phẩm nghệ thuật tinh xảo, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ cao của thị trường. So với các làng nghề đang có xu hướng chậm lại trong vùng, Ninh Vân vẫn duy trì được sức sống nhờ khả năng kết hợp hài hòa giữa "kỹ thuật hiện đại" và "mã văn hóa truyền thống". Điều này khẳng định rằng biến đổi văn hóa theo hướng hiện đại hóa là con đường tất yếu để các giá trị di sản được tiếp nối và phát triển bền vững.

Biến đổi xã hội là một quy luật khách quan và tất yếu, trong đó bao gồm sự thay đổi về kinh tế và văn hóa. Kinh tế đóng vai trò là nền tảng, là yếu tố thúc đẩy quá trình nhận thức và thay đổi về văn hóa. Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đã tác động mạnh mẽ đến phương thức sản xuất của làng nghề, làm thay đổi cách thức sản xuất truyền thống, từ đó kéo theo sự thay đổi trong các sản phẩm. Những thay đổi này không chỉ giúp nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn tạo ra sự đa dạng, tinh xảo hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Chính nhờ sự phát triển này mà kinh tế làng nghề được thúc đẩy, giúp

các làng nghề đứng vững và phát triển bền vững, không bị mai một và có xu hướng chậm phát triển như một số làng nghề khác ở Ninh Bình (nghề thêu ren Văn Lâm, mộc Phúc Mộc, nghề gốm Gia Thủy, gốm Bô Bát). Đặc biệt, đối với làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, các sản phẩm ban đầu thô sơ, đơn giản đã được cải tiến, phát triển thành những tác phẩm nghệ thuật tinh xảo, đa dạng về tạo hình và ý nghĩa biểu tượng, như tượng đài, tượng Phật và các đồ thờ cúng. Sự kết hợp giữa hình thức bên ngoài và giá trị nội dung trong các sản phẩm đã tạo nên sự hài hòa, góp phần khẳng định giá trị của làng nghề trong bối cảnh hiện đại.

Nhờ sự phát triển mạnh mẽ của nghề làm đá, cộng đồng cư dân Ninh Vân đã nhanh chóng giàu lên và không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần. Điều này kéo theo sự thay đổi trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Người dân không chỉ coi nghề là một công việc mưu sinh, mà đã bắt đầu có sự tôn vinh đối với nguồn gốc và tổ nghề. Chính vì vậy, làng Hệ đã lập đền thờ tổ nghề và tôn vinh cụ Hoàng Sùng là ông tổ nghề đá của làng. Nếu như trong truyền thống làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân không có tín ngưỡng thờ tổ nghề, mà chỉ có tín ngưỡng thờ Thành Hoàng Làng vị thần bảo vệ làng. Thì ngày nay có thêm tín ngưỡng thờ tổ nghề. Đây là một biểu hiện của sự chuyển biến trong suy nghĩ và văn hóa, phản ánh sự kết nối giữa sự phát triển kinh tế và sự thay đổi trong đời sống văn hóa.

Sự thay đổi trong kinh tế cũng kéo theo sự biến đổi trong cảnh quan và không gian làng nghề. Các xưởng sản xuất đã được mở rộng, trang bị công nghệ hiện đại, cải thiện cơ sở hạ tầng, tạo ra một môi trường làm việc hiệu quả hơn. Điều này giúp phát triển kinh tế, đồng thời bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của làng nghề trong bối cảnh hiện đại hóa.

Quan hệ xã hội cũng được mở rộng nhờ việc giao lưu với khách hàng trong và ngoài nước. Mối quan hệ thương mại đã được thiết lập và phát triển mạnh mẽ, khác với hình thức giao lưu trong truyền thống. Điều này chứng tỏ

mối quan hệ chặt chẽ giữa kinh tế và văn hóa, trong đó những thành tựu văn hóa nghệ thuật như sản phẩm mỹ nghệ đặc sắc của làng đã thúc đẩy rõ rệt sự phát triển kinh tế của cộng đồng. Qua đó, ta có thể thấy rằng sự biến đổi xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, có ảnh hưởng sâu sắc đến các phương diện văn hóa của cộng đồng. Và ngược lại, những thành tựu về văn hóa và sản phẩm nghệ thuật công đã trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Về phương diện cấu trúc, biến đổi xã hội sẽ hình thành một cấu trúc văn hóa mới, trong đó các yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể đều có thể nhận diện được những cấu trúc hợp lý và cần thiết. Đối với làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, các sản phẩm từ ban đầu thô sơ, đơn giản đã phát triển thành những sản phẩm tinh xảo, đa dạng về tạo hình. Một sản phẩm nghệ thuật trong làng nghề này đã hội tụ đầy đủ sự đa dạng từ hình dáng bên ngoài, cấu trúc, tính cần thiết, đến ý nghĩa biểu tượng (như tượng đài, tượng Phật, các đồ thờ khác nhau), đảm bảo sự thống nhất giữa bên ngoài và bên trong.

Cấu trúc mới của văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân chính là sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, phản ánh sự thay đổi và phát triển trong bối cảnh hiện đại hóa. Văn hóa vật thể bao gồm các sản phẩm đá mỹ nghệ như tượng, bàn thờ, đài thờ và các công trình nghệ thuật, được chế tác bằng kỹ thuật truyền thống kết hợp với công nghệ hiện đại. Văn hóa phi vật thể, trong khi đó, thể hiện qua các quy trình chế tác, nghi lễ thờ cúng tổ nghề, tín ngưỡng thờ Thần Núi, và các hoạt động cộng đồng gắn liền với nghề. Cấu trúc này không chỉ bảo tồn giá trị truyền thống mà còn sáng tạo trong thiết kế và quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu nghề đá mỹ nghệ, đồng thời duy trì mối liên kết cộng đồng và phát triển kinh tế bền vững. Từ đó, nó phản ánh sự đổi mới trong cách thức bảo tồn và phát triển văn hóa trong môi trường kinh tế - xã hội hiện đại.

Trường hợp như lễ hội tam thôn ở Ninh Vân đã được người dân làng nghề

cấu trúc phù hợp (không còn không gian tổ chức cuộc rước, không tổ chức các trò chơi, trò diễn nhưng lại tổ chức thi tay nghề, thi các đồ thủ công tinh xảo). Nếu như trước đây nhà ở, xưởng sản xuất và cửa hàng bày bán sản phẩm cùng một vị trí, cho tới nay đã được cấu trúc lại nơi ở còn nơi sản xuất và bày bán sản phẩm lại diễn ra ở cụm công nghiệp của làng nghề cách vị trí nhà ở để tránh ô nhiễm môi trường và tiếng ồn.

4.3.2. Sự biến đổi không đồng đều giữa các làng nghề

Từ nghiên cứu thực địa, có thể nhận thấy quá trình biến đổi xã hội tại Ninh Vân không diễn ra theo một kịch bản đồng nhất mà có sự phân hóa rõ rệt về tốc độ, quy mô và tính chất giữa các đơn vị làng xã. Sự không đồng đều này được lý giải qua các khía cạnh logic sau:

Thứ nhất, sự phân tầng giữa “Làng lõi di sản” và “Làng ngoại vi thương mại”: vị trí địa lý và lịch sử hình thành nghề đã tạo ra một cấu trúc phân tầng mới. Các làng cổ như làng Hệ, làng Thượng, Xuân Vũ đóng vai trò là "trung tâm kỹ nghệ", nơi tập trung các nghệ nhân và bảo lưu bí quyết truyền nghề cốt lõi. Ngược lại, các làng mới hình thành hoặc mới tiếp nhận nghề trong 20-30 năm gần đây như Đồng Quan, Phú Xá nhờ lợi thế "mặt tiền" (tiếp giáp quốc lộ) đã nhanh chóng chuyển mình thành các "trung tâm giao dịch". Sự biến đổi này xác lập một mô hình phụ thuộc lẫn nhau: làng ngoại vi nắm giữ quyền lực thị trường và đơn hàng, trong khi làng lõi nắm giữ nguồn lực lao động và kỹ thuật. Điều này phản ánh quy luật “thích ứng văn hóa” khi cộng đồng tự phân hóa chức năng để tối ưu hóa lợi ích kinh tế trong bối cảnh hiện đại hóa.

Thứ hai, sự chuyển dịch chủ thể và phương thức quản trị di sản: Sự biến đổi không đồng đều còn biểu hiện qua khả năng tiếp cận công nghệ và thương mại điện tử. Tại các làng "thương mại" phía ngoài, một lớp chủ thể mới đã xuất hiện – những doanh nhân trẻ am hiểu công nghệ, sử dụng thành thạo phần mềm thiết kế 3D và các nền tảng mạng xã hội (Facebook, TikTok, YouTube) để tiếp

cận khách hàng toàn cầu. Trường hợp doanh nghiệp Hoàn Hảo cho thấy một quy trình biến đổi văn hóa sâu sắc: khách hàng tham gia trực tiếp vào khâu sáng tạo, biến sản phẩm từ một mẫu mực truyền thống thành một "sản phẩm cá nhân hóa". Sự trỗi dậy của tầng lớp "thợ bàn phím" (không trực tiếp sản xuất nhưng điều phối chuỗi cung ứng) dự báo một tương lai nơi các làng mới có thể trở thành những làng nghề thương mại thuần túy, tách rời hoàn toàn khỏi hoạt động chế tác thủ công.

Thứ ba, xu hướng “Đô thị hóa tại chỗ” và sự thay đổi mã lối sống: Sự khác biệt về kinh tế đã dẫn đến sự biến đổi không đồng nhất về cảnh quan và lối sống. Các làng có tốc độ thương mại hóa nhanh đang biểu hiện rõ rệt xu hướng "từ làng ra phố", nơi các showroom đá mỹ nghệ thay thế dần cho các xưởng đục tại gia. Lối sống của cư dân tại đây chuyển dịch mạnh mẽ sang tâm thế của "công dân đô thị di sản", đề cao tính chuyên nghiệp và quan hệ hợp đồng. Trong khi đó, các làng nằm sâu phía trong vẫn duy trì cấu trúc không gian làng xã truyền thống với nhịp độ biến đổi chậm hơn. Sự không đồng đều này nếu không được điều tiết tốt bằng chính sách sẽ dẫn đến rủi ro "rỗng hóa di sản" tại các khu vực thương mại, nơi tính chân xác (authenticity) của nghề bị lấn át bởi mục tiêu lợi nhuận.

Sự phát triển không đồng đều giữa các làng nghề tại Ninh Vân là minh chứng cho một xã hội đang trong giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ. Đây là quá trình cấu trúc lại mạng lưới làng nghề theo hướng chuyên môn hóa, nơi di sản truyền thống và tư duy kinh tế hiện đại đang tìm cách dung hợp để tạo thành một hệ sinh thái văn hóa - kinh tế bền vững.

4.3.3. Sự biến đổi không đồng đều giữa các thành tố văn hóa

Qua nghiên cứu trường hợp cụ thể ở xã Ninh Vân, NCS cho rằng, biến đổi văn hóa làng nghề là một quy luật tất yếu khách quan, nhiều trường hợp, có những làng nghề, chính nhờ sự chuyển đổi sản phẩm và mẫu của sản phẩm mà

đời sống của cư dân làng nghề nâng cao. Hoạt động nghề tuy có chuyển sang một dạng khác, song, vẫn thể hiện được tinh thần truyền thống trong xã hội hiện đại, cụ thể, như làng nghề giấy dó ở Dương Ổ, làng nghề tranh Đông Hồ (tỉnh Bắc Ninh). Hai làng nghề này có sự chuyển đổi khá mạnh mẽ từ giấy dó sang các loại giấy, từ vẽ tranh chuyển sang làm đồ vàng, mã. Sự thay đổi này thể hiện rõ sự nhanh nhạy, sáng tạo của cộng đồng cư dân làng nghề. Việc chuyển đổi của các làng nghề ở dạng này cũng tương đồng với sự chuyển đổi của các làng nông nghiệp - nhiều làng làm nông nghiệp đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng, từ trồng lúa, ngô sang trồng hoa, rau sạch... Cũng trong xu hướng đó làng nghề đá Ninh Vân tuy không chuyển đổi sang một loại hình sản phẩm khác nhưng đã chuyển từ các sản phẩm trong truyền thống sang các loại hình sản phẩm mới đòi hỏi có trình độ tay nghề cao hơn trước. Như đã phân tích về những nguyên nhân khách quan, chủ quan tác động đến sự biến đổi văn hóa làng nghề, trong đó, nguyên nhân chủ quan chính là sự quyết định lựa chọn và vận động của cộng đồng chủ thể. Thực tế khảo sát ở làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, NCS nhận thấy, trong các thành tố văn hóa vật thể và phi vật thể biến đổi không đồng đều, có thành tố văn hóa biến đổi nhanh, có những thành tố văn hóa biến đổi ít/biến đổi nhiều. Tuy nhiên, việc phân chia thành các cặp phạm trù, như: ổn định - không ổn định; biến đổi ít - biến đổi nhiều; biến đổi nhanh - biến đổi chậm, đều phản ánh một thực tế khách quan của quy luật biến đổi được minh chứng qua các thành tố hiện hữu, có thể nhận rõ được ở các thời điểm khác nhau. Từ thực tiễn khảo sát nghiên cứu ở làng nghề Ninh Vân, NCS nhận thấy, có những thành tố biến đổi rõ nét, cụ thể là:

1/*Cấu trúc làng*: Do đặc điểm của nghề và sản phẩm của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, trong lịch sử, nguyên liệu đá được khai thác tại chỗ, vì vậy, việc vận chuyển nguyên liệu không đặt ra là một yếu tố thiết yếu. Về sau, do người dân làng nghề phải nhập thêm nguyên liệu từ ở các nơi khác

về, các sản phẩm được chế tác có kích thước lớn, như tượng đài, các chi tiết để xây dựng kiến trúc... Từ đó, người dân làng nghề cần thiết phải làm công làng, mở rộng đường làng, thiết kế bền chắc, đủ điều kiện để xe vận tải lớn có thể vận chuyển nguyên liệu về làng và sản phẩm chuyển đi tới nơi tiêu thụ. Về nhà ở, do phát triển nghề, đời sống kinh tế thay đổi rõ rệt, vì vậy, các gia đình xây dựng nhà ở khang trang hơn. Theo thống kê ở làng Phú Lãng, làng Thượng, hiện nay, những nhà cũ cấp 4 chỉ còn số lượng rất ít, thậm chí như ở làng Xuân Vũ không còn nhà cấp 4 cũ, thấp nhất là mái bằng, có những gia đình xây 4-5 tầng và nhiều nhà biệt thự rộng 200m², trị giá hàng chục tỷ đồng. Chỉ trong khoảng 10 năm, sự thay đổi về nhà ở và không gian của làng đã khiến nhiều người không nhận ra được khung cảnh của làng xưa.

2/ *Sản phẩm của nghề và thị trường tiêu thụ sản phẩm*: Sự thay đổi sản phẩm của nghề thủ công phù hợp với nhu cầu khách hàng ở các thời kỳ lịch sử là yếu tố quan trọng quyết định sự tồn tại của làng nghề. Để giải quyết được yêu cầu này, cần có các nghệ nhân, thợ kỹ thuật giỏi để thực hiện được các đơn đặt hàng, như tượng đài bằng đá đòi hỏi tay nghề cao, tính thẩm mỹ và hiểu biết về kích thước khoa học là điểm thành công. Có thể thấy rõ, những sản phẩm trước kia chưa có nhưng nay do nhu cầu xã hội mà có nhiều đơn đặt hàng làm các khu lăng mộ bằng đá cho các gia đình, dòng họ,... Sản phẩm lăng mộ ở Ninh Vân so với các nơi khác cũng thể hiện được mẫu mã đặc trưng của làng nghề. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm, có thể thấy, ở Ninh Vân biến đổi nhanh từ chỗ chỉ cung cấp cho khách hàng ở khu vực phụ cận thì nay đã mở rộng đến các tỉnh thành trong nước, các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á (Lào, Campuchia, Nhật,...) và các nước châu Âu, châu Mỹ như Pháp, Đức, Tiệp Khắc, Mỹ... Cũng cần khẳng định rằng sản phẩm của làng nghề đá Ninh Vân phụ thuộc khá nhiều vào nhu cầu của khách hàng. Khách hàng có thể là một cá nhân, một tổ chức xã hội hay các tập đoàn quốc gia, quốc tế. Vì vậy, khi nghiên cứu biến đổi văn hóa

làng nghề qua sản phẩm của làng nghề hiện nay ở chương 2 NCS cũng đưa ra nhiều loại sản phẩm mới đòi hỏi trình độ kỹ thuật, tay nghề và tính thẩm mỹ cao như: tượng, lăng mộ, tượng đài,... hơn các sản phẩm truyền thống. Đặt trong mối tương quan so sánh cho thấy nhiều sản phẩm trong truyền thống đã khá phổ biến thì đến nay hầu như rất ít hoặc không còn sản xuất do nhu cầu sử dụng không còn.

3/Các biểu hiện trong hoạt động của lễ hội: Lễ hội là một loại hình di sản văn hóa phi vật thể gắn với cộng đồng. Các biểu hiện trong lễ hội cho thấy những biến đổi rõ rệt qua lễ vật dâng cúng, thực hành tín ngưỡng và các biểu hiện khác, trong đó, có cả nhu cầu và niềm tin vào thần linh trong hoạt động nghề. Hằng năm, xã Ninh Vân thường tổ chức các lễ hội lớn, như: Lễ hội Tam Thôn, hội làng Xuân Vũ, thu hút đông đảo người dân trong toàn xã và các vùng phụ cận tới tham dự. Trong lễ hội Tam thôn có những trò diễn trước đây rất có ý nghĩa như xây đồn Cổ Loa, đánh lệu thì hiện nay không còn tổ chức. Thay vào đó là các hoạt động thể thao được tổ chức tại mộ khu sân rộng trước đền Kê Thượng. Từ năm 2012 đến nay tại đền thờ tổ nghề (làng Hê) cứ đến ngày 15 tháng Tám là người dân làng Hê lại tổ chức lễ giỗ tổ nghề. Một điểm mới trong các thành tố phi vật thể.

4/Quan hệ giữa người dân trong làng nghề và ngoài xã hội: Trong truyền thống, chủ yếu tồn tại mối quan hệ xã hội giữa các hộ gia đình thợ thủ công, giữa thợ và thợ. Nhìn chung, đây là mối quan hệ mang tính bình đẳng biểu hiện trong họ, ngoài làng với nhau. Đến nay, mối quan hệ xã hội đã biến đổi khá nhanh, hình thành mối quan hệ nhiều chiều: giữa các gia đình thợ thủ công, giữa các gia đình với doanh nghiệp, giữa các doanh nghiệp với nhau, giữa chủ doanh nghiệp với thợ thủ công, giữa thợ với thợ, giữa những người chuyên sản xuất với các bạn hàng... Mối quan hệ này đã tạo nên cho các làng ở Ninh Vân mối quan hệ ứng xử mới. Với nghề nghiệp, người dân luôn có lòng yêu nghề,

có ý thức trong việc bảo tồn và phát triển nghề, bởi đó chính là điều kiện đảm bảo cuộc sống cho các gia đình thợ thủ công trong làng nghề.

Bên cạnh những thành tố văn hóa biến đổi nhanh, còn có các thành tố biến đổi/thay đổi ít, trong đó có:

1/Di tích lịch sử - văn hóa: nghề thủ công; tín ngưỡng, giữ bí quyết nghề; phong tục tập quán liên quan đến nghề. Đối với di tích lịch sử văn hóa, ở Ninh Vân có nhiều sự biến đổi về di tích lịch sử văn hóa. Có thể nhận thấy, trong những năm gần đây, việc tu bổ, nâng cấp các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng diễn ra khá nhanh. Bên cạnh đó, các sản phẩm của làng nghề đã hiện hữu trong các kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng. Đặc biệt rõ nét hơn cả, là cộng đồng cư dân làng nghề thôn Hệ đã góp tiền, công sức để xây dựng đền thờ Tổ nghề (khánh thành năm 2012). Tuy chưa được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa nhưng có thể thấy được sự biến đổi trong nhận thức của người dân về Tổ nghề, một biểu tượng tương đối phổ quát của các nghề thủ công ở nước ta.

2/Nghề thủ công: Thực tế ở Ninh Vân cho thấy, từ lịch sử hình thành nghề cho tới nay, cộng đồng cư dân các làng nghề ở Ninh Vân vẫn duy trì, thực hành một nghề có tính truyền thống. Tuy nhiên, sự tồn tại của nghề đá ở Ninh Vân cũng luôn luôn biến đổi, biến đổi để thích ứng với nhu cầu của khách hàng. Vì vậy, sản phẩm của làng nghề so với trong truyền thống đã thay đổi rất nhiều. Bên cạnh đó là sự thay đổi về kỹ thuật chế tác, về thị trường tiêu thụ và giá thành sản phẩm. Nhìn vào những chi tiết cụ thể, có thể có những biến đổi nhanh, song, nhìn chung thì nghề làm đá ở Ninh Vân, nhìn tổng thể là một nghề ổn định, không có sự chuyển đổi sang làm các nghề khác và các sản phẩm khác như ở Bắc Ninh có làng giấy dó Dương Ổ, làng nghề dệt Hồi Quan, từ dệt lụa, dệt gấm trong truyền thống đã chuyển sang các loại vải tuyn, băng gạc y tế, dệt mảnh tre... thậm chí có nghề đã hoàn toàn không còn tồn tại. Trong tương lai, làng nghề sẽ

tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn từ các yếu tố công nghiệp hóa và đô thị hóa. Tuy nhiên, sự phát triển của công nghệ số và các phương thức truyền thông hiện đại cũng mở ra nhiều cơ hội cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của làng nghề. Cùng với đó, xu hướng tiêu dùng bền vững và sự quan tâm ngày càng lớn đến các sản phẩm thủ công truyền thống sẽ là những yếu tố tích cực giúp các làng nghề giữ vững vị thế và phát triển.

3/Giữ bí quyết nghề: Để nghề đá mỹ nghệ được lưu truyền đời này sang đời khác, người Ninh Vân trước đây rất coi trọng việc truyền nghề. Sống trong môi trường làng nghề, ngay từ sớm, người Ninh Vân đã được tiếp xúc với nghề, ít nhiều có được sự hình dung về công việc mà cha, anh mình làm. Ngay từ khi còn nhỏ, những người con trai đã được cha mình hướng dẫn các kỹ thuật chạm khắc, từ đơn giản đến phức tạp. Thông thường, những thợ đến học nghề, nếu có đam mê và ý thức học hỏi, thì các chủ thợ nơi đây thường dạy những kỹ năng, kỹ thuật, thao tác cơ bản đủ thành một thợ đá có tay nghề tốt, chưa đạt đến điêu luyện và tài ba. Việc truyền nghề được thực hiện chủ yếu dưới hình thức “cầm tay chỉ việc”, có những kỹ thuật quan trọng (như kỹ thuật chạm môi và mắt cho các pho tượng), các nghệ nhân trong làng thường truyền nghề cho con cháu và những người thân trong dòng họ, nhưng không phải ai cũng được truyền hết bí quyết nghề nghiệp. Thông thường, những người thợ cả họ phải xem xét những thợ theo mình trên 10 năm, nếu thực sự có đạo đức, có tâm và có tài thì họ sẽ truyền các bí quyết nghề để có thể đạt được đến trình độ cao, còn lại, người thợ phải tự tìm hiểu, nghiên cứu và sáng tạo để trở thành một nghệ nhân thực thụ. Hiện nay, ở Ninh Vân những nghệ nhân chạm rồng không nhiều, chỉ có một số nghệ nhân có khả năng, kỹ thuật, trình độ thẩm mỹ thể hiện hình tượng rồng, hoặc trong quá trình làm tượng có thể có nhiều công đoạn khác nhau, có những phần việc trong cấu tạo tượng khác nhau. Trên thực tế mỗi người hoặc 2, 3 người sẽ thực hiện theo sự phân công của người phụ trách.

Những riêng bí quyết tạo tác mắt tượng không phải thợ nào cũng có thể làm được. Chính ở đó cũng thể hiện kỹ xảo và bí quyết của nghề cho dù các nghệ nhân cũng muốn truyền lại cho thế hệ kế tiếp. Những không phải ai cũng có thể thực hiện được.

4/Tín ngưỡng: Mặc dù có sự biến đổi trong các yếu tố vật chất và kỹ thuật của làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, tín ngưỡng của cộng đồng cư dân nơi đây vẫn ổn định và duy trì lâu dài. Các hình thái tín ngưỡng và tôn giáo, đặc biệt là việc thờ cúng Thần Núi vẫn giữ được sự ổn định qua các thế hệ. Tín ngưỡng thờ Tổ nghề cũng đã được bổ sung trong những năm gần đây, việc xây dựng đền thờ và lập Hoàng Sùng làm Tổ nghề ở làng Hệ (2012) chỉ là bổ sung thêm vào hệ thống tín ngưỡng trong làng Hệ (nó không thay thế tín ngưỡng thờ thần núi) và tín ngưỡng này chưa phổ biến tại những làng còn lại ở xã Ninh Vân. Trong quá trình biến đổi xã hội và kinh tế, tín ngưỡng tại Ninh Vân đã thể hiện sự lâu dài và ổn định, không bị xói mòn hay thay đổi một cách đột ngột. Sự ổn định này phản ánh mối liên kết sâu sắc giữa tín ngưỡng và nghề nghiệp của cư dân, nơi các yếu tố tâm linh không chỉ gắn liền với đời sống tâm hồn mà còn ảnh hưởng đến quá trình lao động và sáng tạo nghề nghiệp.

4.3.4. Biến đổi văn hóa làng nghề và những tác động đa chiều đến đời sống văn hóa của cộng đồng cư dân làng nghề

Về phương diện làm nghề: Về khía cạnh làm nghề: hầu như các làng trong xã đều làm nghề đá, sản phẩm của làng nghề có tính tương đồng với nhau. Tỷ lệ nông nghiệp tại các làng mới vẫn chiếm một phần nhất định, cao hơn so với các làng cổ mà NCS lựa chọn nghiên cứu. Rõ ràng, ở đây có sự chuyển đổi về nghề nghiệp, song không hoàn toàn có sự chuyển đổi nét văn hóa riêng truyền thống. Khảo sát thực tiễn ở các làng mới có nghề ở xã Ninh Vân cho thấy, sự ảnh hưởng nhiều nhất về khía cạnh vật thể chính là sản phẩm của làng nghề và thị trường tiêu thụ sản phẩm, về khía cạnh phi vật thể chính là quá trình

phát triển của mối quan hệ xã hội. Không chỉ có khái niệm trong họ ngoài làng mà mở rộng rất nhiều mối quan hệ xã hội. Thực tiễn đã chứng minh rằng, văn hóa các làng nghề truyền thống không thể là bất biến, nó luôn có sự biến đổi nhất định như thực tế biến đổi văn hóa ở Ninh Vân đã được nêu ra trong chương 2 biến đổi văn hóa ở các làng nghề ở Ninh Vân. Người dân, cộng đồng cư dân làng nghề truyền thống đã tạo dựng được những nét văn hóa của chính họ, những nét riêng trong nét chung phổ quát. Trong quá trình tồn tại và phát triển, người dân làng nghề luôn có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp, sáng tạo truyền thống, tái cấu trúc văn hóa truyền thống để phù hợp với xã hội hiện đại. Chính nhờ sáng tạo, sự thích ứng này đã làm cho làng nghề, văn hóa làng nghề bảo tồn được văn hóa riêng trong bối cảnh mới.

Về phương diện văn hóa vật thể: sự thay đổi rõ nét về môi trường sống, môi trường sản xuất đã ảnh hưởng đến chính cuộc sống của người dân. Từ chỗ nơi ở chỉ có nhà cấp 4 đã có những ngôi nhà cao tầng đạt tiêu chuẩn chất lượng cho cuộc sống thường nhật, làng nghề đã quy hoạch khu vực sinh sống tách biệt với khu vực sản xuất, khu vực bày bán sản phẩm. Ngoài ra, sự thay đổi về mẫu mã sản phẩm nghề đã mang lại thu nhập về đời sống kinh tế cao hơn so với trước và chính sự thay đổi này đã có tác quyết định đến sự tồn tại của nghề.

Cùng với sự tồn tại là sự phát triển của nghề, từ chỗ các làng ở Ninh Vân, người dân vừa làm nông nghiệp vừa làm nghề thì ngày nay tỷ trọng nông nghiệp chỉ còn rất thấp (khoảng 15%), thay vào đó là phát triển thương mại/hoạt động buôn bán, tiêu thụ sản phẩm, mở rộng giao thương không chỉ trong phạm vi quốc gia mà mở rộng đến phạm vi quốc tế.

Về phương diện văn hóa phi vật thể: sự phát triển nghề đã dẫn đến những thay đổi về bí quyết nghề. Nếu như trước đây tồn tại bí quyết trong việc lựa chọn nguyên liệu (phân loại đá phù hợp với mặt hàng cần sản xuất, kỹ thuật chạm khắc, lựa chọn chủ đề thể hiện theo nhu cầu thẩm mỹ của

khách hàng) thì ngày nay, thợ giỏi hay nghệ nhân ở làng nghề không còn giữ bí quyết nghề, xuất hiện các lớp đào tạo do các nghệ nhân truyền dạy, người học đã được các nghệ nhân truyền thụ các kỹ năng với một tinh thần trách nhiệm cao, bởi họ ý thức được rằng, đây chính là các thế hệ nối tiếp cho việc giữ nghề truyền thống.

Về phương diện xã hội: sự biến đổi của văn hóa làng nghề đã có những tác động không nhỏ đến mối quan hệ xã hội của cư dân làng nghề. Trong lịch sử cũng như hiện nay, so sánh với các làng thuần nông, người dân làng nghề có mối quan hệ rộng hơn vì nghề nghiệp buộc họ phải mở rộng mối quan hệ tới nhiều nơi, nhiều vùng trong cả nước để mua nguyên liệu, bán sản phẩm và học hỏi kinh nghiệm từ các làng cùng có nghề làm sản phẩm từ đá. Thực tế ở Ninh Vân có thể nhận thấy được trong những mối quan hệ đa chiều có những mối quan hệ trong truyền thống không có, như: quan hệ giữa các doanh nghiệp với doanh nghiệp; giữa các doanh nghiệp với công nhân; giữa những người công nhân ở làng với công nhân ở nơi khác đến làm thuê và học nghề. Tuy vậy, trong mối quan hệ xã hội đa chiều như hiện nay cũng nảy sinh những vấn đề phức tạp, thể hiện trên các mặt như: có những người giành được hợp đồng kinh tế lớn, có điều kiện thu nhập kinh tế cao, có vai trò trong giải quyết công ăn việc làm cho nhiều người làm trong doanh nghiệp và ở một khía cạnh nào đó, quyền lực và tiếng nói của họ xem ra rất có trọng lượng trong các công việc chung của làng. Xu thế này có thể nhận rõ ở Ninh Vân thông qua các công việc liên quan tới văn hóa, xã hội, thậm chí cả chính trị của xã. Mỗi khi có những công việc về tổ chức lễ hội, cải tạo cảnh quan, tu bổ di tích, xây dựng các công trình xã hội,... thì chính quyền xã đều mời những doanh nghiệp có uy tín trong làng đến tham dự và những ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp này có giá trị khá lớn. Để kiểm chứng về ý thức của người dân làng nghề trong việc bảo tồn, phát huy, trao truyền, kế thừa, sáng tạo các giá trị văn hóa làng nghề.

Về vấn đề môi trường: 1/Tiếng ồn của các loại máy khoan cắt, máy mài đá, máy xẻ đá, máy đục, chày, khắc đá,... gây ảnh hưởng đến các cơ quan thính giác cho người thợ và những người sống xung quanh khu vực làm đá; 2/Bụi của bột đá bay khắp làng theo chiều gió và phát tán khắp nơi mỗi khi các hộ gia đình, xưởng chế tác tiến hành sản xuất. Vào những mùa cao điểm, không khí của các làng nhiều lúc được bao bọc bởi những lớp bụi đá mù mịt, trắng xóa mà người dân nơi đây ví như đang đi trong lớp “sương mù”. Bụi đá có thể làm ảnh hưởng tới thị giác và đường hô hấp của những người dân trực tiếp làm nghề hoặc sống xung quanh khu vực sản xuất. Ô nhiễm ảnh hưởng tới không khí mà còn ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân trong làng. Đặc biệt, vấn đề này dễ làm nảy sinh những xung đột môi trường, tranh chấp môi trường giữa những hộ gia đình không làm nghề với những hộ gia đình làm nghề.

4.3.5. Quá trình biến đổi văn hóa tác động đến bảo tồn bản sắc văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân

Bên cạnh những xung lực tích cực về kinh tế và sự khởi sắc của diện mạo làng nghề, tiến trình biến đổi văn hóa tại Ninh Vân đã và đang bộc lộ những phương diện tiêu cực cùng những hệ lụy ngoài mong muốn. Xét dưới góc độ Văn hóa học, đây là những phản ứng phụ của quá trình hiện đại hóa khi các mục tiêu tăng trưởng kinh tế chưa được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với việc bảo tồn các giá trị nhân văn và phát triển bền vững.

Thứ nhất, sự rạn nứt cấu trúc quan hệ cộng đồng truyền thống Sự chuyển dịch mô hình sản xuất từ "hộ gia đình - phường hội" sang "doanh nghiệp - thị trường" đã làm thay đổi căn bản tính chất của các mối quan hệ xã hội. Tính cộng đồng làng xã vốn dựa trên sự tương hỗ và đạo lý nghề nghiệp đang dần bị thay thế bởi các quy luật cạnh tranh khốc liệt. Sự xung đột lợi ích giữa các chủ thể sản xuất trong việc tranh giành đơn hàng và thị trường đã làm xói mòn tinh thần "tương thân tương ái" truyền thống. Đặc biệt, mối quan hệ thầy - trò, thợ cả - thợ phụ vốn mang tính tôn nghiêm và giàu tính giáo dục đạo đức, nay có

xu hướng bị thực dụng hóa thành quan hệ chủ - thợ dựa trên cơ chế tiền công. Hệ quả là sự "thương mại hóa" các quan hệ xã hội, làm nới rộng khoảng cách và giảm sút tính kết nối giữa các thành viên trong dòng họ và cộng đồng làng nghề.

Thứ hai, ô nhiễm môi trường và sự biến dạng không gian sinh tồn Phát triển làng nghề đá mỹ nghệ thiếu quy hoạch đồng bộ đã dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng về sinh thái văn hóa. Ô nhiễm thực thể từ bụi đá và tiếng ồn cường bức từ hệ thống máy CNC, máy xẻ công suất lớn đã phá vỡ môi trường sống yên bình của nông thôn truyền thống, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và chất lượng đời sống cư dân. Đồng thời, không gian làng nghề đang bị biến dạng nghiêm trọng khi các showroom đá chiếm lĩnh mặt đường giao thông, các xưởng chế tác xâm lấn vào khu vực bảo vệ di tích. Sự tồn tại ngổn ngang của các khối nguyên liệu khổng lồ trong lòng khu dân cư tạo ra sự hỗn loạn về cảnh quan, làm mất đi đặc trưng văn hóa của một "làng lõi di sản" và gây khó khăn cho công tác quản trị không gian đô thị di sản trong tương lai.

Thứ ba, nguy cơ "rỗng hóa" di sản và sự lệch lạc trong thực hành tín ngưỡng dưới tác động của kinh tế thị trường, các giá trị văn hóa phi vật thể đang đứng trước nguy cơ bị "vật chất hóa". "Tính chân xác" (Authenticity) của di sản bị đe dọa khi việc sản xuất hàng loạt các sản phẩm tâm linh bằng máy móc làm suy giảm tính độc bản và sự thành kính trong thực hành kỹ nghệ. Khi lợi nhuận trở thành tiêu chí tối thượng, chủ thể văn hóa có xu hướng chạy theo số lượng, bỏ qua các quy chuẩn biểu tượng và nghi lễ truyền thống trong tạo tác đá. Bên cạnh đó, các thực hành tín ngưỡng như giỗ Tổ nghề hay lễ hội làng đôi khi bị chuyên hóa thành các không gian phô trương tiềm lực kinh tế và thanh thế cá nhân. Hiện tượng "thương mại hóa tâm linh" bắt đầu xuất hiện, làm tổn thương các giá trị nhân văn và niềm tin tôn nghiêm vốn là cốt lõi của văn hóa làng nghề.

Thứ tư, thách thức về sự truyền thừa và biến đổi căn tính nghề nghiệp Sự

tích lũy kinh tế nhanh chóng đã tác động mạnh mẽ đến tâm lý và định hướng nghề nghiệp của thế hệ kế cận. Hiện tượng một bộ phận giới trẻ có tâm lý ngại lao động trực tiếp, ưu tiên các hoạt động thương mại trung gian hoặc môi giới đã tạo ra sự đứt gãy trong quá trình truyền thụ các bí quyết kỹ nghệ tinh xảo. Nếu xu thế này tiếp diễn, Ninh Vân đứng trước nguy cơ "siêu thị hóa" làng nghề – nơi chỉ tập trung các hoạt động giao dịch mà thiếu hụt đội ngũ nghệ nhân thực thụ có năng lực sáng tạo nội sinh. Sự lệ thuộc vào lao động thuê mướn từ bên ngoài không chỉ làm loãng căn tính nghề nghiệp mà còn đe dọa đến sức sống bền vững của làng nghề truyền thống.

Biến đổi văn hóa nếu chỉ chú trọng vào gia tăng vật chất mà thiếu đi sự bồi đắp cho hệ sinh thái nhân văn và sự gắn kết xã hội sẽ dẫn đến một sự phát triển thiếu cân đối. Việc nhận diện và khắc phục các hệ lụy này là yêu cầu cấp thiết để bảo đảm làng nghề đá Ninh Vân phát triển đúng lộ trình, trở thành một bộ phận cấu thành hữu cơ của Đô thị di sản thiên niên kỷ Ninh Bình.

Tiểu kết

Biến đổi văn hóa làng nghề diễn ra dưới tác động của nhiều yếu tố khác nhau như: sự tác động của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, cùng với sự thay đổi trong nhu cầu tiêu dùng và thị trường, sự sáng tạo, linh hoạt của chủ thể văn hóa,... Những yếu tố này đã khiến cho các giá trị văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân ngày càng có nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng không kém phần thách thức.

Về xu hướng biến đổi, có thể nhận thấy rằng văn hóa làng nghề đang phải đối mặt với sự chuyển mình mạnh mẽ, từ việc duy trì các phương thức sản xuất thủ công sang xu hướng ứng dụng công nghệ và sản xuất quy mô lớn. Sự thay đổi này không chỉ liên quan đến những yếu tố kinh tế mà còn ảnh hưởng đến cấu trúc xã hội, quan hệ cộng đồng và cách thức duy trì các giá trị văn hóa truyền thống. Các giá trị và kỹ thuật truyền thống được duy trì và bảo tồn, trong khi đó, những

yếu tố hiện đại như công nghệ và thiết kế mới được tích hợp để nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng nhu cầu thị trường.

Trong bối cảnh đất nước chuyển sang kinh tế thị trường, đẩy mạnh quá trình phát triển công nghệ, các thành tố văn hóa của làng nghề không ngừng biến đổi để thích nghi và phát triển. Sự đa dạng và phong phú của văn hóa làng nghề chính là yếu tố quan trọng giúp duy trì và phát triển cộng đồng làng nghề trong bối cảnh CNH-HĐH. Quá trình biến đổi văn hóa làng nghề diễn ra nhanh, mạnh trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, các thành tố văn hóa biến đổi không đồng đều, có những thành tố văn hóa biến đổi nhanh, có những thành tố biến đổi chậm. Qua nghiên cứu thực tế tại làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân, NCS nhận thấy 04 yếu tố ổn định: nghề thủ công, tín ngưỡng phụng thờ tổ nghề, các nghi lễ khai sự cho một công đoạn nào đó của nghề và giữ bí quyết nghề và 04 yếu tố không ổn định: cảnh quan sinh thái làng nghề, sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm, các biểu hiện trong hoạt động của tín ngưỡng, lễ hội làng nghề và mối quan hệ giữa người dân làng nghề.

Biến đổi văn hóa làng nghề tạo ra cả cơ hội và thách thức, việc tận dụng cơ hội hay vượt qua thách thức phụ thuộc vào cách mà các chủ thể văn hóa của làng nghề thích ứng với sự thay đổi đó. Nếu biết kết hợp sự sáng tạo với việc bảo tồn những giá trị cốt lõi, thì làng nghề có thể phát triển bền vững trong bối cảnh hiện đại, đồng thời duy trì được bản sắc văn hóa độc đáo của mình.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về sự biến đổi văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ xã Ninh Vân (thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình) trong tiến trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, luận án đã hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đề ra và rút ra những kết luận khoa học có tính hệ thống như sau:

1. Về diện mạo văn hóa gốc và sự xác lập hệ quy chiếu di sản làng nghề

Một trong những phát hiện quan trọng của luận án là phục dựng thành công diện mạo văn hóa truyền thống của làng nghề Ninh Vân giai đoạn trước năm 1945. Qua việc giải mã các tư liệu văn bản học và khảo sát thực địa hồi cố, luận án khẳng định nghề chế tác đá tại đây không chỉ là một sinh kế phụ trợ mà là một "thiết chế kỹ nghệ" đặc thù gắn liền với tiến trình lịch sử kinh đô Hoa Lư. Diện mạo văn hóa gốc của Ninh Vân được đặc trưng bởi sự hòa quyện tuyệt đối giữa con người với hệ sinh thái đá vôi, thể hiện qua các thiết chế kiến trúc "đền không mái" và các kỹ thuật đục chạm đá nguyên khối. Đây là một nền văn hóa mang đậm tính bản địa, nơi mà các giá trị tâm linh và kỹ năng lao động gắn bó chặt chẽ với nhau trong không gian làng xã truyền thống. Việc xác lập hệ quy chiếu này không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn là căn cứ khoa học then chốt để đo lường, đối chiếu mức độ và xu hướng biến đổi văn hóa trong các giai đoạn hiện đại hóa sau này.

2. Quy luật biến đổi và sự dịch chuyển mô hình cấu trúc văn hóa

Tiến trình biến đổi văn hóa tại Ninh Vân từ năm 2000 đến nay (mốc khảo sát 30/6/2025) cho thấy một quy luật vận động mạnh mẽ và đầy tính chủ động của chủ thể văn hóa. Luận án đã làm rõ sự dịch chuyển từ mô hình "văn hóa nông nghiệp - cộng đồng" sang mô hình "văn hóa doanh nghiệp - thị trường". Trong sự dịch chuyển này, văn hóa không còn đóng vai trò là "vỏ bọc" cho các hoạt động kinh tế mà trở thành nguồn lực nội sinh trực tiếp thúc đẩy sự thịnh vượng. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế khi tỷ trọng nông nghiệp chỉ còn khoảng 15% là minh chứng

cho việc làng nghề đã thoát ly khỏi sự phụ thuộc vào đất đai để bước vào kỷ nguyên công nghệ và giao thương toàn cầu. Tuy nhiên, sự biến đổi này không diễn ra đồng đều: các thành tố vật chất (công nghệ, sản phẩm) biến đổi nhanh chóng, trong khi các thành tố phi vật thể (tín ngưỡng, đạo đức nghề nghiệp) có sự chọn lọc và tái cấu trúc bền bỉ để giữ gìn căn tính địa phương.

3. Quá trình tái cấu trúc không gian và nghịch lý của quá trình đô thị hóa làng nghề

Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa tại chỗ đã tái định hình toàn bộ cảnh quan văn hóa làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân. Sự chuyển dịch từ phương thức sản xuất truyền thống "3 cùng" (cùng ở, cùng làm, cùng bán) sang các khu, cụm công nghiệp chuyên biệt là một tất yếu khách quan để đáp ứng quy mô sản xuất hàng hóa lớn. Tuy nhiên, luận án cũng chỉ ra nghịch lý của quá trình này: sự tích lũy kinh tế và việc tu bổ di tích khang trang lại đang tỷ lệ nghịch với sự toàn vẹn của cảnh quan văn hóa nguyên hợp. Không gian sản xuất hiện đại với sự hỗ trợ của máy móc công suất lớn đã phá vỡ sự tĩnh lặng và tính tự nhiên của làng nghề xưa. Sự mất mát của các "không gian di sản" gắn liền với môi trường tự nhiên đòi hỏi một tư duy quản trị mới, nơi mà sự phát triển kinh tế phải đi đôi với việc gìn giữ các giá trị thẩm mỹ và sinh thái của một làng nghề nghìn năm tuổi.

4. Sự kiến tạo truyền thống và biến chuyển tâm thức phi vật thể trong bối cảnh hội nhập

Phát hiện nổi bật của luận án về phương diện văn hóa phi vật thể chính là hiện tượng "kiến tạo truyền thống" thông qua sự xuất hiện của tín ngưỡng thờ Tổ nghề Hoàng Sùng. NCS lập luận rằng đây là một chiến lược thích ứng văn hóa sâu sắc: cộng đồng cư dân đã kiến tạo một biểu tượng tâm linh mới để làm điểm tựa cho uy tín thương hiệu và đạo đức nghề nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh thị trường khốc liệt. Bên cạnh đó, các mối quan hệ xã hội đã chuyển

từ phạm vi "hộ hàng - lán giềng" sang mạng lưới "doanh nghiệp - đối tác", hình thành nên một thể hệ thợ đá có tư duy kinh tế và năng lực hội nhập cao. Tuy vậy, luận án cũng cảnh báo về sự suy giảm của "bí quyết nghề" khi tri thức dân gian bị thương mại hóa và phổ quát hóa. Sự đứt gãy tính chân xác trong từng nhát đục thủ công là một mất mát vô hình nhưng vô cùng lớn đối với giá trị di sản phi vật thể của Ninh Vân.

5. Những hệ lụy đa chiều và bài toán phát triển bền vững

Dưới lăng kính Văn hóa học, luận án đã phân tích trực diện các tác động nghịch chiều của biến đổi văn hóa. Sự ô nhiễm môi trường (bụi đá "sương mù") và tiếng ồn không chỉ là vấn đề kỹ thuật mà là sự khủng hoảng sinh thái văn hóa, đe dọa trực tiếp đến sự chung sống hài hòa của cộng đồng. Sự rạn nứt cấu trúc quan hệ nghĩa tình làng xã dưới áp lực của lợi nhuận và sự biến dạng của di sản dưới tác động của công nghệ CNC là những vấn đề cần được giải quyết bằng các chính sách văn hóa đồng bộ. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng: Ninh Vân chỉ có thể thực sự trở thành một phần của Thành phố di sản thiên niên kỷ khi làng nghề giải quyết được mâu thuẫn giữa bảo tồn căn tính và phát triển kinh tế số. Việc giữ lấy "linh hồn" của đá phải đi đôi với việc xây dựng một môi trường văn hóa nhân văn và sinh thái bền vững.

6. Giá trị khoa học và thực tiễn của luận án

Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống, liên ngành và cập nhật về biến đổi văn hóa làng nghề đá Ninh Vân đến mốc thời gian 2025.

Về mặt lý luận: Luận án góp phần minh chứng và làm phong phú thêm các lý thuyết về biến đổi văn hóa, hiện đại hóa và thích ứng văn hóa trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển.

Về mặt thực tiễn: Bộ dữ liệu thực địa phong phú cùng các đề xuất giải pháp trong luận án là nguồn tài liệu quý giá cho các nhà quản lý trong việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội địa phương, gắn bảo tồn di sản

với phát triển du lịch bền vững.

Cuối cùng, dù vẫn còn những hạn chế về phạm vi so sánh với các làng nghề đá khác trong khu vực, luận án đã mở ra những hướng nghiên cứu mới về văn hóa làng nghề trong kỷ nguyên kinh tế tri thức và công nghệ tự động hóa.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Ngô Thị Kim Tuyền (2024), “Biến đổi văn hóa sinh kế - làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân”, Tạp chí *Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*, số 01, tr.170-178.
2. Ngô Thị Kim Tuyền (2024), “Vài nét về di tích đá không mái ở Ninh Vân, Hoa Lư, Ninh Bình”, Tạp chí *Lý luận phê bình Văn học, nghệ thuật*, số 06, tr.127-131.
3. Ngô Thị Kim Tuyền (2024), “Biến đổi tín ngưỡng, lễ hội làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân”, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 581, tr.32-35.
4. Ngô Thị Kim Tuyền (2024), “Những vấn đề đặt ra cho làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong quá trình biến đổi văn hóa”, Tạp chí *Giáo dục và Xã hội*, số 161, tr.283-288.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Nguyễn Lâm Tuấn Anh, Nguyễn Thị Minh Phương (2006), *Một số yếu tố văn hóa và giáo dục ảnh hưởng đến sự phát triển làng - xã*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Trần Thị Vân Anh (2012), *Nghề đúc làng Tống Xá (xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định)*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
3. Toan Ánh (1992), *Nếp cũ làng xóm Việt Nam*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Quang Ân (2003), *Việt Nam, những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính (1945-2002)*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (2021), *Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 về bảo tồn, phát huy giá trị Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An*, Ninh Bình .
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình (2023), *Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 23/8/2023 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 - 2030*, Ninh Bình.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Ninh Vân (1999), *Lịch sử Đảng bộ xã Ninh Vân* (1999), Ninh Bình.
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
10. Ban Tuyên giáo tỉnh Ninh Bình (2012), *Kỷ yếu Hội thảo Ninh Bình - 20 năm đổi mới và phát triển*.

11. Lã ĐăngBAT (2007), *Ninh Bình một vùng sơn thủy hữu tình*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
12. Lã ĐăngBAT (2007), *Di tích danh thắng Hoa Lư, Ninh Bình*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
13. Lã ĐăngBAT (2011), *Tuyển tập đất và người Ninh Bình*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
14. Phan Gia Bền (1957), *Sơ thảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam*, Nxb Văn Sử Địa, Hà Nội.
15. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
16. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2006), Thông tư số 116/2006/TT-BNN, ngày 18/12/2006 về *phát triển ngành nghề nông thôn*.
17. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), *Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay*, Nxb Văn hoá Thông tin và Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Phương Châm, Đỗ Thị Lan Phương (2016), *Làng ven đô và sự biến đổi văn hóa (trường hợp làng Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Đặng Kim Chi (Chủ biên) (2005), *Làng nghề Việt Nam và môi trường*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
20. Đinh Thị Vân Chi (2012), *Văn hóa kinh tế làng nghề: thách thức và giải pháp trong bối cảnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
21. Chính phủ (2018), *Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về Phát triển ngành nghề nông thôn*, Hà Nội.
22. C.Mác và Ph. Ăng ghen (1996), *Toàn tập, T27*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

23. C.Mác và Ph. Ăng ghen (1998), *Toàn tập, T46, phần 1*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

24. Phan Đại Doãn (2010), *Làng xã Việt Nam, một số vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

25. Bùi Thị Dung (2007), *Quản lý hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở các làng nghề huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

26. Bùi Thị Dung (2016), *Biến đổi văn hóa làng Phương La (huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình)*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

27. Đinh Xuân Dũng (2005), *Xây dựng làng văn hóa ở đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

28. Phạm Việt Duy (2011), *Nghiên cứu áp dụng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bệnh nghề nghiệp ở các làng nghề đá thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Hóa học, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

29. Phạm Thị Duyên (2018), *Bảo vệ và phát huy giá trị làng nghề đá mỹ nghệ đá Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa, Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương.

30. Bùi Xuân Đính (2008), *Hành trình về làng Việt cổ*, Nxb Từ điển bách khoa và Viện Văn hóa, Hà Nội, tập 1 (Các làng quê Xứ Đoài).

31. Bùi Xuân Đính (Chủ biên), (2009), *Làng nghề thủ công huyện Thanh Oai (Hà Nội)- truyền thống và biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

32. Bùi Xuân Đính (2009), “Người Việt và đô thị vùng Đông Bắc”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 5, tr.14-16.

33. Bùi Xuân Đính (Chủ biên) (2013), *Bát Tràng - làng nghề, làng văn*, Nxb Hà Nội.

34. Bùi Xuân Đính (2013), “Nhìn lại việc nghiên cứu về làng Việt”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 5, tr.26-29.
35. Bùi Xuân Đính (2020), *Làng Việt ở Bắc Bộ truyền thống và biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
36. Bùi Xuân Đính, (2021), *Bách khoa thư làng Việt cổ truyền*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
37. Đỗ Danh Gia (2011), *Một số lễ hội điển hình ở Ninh Bình*, Nxb Lao động, Hà Nội.
38. Vũ Thanh Hà (2005), *Làng Nhị Khê với nghề tiện truyền thống*, , Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
39. Nguyễn Thị Hải (2015), *Tác động của nghề chế biến nông sản đến đời sống văn hóa - xã hội làng Dương Liễu, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
40. Nguyễn Quang Hải (2003), *Di sản bảo tồn mỹ nghệ đá Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, Ninh Bình*, Sở Văn hóa Thông tin Ninh Bình, tài liệu nghiên cứu.
41. Đỗ Thị Hảo (2003), “Những nét văn hóa độc đáo trong các làng nghề thủ công truyền thống”, Tạp chí *Di sản văn hóa*, số 5, tr.50-53.
42. Trương Minh Hằng (1998), *Làng gốm Phù Lãng*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Hà Nội.
43. Trương Minh Hằng (2006), *Làng nghề thủ công mỹ nghệ miền Bắc*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
44. Phạm Văn Hiệp (2001), *Làng nghề Cúc Bồ trong cảnh quan văn hoá xứ Đông*, Luận án tiến sĩ Dân tộc học, Viện Dân tộc học.
45. Hồ Hoàng Hoa (Chủ biên) (2004), *Vấn đề bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống ở Nhật Bản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. Nguyễn Thị Thanh Hòa (2020), *Văn hóa ứng xử trong nghề chế biến nông sản của cư dân làng Mậu Hòa (xã Minh Khai, huyện Hoài Đức, thành phố*

Hà Nội), Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

47. Trịnh Thị Hồng (2013), *Giải pháp chính sách ô nhiễm môi trường tại làng chế tác đá Ninh Vân - Hoa Lư*, Luận văn thạc sĩ, Ngành Luật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

48. Mai Thế Hồn (Chủ biên) (2003), *Phát triển làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa Hà Nội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

49. Tô Duy Hợp (Chủ biên) (1997), *Ninh Hiệp truyền thống và phát triển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

50. Tô Duy Hợp (Chủ biên), (2000), *Sự biến đổi của làng xã Việt Nam ngày nay ở đồng bằng sông Hồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

51. Hoàng Quốc Huy (2019), *Nghề gốm ở làng Trạo Hà, phường Đức Chính, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

52. Nguyễn Văn Huyền (2017), *Văn minh Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

53. Huyện ủy Hoa Lư (2024), *Báo cáo chính trị về định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Hoa Lư trong lộ trình thành lập Thành phố Hoa Lư*, Ninh Bình.

54. Nguyễn Đắc Hưng (2017), *Văn hóa làng và nhân cách người Việt*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật.

55. Nguyễn Thị Lan Hương (2009), *Làng nghề sơn quang Cát Đằng (truyền thống và biến đổi)*, Luận án tiến sĩ Văn hóa Dân gian, Viện Nghiên cứu Văn hóa.

56. Nguyễn Thừa Hỷ (2014), “Tiếp biến văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lý thuyết hệ thống”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 9, tr.93-94.

57. Vũ Ngọc Khánh (1991), *Lược truyện thần tổ các ngành nghề*, Nxb

Khoa học xã hội, Hà Nội.

58. Phùng Việt Khánh (2017), *Đánh giá tác động của hoạt động chạm khắc đá đến sức khỏe cộng đồng tại xã Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường.

59. Phạm Kim Kích, *Nhật ký về Ninh Vân*, lưu tại phòng Văn hóa xã Ninh Vân.

60. Nguyễn Văn Kim (2016), *Tiếp biến và Hội nhập văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

61. Nguyễn Thái Lai (2002), *Làng tranh Đông Hồ*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.

62. Vũ Tự Lập (Chủ biên) (1991), *Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Hồng*, Nxb Khoa học xã hội.

63. Nguyễn Đình Lê (2000), *Biến đổi kinh tế và nếp sống văn hóa ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong thời gian qua*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

64. Phan Huy Lê, Nguyễn Quang Ngọc, Nguyễn Đình Chiên (1995), *Gốm Bát Tràng thế kỷ XVI - XIX*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

65. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (2020), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, Nxb Đại học Quốc Gia TP.HCM

66. Phan Ngọc Liên (Chủ biên) (2000), *Từ điển phổ thông ngành nghề truyền thống*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

67. Ngô Vi Liễn (1999), *Tên làng xã và địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*, bản dịch, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

68. Phạm Thị Loan (2004), *Nghề thủ công truyền thống chạm khắc đá ở xã Ninh Vân (Hoa Lư, Ninh Bình) từ 1986 - 2003*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.

69. Đỗ Long - Trần Hiệp (1993), *Tâm lý cộng đồng làng và di sản*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

70. Vũ Ngọc Khánh (2018), *Văn hóa làng ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc
71. Tạ Long (chủ biên) (2008), *Sự phát triển của làng La Phù*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
72. Lê Hồng Lý (Chủ biên) (1999), *Làng nghề thủ công mỹ nghệ đồng bằng sông Hồng - tiềm năng, thực trạng và một số kiến nghị*. Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian, Hà Nội.
73. Lê Hồng Lý (Chủ biên) (2000), *Văn hóa truyền thống làng Đông Kỵ*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
74. Lê Hồng Lý (2007), “Làng nghề, phố nghề Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1, tr.22-24.
75. Vũ Duy Mền (2018), *Tìm lại làng Việt xưa*, Nxb Khoa học xã hội
76. Lâm Bá Nam (1993), *Nghề dệt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Sử học, Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
77. Phạm Thị Bích Ngọc (2012), *Làng chạm khắc đá Ninh Vân*, Luận văn thạc sĩ Việt Nam học, Viện Việt Nam học & Khoa học phát triển (thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội).
78. Trần Đức Ngôn (Chủ biên) (2007), *Những biến đổi về giá trị văn hóa truyền thống ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Đinh Xuân Nghiêm (Chủ biên) (2010), *Một số chính sách chủ yếu phát triển bền vững làng nghề ở Việt Nam*, Đề tài cấp Bộ.
80. Nguyễn Văn Ngự (2017), *Nghề làm giấy da ở hai làng Giẽ Thượng và Giẽ Hạ (xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội)*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.
81. Đỗ Thị Tuyết Nhung (2005), *Làng chạm bạc Đồng Sâm ở Thái Bình*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

82. Hoàng Phê (Chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Đà Nẵng
83. Philippe Papin - Olivier Tessier (Chủ biên), (2002), *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: Vấn đề còn bỏ ngỏ*, Nxb Lao động, Xã hội, Hà Nội.
84. Pierre Gourou (2003), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, bản dịch, Hội khoa học Lịch sử Việt Nam, Viện Viễn Đông Bác cổ, Nxb Trẻ thành phố Hồ Chí Minh.
85. Nguyễn Hồng Phong (1959), *Xã thôn Việt Nam*, Nxb Văn sử địa.
86. Nguyễn Đình Phúc (2015), *Làng nghề cơ khí - mộc dân dụng Đại Tự* (xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội), Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, tại Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
87. Vũ Huy Phúc (1996), *Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam (1858 - 1945)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
88. Dương Bá Phượng (2001), *Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
89. Lương Hồng Quang (chủ biên) (2011), *Câu chuyện làng Giang*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
90. Trần Thị Kim Quế (2017), *Văn hoá làng nghề ở Nam Định, truyền thống và biến đổi (nghiên cứu trường hợp làng nghề chạm khắc gỗ La Xuyên, đúc đồng Tống Xá, huyện Ý Yên)*, Luận án Tiến sĩ Văn hoá học, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.
91. Quốc sử quán triều Nguyễn (2003), *Đồng Khánh địa dư chí*, bản dịch, Nxb Thế giới, Hà Nội.
92. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, Nxb Thuận Hóa, Huế.
93. Nguyễn Thị Sáu (2005), *Làng thêu Quất Động*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

94. Sở Văn hóa Thông tin Ninh Bình (2002), *Chương trình bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể*, bản đánh máy, lưu tại Sở VH TT Ninh Bình.

95. Phạm Côn Sơn (2004), *Làng nghề truyền thống Việt Nam*, Nxb VHDT, Hà Nội.

96. Bùi Mạnh Tần (2009), *Nghiên cứu kết quả tìm việc làm của thanh niên nông thôn ở thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

97. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long (2013), *Chùa Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

98. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*, Hà Nội.

99. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.

100. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1906/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*, Hà Nội.

101. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030*, Hà Nội.

102. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*, Hà Nội.

103. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.

104. Bùi Văn Tiến (2012), *Phát triển làng nghề kinh tế ở Ninh Bình*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

105. Tỉnh ủy tỉnh Ninh Bình (2010), *Địa chí Ninh Bình*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

106. Phạm Thị Tú (2014), *Làng nghề làm bánh gai ở thị trấn Ninh Giang (huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương)*, Luận văn thạc sĩ Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

107. Đinh Công Tuấn (2015), *Biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

108. Đinh Công Tuấn (2018), *Biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*, Nxb Công an Nhân dân, HN.

109. Vũ Quốc Tuấn (Chủ biên) (2010), *Làng nghề phố nghề Thăng Long - Hà Nội trên đường phát triển*, Nxb Hà Nội.

110. Vũ Văn Tuyên (2012), *Làng nghề đúc đồng Trà Đông (xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa)*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

111. Trần Từ (1984), *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*, Nxb Hà Nội.

112. Trương Đình Tường (2004), *Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

113. Lê Thị Thảo (2014), *Nghề chạm khắc đá ở An Hoạch (huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa) thời trung đại*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội.

114. *Thần tích thần sắc làng Xuân Vũ*, lưu tại Thư viện Thông tin Khoa học xã hội.

115. *Thần tích thần sắc làng Chấn lữ*, lưu tại Thư viện Thông tin Khoa

học xã hội.

116. *Thần tích thần sắc làng Côn Lãng*, lưu tại Thư viện Thông tin Khoa học xã hội.

117. *Thần tích thần sắc làng Thiện Dương*, lưu tại Thư viện Thông tin Khoa học xã hội.

118. *Thần tích thần sắc làng Phú Lãng*, lưu tại Thư viện Thông tin Khoa học xã hội.

119. *Thần tích thần sắc làng Vũ Xá*, lưu tại Thư viện Thông tin Khoa học xã hội.

120. *Thần tích thần sắc làng Mai Xá*, lưu tại Thư viện Thông tin Khoa học xã hội.

121. Vũ Huy Thiều (1991), “Những biến đổi của làng nghề truyền thống”, Tạp chí *Văn học Thế giới*, số 2, tr.59-61.

122. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

123. Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin (2012), *Đồng khánh dư địa chí*, Viện nghiên cứu Hán Nôm.

124. Vũ Quốc Thúc (1951), *Nền kinh tế công xã Việt Nam*, bản dịch, Thư viện Xã hội học.

125. Nguyễn Thị Bích Thủy (2015), *Sự biến đổi văn hóa làng nghề truyền thống ở Hà Nội hiện nay (qua trường hợp làng Triều Khúc và Thiết Úng)*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

126. Nguyễn Trãi (1976), “Dư địa chí”, trong *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội

127. Vũ Từ Trang (2007), *Nghề cổ đất Việt*, Nxb VHNT, Hà Nội.

128. . Đặng Thị Đào Trang (2020), *Chính sách phát triển bền vững làng*

nghề từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam, Luận án Tiến sĩ chính sách công, Viện hàn lâm KHXH.

129. Trạm Y tế xã Ninh Vân (2024), *Báo cáo kết quả hoạt động Trạm Y tế xã Ninh Vân năm 2024*, bản đánh máy, lưu tại Trạm Y tế xã Ninh Vân.

130. Nguyễn Văn Trò (2004), *Ninh Bình - theo dòng lịch sử văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

131. Vũ Diệu Trung (2018), *Biến đổi văn hoá làng nghề ở châu thổ sông Hồng từ năm 1986 đến nay*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

132. Chu Quang Trứ (1997), *Tìm hiểu làng nghề thủ công điêu khắc cổ truyền*, Nxb Thuận Hóa. Huế.

133. UBND tỉnh Ninh Bình (2022), *Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 phê duyệt Đề án phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, định hướng đến năm 2045*, Ninh Bình.

134. UBND tỉnh Ninh Bình (2023), *Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 08/9/2023 triển khai thực hiện Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2023 - 2030*, Ninh Bình.

135. UBND tỉnh Ninh Bình (2024), *Văn bản số 312/UBND-VP3 ngày 15/5/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp làng nghề Ninh Vân và thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất*, Ninh Bình.

136. UBND xã Ninh Vân (2023), *Báo cáo tình hình nhiệm vụ kinh tế, xã hội*, Ninh Bình.

137. UBND xã Ninh Vân (2024), *Báo cáo tình hình nhiệm vụ kinh tế, xã hội*, Ninh Bình.

138. Khúc Thị Thanh Vân (2011), *Vai trò của vốn xã hội trong phát triển kinh tế hộ ở đồng bằng sông Hồng hiện nay*, Luận án tiến sĩ Xã hội học, Học viện Khoa học xã hội.

139. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1981), *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
140. Viện Nghiên cứu Văn hóa (2011), *Tổng tập nghệ và làng nghề truyền thống Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tập 1.
141. Viện Nghiên cứu Văn hóa (2011), *Tổng tập nghệ và làng nghề truyền thống Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tập 6.
142. Viện Sử học (1977), *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tập 1.
143. Viện Sử học (1990), *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời cận đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
144. Trần Quốc Vượng (Chủ biên) (1996), *Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị tổ nghề*, Nxb Hà Nội.
145. Đỗ Thị Hảo (2000), *Làng nghề, phố nghề Thăng Long - Hà Nội*, Bộ Văn hóa Thông tin và Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội.
146. Bùi Văn Vượng (1998), *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
147. Đỗ Thị Yên (2011), *Phát triển làng nghề thành phố Hoa Lư, Ninh Bình: Trường hợp làng nghề đá mỹ nghệ ở xã Ninh Vân*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế chính trị, Trường Đại học Kinh tế.
148. Đỗ Ngọc Yến (2015), *Biến đổi của làng nghề thủ công truyền thống Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.
149. Trần Minh Yến (2004), *Làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Tài liệu nước ngoài

150. Akgün, R.C. (2020), *Pierre Bourdieu's Theory of Culture and the Possibility of - Social Change* (Lý thuyết về thay đổi văn hóa của Pierre Bourdieu's).
151. Berry, J. W. (1997), *Lead Article: Immigration, Acculturation, and Adaptation* (Nhập cư, hòa nhập văn hóa và thích nghi), *Applied Psychology*, 46(1), pp. 5-34. (Tài liệu gốc cho Lý thuyết Thích ứng văn hóa).
152. Edward Bernett Tylor, (1871), *Primitive Culture* (Văn Hóa Nguyên Thủy), Publisher: J. Murray.
153. Endres Kirsten (2000), *Ritual, feast and politics in North Vietnam. Between ideology and tradition* (Nghĩ lễ và chính sách ở Bắc Việt Nam, giữa ý tưởng và đổi mới), Publisher: Lit Verlag.
154. Francis, E.K. (1961), *Prolegomena To A Theory Of Social Changea* (Khái quát lý thuyết về biến đổi xã hội) *Kyklos*, 14, 213-233.
155. Franz Boas (1911), *The Mind of Primitive Man* (Tư duy nguyên thủy), Publisher: Pantianos Classics.
156. Greenfield, P.M. (2011), *An Autobiographical Journeyn* (Hành trình tự truyện).
157. Homi K. Bhabha (1994), *Routledge Classics Series* (Sản phẩm truyền thống), Publisher: Routledge. *International Journal of Intercultural Relation*, No.29-2005
158. Jamieson Neil (1980), *The tradition village in Vietnam* (Làng truyền thống ở Việt Nam), *Vietnam forum*.
159. J.Bonnemaison (2000), *La géographie culturelle* (Địa lý văn hóa), PARIS Éditions du C.T.H.S.
160. Kroeber, A.L (1939), *Cultural and Natural Areas of Native North America* (Các khu vực văn hóa và tự nhiên của người bản địa Bắc Mỹ),

Published: University of California.

161. Kruse, T.P. (2019), *Community Transformation: Making Change* (Biến đổi cộng đồng: Tạo sự thay đổi).

162. Leto, L. (2020), *Rethinking Organizational Change From A Cultural Perspective: A Review Of Change Management And Cross-Cultural Management* (Nhìn nhận sự thay đổi của cơ cấu tổ chức theo góc nhìn văn hóa thông qua đánh giá cách quản lý các ngành văn hóa).

163. Malinowski, B. (1944), *A Scientific Theory of Culture and Other Essays* (Một lý thuyết khoa học về văn hóa và các tiểu luận khác), University of North Carolina Press, Chapel Hill.

164. Montero, D. (2013), *Some Elements of a Cultural Theory of Social Change* (Các yếu tố của lý thuyết biến đổi văn hóa, xã hội), International journal of social science and humanity, 52-58.

165. Oberschall, A.R. (1978), *Theories of Social Conflict* (Những lý thuyết về xung đột xã hội), Review of Sociology, 4, 291-315.

166. Simon, R.M. (2016), *The Conflict Paradigm in Sociology and the Study of Social Inequality: Paradox and Possibility* (Mô hình xung đột trong xã hội học và nghiên cứu bất bình đẳng xã hội: Nghịch lý và Khả năng), Theory in Action, 9, 1.

167. Radcliffe-Brown, A. R. (1952), *Structure and Function in Primitive Society* (Cấu trúc và Chức năng trong Xã hội sơ khai), Cohen & West, London.

168. Rostow, W. W. (1960), *The Stages of Economic Growth: A Non-Communist Manifesto* (Các giai đoạn tăng trưởng kinh tế: Một bản tuyên ngôn không cộng sản), Cambridge University Press, Cambridge.

169. Steward, J. H. (1955), *Theory of Culture Change: The Methodology of Multilinear Evolution* (Lý thuyết về sự thay đổi văn hóa: Phương pháp luận của sự tiến hóa đa tuyến tính), University of Illinois Press, Urbana.

170. Zuldin, M. (2019), *Ketimpangan Sebagai Penyebab Konflik: Kajian Atas Teori Sosial Kontemporer* (Bất bình đẳng như một nguyên nhân gây xung đột: Nghiên cứu các lý thuyết xã hội đương đại), Temali: Jurnal Pembangunan Sosial.

Tài liệu Internet

1. American Heritage Dictionary (Từ điển di sản Mỹ), <https://www.ahdictionary.com/word/search>.
2. <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/quan-diem-cua-cmac-ve-bien-doi-xa-hoi-va-van-dung-trong-nghien-cuu-ve-bien-doi-xa-hoi-o-viet-nam-hien-nay-p26251.html>.
3. <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=193408>

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

**BIẾN ĐỔI VĂN HÓA LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ NINH VÂN,
XÃ NINH VÂN, THÀNH PHỐ HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

PHỤ LỤC LUẬN ÁN

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

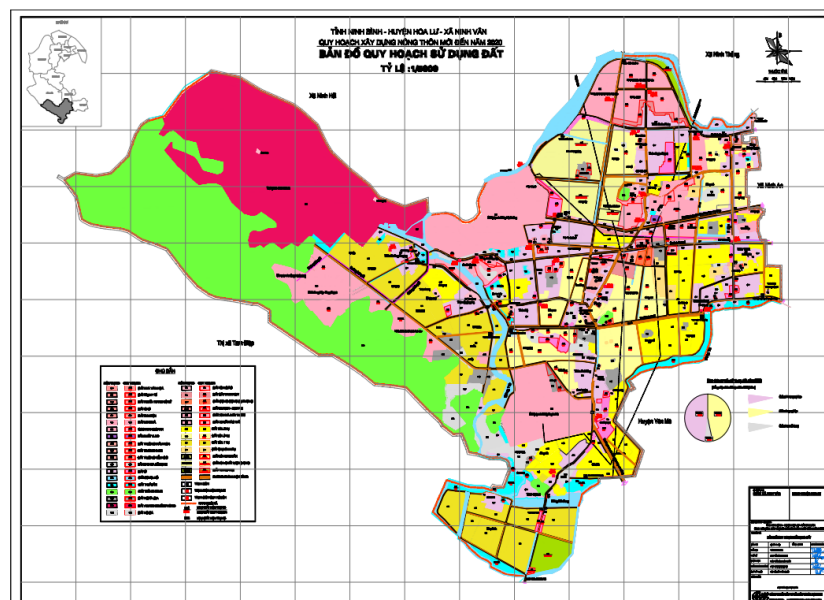
TT	Nội dung	Trang
1	Phụ lục 1: Bản đồ thành phố Hoa Lư	218
2	Phụ lục 2: Một số hình ảnh làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay	219
3	Phụ lục 3: Một số hình ảnh làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống	225
4	Phụ lục 4: Mẫu phiếu và tổng hợp phiếu khảo sát ý kiến	238
5	Phụ lục 5: Danh sách người được phỏng vấn sâu và hệ thống câu hỏi phỏng vấn sâu	265

Phụ lục 1

Bản đồ thành phố Hoa Lư



Ảnh 1: Bản đồ thành phố Hoa Lư – tỉnh Ninh Bình
(Nguồn: UBND xã Ninh Vân cung cấp)



Ảnh 2: Bản đồ xã Ninh Vân
(Nguồn: UBND xã Ninh Vân cung cấp)

Phụ lục 2

Một số hình ảnh làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân trong truyền thống



Ảnh 1: Cảnh làng Ninh Vân

(Nguồn: Do ông Trần Văn Lương cung cấp)



Ảnh 2: Cảnh làng Ninh Vân

(Nguồn: Do ông Trần Văn Lương cung cấp)



Ảnh 3, 4: Lễ hội Tam Thôn

(Nguồn: Do ông Trần Văn Lương cung cấp)



Ảnh 5, 6: Lễ hội Tam Thôn

(Nguồn: Do ông Trần Văn Lương cung cấp)



Ảnh 7,8,9,10: Phương thức khai thác và vận chuyển đá

(Nguồn: Do ông Trần Văn Lương cung cấp)



Ảnh 9, 10: Tốp thợ đá của làng nghề

(Nguồn: Do ông Trần Văn Lương cung cấp)



Ảnh 11: Nhà thờ Phát Diệm
(Nguồn Internet)



Ảnh 12: Nhà đá cổ
(Nguồn Internet)



Ảnh 13, 14: Chân tảng và cối xay bột

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 15, 16: Bia đá, bát hương, lọ hoa,...

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 17, 18: Bát hương, chân nền, tượng phật

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 19, 20: Nhang án, sập thờ

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 21, 22: Sập rồng, khánh đá

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 23: Búa tay (số 1); Nêm (số 2); Đục (số 3)
(Nguồn: NCS chụp 2025)



Ảnh 24: Công cụ Vồ
(Nguồn: NCS chụp 2025)



Ảnh 25: Các loại đục
(Nguồn: NCS chụp 2023)

Phụ lục 3

Một số hình ảnh làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân hiện nay

3.1. Cảnh quan không gian làng nghề



Ảnh 1, 2: Cổng làng và khu dân cư làng nghề

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 3, 4, 5, 6: Khu vực sản xuất, chế tác đá của làng nghề

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

3.2. Hình ảnh về các di tích

* Di tích tại làng Thượng



Ảnh 7, 8: Đình làng Thượng và không gian thờ tự

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 9, 10: Đền làng Thượng và không gian thờ tự

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 11, 12: Chùa Kim Tô làng Thượng và không gian thờ tự

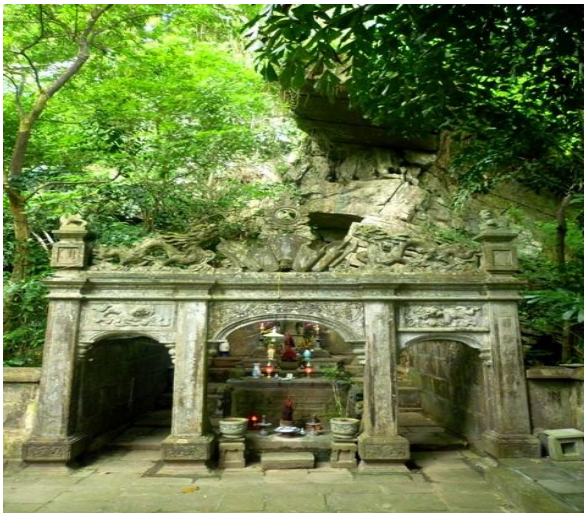
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

*** Di tích tại làng Hệ**



Ảnh 13,14: Đình làng Hệ và không gian thờ tự

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 15,16: Đền làng Hệ và không gian thờ tự

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 17, 18: Đền thờ Tổ nghề làng Hệ và không gian thờ tự

(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

*** Di tích tại làng Xuân Vũ**



Ảnh 419: Đình làng Xuân Vũ
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 20: Đền làng Xuân Vũ
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 21: Chùa làng Xuân Vũ
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

*** Di tích tại làng Phú Lăng**



Ảnh 22: Đình làng Phú Lăng
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 23, 24: Đền làng Phú Lăng
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 25, 26: Chùa làng Phú Lăng
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

3.3. Hình ảnh về lễ hội



Ảnh 27, 28, 29, 30, 31, 32: Lễ hội Tam Thôn
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

3.4. Sản phẩm làng nghề



Ảnh 33: Tượng La Hán tại chùa Bái Đính
(Nguồn: DN đá Hoàn Hảo cung cấp)



Ảnh 34: Tượng Phật
(Nguồn: DN đá Hoàn Hảo cung cấp)



Ảnh 35: Tượng Quan Âm
(Nguồn: DN đá Hoàn Hảo cung cấp)



Ảnh 36: Cuốn thư
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 37: Lăng mộ
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)



Ảnh 38: Tháp đá
(Nguồn: DN đá Bảo Châu cung cấp)



Ảnh 39: Tháp mộ
(Nguồn: DN đá Hợp Vũ cung cấp)



Ảnh 40: Tượng Hồ Chí Minh tại Nghệ An
 Ảnh 41: Cụm tượng đài chiến thắng Điện Biên Phủ
 (Nguồn: DN đá Hoàn Hảo cung cấp)



Ảnh 42: Tượng đài Mạc Cửu tại Kiên Giang
 Ảnh 43: Tượng đài Nguyễn Thị Lợi tại Thanh Hóa
 (Nguồn: DN đá Hoàn Hảo cung cấp)



Ảnh 44: Cụm tượng đài, phù điêu Chuông Bồn tại Nghệ An

Ảnh 45: Cụm tượng đài nữ anh hùng ngã ba Đồng Lộc

(Nguồn: DN đá Hoàn Hảo cung cấp)



Ảnh 46: Tượng đài hữu nghị
Việt Nam - Campuchia

(Nguồn: Báo Bazantravel.vn)

Ảnh 47: Tượng đài
Khát vọng thống nhất
ở Bờ Bắc Khu Di tích Quốc gia
đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương

(Nguồn: Internet)



Ảnh 48: Cổng khu du lịch Tràng An
(Nguồn: Mạng Internet)



Ảnh 49: Cổng khu du di tích ngã ba
Đồng Lộc
(Nguồn: DN đá Hoàn Hảo cung cấp)



Ảnh 50: Lâu đài đá
(Nguồn: Internet)



Ảnh 51: Khung nhà đá
(Nguồn: NCS chụp năm 2024)

3.5. Công cụ hiện đại



Ảnh 52, 53: Máy khoan, Máy mài
(Nguồn: NCS chụp 2024)



Ảnh 54, 55: Máy cầu đá và máy xẻ đá
(Nguồn: NCS chụp 2024)



Ảnh 56: Máy chạm, khắc CNC
(Nguồn: NCS chụp 2024)

3.6. Hình ảnh nghệ nhân và thợ đá Ninh Vân



Ảnh 57: Nghệ nhân Đỗ Đức Tạo
(Nguồn: Ông Đỗ Đức Tạo cung cấp)



Ảnh 58: Nghệ nhân Lã Huy Tuyên
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)



Ảnh 59: Ông Phạm Kim Đô
Chủ DN đá Kim Đô
(Nguồn: NCS Chụp năm 2025)



Ảnh 60: Nghệ nhân Phạm Văn Hoàn
(Nguồn: NCS chụp năm 2025)

Phụ lục 4

Mẫu phiếu và tổng hợp phiếu khảo sát

5.1. Mẫu phiếu khảo sát

PHIẾU KHẢO SÁT

NGHIÊN CỨU VĂN HÓA LÀNG NGHỀ ĐÁ MỸ NGHỆ, XÃ NINH VÂN TRONG TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN NAY

Trong khuôn khổ Luận án Tiến sĩ, ngành Văn hóa học tại Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, nghiên cứu sinh muốn khảo sát ý kiến của cộng đồng cư dân làng nghề Ninh Vân với mục đích làm rõ và khẳng định những giá trị văn hóa mang tính đặc trưng của một làng nghề đá.

Xin Quý vị vui lòng trả lời các câu hỏi trong phiếu đặt ra bằng cách tích vào các ô trống hoặc ghi vào các chỗ trống trong một số câu hỏi. Rất mong Quý vị dành thời gian trả lời các câu hỏi dưới đây.

Tác giả cam đoan, những thông tin trả lời của Quý vị dưới đây chỉ được nghiên cứu sinh sử dụng vào mục đích nghiên cứu của luận án này.

I. Thông tin cá nhân

1. Tuổi:; Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

2. Nghề nghiệp

Thợ thủ công	☐	Nghề nhân	☐
Nông dân	☐	Doanh nghiệp	☐

3. Địa chỉ nơi ở

Làng Làng Thượng	☐	Làng Xuân Vũ	☐
Làng Làng Hết	☐	Làng Hết	☐

II. Sự hiểu biết về giá trị văn hóa làng nghề xã Ninh Vân hiện nay

1. Ông/Bà cho biết làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân có từ bao giờ?

☐ Dưới 300 năm	☐ 300–500 năm
☐ Trên 500 năm	☐ Không rõ

2. Nghề đá ở làng được truyền từ thế hệ nào trong gia đình Ông/Bà?

☐ Ông bà	☐ Bố mẹ
☐ Tự học	☐ Trên đời ông bà

3. Ông/Bà có nghĩ nghề đá là truyền thống cốt lõi của làng không?

- ☐ Có ☐ Không ☐ Không chắc

4. Làng nghề Ông/Bà trước đây có tín ngưỡng thờ tổ nghề không?

- ☐ Có ☐ Không ☐ Không rõ

5. Theo Ông/Bà, việc thờ Tổ nghề có cần thiết không?

- ☐ Rất cần thiết ☐ Cần thiết ☐ Không cần thiết

6. Ông/Bà cho biết làng nghề hiện có những tín ngưỡng nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

- ☐ Thờ Hùng Vương ☐ Thờ thần núi (Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh)
☐ Nguyệt Nga công chúa ☐ Thờ Mẫu
☐ Thờ Tổ nghề - Hoàng Sùng ☐ Thờ Khổng Tử

7. Các hoạt động nào trước đây được tổ chức trong lễ hội Tam Thôn ?

- ☐ Kéo chữ ☐ Đánh lệu
☐ Xây đồn Cổ Loa ☐ Tất cả

8. Ngày nay hoạt động nào không còn trong lễ hội Tam Thôn?

- ☐ Kéo chữ ☐ Đánh lệu
☐ Xây đồn Cổ Loa ☐ Tất cả

9. Ông/Bà biết ở Ninh Vân trước đây có những di tích nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

- ☐ Đình làng ☐ Chùa làng ☐ Đền thờ tổ nghề
☐ Đền làng ☐ Văn chỉ ☐ Không rõ

10. Ông/Bà biết ở Ninh Vân hiện nay có những di tích nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

- ☐ Đình làng ☐ Chùa ☐ Đền thờ tổ nghề
☐ Đền ☐ Văn chỉ ☐ Không rõ

11. Nguyên nhân chính dẫn đến biến đổi di tích:

- ☐ Thiếu kinh phí ☐ Quy hoạch tự phát
☐ Thiếu quan tâm ☐ Thời tiết ☐ Khác:

12. Gia đình Ông/Bà có từng tham gia đóng góp tu bổ di tích không?☐ Có☐ Không→ Hình thức: ☐ Tài chính☐ Góp công sức**13. Môi quan hệ xã hội trong làng xưa chủ yếu diễn ra giữa:**

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

☐ Thợ – khách hàng☐ Người bán nguyên liệu – thợ☐ Trong họ ngoài làng☐ Thành viên trong HTX

Quan hệ giữa các gia đình thợ hiện nay như thế nào?

☐ Gắn bó☐ Bình thường☐ Cạnh tranh**14. Ông/Bà có nghĩ sự thay đổi trong quan hệ xã hội ảnh hưởng đến nghề đá không?**☐ Có☐ Không☐ Không rõ**15. Trước đây, làng chuyên làm các sản phẩm nào?**

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

☐ Đồ thờ☐ Lăng mộ☐ Phù điêu, tượng đài,..☐ Đồ gia dụng☐ Điêu khắc trang trí☐ Tượng thờ☐ Khác...**16. Sản phẩm nào hiện nay sản phẩm nào ít được sản xuất?**

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

☐ Đồ thờ☐ Lăng mộ☐ Phù điêu, tượng đài,..☐ Đồ gia dụng☐ Điêu khắc trang trí☐ Tượng thờ☐ Khác....**17. Sản phẩm nào được sản xuất nhiều hiện nay?**

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

☐ Đồ thờ☐ Lăng mộ☐ Phù điêu, tượng đài,..☐ Đồ gia dụng☐ Điêu khắc trang trí☐ Tượng thờ☐ Khác....**18. Nguồn nguyên liệu đá trước đây đến từ:**☐ Núi địa phương☐ Mua nơi khác☐ Không rõ**19. Nguồn nguyên liệu đá hiện nay đến từ:**☐ Núi địa phương☐ Mua nơi khác☐ Không rõ**20. Trước đây loại công cụ nào được sử dụng nhiều trong việc chế tác?**

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

- ☐ Bộ công cụ chế tác thủ công (Búa, mũi ve, đục, xà beng,...)
- ☐ Bút vẽ, thước đo, đá mài, giấy giáp,... ☐ Máy cắt, xẻ, đục, khoan máy,...
- ☐ Máy chạm, khắc CNC ☐ Máy tính (thiết kế đồ họa), máy mài,...

21. Hiện nay loại công cụ nào được sử dụng nhiều trong việc chế tác?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

- ☐ Bộ công cụ chế tác thủ công (Búa, mũi ve, đục, xà beng,...)
- ☐ Bút vẽ, thước đo, đá mài, giấy giáp,... ☐ Máy cắt, xẻ, đục, khoan máy,...
- ☐ Máy chạm, khắc CNC ☐ Máy tính (thiết kế đồ họa), máy mài,...

22. Nghề đá trước đây phát triển chính ở khu vực nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

- ☐ Các làng phía trong xã (gần núi) ☐ Các làng giữa xã ☐ Các làng cổ
- ☐ Các làng phía ngoài (gần đường quốc lộ) ☐ Tất cả các làng trong xã

23. Nghề đá hiện nay phát triển chính ở khu vực nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

- ☐ Các làng phía trong xã (gần núi) ☐ Các làng giữa xã ☐ Các làng cổ
- ☐ Các làng phía ngoài (gần đường quốc lộ) ☐ Tất cả các làng trong xã

24. Theo Ông/Bà, yếu tố nào giúp giữ nghề truyền thống?

- ☐ Chính sách nhà nước ☐ Truyền dạy cho thế hệ trẻ
- ☐ Đầu tư công nghệ ☐ Liên kết du lịch

25. Ông/Bà đồng tình với việc dịch chuyển làng nghề ra khu sản xuất tập trung không?

- ☐ Rất đồng tình ☐ Đồng tình
- ☐ Không đồng tình ☐ Không có ý kiến

26. Theo Ông/Bà, lý do chính để dịch chuyển làng nghề là gì?

- ☐ Ô nhiễm môi trường ☐ Ảnh hưởng đời sống dân cư
- ☐ Quản lý sản xuất dễ hơn ☐ Mở rộng quy mô
- ☐ Khác:.....

27. Nếu làng nghề bắt buộc phải chuyển đi sang khu quy hoạch mới, Ông/Bà có sẵn sàng chuyển đến nơi mới để làm nghề không?

- ☐ Có ☐ Còn tùy điều kiện

☐ Không muốn chuyển ☐ Không làm nghề nữa

28. Hiện nay trong gia đình Ông/Bà, có bao nhiêu người làm nghề đá?

☐ 0 người ☐ 1 người ☐ 2 người

☐ 3 người ☐ Trên 3 người

29. Theo Ông/Bà, yếu tố nào giúp giữ chân lao động trẻ gắn bó với nghề đá?

☐ Tăng thu nhập ☐ Cải thiện môi trường làm việc

☐ Hỗ trợ máy móc, kỹ thuật ☐ Tổ chức đào tạo nghề bài bản

☐ Vinh danh nghề truyền thống

30. Ông/Bà có sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa làng nghề trong thời gian tới không?

☐ Có ☐ Không

-----Hết-----

5.2. Tổng hợp phiếu khảo sát

BẢNG TỔNG HỢP PHIẾU KHẢO SÁT TẠI CÁC ĐIỂM NGHIÊN CỨU PHỤC VỤ ĐỀ TÀI LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Để làm rõ và khẳng định những giá trị văn hóa mang tính đặc trưng của một làng nghề đã tiêu biểu ở Ninh Bình, NCS đã xây dựng phiếu khảo sát ý kiến với 30 câu hỏi để lấy ý kiến từ phía cộng đồng và thu được kết quả đánh giá từ cộng đồng cư dân làng nghề, như sau:

Số TT	Làng	Phiếu phát ra	Phiếu Thu về	Ghi chú
1	làng Thượng	160	154	
2	làng làng Hệ	160	140	
3	làng Xuân Vũ	180	173	
4	làng Phú Lăng	160	156	
Tổng cộng		660	623	

I. Thông tin chung

I. Thông tin cá nhân

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Giới tính nam	386	62%
2	Giới tính nữ	237	38%
Tổng		623	100%

2. Nghề nghiệp

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Thợ thủ công	397	64%
2	Nghệ nhân	18	3%
3	Doanh nghiệp	38	6%
4	Cán bộ, viên chức, công chức	41	7%
5	Nông dân	56	9%
6	Nghề khác	73	12%
Tổng		623	100%

3. Địa chỉ nơi ở

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Làng Thượng	154	25%
2	Làng Hệ	140	22%
3	Làng Xuân Vũ	173	28%
4	Làng Phú Lăng	156	25%
Tổng		623	100%

II. Sự hiểu biết về giá trị văn hóa làng nghề xã Ninh Vân hiện nay

1. Ông/Bà cho biết làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân có từ bao giờ?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Dưới 300 năm	96	15%
2	300-500 năm	125	20%
3	Trên 500 năm	336	54%
4	Không rõ	66	11%
Tổng		623	100%

2. Nghề đá ở làng được truyền từ thế hệ nào trong gia đình Ông/Bà?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Trên đời ông bà	327	52%
2	Ông bà	132	21%
3	Bố mẹ	98	16%
4	Tự học	66	11%
Tổng		623	100%

3. Ông/Bà có nghĩ nghề đá là truyền thống cốt lõi của làng không?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Có	523	84%
2	Không	8	1%
3	Không chắc	92	15%
Tổng		623	100%

4. Làng nghề Ông/Bà trước đây có tín ngưỡng thờ tổ nghề không?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Có	84	13%
2	Không	396	64%
3	Không rõ	143	23%
Tổng		623	100%

5. Theo Ông/Bà, việc thờ Tổ nghề có cần thiết không?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Cần thiết	223	36%
2	Rất cần thiết	315	51%
3	Không cần thiết	85	14%
Tổng		623	100%

6. Ông/Bà cho biết làng nghề hiện có những tín ngưỡng nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Thờ Hùng Vương	489	78%
2	Thờ thần núi (Tản Viên, Cao Sơn, Quý Minh)	589	95%

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
3	Nguyệt Nga ông chúa	564	91%
4	Thờ Mẫu	289	46%
5	Thờ tổ nghề-Hoàng Sùng	301	48%
6	Thờ Khổng Tử	489	78%
Tổng		2721	437%

7. Các hoạt động nào trước đây được tổ chức trong lễ hội Tam Thôn ?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đánh liệ	353	57%
2	Kéo chữ	132	21%
3	Xây đồn cổ loa	138	22%
4	Tất cả	0	0%
Tổng		623	100%

8. Ngày nay hoạt động nào không còn trong lễ hội Tam Thôn?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đánh liệ	322	52%
2	Kéo chữ	164	26%
3	Xây đồn cổ loa	83	13%
4	Tất cả	54	9%
Tổng		623	100%

9. Ông/Bà biết ở Ninh Vân trước đây có những di tích nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đình	622	100%
2	Chùa	621	100%
3	Đền	621	100%
4	Văn chỉ	489	78%
5	Đền thờ tổ nghề	67	11%
6	Không rõ	0	0%
Tổng		2420	388%

10. Ông/Bà biết ở Ninh Vân hiện nay có những di tích nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
	Đình	623	622	100%
2	Chùa	623	621	100%
3	Đền	623	621	100%
4	Văn chỉ	623	336	54%
5	Đền thờ tổ nghề	623	321	52%
6	Không rõ	623	0	0%

11. Nguyên nhân chính dẫn đến biến đổi di tích?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Thiếu kinh phí	73	12%
2	Thiếu quan tâm	25	4%
3	Quy hoạch tự phát	362	58%
4	Thời tiết	132	21%
5	Khác	31	5%
Tổng		623	100%

12. Gia đình Ông/Bà có từng tham gia đóng góp tu bổ di tích không?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Có	418	67%
2	Không	205	33%
Tổng		623	100%

13. Môi quan hệ xã hội trong làng xưa chủ yếu diễn ra giữa:

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Thợ-khách hàng	102	16%
2	Người bán nguyên liệu – thợ	96	15%
3	Trong họ ngoài làng	231	37%
4	Thành viên trong HTX	194	31%
Tổng		623	100%

14. Ông/Bà có nghĩ sự thay đổi trong quan hệ xã hội ảnh hưởng đến nghề đá không?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Có	384	62%
2	Không	174	28%
3	Không rõ	65	10%
Tổng		623	100%

15. Trước đây, làng chuyên làm các sản phẩm nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đồ thờ	623	529	85%
2	Đồ gia dụng	623	586	94%
3	Lăng mộ	623	181	29%
4	Điêu khắc trang trí	623	126	20%
5	Phù điêu, tượng đài,..	623	0	0%
6	Tượng thờ	623	194	31%
7	Khác	623	294	47%

16. Sản phẩm nào hiện nay sản phẩm nào ít được sản xuất?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đồ thờ	623	114	18%
2	Đồ gia dụng	623	15	2%
3	Lăng mộ	623	587	94%
4	Điêu khắc trang trí	623	226	36%
5	Phù điêu, tượng đài,..	623	345	55%
6	Tượng thờ	623	394	63%
7	Khác	623	126	20%

17. Sản phẩm nào được sản xuất nhiều hiện nay?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đồ thờ	623	117	19%
2	Đồ gia dụng	623	10	2%
3	Lăng mộ	623	587	94%
4	Điêu khắc trang trí	623	287	46%
5	Phù điêu, tượng đài,...	623	345	55%
6	Tượng thờ	623	407	65%
7	Khác	623	126	20%

18. Nguồn nguyên liệu đá trước đây đến từ:

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Núi địa phương	436	70%
2	Mua nơi khác	129	21%
3	Không rõ	58	9%
Tổng		623	100%

19. Nguồn nguyên liệu đá hiện nay đến từ đâu?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Núi địa phương	96	15%
2	Mua nơi khác	527	85%
3	Không rõ	0	0%
Tổng		623	100%

20. Trước đây loại công cụ nào được sử dụng nhiều trong việc chế tác?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Bộ công cụ chế tác thủ công (Búa, mũi ve, đục, xà beng,..)	623	569	91%
2	Bút vẽ, thước đo, đá mài, giấy giáp,...	623	567	91%
3	Máy cắt, xẻ, đục, khoan máy,..	623	125	20%
4	Máy chạm, khắc CNC	623	0	0%
5	Máy tính (thiết kế đồ họa), máy mài,...	623	0	0%

21. Hiện nay loại công cụ nào được sử dụng nhiều trong việc chế tác?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Bộ công cụ chế tác thủ công (Búa, mũi ve, đục, xà beng,..)	623	85	14%
2	Bút vẽ, thước đo, đá mài, giấy giáp,...	623	165	26%
3	Máy cắt, xẻ, đục, khoan máy,..	623	615	99%
4	Máy chạm, khắc CNC	623	597	96%
5	Máy tính (thiết kế đồ họa), máy mài,...	623	559	90%

22. Nghề đá trước đây phát triển chính ở khu vực nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Các làng phía trong xã (gần núi)	623	443	71%
2	Các làng giữa xã	623	65	10%
3	Các làng cổ	623	115	18%
4	Các làng phía ngoài (gần đường quốc lộ)	623	0	0%
5	Tất cả các làng trong xã	623	0	0%

23. Nghề đá hiện nay phát triển chính ở khu vực nào?

Ông/ bà có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều đáp án nhiều đáp án

Stt	Phương án lựa chọn	Tổng số phiếu hỏi	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Các làng phía trong xã (gần núi)	623	0	0%
2	Các làng giữa xã	623	189	30%
3	Các làng cổ	623	156	25%
4	Các làng phía ngoài (gần đường quốc lộ)	623	398	64%
5	Tất cả các làng trong xã	623	599	96%

24. Theo Ông/Bà, yếu tố nào giúp giữ nghề truyền thống?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Chính sách nhà nước	97	16%
2	Truyền dạy cho thế hệ trẻ	482	77%
3	Đầu tư công nghệ	44	7%
4	Không có ý kiến	0	0%
Tổng		623	100%

25. Ông/Bà đồng tình với việc dịch chuyển làng nghề ra khu sản xuất tập trung không?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Đồng tình	341	55%
2	Rất đồng tình	282	45%
3	Không đồng tình	0	0%
4	Không có ý kiến	0	0%
Tổng		623	100%

26. Theo Ông/Bà, lý do chính để dịch chuyển làng nghề là gì?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Ô nhiễm môi trường	140	22%
2	Quản lý sản xuất dễ hơn	97	16%
3	Ảnh hưởng đời sống dân cư	104	17%
4	Mở rộng quy mô	282	45%
5	Khác	0	100%
Tổng		623	100%

27. Nếu làng nghề bắt buộc phải chuyển đi sang khu quy hoạch mới, Ông/Bà có sẵn sàng chuyển đến nơi mới để làm nghề không?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Phương án lựa chọn	530	85%
2	Còn tùy điều kiện	93	15%
3	Không muốn chuyển	0	0%
4	Không làm nghề nữa	0	0%
Tổng		623	100%

28. Hiện nay trong gia đình Ông/Bà, có bao nhiêu người làm nghề đá?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	0 người	25	4%
2	1 người	43	7%
3	2 người	129	21%
4	3 người	177	28%
5	trên 3 người	249	40%
Tổng		623	100%

29. Theo Ông/Bà, yếu tố nào giúp giữ chân lao động trẻ gắn bó với nghề đá?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Tăng thu nhập	385	62%
2	Cải thiện môi trường làm việc	43	7%
3	Hỗ trợ máy móc, kỹ thuật	128	21%
4	Tổ chức đào tạo nghề bài bản	55	9%
5	Vinh danh nghề truyền thống	12	2%
Tổng		623	100%

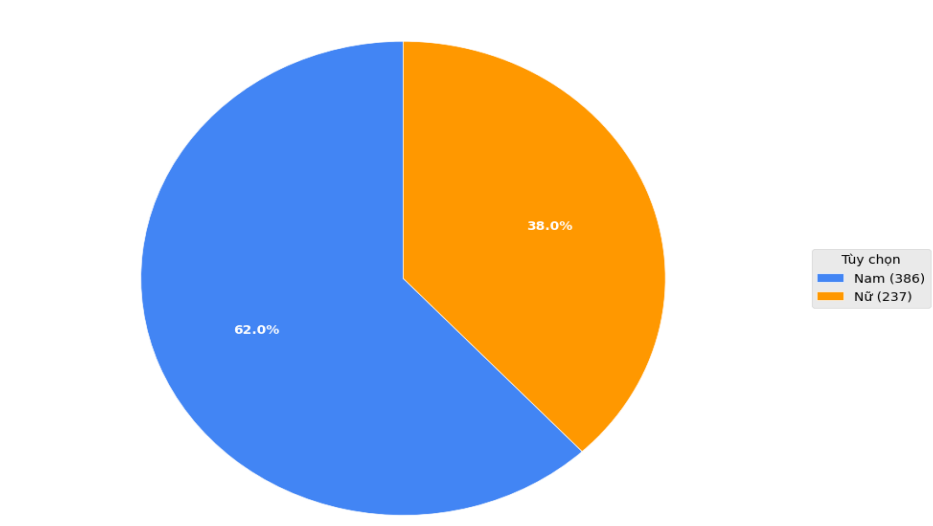
30. Ông/Bà có sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa làng nghề trong thời gian tới không?

Stt	Phương án lựa chọn	Kết quả trả lời	Tỷ lệ phiếu
1	Có	623	100%
2	không	0	0%
Tổng		623	100%

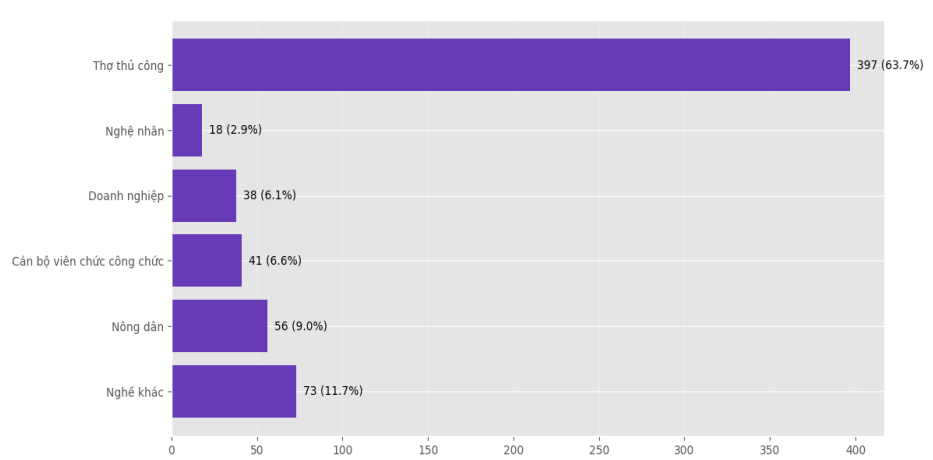
5.3. Biểu đồ phân tích kết quả phiếu khảo sát

I. Thông tin cá nhân

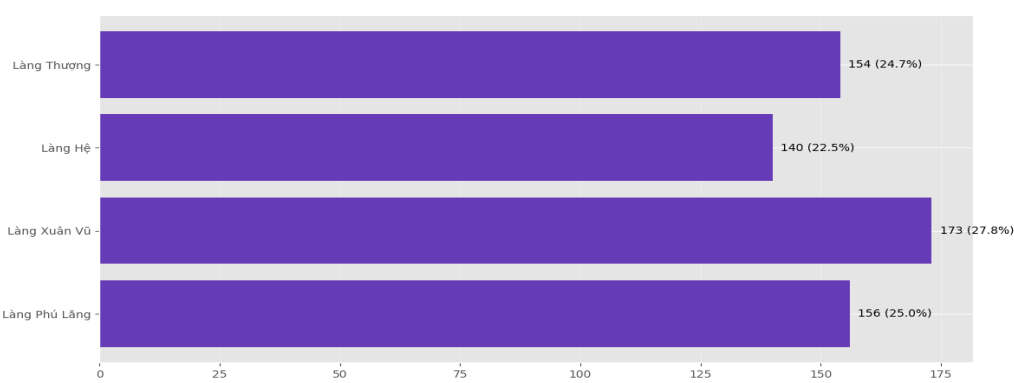
2. Giới tính
Tổng số phản hồi: 623



3. Nghề nghiệp
Tổng số phản hồi: 623

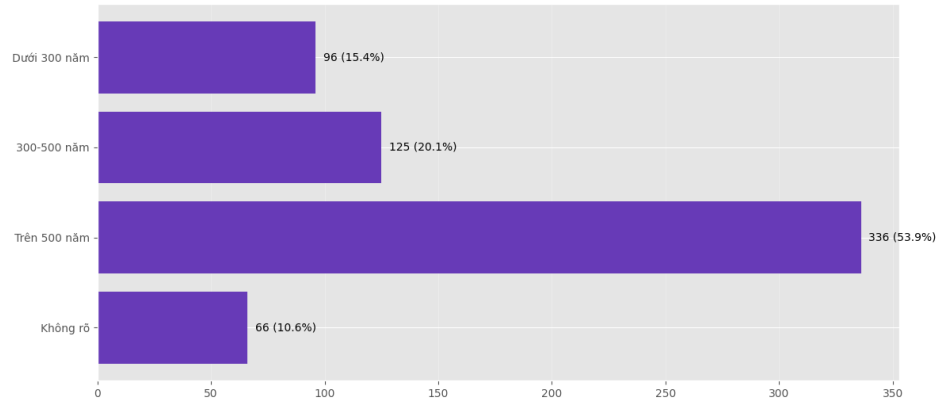


4. Địa chỉ nơi ở
Tổng số phản hồi: 623

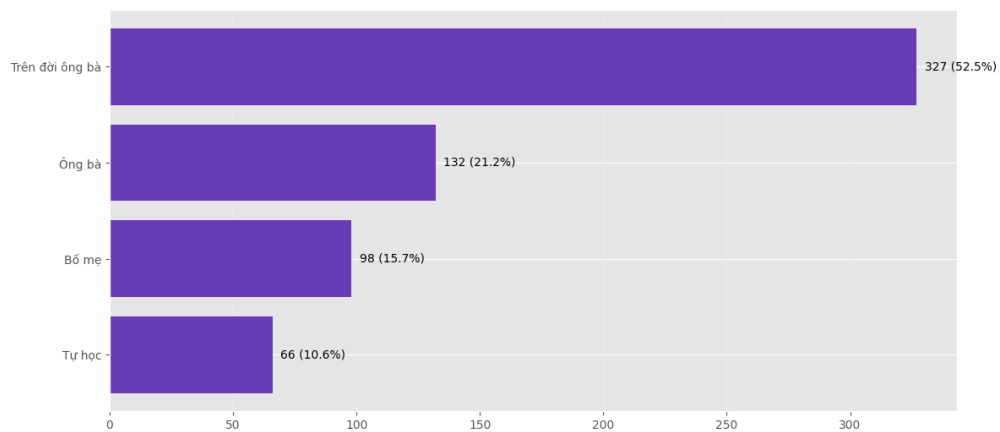


II. Sự hiểu biết về giá trị văn hóa làng nghề xã Ninh Vân hiện nay.

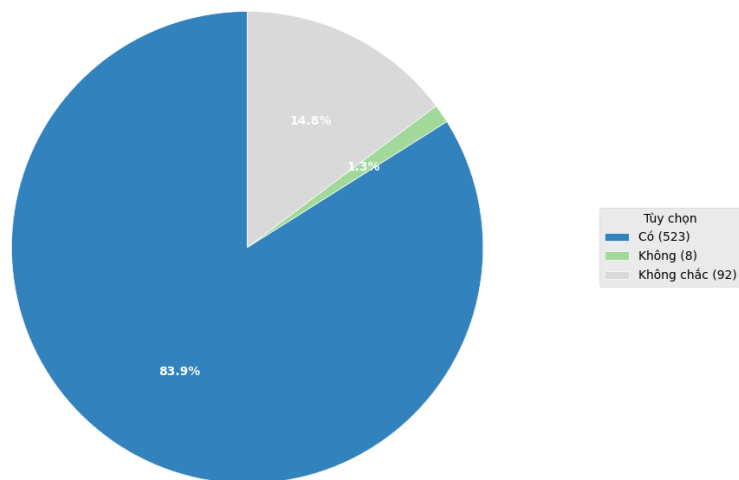
1. Ông/Bà cho biết làng nghề đá mỹ nghệ Ninh Vân có từ bao giờ?
Tổng số phản hồi: 623



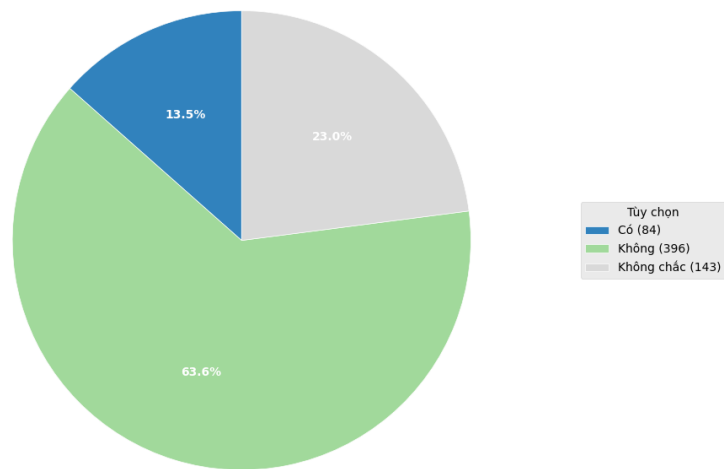
2. Nghề đá ở làng được truyền từ thế hệ nào trong gia đình Ông/Bà?
Tổng số phản hồi: 623



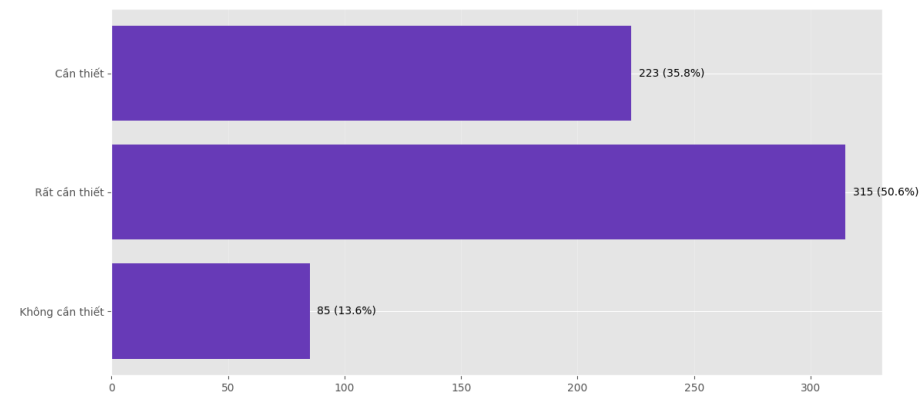
3. Ông/Bà có nghĩ nghề đá là nghề truyền thống cốt lõi của làng không?
Tổng số phản hồi: 623



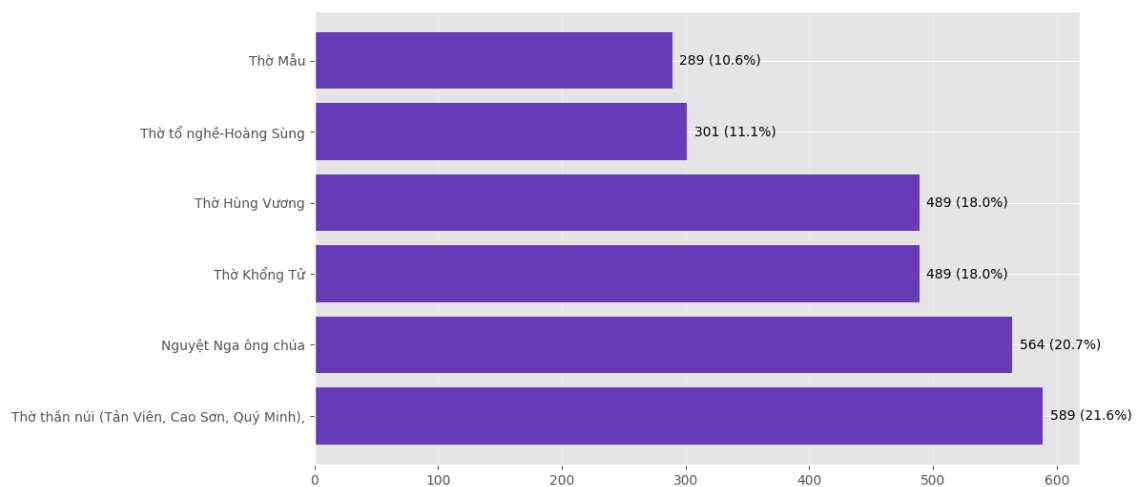
4. Làng nghề Ông/Bà trước đây có tín ngưỡng thờ tổ nghề không?
Tổng số phản hồi: 623



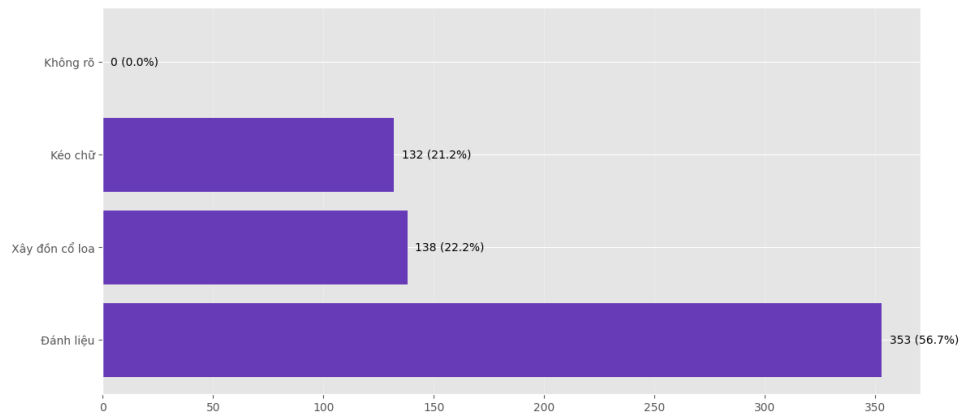
5. Theo Ông/Bà, việc thờ Tổ nghề có cần thiết không?
Tổng số phản hồi: 623



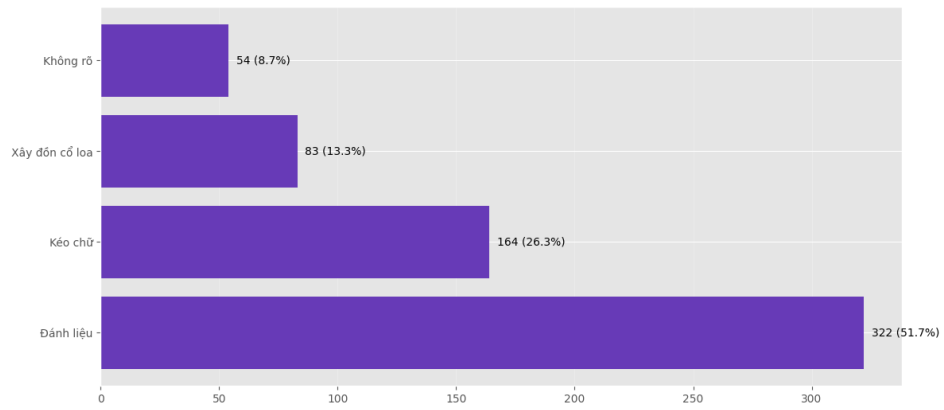
6. Ông/Bà cho biết làng nghề hiện có những tín ngưỡng nào?
Tổng số phản hồi: 623



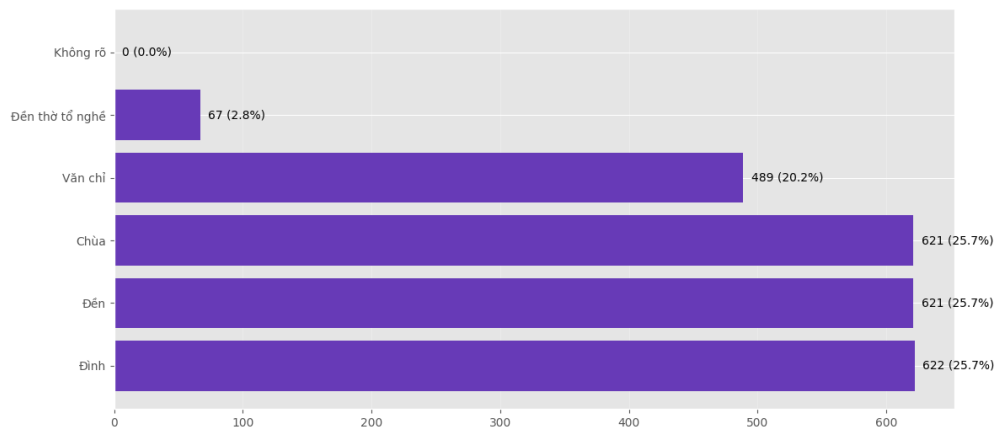
7. Các hoạt động nào trước đây được tổ chức trong lễ hội Tam Thôn ?
Tổng số phản hồi: 623



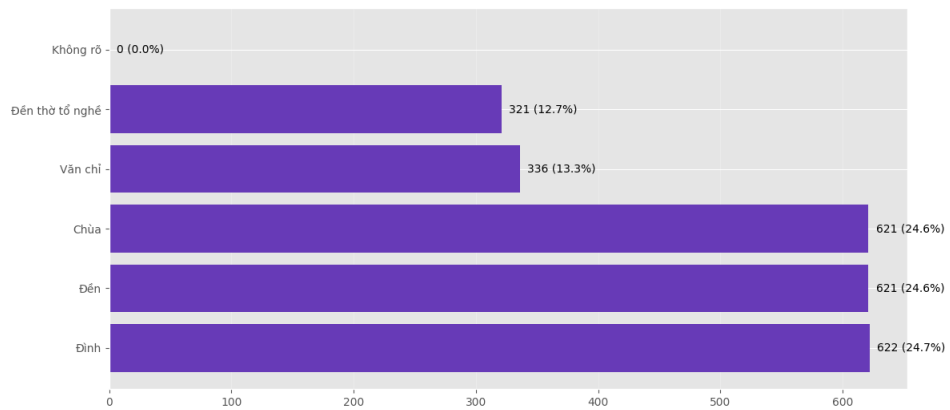
8. Các hoạt động nào hiện nay không còn trong lễ hội Tam Thôn ?
Tổng số phản hồi: 623



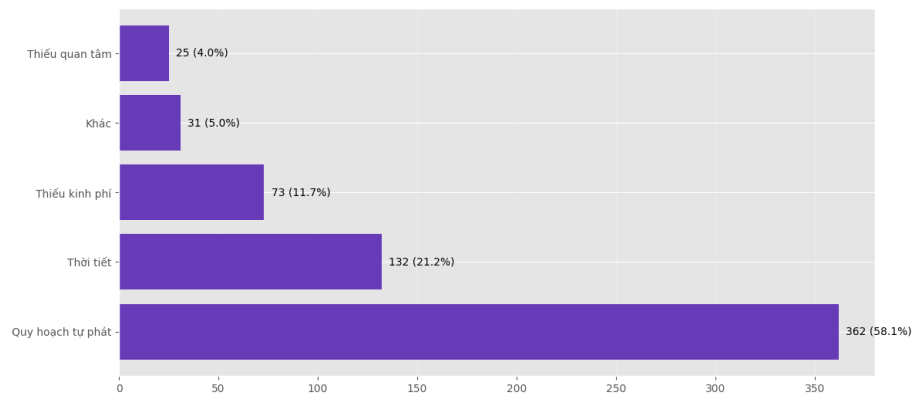
9. Ông/Bà biết ở Ninh Vân trước đây có những di tích nào?
Tổng số phản hồi: 623



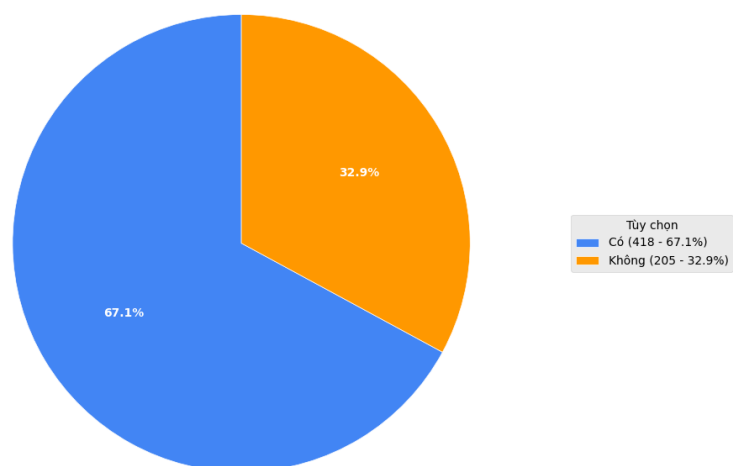
10. Ông/Bà biết ở Ninh Vân hiện nay có những di tích nào?
Tổng số phản hồi: 623



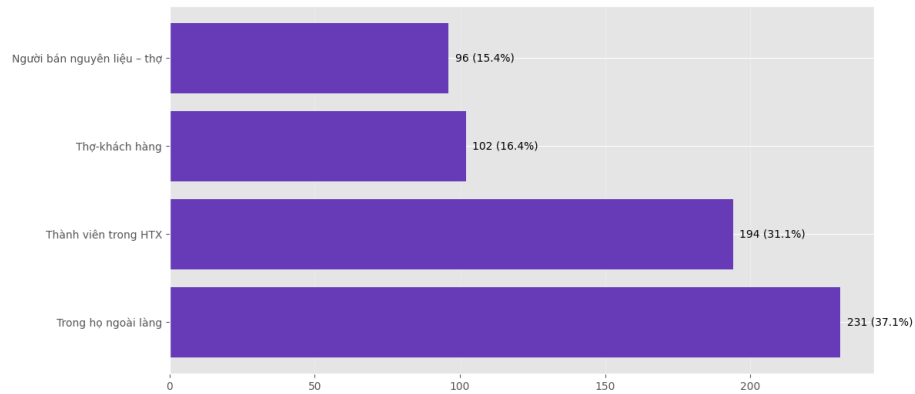
11. Nguyên nhân chính dẫn đến biến đổi di tích
Tổng số phản hồi: 623



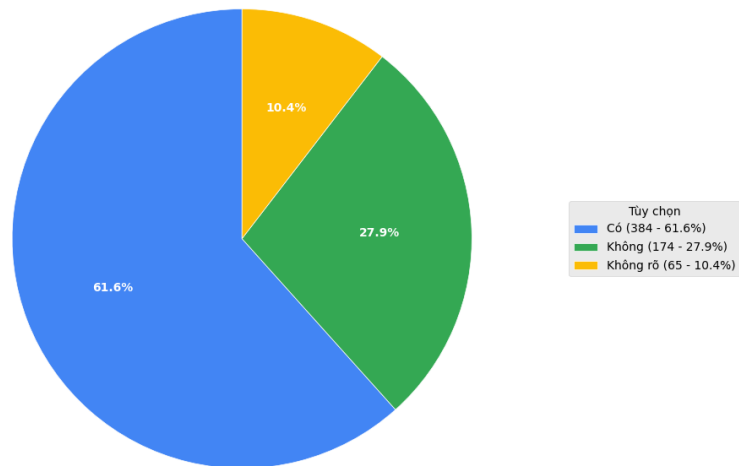
12. Gia đình Ông/Bà có từng tham gia đóng góp tu bổ di tích không?
Tổng số phản hồi: 623



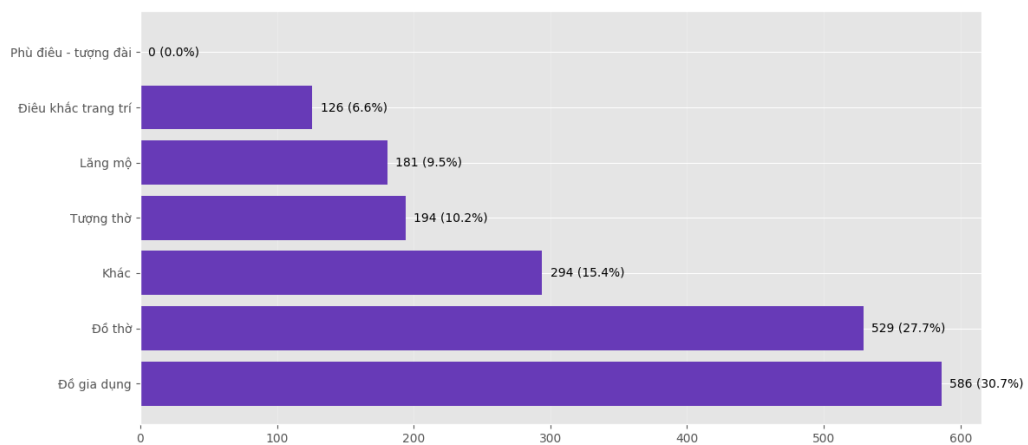
13. Mối quan hệ xã hội trong làng xưa chủ yếu diễn ra giữa
Tổng số phản hồi: 623



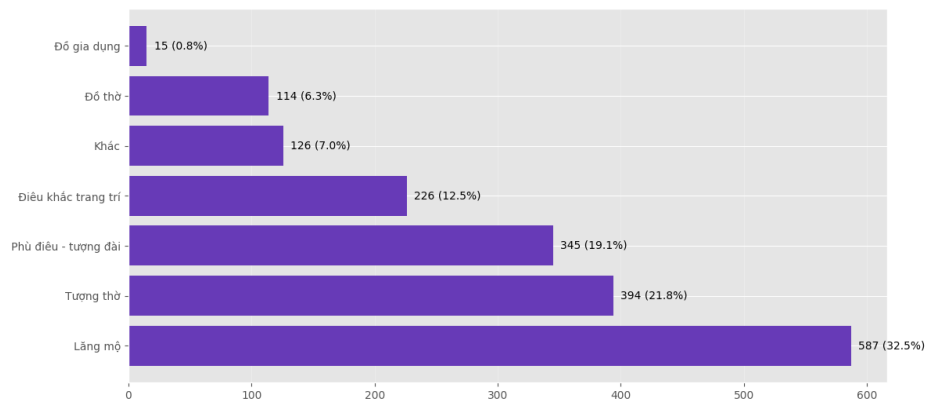
14. Ông/Bà có nghĩ sự thay đổi trong quan hệ xã hội ảnh hưởng đến nghề đá không?
Tổng số phản hồi: 623



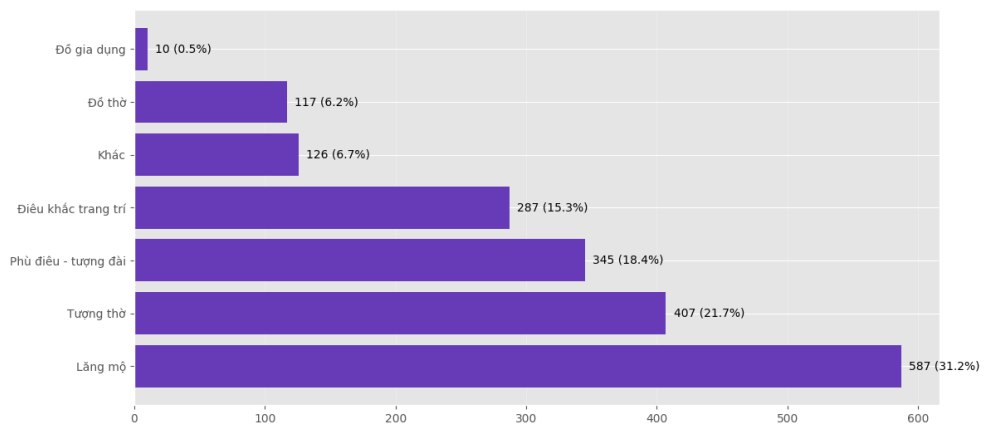
15. Trước đây, làng chuyên làm các sản phẩm nào?
Tổng số phản hồi: 623



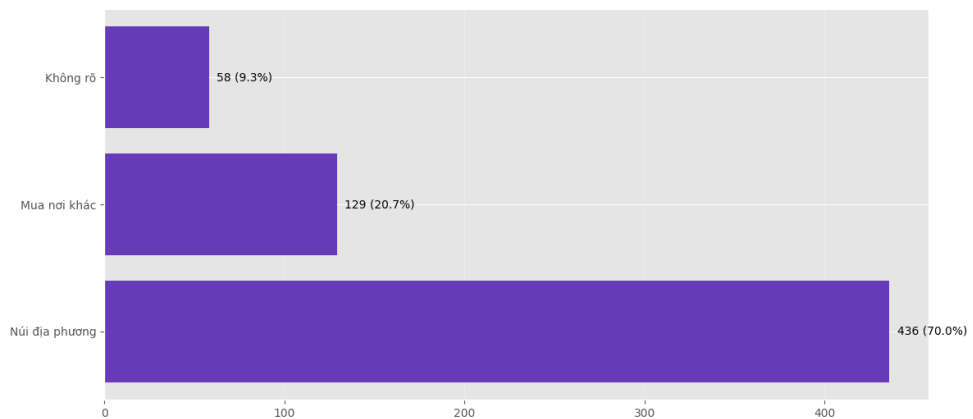
16. Sản phẩm nào hiện nay sản phẩm nào ít được sản xuất?
Tổng số phản hồi: 623



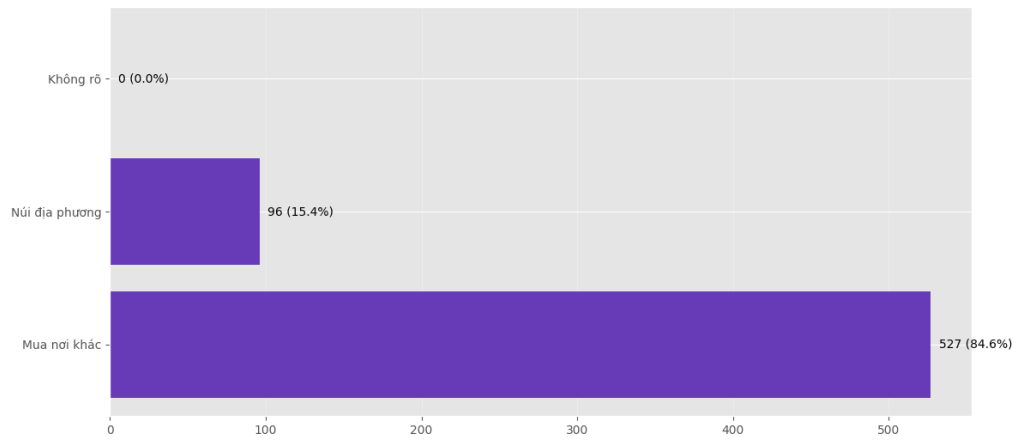
17. Sản phẩm nào được sản xuất nhiều hiện nay?
Tổng số phản hồi: 623



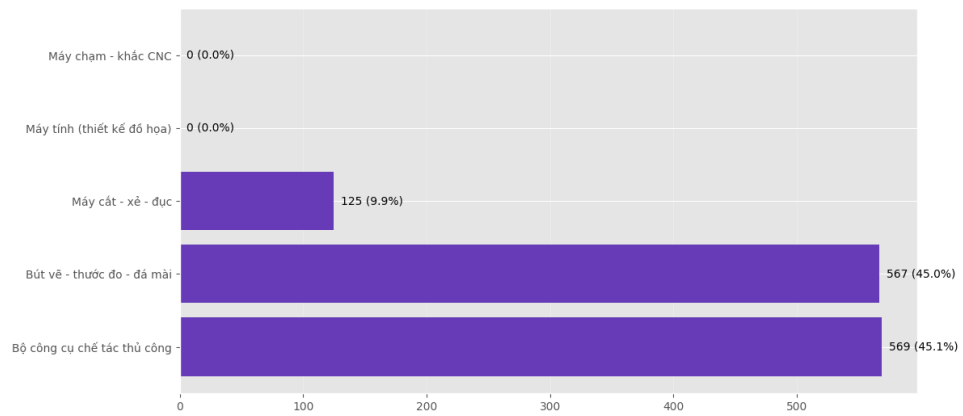
18. Nguồn nguyên liệu đá trước đây đến từ
Tổng số phản hồi: 623



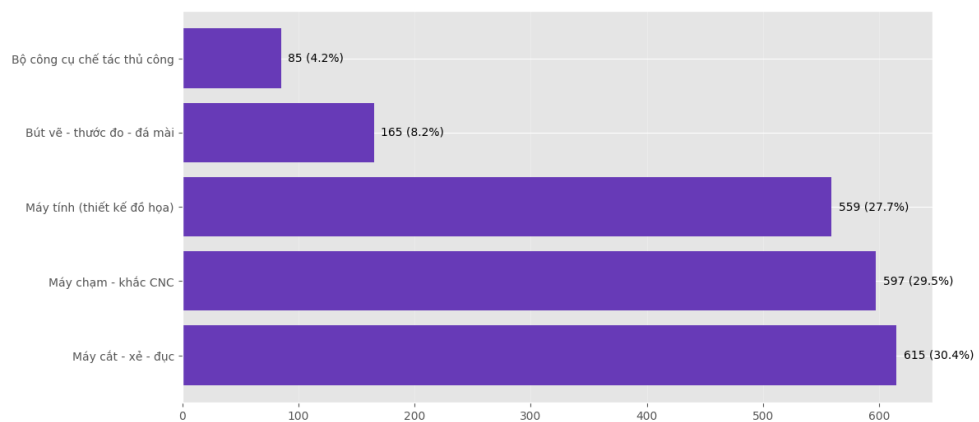
19. Nguồn nguyên liệu đá hiện nay đến từ
Tổng số phản hồi: 623



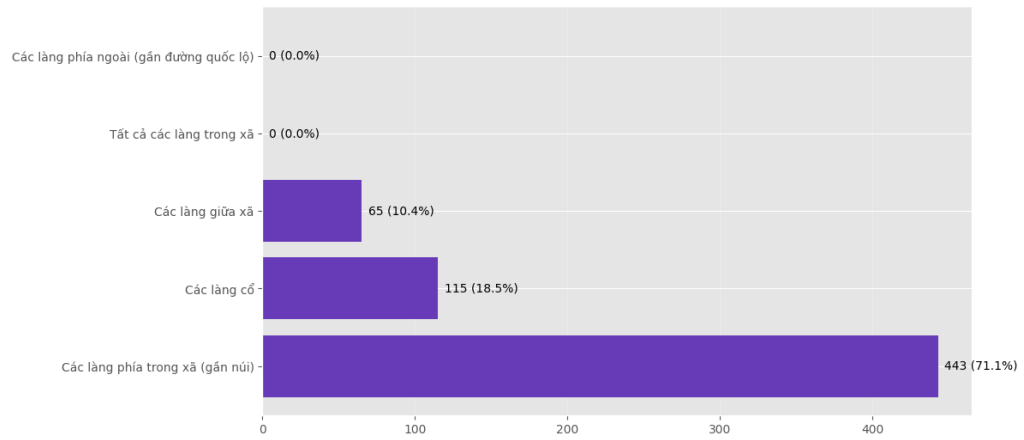
20. Trước đây loại công cụ nào được sử dụng nhiều trong việc chế tác?
Tổng số phản hồi: 623



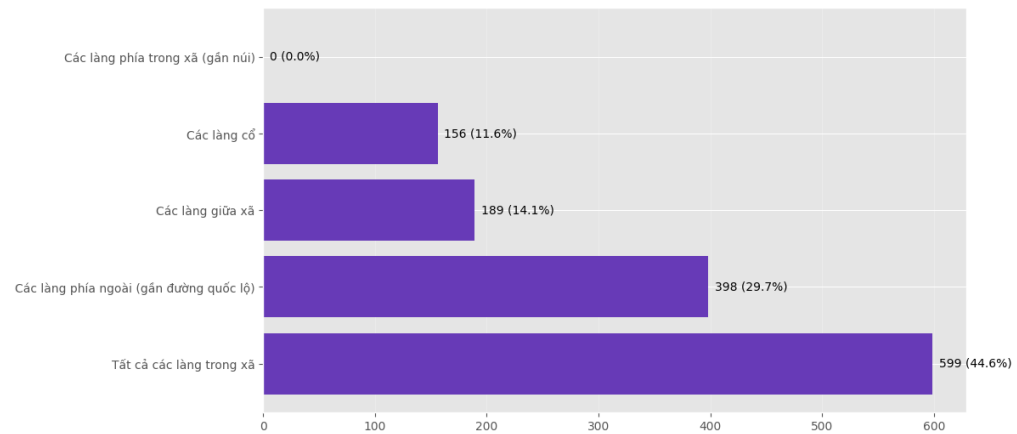
21. Hiện nay loại công cụ nào được sử dụng nhiều trong việc chế tác?
Tổng số phản hồi: 623



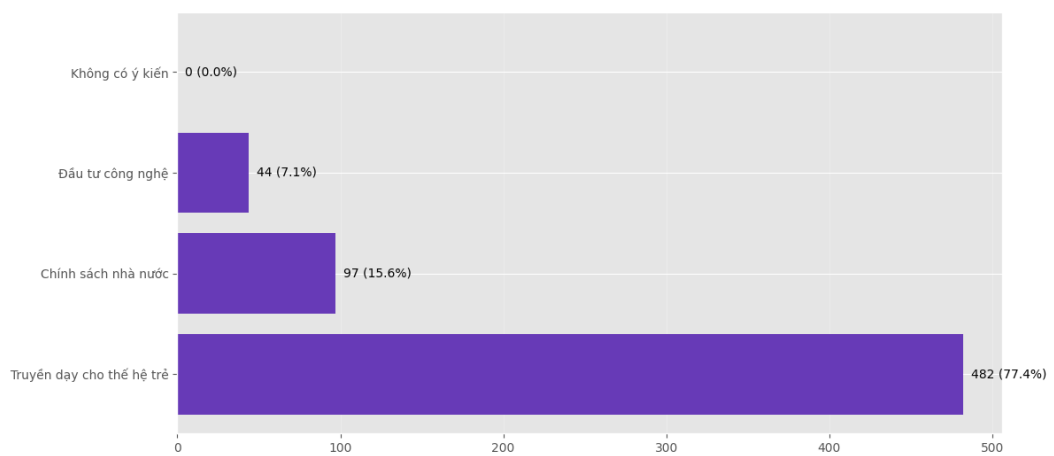
22. Nghề đá trước đây phát triển chính ở khu vực nào?
Tổng số phản hồi: 623



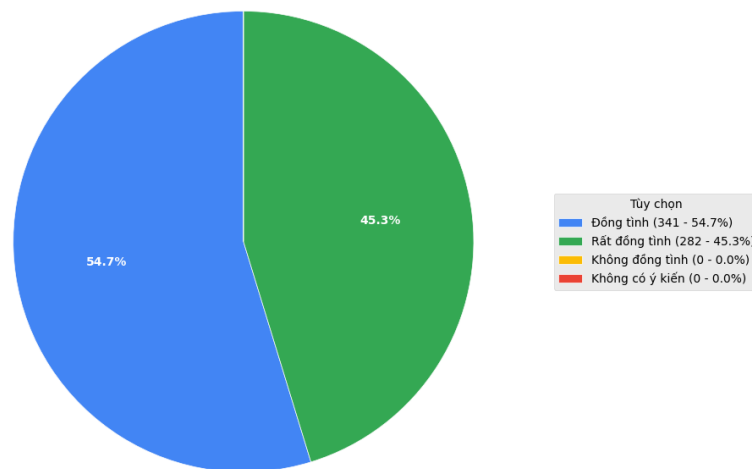
23. Nghề đá hiện nay phát triển chính ở khu vực nào?
Tổng số phản hồi: 623



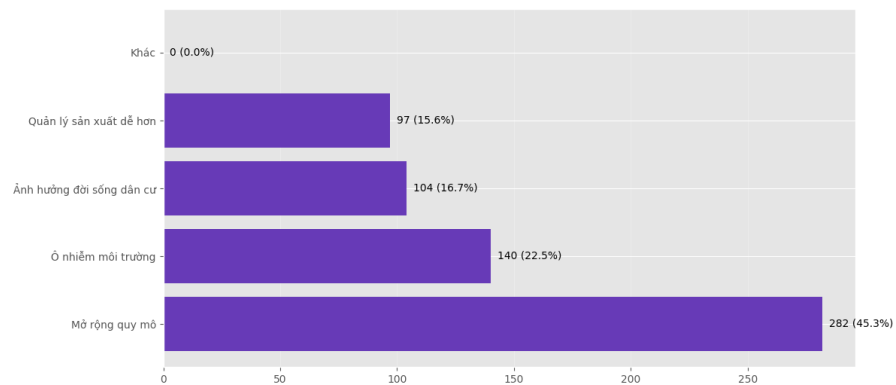
24. Theo Ông/Bà, yếu tố nào giúp giữ nghề truyền thống?
Tổng số phản hồi: 623



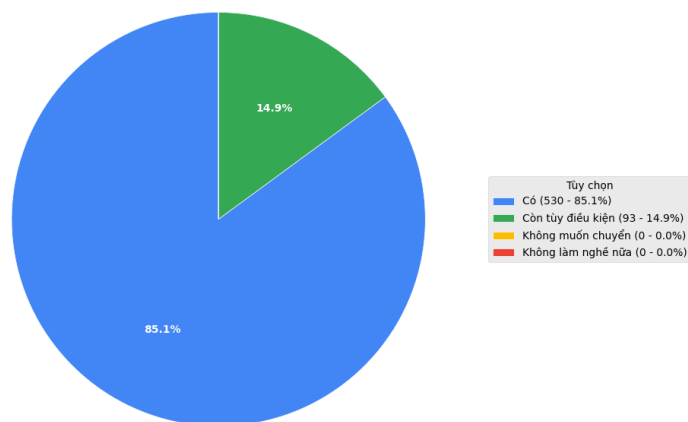
25. Ông/Bà đồng tình với việc dịch chuyển làng nghề ra khu sản xuất tập trung không?
 Tổng số phản hồi: 623



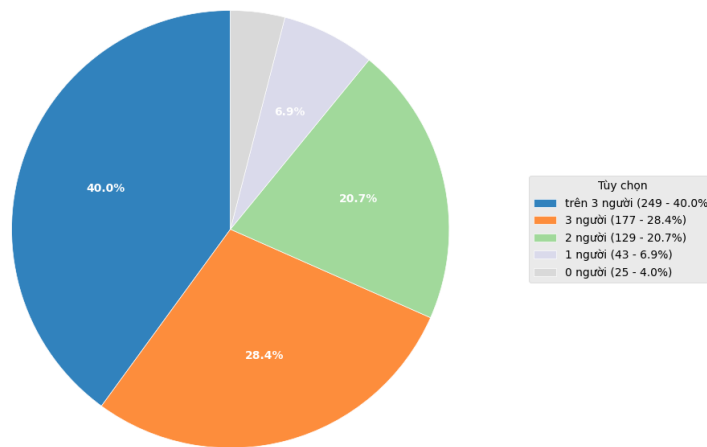
26. Theo Ông/Bà, lý do chính để dịch chuyển làng nghề là gì?
 Tổng số phản hồi: 623



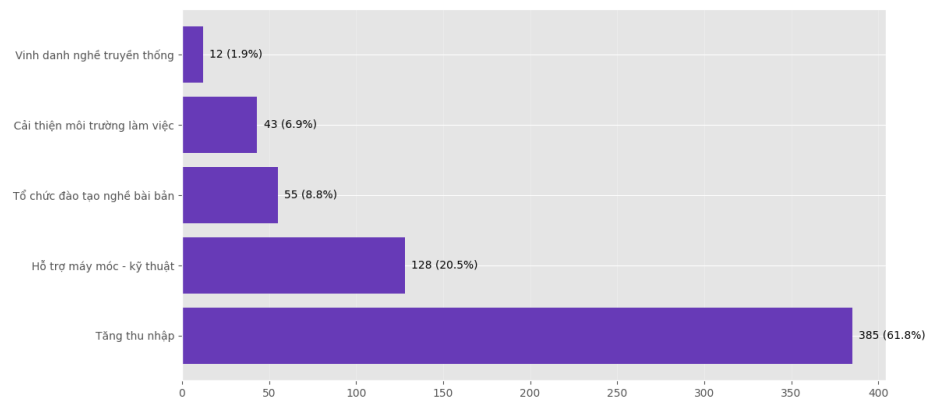
27. Nếu làng nghề bắt buộc phải chuyển đi sang khu quy hoạch mới, Ông/Bà có sẵn sàng chuyển đi?
 Tổng số phản hồi: 623



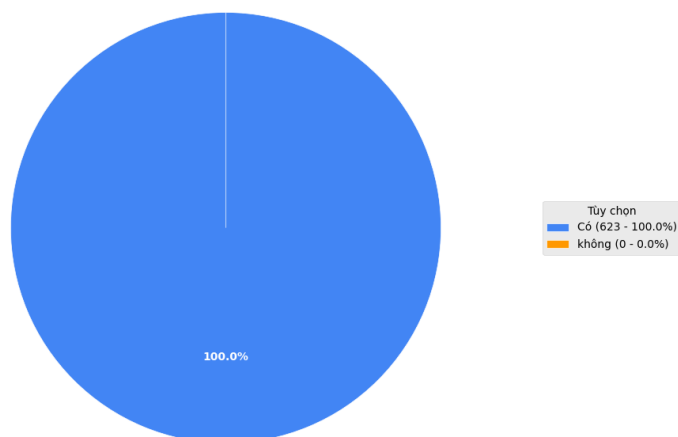
28. Hiện nay trong gia đình Ông/Bà, có bao nhiêu người làm nghề đá?
Tổng số phản hồi: 623



29. Theo Ông/Bà, yếu tố nào giúp giữ chân lao động trẻ gắn bó với nghề đá?
Tổng số phản hồi: 623



30. Ông/Bà có sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa làng nghề?
Tổng số phản hồi: 623



Phụ lục 5

Danh sách người được phỏng vấn sâu và hệ thống câu hỏi phỏng vấn sâu

[Nguồn: NCS lập tháng 02/2024]

6.1. Danh sách người được phỏng vấn sâu

TT	Họ và tên	Địa chỉ
1	PGS.TS. Trần Lâm Biền	Cục Di sản văn hóa
2	GS.TS. Trịnh Sinh	Viện Khảo cổ học Việt Nam
3	TS. Phạm Văn Thắm	Viện Nghiên cứu Hán Nôm
4	Ông Nguyễn Ngọc Tuyên	Chủ tịch xã Ninh Vân
5	Ông Lê Văn Kiên	P.Chủ tịch xã Ninh Vân
6	Ông Phạm Văn Thành	Trưởng Ban VH xã Ninh Vân
7	Bà Phạm Thị Thanh	Cán bộ ban VH xã Ninh Vân
8	Ông Nguyễn Quang Diệu	Trưởng ban quản lý làng nghề
9	Ông Nguyễn Văn Định	Phó ban quản lý làng nghề
10	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phòng Công nghiệp, Sở Công thương tỉnh Ninh Bình
11	Bà Lê Hà Vân	Phòng Di tích, Sở VH-TTDL tỉnh NB
12	Bà Nguyễn Thị Nhẹ	Trưởng ban Tín ngưỡng Làng Xuân Vũ
13	Ông Trần Văn Lương	Làng Hệ
14	Ông Lê Văn Vĩnh	Trưởng thôn Xuân Vũ
15	Ông Nguyễn Hữu Bình	Trưởng thôn Hệ
16	Ông Tạ Văn Thanh	Từ đền làng Xuân Vũ

TT	Họ và tên	Địa chỉ
17	Bà Lê Thị Hồng	Làng Phú Lăng
18	Ông Phạm Văn Hoàn - DN Hoàn Hảo	Làng Xuân Vũ
19	Ông Đỗ Khắc Thái - DN đá Thái Tuyệt	Làng Xuân Vũ
20	Ông Nguyễn Đình Quý - DN Minh Quyền	Làng Hệ
21	Ông Nguyễn Đức Chiến - DN Đức Chiến	Làng Hệ
22	Ông Đinh Tiến Tùng – DN đá Tiến Tùng	Làng Phú Lăng
23	Ông Nguyễn Văn Nam – DN đá Bảo Châu	Làng Đồng Quan
24	Ông Phạm Kim Đô – DN đá Kim Đô	Làng Phú Lăng
25	Ông Nguyễn Văn Vũ – DN đá Hợp Vũ	Làng Xuân Vũ
26	Ông Đỗ Khắc Thư – DN Cơ khí	Làng Xuân Vũ
27	Nghệ nhân Lương Văn Chuyên	Làng Thượng
28	Nghệ nhân Đỗ Đức Tạo	Làng Hệ
29	Nghệ nhân Phạm Văn Hoàn	Làng Xuân Vũ
30	Nghệ nhân Đỗ Khắc Thái	Làng Xuân Vũ
31	Nghệ nhân Đỗ Thị Quyên	Làng Xuân Vũ
32	Nghệ nhân Dương Ngọc Lan	Làng Đồng Quan
33	Nghệ nhân Lương Thừa Vũ	Làng Đồng Quan
34	Ông Đỗ Đình Lê	Làng Hệ
35	Anh Đỗ Đức Ánh	Thợ đá làng Xuân Vũ

TT	Họ và tên	Địa chỉ
36	Anh Đỗ Khắc Thái	Thợ đá làng Hệ
37	Ông Lương Văn Quảng	Thôn Xuân Phúc
38	Chị Trương Văn Tuấn	Thợ đá làng Thượng
39	Chị Nguyễn Thanh Hương	Thợ đá làng Xuân Vũ
40	Nguyễn Văn Hòa	Thợ đá làng Thượng
41	Lê Thị Hồng Hà	Chủ doanh nghiệp tại Hà Nội

6.2. Hệ thống câu hỏi phỏng vấn sâu

1. Xin ông cho biết quan niệm về mái đá, vách đá tự nhiên?
2. Xin ông cho biết về tháp đá ở chùa Thiên động Tháp?
3. Xin ông cho biết về sự xuất hiện của Văn chỉ lộ thiên ở xã Ninh Vân vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20?
4. Xin ông cho biết tại sao trong ba hình tượng hồ lại có một con chân dẫm lên mình con rắn?
5. Xin ông cho biết ý kiến cá nhân về căn nhà đá của công Lương Văn Xiển?
6. Xin ông/bà vui lòng cho biết về sản phẩm của làng Ninh Vân trong truyền thống?
7. Xin ông/bà cho biết đặc điểm về sản phẩm bàn mài xưa của làng nghề?
8. Ông/bà có nhận xét gì về các pho tượng đá ở chùa Thiên động Tháp?
9. Xin ông cho biết ý nghĩa của dấu chân thần in trên đá?
10. Xin ông cho biết về lễ hội Tam thôn xưa?
11. Xin ông cho biết về nghi lễ chính trong lễ hội Tam thôn xưa?
12. Xin ông cho biết về các trò chơi, trò diễn trong lễ hội Tam thôn xưa?
13. Xin ông cho biết về bí quyết nghề và truyền nghề trong truyền thống?
14. Xin ông cho biết về mối quan hệ giữa các cư dân trong làng nghề xưa?

15. Xin ông cho biết mối quan hệ giữa gia đình thợ thủ công và khách hàng trong truyền thống?

16. Xin ông cho biết mối quan hệ giữa các gia đình làm nghề với những gia đình không làm nghề như thế nào?

17. Xin ông cho biết về sự xuất hiện mô hình sản xuất mới?

18. Xin ông cho biết lý do năm 2012 làng Hệ lại xây dựng đền thờ Tổ nghề?

19. Xin ông cho biết về việc lập ban thờ Tổ nghề ở đình làng Xuân Vũ?

20. Xin ông cho biết sự khác nhau giữa sản phẩm xưa và nay?

21. Xin ông cho biết về các sản phẩm mới hiện nay?

22. Xin ông cho biết việc áp dụng máy móc hiện đại vào các khâu sản xuất nào hiện nay?

23. Xin ông cho biết về việc tạo tác các sản phẩm có tính thẩm mỹ?

24. Xin ông cho biết khi làm tượng La Hán, các nghệ nhân đã Việt hóa ở những điểm nào?

25. Xin ông cho biết về tình hình mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm?

26. Xin ông cho biết lý do xây dựng đền thờ Tổ nghề, sự ủng hộ của người dân và các doanh nghiệp như thế nào?

27. Xin ông cho biết ý nghĩa của trò chơi đánh Lậu?

28. Xin ông cho biết về kinh phí tổ chức lễ hội Tam thôn?

29. Xin ông cho biết về kinh phí tổ chức lễ hội Tam thôn?

30. Xin ông cho biết những thay đổi cơ bản trong lễ hội Tam thôn so với trước kia?

31. Xin ông cho biết tại sao dân làng lại quyết định tổ chức lễ giỗ Tổ vào ngày 15/8 âm lịch?

32. Xin ông cho biết những biểu hiện về bí quyết nghề và truyền nghề?

33. Xin ông cho biết về mối quan hệ xã hội ở làng nghề hiện nay?

34. Xin ông cho biết vai trò câu Hiệp hội thủ công làng nghề ở Ninh Vân?

35. Xin ông cho biết về quy hoạch nguyên liệu đá ở Ninh Vân hiện nay?

36. Xin ông cho biết tình hình vay vốn của nhà nước để hỗ trợ làng nghề phát triển?

37. Xin ông cho biết về thị trường hiện nay của các doanh nghiệp trong làng nghề?

38. Xin ông cho biết Hiệp hội đã có chương trình hỗ trợ quảng bá thương hiệu làng nghề như thế nào?

39. Xin ông cho biết ở thời điểm hiện nay, làng nghề cần tuyển các nhân viên có trình độ về kỹ thuật thiết kế và các công việc khác trong quy trình sản xuất như thế nào?